

NGUYỄN VĂN THỌ

# THẬT HUYỀN CẢM

12 TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

YẾU SỐNG  
GỬI ÔNG ĐẠI TÁ CHỜ THƯ  
PHỐ CÙ I  
PHỐ CÙ II  
NHÀ BA HỘ  
LÀNG BÊN SÔNG  
TRONG BÃO TUYẾT  
THẬT LÀ GIẢN ĐƠN  
THẬT HUYỀN CẢM  
MIẾU ÔNG BỒI  
NUỐT SÁCH  
VÔ DANH TRẦN MẠC

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

# Table of Contents

Lời mở sách

Yêu sống

Gửi Ông Đại tá chờ thư

Phố cũ I

Phố cũ II

Nhà ba hộ

Làng bên sông

Trong bão tuyết

Thật là giản đơn

Thất Huyền Cầm

Miếu Ông Bồi

Nuốt sách

Vô danh trận mạc

Mấy lời cuối sách hay Đọc Nguyễn Văn Thọ

I

II

## Lời mở sách

Tôi không được học về âm nhạc, song may mắn có thân phụ chơi được nhiều loại nhạc cụ dân tộc. Nhiều năm, khi ông còn, thường cùng các nghệ sĩ, nhạc sĩ khác đàn, hát, bàn về âm nhạc cổ. Tôi lắng nghe, quan sát tự thấy, phàm cây đàn nào cũng có âm sắc riêng, nhưng những cây đàn nhiều dây thì giàu giọng điệu, sự hoà âm và sắc thái phong phú hơn. Đàn của ta các cụ thường để phím cao và chính vì vậy khi chơi, nghệ nhân tùy theo bài, dùng ngón nhấn nháy ngay ở một phím mà tạo nên nhiều cung bậc khác nhau, giàu có thêm về cao độ, khắc phục *Sự ít dây* khi thể hiện nhiều bản hoà tấu. Tôi nghe nói, từ tích Bá Nha - Tử Kỳ, đàn Thất Huyền Cầm gốc ở phía bắc Trung Hoa, ban đầu có năm dây, sau vua Văn Vương và Võ Vương thêm mỗi người một dây thành bảy. Sao lại không năm dây mà lại thêm sáu rồi bảy? Sách cổ viết, dây thêm vào có tên *Văn huyền* và *Võ huyền*, biểu cảm thêm trạng thái tình cảm của người.

Nhiều đàn dây từ Trung Hoa đưa về ta, tiên nhân thay dây sắt bằng dây tằm từ tơ gai. Tiếng đàn xứ Việt có tiếng nói riêng không giống đàn Trung Hoa. Chốt dây khác, âm sắc đàn cũng khác.

Trong những khách nhạc tới đàn cùng cha tôi, cao thấp khác nhau, nhưng thấy phàm những ai chơi đàn đã lâu, dụng đàn điệu nghệ, được các cụ khen thì mỗi khi đàn cất tiếng, giữa buổi trưa yên ả, dù khi nóng hè hay lúc trời thu mát mẻ, tiếng đàn vọng ra ngoài khu chợ, làm ai cũng muốn nghe, kể cả những người lao động, buôn bán bình dân, vật lộn cả năm với mưa gió ở xóm chợ.

Cuốn văn xuôi thứ tư này của tôi đang nằm trong tay bạn đọc kính yêu, là tập hợp nhiều truyện ngắn, được viết trong một thời

gian nhấ t địn h, ở *nhữn g trạ n g thá i sô ́ n g khá c nhá u*. Tô i cô ́ gắ n g  
thể hiệ n tườ n g cậ u chuyệ n tuỳ ở *tình huô ́ n g đờ i sô ́ n g chuyệ n*. Mộ t  
tình thê ́ đờ i hỏ i chọ n mộ t giố n g kể cho thíc h ọ p. Hy vọ n g, sự thê  
hiệ n này ít nhiê ̀ u bạ n đọ c nhậ n ra, cù n g chia sẻ, đờ n g cậ m. Sá c h đã  
tớ i tay bạ n, tức là đầ n đã cấ t lên rô ̀ i. Nhữ n g âm thanh của bả y sớ i  
dây Thấ t Huyê ̀ n Câ ̀ m đã bay đi. Âm thanh khô n g thể giữ lại. Nó có  
tạ o nê n sự khá c biệ t, để đầ n hoà và o nhá u, theo quy luậ t nhữ n g vò n g  
tròn đờ n g tâm to nhỏ khá c nhá u? Nó liệ u có làm bạ n quên chũ t ít  
nhọ c nhắ ̀ n trong cuộ c sô ́ n g bọ n bê ̀ này khô n g? Nê ́ u có, Thọ tô i  
thực là hậ n h phúc.

*Nguyễn Văn Thọ*

# Yêu sống

*Tặng cha con H*

Sang tháng ba giá rét, một đêm mưa xuân về. Sớm ra vạn vật bừng thức. Nước ở các lạch nhỏ quanh vườn ấm, trong tới lạ thường. Nhiều loài cây, hoa, cỏ bắt ngờ mươn mướt, mơn mớn những mầm non. Khắp nơi phơi phới, dậy lên đầy xuân sắc. Gió cũng hây hây mới. Gió mang theo mùi hương ngan ngát, da diết và rất đổi thân thương của những nụ hoa tinh khôi, những chùm hoa bưởi chớm nở, hoa ngâu, hoa sói lấm tấm, kịp chín sau đêm mưa, hoa cau rắc trắng mặt đất... cả không gian quanh khu vườn tràn ngập sự dịu dàng, đằm thắm của mùa xuân.

Xuân về đẹp vậy, mà ông Thiều không vui. Ông đang bên con chó già nhếch nhác, xơ xác, bắt động. Trong tiếng lộp bộp rớt xuống giữa nhiều tàn lá của những giọt mưa sót đọng lại từ đêm, nghe tiếng người thở dài và tiếng rên nhè nhẹ của con vật ốm. Vâng, ba tháng nay, con Luca của cha con ông Thiều bị ốm. Bắt đầu, chân trái nó cà nhấc. Ông sờ nắn, xoa bóp, tưởng nó bị sai khớp. Nửa tháng qua đi, nó liệt một chân, kê đó liệt tiếp chân còn lại. Đôi mắt tự nhiên chảy nhựa liên tục. Hai tháng nữa trôi qua, nó loà hỏn. "Luca đã mười lăm tuổi. Loại chó Đức về già, đa phần đều rất yếu hai chân sau..." Một bác sĩ, về từ Hà Nội, đã tới khám nó và phán vậy. Loài vật cũng sinh, lão, bệnh, tử! Tới lúc mệnh đã đến rồi! Tuy nghĩ thế, nhưng ông Thiều vẫn hy vọng. Ông không thể cầm lòng khi mỗi sớm, nhìn nó thấy thảm hại hơn. Mỗi khi ông an ủi, con vật ngẩng lên, nghiêng đôi tai to, xưa luôn giương cao, giờ đã rũ xuống, lắng nghe và để đáp lại nó thè lưỡi liếm láp bàn tay người.

Hôm ấy là thứ bảy. Mọi lần con trai ông đã tới khu vườn thăm bố và ở đó qua chủ nhật trò chuyện với ông, chơi với Luca. Vậy mà hôm nay, đã chiều rồi, con ông vẫn không đến. Gọi điện, nó bảo, con bận quá. Bận lắm! Chúng nó hôm nay, các vụ làm ăn để *tiền để ra tiền* gởi nhau, quay như chong chóng. Ông tới bên con chó, hôm nay bạn mày không về thăm chúng ta đâu. Không biết mày có qua nổi tuần này không? Ba ngày chỉ liếm cháo, con chó già lết tới cạnh ông già và dừng lại. Ông Thiệu vuốt lưng nó, cù nhẹ vào đám lông dưới cổ. Con chó nả m đồ vật ra, thở. Nó dúi mõm vào bàn tay đầy gân xanh của ông, để lại những vết ướt âm ỉm. "Thôi, cố dậy mà ăn cho tao đỡ lo. Cứ nả m thế là chết thôi. Mày đau lắm hả? Tao chẳng thể giúp gì mày được. Có thằng bạn chết tiết giúp mày được thì tuần này chắc không lại rồi. Tao cũng già rồi, mọi thứ chán hết, mà vẫn cố sống đây. Người ta phải cố lên chứ, ai lại cứ nả m bết mãi thế này? Dậy đi, Luca!" Con chó ngược mắt lên nhìn ông già, trong chiều dần tắt, mặt trời là một khối đỏ ối chậm chậm chìm sau những trảng lá màu đen, những tia sáng yếu ớt, mong manh hồng chầm chậm soi vào đôi mắt chó. Đôi mắt không còn hai tròng đen tuyền và long lanh nữa! Hai hốc mờ, đục luôn luôn nhều ra một dòng nhựa, ướt bết cả những đám lông ở cổ. Và, từ đám nhựa sền sệt, dùng đục trong đôi mắt kia, lúc chiều tàn ấy ứa tràn ra một dòng nước trong vắt. Luca khóc!

Ông Thiệu thở thọt.

Con người ta, ai chẳng có thời tráng niên để vùng vẫy mà yêu sống. Luca của ông cũng và đã một thời, thời ấy gắn bó với ông, với khu vườn này. Hơn chục năm đã trôi qua, bắt đầu từ ngày đổi mới, con ông mua mảnh đất vài ngàn mét vuông. Đất ven sông, nghe nói xưa là dự án nuôi cỏ giống nước ngoài cho bò của nông trường. Chuyên gia rút hết, máy móc hỏng hết, để lại đất toàn cỏ tranh cao ngang thắt lưng người. Khi ấy, ông đã sáu ba tuổi, hai

ngày ốm, ba ngày khoẻ. "Bố về đây trông thợ làm vườn hộ con. Không cần làm gì cả. Không khí trong lành, không như ở Hà Nội chật hẹp, ô nhiễm". Ông cùng con trai đi vòng quanh một lượt mảnh đất mà khi hát một lớp xeng, toàn phù sa nạc. Ai lại để đất đai thế này? Ai lại mặc con cái lúc nó đang bí quá! Hơn mấy chục cây vàng, không phải để mua cái điện trang đầy cỏ, rấn và cóc, muỗi kia mà ngắm. Cái máu lính thông thóc sôi lên. Thế là ông lại tạm xa Hà Nội, ôm chặt hai đứa cháu nội vào lòng rồi *ba-lô vào trận*, vào trang trại. Ban đầu, khu đất chỉ có một cái nhà chằng ra nhà của nông trang để lại. Hoang toàng, cô liêu. Năm đầu tiên, ông thuê nhân công tới phân lô, làm cỏ, trồng cây, đào ao và lạch thoát nước. Sau đó, lãng đãng có người tới làm cỏ, bỏ phân và đánh cây, đa phần thời gian còn lại trong vườn chỉ có ông với tiếng ếch, cóc, nhái, giun, dế i eo suốt đêm. Một người bạn già tới thăm ông, nhìn khu vườn mênh mông, mang tới con chó ba bốn tháng tuổi. Giọng chó nòi, khôn. Đúng rồi, *ra trận* thì không thể đơn độc, phải có đồng đội, phải có bạn. Từ đó ông có thêm Luca. Bao nhiêu năm, Luca trưởng thành, thực sự là một *chàng chó* dũng mãnh. Khu vườn cũng dần thực sự là vườn, đầy cây trái. *Luca tia chớp*, cường tráng, phi như gió, là *chiến binh* cần mẫn và, là bạn. Chiến công thì nhiều, ông Thiệu nhớ nhất chuyện, đêm ấy từ phố qua đường mòn trong vườn về nhà. Không có Luca, ông đã bị con rấn hồ dài hơn hai mét, nặng tới ba cân nặng chấn ngang đường mòn phục kích. "Mở nhẹ một phát là *đi tong!*" Luca từ phía sau, bất ngờ xông tới trước, phát hiện ra kẻ thù, gầm gừ, đôi mắt long lên đầy lửa. Mười phút gì đó, cấn vòng, tránh né, hăm dọa, nó lừa miêng, ngoạm ngang cổ địch thủ. Kẻ chiến thắng chồm hai chân lên đống thủ nguy hiểm đã chết, uy quyền, đầy kiêu hãnh, không một tiếng sủa! Thế đấy, thời tráng niên của Luca qua đi, mười lăm năm. Giờ là lúc nó chờ trời tới rước đi!

Thời tráng niên của ông Thiê`u cũng oanh liệt, bi tráng. Nhưng là sự oanh liệt hoàn toàn ý thức chứ không bản năng như Luca. Mười lăm tuổi, xe tăng Pháp quay lại, gâ`m gừ chạy nghiế`n nát đường phố Hà Nội. Ông làm liên lạc cho Tự vệ thành, lúc rìa mép *cậu Thiê`u* lún phún. Chín năm, hành quân, chiế`n dịch, công đò`n! Hoà bình hai ba năm, ông bấ`t ngờ gặp cô bác sĩ có đôi mắ`t to, dịu dàng, đầ`m thắ`m. Trời xe duyên, thành vợ thành chồ`ng. Hai tháng, chưa kịp có con thì lại bí mật nhận lệnh chi viện cho miề`n Nam. Mười tám năm biề`n biệt! Một lâ`n duy nhấ`t, ông ra Bắ`c họp. Về` thăm nhà hai ngày và may mắ`n, vợ ông có mang, sau sinh mụn con trai đầ`u tiên. "Em tên Chung, con đặt tên Thuỷ". Biế`t tin ở chiế`n trường, ông viế`t dặn vợ khi lòng ông: "...nhớ thương em nhiề`u, nhiề`u lắ`m mà không thể viế`t ra lời. Gắ`ng nuôi con, anh biế`t một mình em vắ`t và". Thê` đầ`y, ông chẳng thương thân, chỉ thương vợ. Năm bảy năm, bị thương nặng ở Lộc Ninh, phía tây cửa ngõ Sài Gòn ông ra Bắ`c. Dọc đường, ông thấ`p thỏm, bô`n chồ`n, mong từng cây số một qua nhanh, luôn hỏi xe tới chặ`ng nào. Cuộc đời tàn nhẫn! Ông gặp con mà không bao giờ gặp vợ nữa. Ông hình dung, bom B52 rắ`c đen bầ`u trời và đánh sập gian nhà mỗ cho bệnh nhân. Bao nhiêu là bao nhiêu khát khao khi trở về` chẳng thể có, ông thấ`y cuộc số`ng vô nghĩa thê`. Nhưng ông phải số`ng, và mỗi khi đưa con đưa bàn tay nho nhỏ rờ rẫm những sợi râu bắ`t đầ`u chỏm bạc, lòng ông chọt trào lên hạnh phúc khôn tả. Ông đi qua khó khăn thời bao câ`p, qua bệnh tật vùng dậ` ào ào cùng về`t thương cũ, mới tắ`n công ông. Song khi con người ta dám số`ng và yêu số`ng, chẳng có gì khó khăn hơn một thời bom đạn, mà ở đó đói, rét, bệnh tật, cái chề`t luôn rình rập... Thời gian qua đi, ông về` hưu, thắ`ng Thuỷ đi Nga, trở về`, lắ`y vợ và ông không vò vố một mình nữa khi có cháu nội. Bảy mươi năm tuổi, tớ` chề`t được rô`i! Ông vẫn thường nói thê` mỗi khi trái gió trở trời. Cuộc số`ng câ`n có ý nghĩa! Đầ`y là lí lẽ độc tôn của cả thê` hệ các ông. Cuộc số`ng của ông, chẳng có gì phải ân hận. Bao giờ con cháu



còn cậ n, ông vẫn vui sớ ng, tiế p tục cùng chú Luca trong khu vườn nói trên.

\*\*\*

Hai tuậ n sau, Luca vẫn sớ ng. Nó ít động cựa, biế ng ăn hơn. Buổi sớm thứ bảy, tiế ng xe máy quen thuộc êm êm ở đầ u khu vườn vọng tới. Luca nhò m dậy. Mọi khi, nó đứng lên, vẫ đuôi, lao vút ra. Song giờ đây, Luca không đứng lên chạy ra đón chủ đượ nữa. Và cậ chủ tới. Anh bê trên xe xuớ ng hai chiế c thùng các-tông đầ y ngộn thức ăn, bánh trái, vài cuố n sách mới: "Bớ thông cảm cho con. Tại đây, bớ muớ n tiêu gì thì tiêu. Thiế u gì, ngại đi thì gửi bác Tư hàng xóm ra phớ mua. Bớ thuê phim về mà xem. Hai tuậ n nay công việc ngập cổ. Dự án bắ t đầ u triển khai, sễnh ra là mắ t tiề n tí như chơi!" - "Tiền sư anh! Tôi chả tha thiế t cái gì hế t. Tôi ngủ sớm, dậy sớm, thở hít, dưỡng sinh... đủ cho cuộc sớ ng của tôi rồ i. Còn Luca thì không thể đượ. Anh nhìn nó xem, ai lại mặc nó thể kia. Anh phải có biện pháp gì chứ?" - "Biện pháp gì, đã bảo nó già là phải chế t. Bạn con là bác sĩ thú y giỏi bậc nhấ t Hà Nội mà bó tay thì còn biện pháp gì nữa". Thế anh để nó sớ ng đau đớn quắ n quại thể kia hả! Anh xem, khi cái trại của anh còn là đố ng đấ t chó ia, nó hăng hái cùng thắ ng già này... bữa nào vào, anh chả quắ n quýt với nó. Giờ, anh chề nó hôi thố i, lê lê t, vô dụng! Bạn gì cũng phải vào xem nó ra sao chứ. Hông! May mà tôi còn cụng cựa đượ, chứ nằ m liệt như nó, chắ c anh cũng mặc cha thắ ng già này. Đứa con quay lại nhìn ông, xin bớ đừng nói vậy, đừng suy diễn. "Không, tôi nói thể thôi, để anh có biện pháp ngay với nó!" Người đàn ông trẻ tới bên Luca: "Đứng dậy!" Con chó rướn lên, theo mệnh lệnh cậ chủ mà không đượ. "Liệt rồ i, chắ c đế n giai đoạn này vài tuậ n là tiêu thôi!" Tiêu cái cục cứt. Anh không biế t nó đau đớn lắ m à? Đứa con ngồ i xuớ ng bên con chó. Thực ra, anh là người yêu súc vật. Nhưng quả thực công việc làm ăn cạnh tranh, đầ y bắ t trá c bây giờ buộc

anh quan tâm tới hơn con chó này. Nhưng anh cũng thấy nó đau đớn. Chợt loé lên một ý nghĩ. "Bố này!" Cái gì? "Bên Nga, với những con ngựa sắp chết, để con vật khỏi sự đau đớn, người ta đều cho ngựa chết nhanh." Mày định làm gì? "Nó đã ngã nào cũng chết. Già phải chết! Hay là cho nó chết nhanh?" Cho nó chết nhanh? Ông Thiệu thoáng nghĩ, có nên như vậy không? Cuộc đời, ông chưa khi nào chứng kiến việc ấy cả. *Còn nước còn tát*. Thế hệ ông từ xưa đều nghĩ vậy, và với Luca thì càng không thể như thế. Nhưng rõ ràng, ông cũng thấy Luca sống khổ, sống sờ. Con vật nên không thể như người, tự thân, nhắm mắt nuốt cháo, nhắm mắt nuốt thuốc, tập đi kiên trì hàng tiếng, dưỡng sinh kiên nhẫn hàng ngày, để vượt lên sự sống. Đề xuất của con ông nghe tàn nhẫn quá, nhưng có lẽ đó là giải pháp cuối cùng giúp ông và Luca. Anh định thế nào? Cho nó uống thuốc ngủ hả? Có mang theo không?

"Không! Cẩn gì thuốc ngủ!" Đứa con kéo cái dây da để lôi con chó đi. Luca lom còm bới hai chân trước, hai chân sau để lại vết kéo lê trên mặt đất. Không được làm thế! Ông Thiệu quát. Anh định đi đâu và làm gì? "Bố cứ mang hộ nó ra kia." Đứa con chỉ khoanh đất trước nhà, bên bờ ao mới đào. Ông cúi xuống, đỡ hai chân sau con chó lên. Nó nhìn ông đăm đăm, tha thiết, chưa hiểu điều gì sẽ diễn ra sau đó. Thẳng con đến bên xe máy, lôi ra cái túi bạt dài buộc sau xe. Khẩu súng săn hai nòng, đen, bóng có bóng nâu được gập lại, giờ đây mở chốt hãm, đẩy nòng ra. Đạn ghém chì trong cat-tut giầy nện màu đỏ lấp vào nòng. Đứa con tới bên bố. Ông Thiệu không kịp nghĩ và phản ứng gì. Tới bên, đứa con lại trao súng cho ông: "Bố bắn đi. Quen súng, quen đạn." Ông lúng túng. Tao không thể! Anh nghĩ ra chứ! Ông Thiệu gạt khẩu súng. Đứa con ngẩn ngừ một lát, rồi lại gí súng vào tay ông, nghiêm túc. "Bố giúp con và Luca. Con không quen. Ngoài mặt trận, bố từng kể đã giết bao nhiêu người? Bây giờ một mạng chó!" Ông Thiệu giật bắn mình. Ý nghĩa sâu xa của câu nói vô tình như cái roi quất một đòn lạnh lùng vào trái tim ông. Ông bàng hoàng. Ngó ra trong tích tắc, máu dồn lên mặt và,

bắt ngờ dang thẳng bàn tay đầy gân xanh, tát vào mặt thằng con trai. Tao đã nuôi mày, dạy mày, cho mày ăn học và về khu vườn cô quạnh này vì mày, cô sống quãng đời còn lại vì mày! Vậy mà...

Cái tát trượt, thằng con trẻ nhanh hơn, tránh được.

Con Luca không hiểu gì cả. Nó nằm nghiêng đầu như cô nghe, sao hai con người lại đánh nhau thế kia.

- Biện! Biện ngay cho khuất mắt tao! - Ông già hơn bảy chục tuổi nổi giận với cái máu của người lính năm nào. Ông quay lại nhà, bắt ngờ rút ra cái cán cuốc như sẵn sàng nện đũa con mắ t dạy kia. Tất nhiên, chỉ hăng như vậy thôi, ông không phải là loại người dễ kích động tới mức quên cả tình cha con, dù trong đời, chưa bao giờ bị xúc phạm tới vậy. Giận quá! Nó lại là con mình đẻ ra, chứ đâu phải người dưng nước lã. Bàn tay ông già run rẩy. Ông vút cái cuốc xuống đất. Cấn chặt đôi môi, muốn bật khóc.

Ông vào nhà. Đứa con lạng lẽ theo sau và đứng bên hiên. Sự thể không ngờ. Tất nhiên họ không muốn nói thêm điều gì nữa, bởi lời nói bay ra, sảy ròi, khó có thể giữ lại. Đứa con chợt cảm thấy tên tò, vô duyên. Nó háp háy chào ông, háp táp dắ t xe, nổ máy, vút đi.

Mưa lại lắ c rắ c rơi. Gió chậm mươn man. Không biết mưa nhoe nhoret trên đôi má nhăn nheo hay nước mắ t ông Thiề u?

*Trời ơi, ai ngờ nó đã hiểu ông như vậy, hiểu cả cuộc sống ý nghĩa ngày xưa của các ông giản đơn như vậy! Nhiều người ở thế hệ mới đã chẳng biết gì về cuộc chiến đắ ng đắ ng mà các ông đã đi qua. Họ là người dưng, nói làm gì? Nó là con của ông, giọt máu của ông. Chiến tranh, chề t chóc, đắ y tàn nhẫn, bản thù và đau khổ, nhưng ông và biế t bao người đâu muốn thế? Ông muốn yên hàn để yêu và sống, mưu cắ u hạnh phúc như bao dân tộc*

*khác, mà ông từng tới thăm đất nước của họ. Ai muốn cả tuổi xanh bị tước đoạt, bỏ quên, đánh mất trong những khu rừng nhiệt đới? Cái bà nhà văn Thụy Điển hôm nào đã viết như vậy làm ông trào cả nước mắt. Không hiểu được, ở tận bên kia đại dương, người xa lạ ấy lạ hiểu cho các ông tới thế, vậy mà đưa con của ông... trời ơi!*

Suốt đêm ông gà`n thức trắng.

Cái võng kéo ka kéo kẹt, đong đưa, nhân nha một nhịp buồm, vang đều đều trong khu vườn vốn yên tĩnh tới gà`n sáng.

Tiếng chim chóc rộn rã đón bình minh làm ông bừng thức. Giấc ngủ hơn hai tiếng giúp ông Thiệu nguôi ngoai đi việc tối qua. Như mọi sớm, ông nhìn ngay tới chỗ Luca nằm. Không thấy Luca. Trên đất để lại vết lết của con chó. Nó đâu? Ông Thiệu chồm dậy.

Khi ấy, mưa dày hơn, rơi nhanh trong những luồng nắng, tựa hồ như triệu hạt thủy tinh lung linh, lấp lánh rắc trên cây cỏ, mặt đất. Con Luca mặc mưa, trườn lùì và cách nó chừng sáu mét có con chó cái vàng tơ, kệ nước mưa sũng sũng, rùng rùng rõ từ khắp thân, trần trần xối máu cảnh giác nhìn ông. Ê! Bọn mày rủ rê nhau, mò ra đây lúc nào vậy? Vốn tinh nhạy, ông Thiệu hiểu. Con Luca đã đẩy đĩa thức ăn sau bao nhiêu lâu, từ hiên nhà ra tận nơi con chó cái lạc loài run rẩy, không dám tới bên nhà kia? Thôi, chúng mày cứ ở đây nhé. Ông Thiệu quay lại, lên nhà sàn, ra tầm liếp phòng trong, ghé mắt xuống quan sát.

Hai con vật, một cái, một đực, một già sắp chết, một non tơ sắp lại gà`n nhau. Tất nhiên, con vật cũng có những phút ban đầu ngỡ ngàng, thận trọng. Nhưng con chó vàng tơ rất đói, và có thể chính điều đó làm nó liêu`n lĩnh hơn. Nó liếm vừa rất nhanh đĩa cháo, vừa liếm lét nhìn con chó già tàn tật đang nằm, ngông đầu lên, nghiêng nghiêng tai.

Thời gian trôi đi hơn tuầ n. Sớm nào ông cũng đứng sau bức tường ngăn cách giữa ông và hai con vật. Tất nhiên khẩu phầ n ăn đã thay đổi. Ông nậ u com nát, trộn thịt cho cả hai ăn chung. Quan sát, ông mới thấ y sự ghê gớm, khó hiểu của tạo hoá. Điề u gì đã giúp Luca khoẻ lên trước con chó lạc kia? Thương lắ m, khi Luca bên con chó vàng, liế m láp bạn gái mới khắ p nơi. Và, ngày lại ngày, lông con vàng mượt ra, đẩy lên. Đúng là một con chó cái tơ đẹp mã. Nó lạc từ đâu tới? Không câ n biế t! Ông vui, vì nó, chứ không phải ông, đã làm Luca có hồ i sức. Sau ba tuầ n, con chó vàng đã quen hơi với người, tự nguyện ngủ bên con Luca, ngay ở thê m nhà, sát nơi ông ngủ. Sau đó, *vàng tơ* không hề chạy trố n khi ông tới gầ n để ve vuố t. "Ta sẽ huấ n luyện mi như Luca dũng cảm. Ở lại đây với ta nhé, *nàng vàng!*" Ông tùm tùm, hóm hình nhìn, khi con Luca điề m nhiên liế m bộ lông của bạn gái, còn *vàng tơ* đứng im phăng phắ c.

Có một buổi, hai con chó đùa nhau ra sau nhà. Luca muố n chồ m lên lưng cô bạn gái mà không được. Bản năng của Luca bá t tử, nhưng hai chân sau của Luca bá t lực. Con chó vàng lại thản nhiên đứng, xoay xoay mông. Không được! Luca tẽn tò mãi, để cuố i cùng chùng mệt nhoài, nó ngửa ra trên mặt đấ t rít lên rắ t thảm thiế t. Ông bật cười. Những tia nắ ng cuố i của chiề u úa tàn, trên ngàn lá, trong gió lá p láy như giễu cợt.

"Vê` đây mà xem Luca khoẻ lên. Tôi tha cho anh!" Ông Thiề u không cắ t máy hay im lặng nữa, vui vẻ trả lời điện thoại con. Bớ oi ! Con không vê` được, xin bớ tha thứ cho con. Con đang ở miề n Nam. Hai ba tháng nữa, con ra... Ông Thiề u đặt máy xuố ng. Vui và buồ n. Hai trạng thái đan xen ở một tâm hồ n vô n hay xúc động.

Hai tháng trôi qua là tới hè. Nhãn, vải, bưởi, hồ ng, v.v... bá t đầ u kế t trái. Con ông vẫn chưa ra Bắ c. Trời chuyển nóng. Có ngày cực oi ả. Vợ nó theo lời chồ ng dặn, mang hai đứa cháu nội vào thăm ông dày hơn. Mỗi lâ n chúng vào khu vườn như dụ nắ ng. Khu vườn rộn

lên. Chiề u buông, bọn trẻ về Hà Nội. Khu vườn lại đầ y tiế ng côn trùng và yên tĩnh lạ lùng. Nhưng ông Thiề u lòng đã vui đi nổi buồ n. Ông nằ m chao trên võng, cảm thấ y khu vườn còn đọng lại đầu đây tiế ng cười khanh khách, giòn tan của hai đứ a trẻ. Rồ i nằ ng dữ dội. Đầ t hằ m hấp bồ c hơi nơi không có tàn cây che phủ. Oi, nằ ng, sương, mưa. Đôi khi đông bão. Một sớm, ông thấ y con vàng không bên con Luca nữa. Ông bật dậy. Linh cảm có chuyện chẳng lành. Ông đi tìm quanh, thấ y nó bên lạch nước. Con *vàng tơ* đang nằ m. Ông tới, nó chẳng buồ n nhảy cẫ ng lên như mọi lầ n. Vàng làm sao? Con chó, mắ t đờ đẫn, trước cái mõm đang thờ đồ c có một đám nhót nhãi lỏn nhỏn, bồ c mùi lộn mứ a. Mày làm sao thề ? Lại ăn bậy, ăn bạ, oặt ra như cái rẻ khoai nứ ng thề này. Ông Thiề u hỏ t hoảng bề nó quay về nhà và đặt bên Luca. Con chó đứ c lế t sát bạn mình và hít khắ p con *vàng tơ*. Dường như Luca phát hiện ra điề u gì và nó rít lên cuồ ng cuồ ng. Đêm, con chó cái không ăn một chút nào, đờ ra. Ông Thiề u hắ p tắ p tra số máy gọi cho bác sĩ, bạn của con. "Nó bị dịch! Hà Nội và vùng ngoại vi đang có dịch, triệu chứng như hiện tượng bác nêu. Chúng cháu chưa có phương pháp điề u trị..." Ông Thiề u bỏ máy, tới bên hai con chó.

Mới có nửa giờ trôi qua mà con chó cái dường như trút hế t sinh lực. Mắ t nhắ m nghiề n. Nằ m nghiề ng, chân co quắ p, như một cái xác không hờ n. Thi thoảng ỏ ã n mình như muồ n trổ i dậy mà chẳng đứ c. Đứ ng khi á y, chuông điện thoại réo. Tiế ng con trai ông từ phi trường gọi về . "Con đã ra Hà Nội. Bồ c có khỏe không?" - "Anh sớm mai vào đây. Con vàng bị ổ m. Chắ c chề t." Còn Luca? Tiế ng con làm ông hình dung ra khuôn mặt lo lắ ng của nó. Vậ ng, sáng mai con sẽ vào thăm bồ . Đứ c, anh vào đây, tôi muồ n có chuyện nói. Máy tắ t. Hai cảm giắ c đan trộn trong ông Thiề u. Ông nhìn đôi chó, tim nhỏ i lên.

Suốt đêm ông Thiệu luôn trở giấc. Ngày mai con ông sẽ tới. Ông sẽ nói gì với con? Thế giới quanh ông luôn thay đổi. Ngày xưa, ông cầm súng và, ông cũng thường ao ước cuộc sống thay đổi, đi lên để con cháu ông chẳng khổ như một thời của các ông. Cuộc sống có nhiều giá trị. Mỗi giá trị được coi trọng, tôn vinh, trở thành ý nghĩa của cuộc sống mới, nảy sinh trong hoàn cảnh sống cụ thể khác biệt của lịch sử. Nhưng sẽ cảm thấy cuộc sống vô lý, vô nghĩa, nếu như người ta không biết tìm thấy sự có lý trong mọi giá trị bằng cái nhìn hiểu biết và chia sẻ, thương yêu. Ông đã già, giờ đây mọi ham muốn vật chất đều vô nghĩa, vớ vẩn. Nhưng ông vẫn sống vì yêu con, chứ không phải ông tham sống. Muốn sống, yêu sống... phải rõ ràng, khi còn cần thiết cho con cái, cháu chắt, bè bạn... Đó là vài điều giản dị ông nghĩ, phải nói cho con, tâm tình...

Sớm mai là ngày lái buôn vào nhận hoa quả. Sau mưa nắng bỗng chộn, đủ đủ rộ chín, hơn tấc bí ngô non cho các nhà hàng! Gà n chực triệu của nó. Phải cố gắng đi vậy!

Trăng đêm ánh tròn, vàng, trong, rục rờ tỏa sáng khắp khu vườn. Suốt đêm con Luca lục sục, nghe rõ tiếng nó thở, tiếng loạt soạt của miếng xốp mà ông kê cho hai con vật bữa nào.

Gà n sáng, con Luca bỗng tru lên thăm thiết. Ông Thiệu choàng tỉnh. Ông bật đèn, quên cả xô dép chạy ra.

Con vàng đã chết. Vàng tơ, bạn gái của Luca, đã chết. Chân duỗi thẳng, cứng queo. Bên mép rỉ ra một dòng máu tím sẫm.

Luca nằm bên buồn rầu liếm láp bộ lông đã xơ xác của Vàng tơ. Những con đực thường không khóc khi đau thương quá! Luca cúi mõm rúc vào bụng bạn chó tìm cái gì đó, không ai hiểu và chính nó không bao giờ còn có thể tìm thấy!

Ông Thiề u rấ t bận trong buổi sớm ấ y. Chôn con vàng bên gồ c hồ ng cách nhà hơn trăm mét, vội đón mấ y người nông dân quanh vùng vào thu hái đu đủ, bọc giấ y và đóng sọt, thu hái bí ngô xanh khắ p xó xinh trong vườn. Tới quá trưa, mọi việc mới van vãn. Chuyề n xe cuồ i cùng vừa rời khỏi vườn thì con ông tới. Luca chẳng thềm mừng cậu chủ. Nó chỉ hơi ngược lên và gục ngay mõm xuồ ng đấ t, khép ngay hồ c mắ t loà.

Đó là một tô i, lâu lấ m hai cha con mới nói chuyện với nhau. Ông nghe là chính. Thắ ng con kể về` đồ ng bắ ng phía Nam, về` mấ y người bạn ông khi nó tới thăm ở Sài Gòn, về` dự định của công ty chúng nó, những việc mà ông Thiề u không mấ y quan tâm lấ m. Ngoài thế` m, Luca khò khè thờ. Tới 9 giờ tô i. Như lệ thường, ông vặ n nhỏ âm thanh tivi cho con ông xem tiế p. Tắ t đèn. Ông ngủ sớm, dậy sớm. Song thực ra, ông Thiề u chỉ đi nắ m mà chưa ngủ. Ông muồ n nói với con ông nhiề u lấ m mà chịu, không biế t bắ t đầ u nói như thế` nào. Trong đêm, ông hình dung ra khuôn mặt của nó. Ông nhớ ra cả hồ i nó còn nhỏ dại. Ông nhớ tới bao người bạn đã gục xuồ ng, những kẻ không biế t một ngày của hoà bình. Ông nghĩ, bây giờ chúng nó đã trưởng thành. Phải lựa lời. Thế` hệ chúng nó bây giờ ghét nói dài. Sẽ bắ t đầ u, trở lại câu chuyện *khẩu súng và cuộc số ng* thế` nào cho nó hiểu? Sẽ nói về` sự yêu số ng của ông, thế` hệ ông ra sao cho đủ ý, ngắ n gọn? Gầ n sáng ông chọp mắ t. Tới khi bừng thức thì mặt trời đã le lói sau những trắ ng lá thấ p phía đông. Như mọi lầ n, ông xuồ ng giường và bước tới bàn trà gầ n nơi Luca nắ m. Ông giậ t mình. Không thấ y Luca đâu nữa. Dậy! Dậy! Luca đâu? Đứa con ông choàng tỉnh. Nó vội vấ xỏ dép, vội vấ nhìn theo tay bớ chỉ. Một vế t trượt kéo dài trên mặt đấ t rời khỏi ổ ấ m của con vật.

Trời ơi! Không thể tin đượ c, Luca loà và liệt đã vượt qua hơn ba trăm mét. Qua đêm, qua sương, qua những bụi gai dứa... tới bên mộ



*vàng tơ.*

Sao mà lại tới đây? Ông chạy thốt lại trước cả con và bé con vật: Luca! Luca! Tiếng người già khàn khàn, thảng thốt, đau đớn thẳm âm trong khu vườn vắng.

Luca mãi thình lạng.

Luca mãi không trả lời.

Luca mãi mãi không ve vẩy đuôi, thè lưỡi liếm, không bao giờ còn trên tay ông những vệt ướt âm ỉm.

\*\*\*

Sớm ấ y, những người cắt cỏ vườn, thấ y hai cha con ông già đắp một nấm đất và tro ng cỏ. Chẳng ai biế t, tại đó, chôn hai con chó só ng hờn nhiên, chề t không ngờ. Hai người đàn ông câm lặng làm việc. Họ yên lặng đứng bên nấm mộ nhỏ vừa đắp, rồi sau đó quay lại ngôi nhà sàn đẹp, tới bên cái ổ ấ m mà hôm nào có đôi chó bên nhau.

*Làng Ngọc Hà - Bình Tuấ t*

# Gửi Ông Đại tá chờ thư

*Viết tặng con gái út*

**T**oản Li năm nay đã chín tuổi. Nó đã được người ta, những người Đức lớn tuổi, gọi là Maedchen<sup>(1)</sup>. Mới hôm nào bé tẹo, thế mà nay nó đã lên lớp Ba. Tôi lớn rồi! Nó nói thế nhưng vẫn giữ thói quen, niềm say mê của nó là nghe đọc truyện trước khi đi ngủ. Vậy mà bố chẳng đọc cuốn sách ấy cho nó nghe. Mỗi tối, mẹ nó kể những câu chuyện mà nó đã thuộc lòng. Những chuyện trong hơn chục cuốn sách có tranh chị nó gửi sang từ Việt Nam.

Chiều nay từ trường về, Toản chợt nhớ tới cuốn sách bố nó vẫn đọc. Tại sao mình không xem bố đọc gì? Nó tự hỏi rồi đi tới giá sách của bố. Phải bực ghê mới với được cuốn sách. Không có một cái hình nào cả. Toàn chữ là chữ. Thế mà bố nó đọc suốt? Chẳng có cái hình nào mà tại sao bố nó thích? Nó tự hỏi và về phòng của mình.

Tám giờ tối bố nó mới về. Nó đón cửa bố mẹ. Ngoài trời có mưa tuyền. Nhìn rõ tuyết trắng nhẹ bay khắp mọi nơi giống như cả khu nhà nó được nhốt trong chiếc máy quay kẹo bông ở chợ trời thị xã cuối tuần. Nước mưa ướt sũng áo khoác cả hai người. Nó ôm chặt lấy cổ mẹ rồi nắm tay bố. Toàn áp má nóng hổi vào đôi môi lạnh toát của hai người. Nụ hôn của nó làm cả hai người lớn khi nào cũng run rẩy.

- Hôm nay có bài học ở nhà không? - Bố cởi áo mưa, bế nó lên và bao giờ cũng hỏi như vậy.

\*\*\*

Ăn cơm xong, Toàn lấy cuốn vở làm bài tập ở Hort<sup>(2)</sup>, những bài tính, tập viết tiếng Đức cho bố xem. Nó đưa tiếp cuốn vở tập viết tiếng Việt. Trong khi mẹ nó rửa bát, bố ngồi nắn nót viết những dòng chữ tiếng Việt cho nó tập viết, tập đọc.

- Bố đọc truyện gì lâu thế? - Toàn chợt nhớ tới cuốn sách của bố.

- Cuốn nào? Bố có những mấy chục cuốn sách!

- Kia kìa! - Toàn chỉ cuốn sách mà nó đã để lại vị trí cũ.

Bố nó cười:

- Con hỏi làm gì?

- Nó chẳng có cái hình nào cả!

Người cha cúi xuống đưa con gái. Ông xoa đầu nó và dịu dàng:

- Đây là *Đại tá chờ thư!*<sup>(3)</sup> - Ông suy nghĩ một lát rồi nói tiếp:

- Con biết không, ông ta mong một lá thư. Lâu lắm mà thư chưa tới. Như ông nội ngày xưa mong thư con ấy!

- Wer ist Đại tá? - Toàn Li hỏi.

- Con hãy nói với bố bằng tiếng Việt! Bố nói rồi, chúng ta phải nói tiếng mẹ đẻ ở nhà.

- Ja! Con hiểu. Đại tá là ai? - Toàn Li ôm lấy cổ bố.

- Đó là một người lính già.

- Như ông nội hả, papa? - Con bé rướn đôi mắt lên.

- Đúng rồi, như ông nội!

Như ông nội ư? Toàn nhíu đôi lông mày thưa, nhưng đen nhanh nhánh như mun và nhún vai.

Toàn ngồ i thừ ra bên bàn. Nó lại nhún vai. Nó chột nghĩ tới ông nội ở Việt Nam. "Toàn yêu ông nội!" Đã bao lâu nó nói như vậy qua điện thoại. Thực ra, nó muốn nói nhiều nữa, nhưng không biết diễn đạt thế nào. Cha nó vẫn nhắc, con phải học tốt tiếng Việt. Đây là tiếng mẹ đẻ của chúng ta. Đây là Quê hương, đây là Tổ quốc. Lại nói, muốn nói chuyện với ông con phải nói thạo tiếng mẹ đẻ. Nhưng ông nội mất hai năm nay rồi. Tự nhiên mất nó rơm rớm nước mắt.

Thực ra, Toàn không hiểu tất cả điều bố nó nói. Nó chỉ biết ở xa lắm, trên cái bản đồ tròn như trái bóng kia, nơi từ đây muốn tới Việt Nam phải vượt qua biết bao nhiêu đất và biển; ở chỗ cong cong kia, xanh xanh kia, có ông nó, chị nó và nhiều người thân của nó. Về Việt Nam, nơi mà bố nó hay nhắc tới từ Quê hương kèm theo ấy, nơi xa ời là xa, lâu ời là lâu mới tới được, nó có nhiều người họ hàng, nói theo người Đức gọi là *Than thờ!* Nhưng chỉ có ông nội là nó thích nhất, nhớ nhất. Thích nhất vì ông chơi với nó lâu nhất. Ông lại đánh đàn rất hay, vẽ hình nó cũng rất đẹp. Nó thích nhất, vì ông nội vẽ nó cười rất tươi. Khi bố vẽ nó thì chưa thấy cười bao giờ. Thực ra, nó còn điều bí mật lý thú nữa với ông nội, đây là khi nó cũng được gọi là họa sĩ như ông, sau bữa nó khoe ông những bức tranh nó vẽ ở lớp học vẽ bên Đức đem về tặng chị và các bác nó. Chuyện này cũng hơi dích dắc một chút. Đầu tiên nó không hiểu ý ông lắm, khi ông nói nó là họa sĩ. Rồi ông nhắc lại cái từ ấy bằng tiếng Pháp, lại cả tiếng Anh và giải thích rất cụ thể cái từ ấy bằng chính tiếng Việt. Khoái thực, nó nghĩ, ông mới thực sự coi nó là người lớn! Nó lại nhớ tới trước khi ông mất, bố mẹ nó ngồ i khóc. Sau đó, bố nó hay ngồi đọc lại những lá thư của ông viết cho cả nhà. Cả những lá thư mà ông nội dành riêng cho nó. Nó hỏi vì sao? Mẹ nó

bảo, ông nội mong muốn con học giỏi. "Phải giỏi cả tiếng Việt nữa!" Toàn nói. Thực ra đây là nó nhắc lại lời của bố nó hay nói. Toàn nhớ lại, khi ông còn sống, mẹ nó thường nhắc: "Con thành thạo tiếng Việt, viết thư cho ông." - "Ông nội mong thư con à?" - "Ông nội mong thư con lắm. Nhưng con phải viết bằng tiếng Việt Nam." Mẹ nó nói. "Con sẽ viết bằng tiếng Việt Nam cho ông." Nó bảo.

Thực ra, Toàn Li phải rất cố gắng, bởi như vậy nó phải học liền hai thứ tiếng. Hàng ngày ngoài những bài học của lớp, mỗi tuần ba buổi mẹ nó kèm nó tiếng Việt. Nó học cũng nhanh tiến bộ. Chỉ sau hai năm nó đã viết được nhiều câu giản đơn. Nhưng thực buồn, viết được tiếng Việt thì ông nội nó chết rồi. Như vậy ở Việt Nam không có ai chờ thư nó nữa. Chị nó thì rất bận, lại chỉ thích nghe điện thoại nên chẳng cần viết thư.

Năm ngoái, nó còn không biết *chết* là gì. Nó mang điếu ếu tới hỏi cô giáo của nó. Bà Nikol dẫn nó ra vườn trường bên lớp học. Đây là hôm có một con cánh cam bị lũ kiến tha lê trên thảm cỏ. Con cánh cam có đôi cánh màu óng ánh rất đẹp, mới bữa nào bay vù vù chuyề n trong rặng táo đầy hoa màu hồng tím. Thế mà bây giờ cánh cam co rúm chân và không cử động để lũ kiến đông vô kể tha kéo. Bà giáo chỉ con cánh cam và bảo: *Chết* là như thế này!

*Chết* là như thế này! Bọn trẻ nhìn con cánh cam như lần đầu nhìn thấy nó. Toàn Li ngó i thụp xuống bên cạnh đàn kiến. Lũ kiến khéo léo kéo con cánh cam qua những đọt cỏ. *Chết* tức là *không bay, không cử động* nữa và tệ nhất là bị lũ kiến bâu vào cắn xé. Trong lòng nó bỗng có sự liên tưởng và trào lên sự xúc cảm ghê gớm. Ai cũng nghĩ là sau đó vì nó thương con cánh cam, nên khóc cả giờ sau gó c táo đỏ cuố i vườn. Không ai biết là nó đâu chỉ thương con cánh cam? Nó nghĩ tới ông nội nó ở Việt Nam cũng không cử động, nằ m yên cho lũ kiến bâu vào khênh đi. Bọn kiến sẽ cắn ông

đau lắ m. Nó đã một lâ`n bị kiế`n cắ`n trong vườn cây của nhà mẫu giáo hồ`i nào, nên nó biế`t điề`u â`y. Nó tưởng tượng ra cái vườn sau nhà ông ở Việt Nam và ông nó nắ`m trên cỏ....

Chỉ tới buổi tô`i â`y, trong câu chuyện lộn xộn mà nó kể cho mẹ, mẹ nó mới hiểu sự liên hệ của nó từ cái chề`t của con cánh cam và ông nội. Mẹ nó phải giải thích mãi, rằ`ng ông nội chề`t nhưng không bị kiế`n khê`nh đi. Ông mãi mãi nắ`m yên trong một cái hòm trong lòng đấ`t. Mẹ nó bảo vậy. Như thế`, chắ`c ông nội chẳng còn chơi các trò chơi gì nữa, và dưới đấ`t thì lạnh lắ`m. Nhìn kìa, tuyế`t rơi và sẽ tan ra thấ`m nước xuô`ng đấ`t! Toàn thương ông nội! Nó thồ`t lên với mẹ nó trong câu chuyện của hai mẹ con. Tắ`t nhiên, bây giờ nó đã hiểu, nế`u nó về` Việt Nam ông nội sẽ không còn nữa. Ông nội không còn nữa, tức là không còn người chơi với nó. Không có người lắ`y hai cái đũa gõ lên những cái bát đựng chút nước, phát lên tiế`ng kêu lanh canh khác nhau. Vui tai lắ`m! Ngày nào, theo bô` nó nói, ông luôn mong thư nó. Ông chề`t rô`i, ngủ mãi dưới đấ`t biế`t đâu mà mong thư nó? Toàn nhìn qua cửa sổ, đường sá, những nóc nhà, mặt đấ`t phủ trắ`ng tuyế`t! Dưới đấ`t lạnh, không đèn, không bàn ghê` và bút vẽ... Chúng ta sẽ đắ`p thêm đấ`t lên ngôi mộ của con cánh cam chiề`u nay! Đắ`y là ý kiế`n của nó nói với Monika, đứ`a bạn thân ngồ`i kề` bên vào giờ giải lao đầ`u tiên của buổi học hôm sau.

Câu chuyện có như vậy thôi mà đôi khi trong giờ chơi, mỗi khi ra vườn trường, ai nhắ`c tới lũ kiế`n và con cánh cam xinh đẹp, nó lại rom róm nước mắ`t. Lại một đêm, nó mơ tới ông và sớm ra kể trọn vẹn cuộc gặp gỡ của nó trong giấ`c mơ với mẹ...

\*\*\*

Toàn nắ`m trong chắ`n nghe mẹ nó đọc truyện. Đêm nay mẹ nó đọc lại câu chuyện *Cô gái quàng khăn đỏ*. Nó chọt nhớ tới cuố`n sách của bô`.

- Bô' ơi! - Nó gọi vọng sang phòng bên. Sau hai lần gọi, bô' nó chạy sang.

- Cái gì con, ngủ đi!

- Bô' kể về Ông Đại tá của bô' đi!

- Đại tá nào?

- Đại tá chờ thư như ông nội á' y.

- Hừ! Thôi ngủ đi! - Bô' giục.

- Không, bô' kể đi! - Nó van vi. Khi á' y, ánh mắt nó tha thiết làm sao.

Bô' nó tới, ngò' i xuống bên giường. Bô' xoa đầu nó, kéo chăn lên cao hơn che ngực cho nó và thủ thi:

- Có một người lính cụ, một Đại tá, chờ một lá thư suốt bao nhiêu là bao nhiêu năm. Ngày lại ngày! Con hiểu không?

Đứa trẻ chớp mắt, gật đầu. Giọng người bô' thực trầm, á' m áp:

- Nhưng mãi chả có ai viết cho ông á' y. Ông ta là một người tốt. Một người già, tốt như ông nội. Thôi, ngủ đi nhé!

- Bô' kể nữa đi! Ông á' y vẫn chờ thư à? - Toàn rướn cổ lên khỏi chăn.

- Bây giờ vẫn chờ thư! - Mắt bô' nó tự nhiên hơi buồn.

Toàn tung chăn ôm lấy cổ bô'. "Bô' ơi, bô' đừng buồn. Rồi lá thư á' y sẽ tới!" Toàn ôm lấy cổ bô' nó. Người bô' ôm nhẹ lấy nó và đỡ nó xuống giường. "Con hãy ngủ đi!"

Toản nhắ m mắ t. Nó phải ngủ theo lời bô nói. Nhưng thực ra nó không ngủ được. Nó nghĩ tới Ông Đại tá của bô nó. Chà, ông ấy khổ nhĩ. Chờ mãi thư, chắ c vì con gái ông ấy lười viế t. Ông ấy có cháu không? Nế u có, tức là nó không ngoan. Sao lại để ông mình chờ lâu thế tới mức để người ta viế t truyện cho nhiề u người biế t. Chắ c ông ấy buồn lắ m. Ông nội chẳng nói một lầ n trên điện thoại là ông sẽ rá t buồn, nế u không biế t tin nó, học ra sao, ăn nhiề u không và ngoan không? Thế mà bây giờ ông nội nó không còn để nó viế t thư cho ông. Ở Việt Nam bây giờ chỉ còn có Ông Đại tá chờ thư thôi. Mà tại sao mình không viế t thư cho ông ấy nhĩ, nế u ông Đại tá ấy như ông nội của nó... Toản nghĩ như vậy nhưng mi mắ t nó đã sập xuố ng trong tiế ng nhạc rá t nhẹ phát ra từ chiế c Sony của mẹ để bên đầ u giường.

\*\*\*

Buổi học sớm ấy bà giáo Nikol nói về những người lính cứu hoả. Nói về đường phố và thị xã nơi nó số ng. Lính cứu hoả thì nó đã nhìn thấ y nhiề u lầ n trên đường. Thế là nó nhìn ra ngoài cửa sổ. Từ đâu bay về đậu trên rặng cây để những bô n con quạ. Con bên trái kêu quà quà, giọng rá t khàn. Hệt như hôm bô nó bị cảm và ho mắ t một tuầ n.

- Toản Li nhìn đi đâu vậy? - Bà Nikol nở một nụ cười và bỗ hời nó.

Toản Li giậ t mình. Trong lớp không được như thế ! Vậy là nó lúng túng.

- Em nghĩ gì thế ? Bà giáo lại hời.

Toản chợt nhớ tới câu chuyện đêm qua với bô nó, thế là nó lập tức kể:



- Thưa cô, ở Việt Nam có một người chờ thư đã rất lâu. Ông ta già như ông nội Toàn.

- Thế thì hãy viết thư cho ông ấy! Còn bây giờ thì quay vào nghe giảng nhé. - Nói xong, bà Nikol lại tiếp tục bài giảng của mình.

Sao không viết thư cho ông ấy nhỉ? Đúng rồi. Mình sẽ viết thư cho ông ấy. Nghĩ như vậy, Toàn Li thấy vui vô cùng và nó bắt đầu lại chú ý nghe tiếp bài giảng của cô giáo.

Ngày học hôm ấy kết thúc đúng giờ như mọi ngày. Chiều, tuy viết đồ xong mau hơn. Con đường phủ trắng một lớp tuyết như bột kem. Toàn đi nhanh về nhà, nó chẳng tha thẩn như mọi khi. Về tới nhà nó lập tức ăn rất nhanh hai lọ sữa chua, chứ không chậm trễ để anh nó phải giục như mọi lần. Xong, nó rón rén vào phòng học, lấy một tờ giấy trắng tinh. Tờ giấy trong hộp giấy mà bà hàng xóm đã tặng nó nhân ngày sinh nhật để tập vẽ. Nó bắt đầu viết.

Có lẽ tới hơn nửa giờ lá thư mới xong. Chữ nó ngay ngắn và đẹp. Thư viết:

*Nước Đức, ngày... tháng...*

*Cháu gửi ông Đại tá chờ thư,*

*Ông Đại tá ơi, cháu là Toàn Li. Cháu viết thư cho ông. Bố cháu bảo ông giống ông nội cháu và đã chờ thư lâu rồi.*

*Ông đừng buồn nhé. Cháu không muốn ông buồn. Ông phải ngoan và phải ăn nhiều! Ông biết không, ông nội cháu rất ngoan. Ông biết đánh đàn và vẽ.*

*Ông có biết đánh đàn như ông nội cháu không? Mùa hè này cháu sẽ cùng với mẹ cháu về Việt Nam chơi. Cháu có được phép đến chơi với ông không?*

*Cháu đang học lớp Hai, ông ạ. Cháu đang học cả tiếng Việt. Bố cháu bảo, phải học tiếng của người Việt Nam. Nói như thế cháu không hiểu. Phải nói là học tiếng của ông nội và ông nữa. Có đúng không?*

Viết tới đây, Toàn không viết được thêm một dòng nào nữa. Nó lại nghĩ tới ông nội. Nó nghĩ về chuyến phép năm nào. Phải rồi, trên cái sân thượng, ông có nhiều cây. Có bông hoa trắng muốt, thơm vô cùng. Tại Đức nó chưa khi nào nó thấy bông hoa giống như thế. Trắng và thơm như thế! Ông nó đã hái vài bông cho vào trà và còn cho nó những năm bông. Toàn đã để mấy đóa hoa trắng muốt, thơm lựng vào cái hộp giấy bé xíu... Nghĩ đến đây Toàn viết thêm được một câu:

*- Ông ơi, ông nội Toàn chết rồi. Ông Đại tá có biết không?*

Viết xong, Toàn Li vẽ một đĩa trẻ cầm hoa đang vậy. Nó tô màu xanh thành một đám mây và cả ông mặt trời đang cười nữa. Tất nhiên nó vẽ nhanh hơn viết, vì nó là họa sĩ cơ mà.

Toàn Li lục tìm chiếc phong bì. Nó nghĩ tới những lá thư mẹ nó viết cho chị nó ở Việt Nam. Nó lục tìm cuốn sách của bố nó và nắn nót viết ngoài phong bì:

To:

*Đại tá*

*Nhà xuất bản X. Phố ... Hà Nội.*

*Việt Nam.*

Nhà xuất bản X là dòng chữ viết trong trang cuối cuốn sách. Đây là nhà ông Đại tá, bởi nó đọc thấy dòng chữ sau cuốn sách ghi rõ số nhà. Nó tùm tùm cười như thể phát hiện được điều gì mới lạ.

Nó có những ba chiếc tem. Nó tìm một con tem có hình con cá vàng rất đẹp và nhấm nước bọt, rồi dán tem như những lần mẹ nó đã làm.

Vài phút sau nó đã đứng bên hộp thư thị xã ở ngay ngã ba sát nhà nó. Nó ngấn ngừ một lát, rồi nhón chân thả thư vào thùng.

Tôi đó, nó không hề nói với ai về sự việc trên. Đây là điều bí mật!

Cũng đêm ấy, nó mơ một giấc mơ rất đẹp. Nó bay lên cùng với lá thư của nó. Nó nhìn thấy ông nội ngồì cười cười hiên từ. Râu ông bạc như tuyết và hình như từ đó phát ra nhiều tiếng kêu rất vui tai. Nó lại nhìn thấy một người nữa đang chuyện trò với ông nó. Nó hỏi: Ông có phải là Ông Đại tá chờ thư không? Nó đưa lá thư của nó đã viết. Không phải là thư. Trên tay nó là muôn vàn con bướm nhỏ đủ màu sắc, muôn vàn con cánh cam biêng biếc xanh, và khi nó xoè bàn tay nhỏ xíu ra, những vật đáng yêu bay lên và đậu xuống vai ông già kia. Thế rồi tất cả lại biến ảo, nhòa dần, rồi lại tụ lại rõ nét như những hình trong ống kính vạn hoa. Nó cười nắc nẻ...

\*\*\*

Ông giám đốc Nhà xuất bản X tại Hà Nội, theo cái địa chỉ mà Toàn Li đề trên bì thư, chưa già lắm nhưng hay ngáp vì mệt mỏi. Ông mệt vì phải ký rất nhiều và trên bàn ông bày rất nhiều bản thảo của biết bao thi sĩ và văn sĩ.

Sớm nay, cô văn thư chuyên lên vài tài liệu. Những công văn chỉ thị của các cơ quan, và thư của cộng tác viên ở xa. Lá thư phong bì rất đẹp dán tem nước ngoài làm ông chú ý. Ông bóc lá thư ấy và đọc. Ông giám đốc đọc mấy lần mà chẳng thể hiểu được nội dung của lá thư này. Một đứa trẻ nào nghịch ngợm đây? Rõ ràng là một đứa trẻ! Nét chữ và lời thư thực hoàn toàn khó hiểu. Không biết nó gửi

cho ông *Đại tá* nào? ở đây làm gì có *Đại tá*! Hay là người gửi nhầm với ai ở cánh quân đội. Lại không ghi họ tên thế này!

Không bận tâm tới trò vớ vẩn! Trên bàn biết bao tập thơ và tập truyện đang chờ ông! Ông định ném lá thư vào sọt rác, nhưng cơn mệt mỏi làm ông ngáp, thế là lá thư tuột khỏi tay ông, rơi trên mặt bàn, cạnh đống bản thảo ngổn ngộn. Ông giám đốc đứng dậy, vươn vai những ba cái và ra khỏi phòng đi xuống tầng một. Vớ vẩn! Vớ vẩn quá! Vớ vẩn như biết bao bài thơ trường phái *bí hiểm* mà bố ông cũng không hiểu nổi. Ông nghĩ như vậy và dắt xe ra khỏi cơ quan. Có lẽ phải đi làm một vài bia với ông thi sĩ K. Giờ này chắc hẳn có nhà.

Khi ấy, trên căn phòng ông giám đốc có làn gió thổi thốc vào. Gió thổi tung lá thư của Toàn Li. Nó bay lên, ban đầu chấp chới tựa như cánh bướm; sau đó vượt qua hàng xếp bản thảo, bay qua cả những chõng sách đã xuất bản. Lá thư thuận gió theo đà bay qua cửa sổ, ngược lên vượt trên ngọn sấu cao vút đến tầng tư ngôi nhà và bất chợt cuồn lên cao mãi, cao mãi cho tới khi từ mặt đất nhìn lên, chỉ thấy một điểm nhỏ xíu lẫn vào với nền trời xanh vô biên...

# Phố cũ I

Tôi tên là Hương. Năm qua, tôi tròn mười sáu tuổi.

Tôi là đứa con gái nhan sắc bình thường, học bình thường, hạnh kiểm bình thường. Tôi không có tài lẻ như bè bạn cùng lứa. Ví dụ như con Diệp, quê Thành Nam, đã xinh lại nói chuyện có duyên và viết hai truyện ngắn được đăng trên báo Hoa Học Trò, như thằng Trình *mũi đở*, người làng Cổ Nhuế, nhảy Disco rất giỏi, lại có giọng hát mơn man hết siêu sao Lam Trường, để khỏi đứa con gái ngấm nó dăm dăm! Tôi bình thường! Một cô gái bình thường ở phố Hàng Đào, nhưng không hề xúc cảm với giọng hát như thế. Tôi tự đánh giá như vậy, cách đây ba năm, từ khi 13 tuổi.

Tuổi mười ba, hồi ấy, khi người ta từ con trẻ vụt biến thành thiếu nữ, buộc phải soi gương nhiều hơn trong tủn và bắt đầu lơ mơ ý thức nghiêm túc hơn về mình. Theo tôi, đây là một ngày đặc biệt! Một ngày như dẫu mờ loang đỏ, mờ đóng lên làn da trắng muốt của người con gái. Thú thực, ban đầu tôi rất sợ hãi, bất ngờ về sự kiện này. Cả ngày chờ mẹ, lòng dạ bồng rút. Hết như khi ta xem phim, thấy người nung đỏ sắ t, xèo xèo đóng vào bắp thịt con vật sắ p cho xuấ t xưởng. Tôi chỉ trấn an được khi mẹ tôi trở về. Đúng hơn là khi nói rõ niề m kinh sợ ấy và cảm thấy đỡ sợ khi mẹ ôm tôi vào lòng, lúc da thịt bà còn sực mùi ngan và hành tỏi. Bà bảo: "Trời sinh ra như vậy! Con đừng sợ!" Nói rồi, bà lại ôm chặt tôi hơn. Khi ấy, tôi không hiểu được, vì sao má t mẹ tôi vừa chợt long lanh như hân hoan đón điề u gì, lại vụt tắt, và bà khóc. Mãi cho tới sau này, khi tôi đã qua tuổi mười sáu, trải qua bao sự kiện, tôi mới dần nhận ra ý nghĩa của những cử chỉ ấy. Nó là niề m hoan lạc của mẹ thấy con mình đã lớn, là sự lo lắng của mẹ trước bước đi vào đời

của con, của kiếp người, như mẹ tôi đã trải qua: "Đời làm đàn bà, dầu có hạnh phúc nhưng vất vả lắm, con ạ!"

Tôi tin ở bà, như tất cả những đứa trẻ tin ở mẹ. Lại nữa là, theo thời gian, việc ấy đều đặn trong từng tháng. Vội lại trong nhà, mẹ tôi là người có tri thức nhất, dù cha tôi hơn mẹ tôi những bốn tuổi. Ông từng có bốn năm chiến đấu ngoài mặt trận. Sự từng trải ở chiến trường, trong rừng, những câu chuyện của ông giữa đạn bom, giờ đây theo mẹ tôi chẳng còn hữu dụng. Tính cả là ông đã hai lần bị thương, tôi vẫn đánh giá mẹ tôi cao hơn. Hơn nữa, học lực cha tôi chỉ hết 10, mẹ tôi học văn Đại học Sư phạm. Đáng nói hơn nữa, sự sống của bà thực kiên nhẫn, quyết liệt, từ khi phải đứng mũi chịu sào, lo toan cho bốn miệng ăn. Điều ấy hiển nhiên, cha tôi cũng công nhận. Nhất là, khi đồng lương không đủ sống, buộc bỏ nghề dạy học, mẹ trở thành *bà bán bún ngan* khi bà nội tôi mất. "Không thể để mất nơi kinh doanh đã nhiều đời nay, nơi kiếm nôi cơm, miếng thịt của cả nhà ta!" Bà nội trở ỉ trắng. Vâng, từ đó mẹ tôi kế tục nghề bà tôi. Còn cha, *hưu trí một cục*, trở thành người phụ giúp. Ông trông giữ xe máy của thực khách, khi mẹ tôi chan, xóc bún, thái, xé, pha và nếm từ bốn giờ sớm tới tận tối ỉ mịt, đánh vật với các món thịt chặt và xé, tiệt canh, xào măng, hoàn thành xuất sắc vai trò *bà bán bún ngan gia truyền* nổi tiếng khắp phố cổ. Điều mẹ nói ra là sự trấn an tôi, nhưng biểu lộ lo lắng của bà cũng là sự dự báo để tôi có thể, dù lơ mơ, nhận ra điều tất yếu phải tới. Điều ấy, dầu là không rõ ràng, còn bao hàm một sự bí mật nào đó, để tôi suy nghĩ và chợt loé lên một câu hỏi, rằng tại sao tôi không phải đàn ông để thoát khỏi sự đau khổ mà chỉ đàn bà gánh chịu? Và cũng từ đó, tôi tự căm tiệt tôi tằm truồng cùng với thằng Tâm mới 12 tuổi cùng nhà. Nó ở tận cùng xóm, phòng cạnh cái hồ xí thùng, người luôn ám mùi ẩm thấp rất khó tả. Nó rất tẻ. Hình như cứ chờ lúc tôi đi tằm là chạy ra cầm cái xô vục nước hồ ỉ hả, làm tôi không thể kết thúc nhanh công việc vệ sinh, giặt, tằm. Tẻ hơn nữa, nó cứ nhảy

tung tung, nhơn nhơn cạnh bể nước để con cu nó cũng tung tung bật theo, cô ý dùng cái lò-xo ấy vẩy nước bừa bãi vào tôi.

Sự phản ứng của tôi, bất ngờ từ ý thức biết mình là đàn bà, chứ không xuất phát từ một cảm giác nào trước hành vi của thằng oắt Tâm. Bởi vì hình hài của nó chẳng hề làm tôi suy nghĩ. Nó quá quen thuộc với tôi từ bao năm nay. Cũng như khi tất cả mọi người trong xóm nhìn thấy mẹ tôi cũng tá m ở đó. Cái quần đen ướt nhượt kéo lên ngang ngực, nước trắng xóa oà oà xô i xuống, không che hết đôi cặp vú còn mảy, ngằn như ngó cấn của bà. Điều ấy, cũng tự nhiên giống như cha tôi và nhiều người đàn ông cũng tá m ở đó. Sự tự nhiên của cả xóm, đôi khi, ông mặc quần đùi trắng tá m thì cũng giống như không mặc gì. Thậm chí họ, khi đã là đàn ông, được quyên tự nhiên thay quần giữa ánh thiên thanh. Họ chả thèm quay mặt đi. Tự nhiên kì, móc, giới nước qua cặp chun quần đùi được kéo rộng ra. Tự nhiên gãi xoắn xoay tới mức tiếng gãi vọng lên cả cửa sổ tôi ngồi học.

Sự hồn nhiên sống của cả xóm tôi như vậy làm tôi không thể trách giận thằng Tâm. Điều ấy cũng giống như bọn con Hoài, con Thư, con Linh trong ngõ cứ thơ thối cặp đùi nơi bể nước. Những cặp đùi cong, gầy hay mũm mĩm của chúng, vẫn là đùi vế của thiếu nữ. Sự hồn nhiên sống của cả xóm để cho chú Minh Kha, người có quây sửa đồ ở lò i vào, nói: "Việc quái gì phải đi Đò Sơn để ngắm vú, ngắm đùi!" Thú thực, ban đầu tôi không tin lời thằng Tâm, rằng chính chú Minh Kha nói câu ấy. Bởi vì, lúc vắng khách, có lần chú còn đọc cho tôi nghe nhiều câu thơ, mà chú khoe đây là *Dòng thi ca mạnh dạn cách tân*. Tôi không tin tâm hồn của một thi sĩ lại chứa chấp lời lẽ dung tục như vậy. Tâm hồn của người đã đề ra những câu như: "*Hồn phôi liêu xiêu/ Em đi/ vàng bên đờ...*" Nhưng một lần chú lại đọc: *chúng tôi đây một loài thi sĩ/ yêu bả ãng thơ, ấy bậy bả ãng mô m*, thì tôi hiểu, thằng Tâm không nói ngoa.

Và, những điều đại loại như thế, cùng năm tháng chung đụng, quen thuộc quá, để không ai bận tâm về các hình ảnh như trên.

Tôi nhớ lại, nơi bề tấp, nó là chỗ duy nhất, nơi có luồng sáng duy nhất, trong ngôi nhà như cái ống dài ngoẵng của chúng tôi, chứa 13 căn hộ. Thứ ánh sáng thực sự là ánh sáng, khác hẳn các gian phòng, hốc hẻm, nơi hơn sáu chục người chui rúc, luôn có thứ ánh sáng nhập nhoạng, nhom nhóp. Ngày chẳng ra ngày, đêm chẳng ra đêm! Vâng, tôi chỉ đáng khiêm nhường và không có điều gì tự hào, dẫu là tôi đã ý thức mình là thiếp nữ.

Nhưng con người ta nhất quyết phải có điều gì để mà sĩ diện. Giống như hiệu đồng hồ trước ngõ, tuy quây hàng chỉ nửa mét và hàng hóa, đồ lè, công xưởng trói gọn trong lòng kính cũng hãnh diện đề chữ hiệu: *Minh Kha chữa đồng hồ gia truyền*. (Tôi xin mách, rằng chú vừa khoe hai loại *cạc-vi-dít*. Một, in dòng chữ *Minh Kha, chữa đồng hồ gia truyền*. Hai, đề: *Thi sĩ tự do Minh Kha*. Sao cái thứ hai không đề *Minh Kha thi sĩ gia truyền*? Như thế hợp lí hơn, vì nghe nói, bác chú ngày xưa chuyên bóc mộ dưới Văn Điển, cũng làm thơ!) Bên kia đường có hiệu đồng hồ *Nữ trang gia truyền*. Cũng như hôm nào đó, cha tôi lẳng lẳng lấy sơn đen bôi lên tường ngõ hẹp bên kia đường, nơi mẹ tôi bán bún ngan dòng chữ: *Bún ngan gia truyền*!

*Phố cổ gia truyền, hàng quán gia truyền*! Cả nước bằng hiệu *gia truyền* lây lan như bệnh cúm không có nước tỏi nào chữa trị. Niềm tự hào tưởng như vĩnh cửu, bây giờ có dịp mọc toé lên như nấm tháng ba.

Chính vì thế, tôi nhất quyết tìm ra sự tự hào ở bên ngoài bản thân tôi ra. Đó là lòng kiêu hãnh của đứa con Hà Nội, về nơi tôi sinh ra, lớn lên. Mới tuấn vừa qua đây, tôi đã thể hiện điều ấy trong trại hè lần thứ nhất của học sinh trường tôi tại Huế. Một thằng con



trao kếm tôi nhữg hai tuổi, từ miê`n Nam ra - tuy nó để đưòng ngòig  
giũa và nhuộm một nhúm tóc vàng, nhưng với lũ con gái lớp 11A  
chúng tôi thì nó còn *thò lò mũi xanh* lắm - đã phải trợn mắt khi  
nghe tôi kể về` khu phố` và ngòig nhà tôi ở. Tất nhiên tôi không thể  
kể với nó tất cả. Tôi nói với nó, rằng Hà Nội có ba sáu phố` phường  
là điề`u ai cũng biế`t. Tôi bảo nó, rằng chị ở số`ng trong Phố` Cổ,  
nhà chị trong Phố` Cổ, bôn năm đời nhà chị ở Phố` Cổ. "Vậy chị là  
người Hà Nội gố`c?" Nó hỏi. Ừ, chị là người Hà Nội gố`c! Tôi vênh  
mặt lên, thổi phù lộn tóc vương trên trán. Thực ra, khi trả lời câu hỏi  
ấ`y, tôi có nghĩ tới ngòig nhà hình ô`ng của chúng tôi. Nhưng không  
nên nói kỹ về` ngòig nhà, vì thắ`ng *ngòig giữa* ấ`y chưa từng số`ng,  
không thể hình dung nổi! Và lại, *tô`t đẹp phố` ra, xấ`u xa đậy lại*, chắ`nh  
lại kể cả về` cái chuồ`ng xí công cộng cạnh nhà thắ`ng oấ`t con  
Tâm. Cái chuồ`ng xí luôn rỉ từ vách tường ra thứ nước đen tanh lờm  
lờm và chàn chạt đắ`m bọt lỏm nhỏm trên nề`n xi-mắ`ng vào ngày quá  
nóng hay mưa nhiề`u! Tôi kể cho nó nghe về` khu phố` nuốm nượ`p  
người đi. Dây phố` hàng hoá như ném cớ`i! Đưòng phố` đầ`y nhữg  
biể`n hiệ`u, quắ`ng cáo lắm màu, lắm tá`m kính trong như pha-lê, mà  
bắ`t cứ người nhà quê nào lên đây cũng phải đặt chân tới, dù họ  
chắ`ng mua bán gì ở đó. Nó hiệ`n diệ`n trong tâm tưởng của người Hà  
Nội chúng tôi, bên nhữg địa danh quen thuộc như Bờ Hồ`, cầ`u Thê  
Húc, Ô` Quan Chườ`ng, cầ`u Long Biên, chợ Đồ`ng Xuân hay đại loại  
cái gì đó thuộc về` lịch sử cổ kính của Hà Nội. Thú thực, khi đó tôi  
chợt nhớ tới gian phòng của mình. Tôi nhớ tới cái ô`ng nước cụt ở  
ngay trên nóc nhà tôi. Cái ô`ng nước ấ`y không hiể`u sao lại sắ`t trên  
nóc nhà và bị cụt. Theo như cha tôi dự đố`án, ngòig nhà này đã đưọc  
sửa chữa rắ`t nhiề`u lầ`n và bị chia cắ`t thành nhiề`u nhà nhỏ qua  
nhiề`u thay đố`i của lịch sử, thời gian. Đoạn ô`ng nước ấ`y có thể dẫn  
tới buồ`ng tá`m nào đó của quá khứ chắ`ng? Còn hiệ`n tại, tôi đã nhìn  
thấ`y rắ`t nhiề`u lú`a chuộ`t nhô` đầ`u ra ở ô`ng cụt. Chúng ban đầ`u  
thì rứt rề. Sau, thấ`y tôi không có gì đe đọa, lại bỏ cơm nguộig cho  
chúng ăn ngay trên sàn gổ, chúng lập tức kéo ra một đầ`n. Nhữg con

chuột mọt lông và những con chuột lù xù xơ xác. Có một lầ n, còn roi ra ba bô n con chuột còn đở hỏn. Tôi đoán, đó là nơi cư trú một tập đoàn chuột, một dòng họ chuột. Ngay đêm ấy, tôi nằ m mơ thấ y được số ng trong nhà mình, hít thở thứ không khí mười sáu năm qua, để lúc tỉnh dậy, chợt muố n quay về` lập tức với mẹ.

Trong giấ c mơ, tôi đã mơ thấ y cái phòng duy nhấ t của gia đình tôi. Cái phòng xưa lát gỗ đen nhánh, rộng gầ n chín mét vuông. Thời mở cửa, người ta thi nhau lên tâ ng và sửa nhà, cha tôi đã thuê thợ tháo gỗ ra bán và lát thay vào đó những viên đá hoa mát lạnh. Tiề n bán gỗ, lát đá thừa ra, mua đủ nửa cái tủ lạnh cũ. Mẹ tôi bù tiề n. Tủ đem về` không biế t kê vào đâu. Cha tôi dùng cái ròng rọc treo tủ lạnh lên cao, sát nóc nhà và mỗi khi câ n lầ y tiế t đánh tiế t canh, các thứ đồ` ượp, gia giảm của món "*bún ngan gia truyề n*", lại phải hạ tủ xuố ng bằ ng ròng rọc. Khi đó, nhà tôi vang lên tiế ng rin rít của những bánh xe khô dầ u. Tôi nhận ra, đúng ba giờ chiề u, khu nhà tôi yên tĩnh tới mức có thể nghe thấ y tiế ng bước chân rỏn rỏn của bà già mù cũng tên Hương, số ng ở tâ ng nóc nhà tôi. Mỗi khi muố n lên đầ y, tôi phải vòng sang ngõ hẹp bên cạnh, chui qua cái cửa rấ t thấ p mà người ta đờ n rằ ng, đó là cái lỗ mà tự vệ thủ đô đã đục thông các nhà để gìn giữ từng mét đấ t Hà Nội. Rồ i ngày nào cũng vậy, đúng ba giờ gì đó, tôi nghe tiế ng nước chảy lóc róc. Có một lầ n, tôi đã chạy thố c tháo sang nhà bà già mù ấy để nhận ra, tiế ng lóc róc nhất gừng kia, phát ra khi bà trong tư thế` lưng cong, chân giạng ra, hơi cúi xuố ng, đứng ở chỗ hiên chìa ra chùng hai gang. Cạnh đó, chỗ bà khom khom lưng, chú Long đặt hai cái bế p dầ u. Mặc dầ u không nhìn rõ tá t cả, tôi đoán bà đang làm việc gì và cảm thấ y xấ u hổ vô cùng. Tôi đã khám phá ra *tiế ng nước rơi bí mật* kia! Sau đó, tôi vẫn không hề` thiế u tôn trọng bà. Trong ngôi nhà này, ngoài mẹ tôi ra, bà Hương mù loà` ấy hiểu và yêu thương tôi nhấ t. Bằ ng chứng là tôi còn tá m ảnh bà bế` tôi hờ i bé xiu, và tới tận hôm nay, vẫn ôm ấp, vuố t ve tôi mà kể về` khu phố` khi còn

cha mẹ bà. Một khu phố hiên lạnh, yên tĩnh không chật hẹp như hôm nay và đầy những món ăn tuy không có biển *gia truyền*, nhưng nhiều cảm dỗ của người Tàu. Bà mù nhưng khéo. Bà lấy bột nếp rây nhỏ, hòa nước, tráng bánh, rồi phơi trên cái nóc nhà sát bên cửa sổ. Lúc trời se se, lạnh lạnh, bà sai tôi quạt hồng than trong cái hộp sắt cũ có in hình bà đầm Pháp. Bà gọi nó là bánh Mị Châu. Bánh Mị Châu dẻo, lại trong trắng. Khi có hơi than nóng, chọt hồng lớn bắt ngờ và có sắc hồng phớt như khuôn mặt thiếu nữ đang xuân. Nó thơm tinh khiết, để lại vị ngọt hậu rất lâu trong họng. Nhất là khi nhấm nó, chiêu một ngụm nước với ướp hoa cúc vàng, hãm sẵn trong chiếc ấm tích cổ của bà. Tôi ngửi ăn bánh Mị Châu để bà lần sờ bàn tay trên da mặt tôi: "Cháu bà xinh ra rồi đấy!" Xinh ra rồi đấy! Nghe lời khen, tôi bỗng hít vào thật mạnh và thở ra. Tôi cảm thấy đôi vú như nú quả cau của tôi cũng thở hít và ngựa ngựa đung vào làn áo mỏng. Sau đấy, bà lần tới bên cửa sổ, với cái thanh tre già nâu màu thời gian, kê lên đùi làm phách và hát. Tôi không thích lắm điệu hát ấy. Lũ con gái chúng tôi thuộc lòng bài hát *If you had my love*<sup>(1)</sup> nhanh hơn tất cả các bài hát của bà Hương. Nhưng tôi vẫn nhận ra bà Hương có giọng hay và rất rõ lời. Đôi khi bà Hương không hát. Bà lấy cái máy nhạc cũ bỏ băng cassette vào, rồi lim dim đôi mắt loà để thưởng thức "*giọng ca của cụ Quách Thị Hồ, người ca nữ còn sót lại, độc nhất vô nhị!*" ấy là theo lời bà Hương. Tôi không hiểu *Thời Quân Thượng Thiếu*<sup>(2)</sup> có ý nghĩa thế nào. Cũng không hề biết thưởng thức, bà Hồ hát hay tới đâu mà bà Hương vẫn ghen ngào mỗi lần nghe lại. Một bữa, trong tiếng mưa giọt giọt rơi trên mái tôn, trong khí lạnh chầm chậm như sương khói lùa qua khe cửa chiếu đông, bà Hương bật băng nhạc ấy lên và hỏi: "Cháu có nghe thấy gì ở trên cao không?" Không! Tôi nói. Cháu không nghe thấy ư? Đâu phải tiếng hát bình thường, chỉ có bốn nhạc khí và ba người thổi, mà là cả dàn thanh âm giao nhau của trời đất đấy! Tôi lắng nghe lời có đoạn: *Đàn ai một*

tiếng Dương Tranh<sup>(3)</sup>, chỉ thấy nao nao. Nhưng bà Hương cứ nhất quyết bảo, rằng đó là tiếng thân nữ từ cao thăm thăm dội tới. Có thật không, ở gian nhà thoáng thoáng hơi rêu ẩm mốc của bà? Tôi không hiểu thứ nhạc cổ ấy lắm. Tôi tìm đọc sách báo thấy người ta viết, đó là thứ nhạc nhã xa-lông, quý tộc! Quý tộc nào? Bà Hương là người dân dã. Mà nếu có thứ nghệ thuật cho mọi đẳng cấp thì tất là siêu cao rồi. Lại nữa, tôi thêm tin điều bà Hương tin, khi nhìn vào đôi mắt như hai lỗ đé của bà. Hai lỗ đé khô khô c, giờ đây vắt ứa ra hai giọt trong vắt. Và có phải chăng vì thế, sau lần ấy, khi nghe lại vài lần bài hát bà Hương yêu quý, tôi cảm nhận có điều gì đó, dấu là sự cảm nhận còn mơ hồ, lảng đãng, trong tiếng đàn nhân nháy, đôi khi dậm dẳng hoà với tiếng dòn của sênh, của phách giòn giã, là tiếng cao hơn, nhẹ hơn, dầy dặn hơn, tiếng hát rât tròn trịa rõ ràng của *bà ca kĩ đệ nhất*. Tôi cũng nhắm mắt. Lim dim. Mãi rồi cũng tưởng ra non nớt trên cao lắm có thanh âm rộn ràng nào đó làm tôi lảng đãng bay lên, bay lên cao vút... Từ đó, tôi cho là, những làn điệu cổ xưa kia không hề chứa đựng nỗi sâu thẳm. Nó chứa chắt điều gì, cất giâu, mang linh hồn nào đó, xa lác trên cao của riêng bà, thế hệ bà. Những cảm xúc ấy không chỉ từ lời ca, làn điệu của đàn, phách và sênh, nó dường như cộng hưởng, thăng hoa, bởi tiếng rơi chỉ tôi nghe thấy, khi những giọt nhựa trong suốt tự hai lỗ đé kia vắt ra, rớt nhanh, thấm vào sàn gỗ. Có lẽ hai năm năm vừa qua, sàn gỗ nhà bà đen hơn bởi những giọt nhựa ấy chăng? Tôi cũng không thể cắt nghĩa nổi, rằng vì sao tôi có tất cả cảm giác như vậy. Khi ấy, miến bánh Mị Châu ướt thêm nước miến và nước vôi hoa cúc ngọt hơn chăng?

Tôi còn nhớ, có lần bà nói: "Tên Hương là khổ lắm. Bà mong cháu lớn lên không khổ". Bà khổ thì rõ ràng rồi, vì bà mù loà. Mẹ tôi bảo, hai năm năm nay bà Hương già vẫn như thế. Ông Hương mất từ lâu rồi. Bà ở vậy với chú Long và khi chú lấy vợ thì cả hai vợ chồng vẫn ngủ chung với bà trên cái sàn gỗ rộng khoảng tám mét

vuông. Vợ chồng chú Long không có con. Có lần tôi hỏi: "Cô Tuyết có thích trẻ con không?" Cô ấy cười bí hiểm. Bà Hương nghe rõ tôi hỏi mà chẳng bảo gì. Lát sau, bà ghé vào tai tôi thì thầm: "Bà mong có cháu bé lắm. Nó cũng muốn có con, nhưng sợ bà nỡm chật! Khôn nặn! Chật một tẹo có sao đâu! Rộng lòng còn hơn rộng nhà, rộng cửa!" Như vậy mà tôi vẫn thích leo lên nhà đó vào những đêm đông suốt suốt. Mưa lạnh canh gõ lên tấm tôn chìa bên cửa sổ trông xuống bề tấm. Tôi lên. Gõ vào tấm ván trên đầu, rồi gọi: *Vìng ơi, mở cửa ra!* Sớm là bà còn ba người con gái nữa. Cô Diệp, cô Hà và cô Huyền út ít. Gian phòng ấy không đủ chỗ ngủ cho năm mạng người! Cho sáu mạng người từ khi chú Long lấy vợ. Chiều cao của gian phòng không đủ làm cái gác xếp. Ông Hương, ngày còn sống, đã đục xẻ hai bên tường, làm hai rãnh để đỡ những tấm ván tạo một gác lửng cơ động chỉ hình thành vào đêm. Mỗi khi người cuối cùng về muộn, muốn chui lên đây, phải gõ vào một tấm ván và người bên trên tháo nó ra, rồi lại đóng nó lại, mới đủ chỗ cho người thứ ba. Tôi chen giữa các cô, ép thân như lên cá. Để đôi vú còn săn chắc của họ cọ vào lưng. Nghe bà Hương rì rầm nói vọng lên trong bóng tối. *Rằng chúng mày cứ béo trơng xác ra để chật chội nóng nực thế này! Rằng có chó nào nó lấy, cho ế xung ế xia!* Tôi biết đây là khi gian nhà bỗng nóng lên cả trong mùa đông và tôi vội tháo tấm ván chui xuống nồm bên bà, mong bà trở lại hiền hoà như ban ngày và lần mò trong đêm, dúi vào tay tôi miếng kẹo gừng cay cay giòn giòn, rồi bà nói: "Tao đưa con Hương một thửa *Trọng Thủy* để mày ngậm khi tan, rồi xéo ngay khỏi đây cho rộng chỗ!" Những khi ấy, tôi ôm riết bộ xương còm cõi của bà. Tôi biết, bà vì duyên có khác mà mãi yêu tôi. Bà hôn với vợ chồng chú Long. Trong đêm, cô Tuyết, vợ chú ngủ quá say, đã lẫn sang đê đứt cả dây màn của bà. Muỗi vo ve bay vào cả đàn, đốt đỏ cổ chân bà. Tất nhiên là tôi không khóc, khi vuốt ve chỗ muỗi đốt vào sớm hôm sau, lúc bà bôi giấm lên đám nốt đỏ đỏ li ti. Tôi cũng không giận cô Tuyết. Thậm chí cảm thấy thương khi bà Hương giận cô. Thật vậy, người ta có phải

gia súc đâu mà không thấ y khó chịu, cứ phải chen chúc giữa những chiếc màn sần sạt!

Tháng mười một. Mẹ tôi ốm. Tội quá, mẹ tôi ở nhà không ra chợ, vẫn tham công tiể c việc, ngồ i mạng lại đôi tấ t nầu cho cha tôi. Mưa rấ m rút không ngừng rơi và mặt trời lờ mờ ong ong giấ u mình trong những đám mây xám nặng nề trôi ngang thành phố . Gánh bún ngan của mẹ tôi không dám ngừng hoạt động vì sợ mấ t khách. Cha tôi đành mượn cô Công từ làng Lủ ra trợ sức. Tấ t nhiên, mẹ tôi vẫn phải gượng dậy, tra tra, nề m nề m nô i xáo. Tấ t nhiên, không chỉ là nước dùng hay thịt mê m hay cứng. Còn cả kỹ nghệ chan rượu, làm nóng, xóc bún thế nào, ngâm ớt, ướp tỏi, đánh gừng và pha chế nước chấ m ngay trên thực địa, tùy theo khẩu vị quen thuộc của từng mặt khách ra sao. Điề u ấy chỉ có mẹ tôi là thuộc lòng. Tấ t nhiên, vì thế mà mới có hai ngày đã khô i người bỏ đi hàng khác. Tôi phụ giúp cha tôi rửa bát và chỉ chỗ cho khách để xe máy. Việc đang tô i đi như thế thì may sao mẹ tôi gượng dậy, nhưng không bán mượn như trước.

Thứ bảy. Tám giờ tô i. Tôi tới nhà con Vân Hàng Trồ ng mượn vở ghi bài tập vật lý. Tôi rấ t thích ngôi nhà của Vân. Không phải nó rộng rãi, lại vừa lắ p hai tấ m kính sáng choang thay cánh cửa gỗ cũ kỹ. Sự thích thú của tôi từ hồ i còn được bên cha nó. Nhìn người đàn ông có bộ râu đen pha bạc dài tới ngang ngực, bôi bôi, phề t phề t trong xưởng nhỏ sau nhà, in trên những mảnh giấ y mịn, mỏng tang, nhiề u bức tranh ngộ nghĩnh. Nơi ấy, từ khi cha nó mấ t, vấ ng lạng như nhà mô . Hai đứa cười rúc rích và bật nhạc nghe choang choang cũng chả ảnh hưởng tới ai. Bảo yên tĩnh như nhà mô cũng không quá lắ m, vì chẳng ai ngó tới đó, chúng tôi ngồ i học giữa những đờ ng *khuôn tranh không nói* của cha nó để lại. Những bộ khuôn từ khi chủ mấ t đi không còn sơn mực, khô đi và dầ n phủ lớp bụi dày. Nhiề u tấ m dựng sát tường. Mỗi khi mấ t điện, âm bản khắ c gỗ hắ t lên

màu và khô i rất kỳ ảo, rập rờn trong ánh nắng. Những người và thú như ở cõi nào chập chờn hiện về!

Hôm nay nhà Vân không vui. Ông anh nó đòi bán bộ cổ tập khố c gỗ áy để mua một con *A Còng*<sup>(4)</sup>. Nhưng mẹ Vân dứt khoát không nghe. "Bây giờ còn có kẻ cần và người ta ở tận Pháp về *xin chét* mà mẹ không bán đi thì mất cơ hội đấy!" - "Tao để đấy chả thối được! Mà không muốn làm nghề cha mà thì cứ mặc xác nó đấy, cho cha mà yên lành dưới đó!" - "Mẹ tưởng sau này, con cháu nó quay lại cái nghề cổ lỗ sĩ áy à?" Yên lặng một lát, lại nghe: "Rồi chính phủ sẽ có ngày phải mang lọng tới rước những bộ ván này!" "Hực, hực!" Có tiếng cười gằn. "Rước vào mắt! Người ta bỏ cả vài tỉ ra trùng tu ngõ Cấm Chi và biến thành *Phố Cổ ẩm thực* và khô i kẻ vì thế mà có tiền. Hỏi ai đâu tu vài trăm triệu mua bộ ván mục này?" - "Kệ đấy! Tao van mà! Mà để cho tao và những tấm gỗ được yên!" - "Mẹ bảo thủ lắm! Con không làm! Con con sẽ không làm! Cháu con sẽ không làm cái nghề chẳng bao giờ đủ ăn áy của cha!"

Con Vân tiền tôi ra ngõ rơm rớm nước mắt. Nó bảo, sao cái đồ ng ván khố c áy không biến mất đi sau một đêm? Năm nào cũng vài thặng *chi trở* mang vài lão Tây tới hỏi đồ ng ván đen đúa xám xám áy. Năm nào mẹ tao và anh áy cũng cãi vã như vậy.

Buổi tối. Phố phường quanh khu tôi vẫn nhộn nhịp như ban ngày tới khuya. Tôi buồn.

Tôi vòng qua phố Lương Văn Can, vòng qua hai ba cái phố nhỏ mà chẳng biết đi đâu. Thực chất, những phố phường của chúng tôi chẳng còn làng nghề, trừ phố Lò Rèn và Hàng Bạc. Thời gian đã, đang làm thay đổi bao điều theo nhịp sống mới. Đang suy nghĩ miên man tôi chợt thấy bóng cha tôi vội vã rẽ vào một ngách nhỏ. Tôi gọi giật giọng, nhưng có thể tiếng tôi nhỏ, nên ông không nghe

thầy. Không hiểu sao khi ấy tôi bước theo ông. Ngõ quanh quéo lắm lối. Tại đây, không hề có ai quen biết của gia đình tôi. Vậy ông đi đâu? Tới cái ngõ cụt, những nóc nhà liên tiếp vây cá, mờ mờ trong sương khói bảng lảng. Tôi hít hít hộp tiển vào sau cánh cửa, nơi ông vừa biến vào. Ai đã nói với tôi, đây có ba bốn phòng trọ? Tôi vừa định quay về thì từ cánh cửa sổ bên trái vọng ra tiếng nói quen thuộc của cha tôi. Tôi dừng lại. Cửa rá t kín. Bên trái, trên cao có lỗ thông khí. Tôi tìm thấy chiếc ghế thấp bên hiên, kê dưới cái lỗ, bước lên kiểm chân nhìn. Tôi sờ thấy chỉ hai nửa thân người trằn truông nhấp nhô. Tôi thụp xuống tìm đập nhanh. Sự tò mò lại thôi thúc tôi kiểm lên một lát nữa. Lát này, họ đã xoay đi hướng khác. Góc nhìn hẹp, chỉ thấy bốn bàn chân ngọ nguậy liên tục dưới ánh sáng cây đèn ngủ hắt trúng vào đó. Tôi cố mở to mắt. Trời ơi, đây là đôi chân mang đôi tất có vết mạng khác màu của cha tôi. Tôi cố kiểm lên. Không thể nhòm lần được! Chính xác đôi tất tự tay mẹ tôi đã mạng, bả ng chỉ khác màu, hôm mẹ nẵm ở nhà. Tôi bỏ chạy. Tôi khóc nức nở suốt dọc đường về, tận khi leo tới gác, ngã vào lòng mẹ.

Sự việc thực khủng khiếp! Những hình tượng tử tế, vụng về, chân chất nhưng thân thuộc tới đẹp đẽ của cha tôi hoàn toàn đổ sụp. Tôi nức nở, đứt đoạn kể cho mẹ tôi toàn bộ những điều trông thấy. Thú thực, khi đó tôi không chỉ ghê tởm mà còn căm thù cha tôi. Lòng căm thù người này có thể xuất phát từ tình yêu đối với kẻ khác và đó là một điều giản đơn. Tôi được mẹ lau sạch mặt, sau khi để tôi khóc no nê và khi tôi ngược lên, lại thấy khuôn mặt bà vô cảm, hoá đá! Câu chuyện có thể gây nên cú sốc rất lớn với người vợ khác và họ thường quát àm lên như ngỗng, giống cô Yên đánh ghen năm ngoái trong xóm tôi.

Bây giờ, tôi đã có thể hiểu được những lý do tạo nên *khuôn mặt đá* ấy. "Mẹ thương con gái lắm!" Ngoài ra, bà không có biểu hiện, một



tạo nào tỏ ra tự thương lấy bà. Giá như bà khóc! Đôi mắt đẹp của mẹ tôi chẳng hề có một giọt lệ. Nó xa xôi, mơ hồ, mênh mông, khó hiểu. Dường như câu chuyện của tôi không mấy may làm bà cảm thấy dường đột. Có nghĩa là bà đã biết được tất cả chẳng? Tôi ngạc nhiên hơn nữa khi sau đó, bà lầm nhảm, rằng cha tôi còn rất yêu mẹ. Rằng, mẹ còn rất yêu... Tại sao như vậy? Tôi gặng. Mẹ tôi cứ xoa mái tóc của tôi suốt mà không hề nói rõ thêm một chút nào. Tôi đau đớn ngạc nhiên lau nước mắt ngược lên nhìn bà. Suýt nữa tôi chuyển sang cảm thù cả trạng thái ấy của mẹ tôi nữa, nếu tôi không nghe và để m từng tiếng chân quen thuộc của cha tôi, 13 bước, lên nhà. Ông vô tư oang oang cười, nói, tớn tẩy như con chó nhà con Xim đầu gác, nhảy lên chơi chơi, sủa vang, sau khi thoả mãn no nê những miếng xương ngan mẹ tôi thả cho. Chỉ khi thấy hai mẹ con yên lặng, nhìn ông lạ lẫm, ông mới tên tở nằ m xẹp bên góc nhà để nhường chỗ mọi khi của hai chúng tôi.

Đêm ấy, khuya lắm, tôi chợt thức dậy khi nghe tiếng khóc. Sờ sang, thấy bên tôi trống trơn và chợt nhận ra ảnh hình lò mò của mẹ tôi trong vòng tay của cha tôi sát mép tường bên kia.

"Để con biết chuyện này, anh có lỗi!" Tiếng khóc bị lên giờ rúc lên. Tôi hé mắt. Hình như cha tôi siết chặt mẹ tôi hơn. "Anh càng thương em!" Giọng cha tôi nghèn nghẹt. Yên lặng. Tôi cảm giác lơ mơ thân xác mẹ tôi rung lên trong tiếng nấc, trong vòng tay nhập nhoạng, những hình khối chuyển động rất chậm, cuộn cuộn của cha tôi. "Hãy tha thứ cho anh!" Tiếng cha tôi trầm nhẹ, thì thào. "Yên nào, kéo con lại thức!" Khi ấy, rõ ràng mẹ quay mặt sang tôi. Tôi nhận ra, trong màn đen, nổi lên hai con mắt mở to, trắng, đen, thăm thẳm, loang loáng, có lẽ còn ngập tràn nước mắt, nhờ ánh sáng từ vòm trời đầy sao chiếu qua khe cửa. Tôi muốn khóc thành tiếng mà không thể được. Cổ họng tôi chèn cứng một cục đá và nước mắt tôi cứ chan hoà ướt đầm cả gò ỉ. Lát sau có tiếng rung nhẹ của

sàn. Mẹ tôi bước qua tôi và nằ m đúng ở vị trí như hồ i tôi. Bà vòng tay qua ôm người tôi. Tôi rấ t sợ bà sờ lên mặt tôi hay đụng vào gố i đã ướt nhèm. Tôi giả vờ nói mơ và xoay mình tránh vòng tay của bà.

Đêm. Lặng. Có tiế ng rinh rích của bậ y chuột trên đoạn ống nước cụt. Bây giờ bật đèn, nhìn lên sẽ thấ y cả đàn, cả họ chúng nó kéo ra. Chuột có hôn hít loạn xạ như con người không?

Sớm hôm sau, vẫn như mọi sớm bình thường. Mẹ tôi dậy từ bớ n giờ và gánh bún ngan sang bên ngõ khi bảy giờ. Cha tôi thức lúc sáu giờ thì phải. Một ngày bình thường của chúng tôi lại bắ t đầ u. Tôi đi học mà chẳng nghe được điề u gì. Chiề u về , tôi một mình lầ n mò trong phòng nhỏ. Tôi thấ y nhói thương cho bọn chuột khi nhận ra có những con chuột thân hình vừa khít với cái ống nước nhỏ xíu. Tôi xuố ng câ u thang. Lầ n đầ u tiên, tôi có cảm giác ghê sợ cái nhóp nhóp của tay vịn, đã mười sáu năm nay chưa bao giờ, chưa khi nào có cảm giác ấy. Tôi nhìn, thấ y ghê tởm thứ ánh sáng nhập nhoà, ngày không ra ngày, đêm chẳng ra đêm. Đi qua bể tá m, thắ ng nhóc Tâm cười choe choét như mọi lầ n và bắ t đầ u ra dáng chờ tôi. Tôi soi nó không chớp mắ t. Tôi quay mặt đi, dù khi ấy nó còn mặc nguyên cả áo quầ n. "Tao ghê tởm cả mày và tao!" Tôi thố t lên và đi ra phớ .

Tôi ra Bờ Hồ . Có thể tôi phải học thực giỏi hay đại loại kiế m một công việc nào đó nhiề u tiề n để rời xa ngôi nhà này? Phải rời xa nó thôi vì tôi không thể *gia truyề n bán bún ngan* như mẹ tôi và cam nhẫn số ng với một tình yêu khủng khiế p như vậy. Tôi vào thang máy, lên tháp Cá Mập, gọi một li cà-phê đắ ng ngắ t. Có thể một người con gái Hà Nội bắ t đầ u sa đọa từ li nước đắ ng này hay không? Tôi muố n đập phá. Tôi muố n gào thét. Tôi muố n thứ nhạc thật loạn, điệu Ráp hay tiế ng võ, nghiề n, va đập nào đó có thể nghiề n vụn, xé tan tá t cả các mạch máu của tôi. Tôi khóc. Trời sắ p có dông, từ tâ ng cao có tia sét chớp nhắ ng, rọi sáng xanh cả trời và sắ m. Gió mát nổi lên. Tự nhiên tôi nhớ tới bà Hương. Không! Tôi

không thể sa đoạ, phản bội thành phố này. Hình như bắt đầu từ đêm qua tôi nhìn rõ hơn về nó. Nhìn rõ hơn từ chính những điểu quen thuộc, thân yêu nhất trong chính ngôi nhà của tôi. Tôi khóc cầm lặng. Mây lại dần quang đi. Hồ Gươm hiện ra phẳng như một tấm gương khổng lồ dưới kia. Gió mơn man trên làn da con gái, già 16 tuổi của tôi. Sương tơ dăng, bắt đầu lan ra, trùm lên dáng liêu xiêu của trăm ngàn ngôi nhà. Từ trên cao, nhìn xuyên màn đêm mà tưởng thấy con người lúc nhúc chuyển dịch trong nó bé như những con bọ. Nói thực, khi ấy tôi đã không vì hèn nhất mà khóc.

Cuối tháng sáu, bà Hương mất đột ngột. Chú Long bảo, hình như bà biết trước. "Không biết trước, sao mẹ tôi sai con Huyền đun một nồi nước lá thom. Tắm xong, bà lên giường nằm rồi đi". Tôi đã nghe lỏm khi chú kể vậy với mẹ tôi. Tôi nhìn vào chiếc quan tài bằng gỗ sơn đỏ chót, có những con rồng vàng nhe răng ngoạm lấy quả cầu đỏ. Nếu bà Hương sống lại? Tôi tưởng tượng thấy bà bước ra khỏi quan tài, sờ sẫm đi về góc nhà. Thấy bà hát, thấy móm mém cười và trao cho tôi chiếc bánh *Mị Nương*, cái kẹo đắng *Trọng Thủy*. Khi ấy, lũ con gái của bà, cô Diệp quá thì, Cô Hà già lú, kéo đầu về một đống những tay đàn nhị, kèn, sáo và họ ngồi chật ngoài rạp bắt đầu chơi thứ nhạc bắt chước tiếng khóc leo leo của cô Huyền út ít, thông minh và ngoan nhất nhà đang ngồi bên quan tài mẹ. *Tiếng nhạc ma* bay trượt lên quan tài, loang trên khắp mặt phố, cố cắt đứt những dòng suy nghĩ của tôi. "Sống đâu đến chết kèn trống, cháu ạ!" Chú Long nói với tôi khi thấy tôi nhăn mặt. Tôi nhắm mắt lại, cố gắng hát vang tiếng khóc giả vờ của kèn sáo kia...

Sớm đưa bà Hương, người ta không thể khênh quan tài xuống theo cái ngõ quá hẹp, lăm vòng gập. Quan tài được đưa qua cửa sổ, qua nóc nhà bên và từ đó hạ xuống mặt đất bằng ròng rọc. Tôi đứng dưới đường hời hợt nhìn lên. Mặt trời sáng chói đúng vào

hướng quan tài thả xuống. Không nhìn thấy dây ròng rọc buông quan tài vì ngược sáng. Chỉ thấy lơ lửng chiếc quan tài đỏ chói, vẽ con rồng ngậm cầu đảo, chao xuống mặt đất như bay chậm. Quan tài bà hồng rực lên trong nắng, chậm chậm trôi xuống mặt phố, hết như con vật nào màu đỏ đang tiếp đất. Lúc hạ, hàng chục người dân phố vươn bao nhiêu cánh tay gầy guộc, gân guốc đỡ lấy con vật đỏ như vút mọc ra mấy chục cái chân.

Tôi theo bà tới tận Bờ Hồ. Tiễn biệt, trời trở nên quang trắ ng long lanh, phắ t chuyển gió, xanh thẳ m như bầu trời của mùa thu. Tôi nhớ bà có lần nói: "Bà tuổi hồng. Cháu tuổi hồng. *Những con hồng Hương!* Bà mong con hồng Hương nhỏ hạnh phúc!"

Người ta có linh hồn không? Nếu có linh hồn thì linh hồn bà có phải đáng hồng mà bay đi không? Con hồng mang linh hồn bà liệu không mù loà như khi bà còn sống để được nhìn thành phố và phố cổ, nhìn lại một lần ngôi nhà của chúng tôi không? Còn thành phố, còn khu phố, còn ngôi nhà hình ô ng của chúng tôi, chúng có linh hồn không? Và nếu có, chúng mang hình hài nào trong mười hai con vật?

Tôi trở về nhà. Người ta cũng chỉ tranh thủ đưa tang bà để tiếp tục nhao ra phố, kịp đua tranh kiể m sống trên các đường phố luôn ù ù điên loạn như trong một cối xay gió khổng lồ. Chẳng còn ai ở nhà. Tôi lắng nghe. Không còn gì nữa! Tôi rờ tay lên mặt sàn đá nhẵn, nơi bố và mẹ tôi nằm. Tôi thấy mồ hôi nhà lan lạnh trên những ngón tay của tôi. Tôi chợt nhớ tới phiên bản bức tranh *Phố Phái*, định gửi cho cái thắ ng tóc chẻ ngôi giữa. Tôi lấy bút xoá đi dòng chữ hôm trước tôi ghi: *Phố Cổ*. Tôi yên lặng nửa giờ để cảm nhận lại toàn bộ mọi sự kiện. Tính tháng, tôi đã hơn mười sáu tuổi. Tôi nắ n nét viết hai chữ rắ t đẹp *Phố Cổ* thay lên dòng chữ *Phố Cổ*. Chiề u. Tôi ra bưu điện gửi bức tranh cho thắ ng bạn. Lòng nhẹ như vừa nhảy qua một con suối rộng.

Tháng tám năm sau, mẹ tôi vui vẻ báo cho cả nhà, sẽ dồn tiền để mua một căn hộ nơi chung cư mới xây ở ngoại thành.

Tháng tám. Đêm ấy mẹ tôi thì thầm nói với cha tôi:

- Vợ chú Long vô sinh rồi. Lớn tuổi quá, chai dạ con, bây giờ muốn sinh một mụn con mà chẳng được!

*Hà Nội - Xuân 2003*

## Phố cũ II

**B**ạn có vui không, nếu hôm nay là ngày nhận bằng tốt nghiệp tú tài và bạn bắt đầu bước vào tuổi mười tám? Đa số đám nữ sinh mặc tà áo dài trắng muốt, sẽ trả lời tấm tắc mấy ông phóng viên báo Hoa Học Trò rằng, chúng tôi sẽ vui cực và cười như hoa nở khi dứt nôm.

Tôi bình thản báo tin tốt nghiệp cho cha mẹ và là thực kỹ chiếu áo dài lụa trắng vào đêm trước. Mẹ tôi bảo, Hương à, từ mai con thực sự là người lớn rồi đấy! Mắt bà đấy trù mệnh, mở to, sáng và tôi có cảm giác từ bà truyền sang tôi sự ấm áp, hạnh phúc. Cha tôi dúi vào tay tôi tờ giấy hai chục ngàn còn láng bóng, rồi bấu môi với mẹ: "Khi mười tám tuổi, anh đã đánh hơn ba mươi trận và đào hồ chôn tới tám thửa bạn!" Tôi không dám cãi cha tôi. Tự dưng tôi nhớ lời thầy Vương khi thầy kể về các danh nhân: "Mozart viết nhạc khi sáu tuổi. Vũ Trọng Phụng trình làng tiểu thuyết khi ông mười bảy tuổi..." Và, cô ca sĩ Lopez thân tượng của lũ con gái chúng tôi, nổi tiếng khắp thế giới khi chưa đầy mười sáu. Thế hệ cha tôi? Đi trận. Giết giặc. Gìn giữ một bờ cõi thô ng nhất của đất nước... Biết bao gian khổ hy sinh để "Những kinh nghiệm, vốn sống chẳng còn hữu dụng trong thời bình", theo đánh giá của mẹ tôi. Còn lũ chúng tôi? Ăn hại?! Trẻ ranh!?! Tôi nhói tim, thầy thương ông và thương mình.

Quả là buổi nhận bằng hôm đó tại sân trường nhộn nhịp hơn ngày thường. Sau vài tháng bận cấp tập học, luyện và thi, giờ được nhìn lại nhau kỹ một chút. Những đứa con trai đứng khoanh tay, có đứa hôm nay tự nhiên ria mép lún phún và chỉ trỏ, chân đứng giạng, tỏ vẻ đăm chiêu. Lũ con gái tím tím thành từng nhóm và bình luận, thửa này tồ, thửa kia quá lố và có đứa nhăn mũi khi đi qua

mấy tháng con nhà mới phất lên *cứ ra cái điê`u* khi tới trường lầy bầy với mấy chiếc Dylan, A Còng<sup>(1)</sup>, lảng nhầy. Tôi biết trong lũ chúng nó, có đứa hôm qua vẫn chát thâu đêm, để sớm ra ngáp liên hô`i như cá hô` Trúc Bạch gặp bữa trở trời. Tôi suýt bật cười. Thời này, người ta nê`u muố`n, đâu chỉ tứ khoái như các cụ *Khô`t*. Phải là ngũ khoái. Không, cả hít hút và *chát chít* là lục khoái chứ!

Tôi chột buồ`n. Thê` hệ cha mẹ tôi, toàn bộ những đam mê gác lại cho một mục tiêu duy nhấ`t, kiêu hãnh, cao thượng, đau khổ, mấ`t mát... Và, chúng tôi đây, ai đã gieo mầ`m cho sự hoài nghi vào tấ`t cả những khát vọng lớn lao để không hiê`m những đứa chẳng tin *mĩa*<sup>(2)</sup> vào điê`u gì, như chúng tâm sự trao đổi, nói toạc ra với nhau qua màn hình bắ`ng những cái *nick* tây tâ`u?

Còn tôi? Thê` là vĩnh viễn không còn tuổi học trò và rô`i sau đây lại lao vào học thi như điên để kiế`m một chỗ nào đó trong trường đại học cho mình và thoả lòng mong muố`n của cha mẹ. Con Vân, bạn thân tôi liế`m môi, làm ánh thêm chút màu son nâu: "*Vô tư đi, mầy!*" Nó cười, nói rỏ`n rảng, không hê` có khuôn mặt đũa đám của lũ bạn cùng lớp. Đêm qua hai đứa đi uố`ng nước trên Hồ` Tây, nó chắ` bảo, tao sẽ lắ`y chồ`ng, tao sẽ sinh con, tao sẽ mở một tiệm *gia truyề`n bán đồ` lưu niệ`m* cho mấy tháng Tây ba-lô và thê` là tàn hế`t đời! Tôi nhìn chòng chọc xuố`ng mặt hồ` Tây lắ`p lánh dưới vòm trời đầ`y sao và trăng, bao la xanh đen, sóng bạc cao lên trong gió, hình dung thắ`y cái tiệm bán đồ` lưu niệ`m của Chương, anh Vân. Những mặt nạ, người, thú, đen, đỏ, trắ`ng, vàng, v.v... Tôi tiế`c cho anh Chương. Đã có thời, anh nó là thầ`n tượng của tôi và Vân. Đẹp trai, học giỏi. Tô`t nghiệp Mỹ thuật Công nghiệp loại *bắ`ng đồ` chót* và cái gì cũng *biế`t*. Thê` nhưng anh Chương mãi chơi lắ`m. Hai năm liề`n làm việc ở đâu cũng chỉ độ ba bô`n tháng lại bỏ. "Mẹ tao khóc hế`t cả nước mắ`t". Cũng qua Vân, anh Chương biế`n chứng từ khi cặp bô`

với Huynh *râu dê*, dân làng chơi Hàng Bạc. Tôi nhớ, có lần anh Chương nói, cuộc đời khó nhất là nghề chơi! Bọn nghệ sĩ mới có tí, tưởng là ngang được *vwong bá với vwong quyê`n* là thứ ngu nhất hạng. Tất cả bị đè bẹp bởi *vwong tiê`n*! Điêu anh Chương nói, với tôi, tôi nghĩa, khó hiểu, nhưng xem ra anh có ý chí kiếm tiền tiêu ghê gớm. Thoắt một cái, anh bỏ chơi bời, nhậu nhẹt, chăm bẵm làm ăn xoay đổi xoay xoay, cải tạo nhà thành cửa hiệu. Tôi và Vân từ xưa như con chày cấn đôi, có lẽ từ năm nay là kỳ điếm trời bắt mỗi người mỗi hướng. Ba tháng nay, mẹ nó ốm liệt giường, không thể hỏi nó sẽ thi vào trường nào. Hai đứa yên lặng tới nửa tiếng cho mỗi đứa đuổi theo một ý nghĩ. Rồi con Vân bộc lộ hết mọi sự suy nghĩ. Giọng nó lạnh tanh. Tôi lặng nghe nó nhảm tính rằng, nhà chỉ có hai anh em. Anh nó dứt khoát sẽ chiếm cái nhà có mặt tiền rộng nhất. Nó sẽ ở gian nhà xưởng phía sau với *những tấm gỗ khế`c âm bản cầm* cha nó để lại và có chái mặt tiền nhỏ, ngang ba mét, nhưng mỗi mét những bốn năm cây vàng chứ chả kém hơn một phân! Đây là sự thật. Sự thật thì có thể xảy ra và xảy ra nhan nhản ở khắp mọi phố ngõ quanh chúng tôi. Tôi yêu một phân, một phân muôn lảng tránh, kinh tởm và khinh bỉ, còn Vân thì nhơn nhơn nhìn vào tất cả. Kháng cự? Con Vân lại chấp nhận nó và chuẩn bị sẵn thái độ. Đứa nào đúng? Năm tháng hay điếu gì làm mỗi lứa người có những điếm khác nhau? Thời kỳ cha mẹ tôi, cứ như họ kể lại, sớm vát vát, chinh chiến, nhưng không nhiều lo toan, lòng trong sáng. Chúng tôi có thể không như vậy! Cha tôi thường bảo: Bọn mày sướng lắm! Thời tao, cái quần lành không có mà mặc. Vâng, bây giờ chúng tôi gằn xên xang, no đủ. Nhưng hình như con Vân suốt ngày kêu *Vô tư đi* mà tôi chả thấy vô tư chút nào?

Tôi buồn. Chẳng nhẽ con người ta sinh ra, rồi đi theo đúng những con đường tẻ nhạt và chết đi đúng hạn kỳ, làm mồi cho giun dế? Tôi chợt nghĩ tới bà Hương loà. Bà già hàng xóm trên nóc nhà tôi năm nào, hay hát và yêu tiếng hát của bà Hồ. Tính ra, bà ấy



số ng bảy năm tuổi. Hai năm năm mù loà. Ô, thế là bà già loà ấy đã đi hơn năm rồi. Người ta có linh hồn! Nếu theo cuốn sách *Quan niệm triết học Đông phương* cơ bản tôi vừa đọc, thì linh hồn bà đã tới kỳ bước vào tầng cảnh giới nào, hay còn chờ đợi ở cõi đất âm u và giá lạnh để cầu mong mỗi lần giỗ, một vài tuấn hương của con trai bà, chú Long và mâm cỗ ê hề thịt, chả, xôi, đôi khi cả xúc-xích tây, vài bó đô-la Mỹ âm phủ?

Tôi năm nay đã mười tám tuổi. Làn da mịn màng như rắ c phắ n và cặp vú chắ ng còn chum chúm quả cau nữa. Đôi khi tắ m, tôi nhìn vào gương, rồi nhìn xuố ng và chợt nhận ra tôi đắ ng đẹp. Hôm nào, sinh nhật thứ mười bảy, chú Minh Kha, *chữa đờ ng hồ gia truyề n* đầ u nhà, dạo này không làm thơ mà chuyển sang *chụp ảnh nghệ thuật* cứ mời tôi có dịp về nhà cũ, lên phòng chú, để chú chụp tôi một *pô*. Tôi hay ngượ ng. Đứa con gái nào mười bảy chả hay ngượ ng, nhắ t là khi đôi mắ t chú cứ xoay xoáy nhìn... Chú Minh Kha nói như đoạ: "Chụp một cái ảnh để lưu giữ cái đẹp. Nay mai già không có cái mà khoe lại tiể c. Hay cháu sợ?" Tôi có sợ gì đầ u. Nhưng thú thực, không tin vào tay nghệ nhữ ng nghệ sĩ lắ m nghệ như chú. Và lại, nhữ ng kiểu ảnh xi-nê ấy tôi không thích lắ m, cho là nó chụp trong các hiệu tân thời hôm nay, nhan nhán Studio khắ p Hà Nội nữa là. Thế nhưng chú Kha có lý. Ai chả sẽ già đi! Vậy cái đẹp tới và sẽ ra đi một cách vô nghĩa trong lờ i vế t của một con đườ ng cố địn chắ ng? Tôi xoa ngón tay lên môi đắ ng tươi, lên má như rắ c phắ n hồ ng, di ngón tay vẽ lên bộ ngực hồ ng trắ ng ngắ n của tôi nhữ ng vệt ngoắ n ngoề o. Còn vẽ đẹp nào trong mi chắ ng già nua, chắ ng tàn phai?

Gia đìn tôi đã rời phố cũ. Mẹ, vẫn bà bán *bún ngan gia truyề n* thuê cửa hàng ở phố Hàng Cân và căn hộ ngoại ô chúng tôi có nhữ ng hai phòng, dù cũ, nhưng cũng tránh đi sự chắ t chộ i, chung đụn có thể bội sinh lòng yêu trộn trong sự ghê sợ một cách bột phát như tôi hồ i mười sáu tuổi!

Hôm quay lại thăm nhà cũ, *cái ô'ng* bót đi bô' n hộ, bót đi mười ba nhân khẩu, chẳng thấ'y rộng ra mấ'y như trong tâm tưởng. Vẫn ánh sáng nhập nhoạng, ngày chẳng ra ngày, đêm chẳng ra đêm. Cái bể nước đứng chờ vợ dưới lu'ng sáng duy nhấ't giữa *ô'ng nhà*, vắ'ng tanh, không có thắ'ng oắ't Tâm đứng vắ'y cu như hồ'i nó còn mười hai mười ba. Cái ngõ ra vào dường như hẹp hơn trước. Tôi lên thắ'p hương cho bà Hương loà. Nhìn lên tá'm ảnh. Tá'm ảnh chú Long nhò cửa hàng vi tính sửa lại, xoá đi hai *lỗ đê'*, tạo thành hai con mắ't. Đôi mắ't của máy vi tính trao cho bà cứ trăn trăn nhìn tôi, đại và lạ. Trong bóng kính và nê'n, mắ't vẫn như từa ra hai giọt nước nhựa long lanh! Bọn chuột thấ'y người quen tới, rình rích chạy làm đong đưa ban thờ, tá'm gỗ nhỏ, hai góc có hai sợi dây thép néo vào tường. Tôi nhìn thấ'y cái máy nghe nhạc của bà Hương ngày xưa vẫn nghe ca trù, nay chú Long vút bên hiên. Từ cái máy cũ này, suố't bao năm vẫn phát ra giọng hát của *ca nữ' bạc nhấ't vô nhị* đây. Tôi vô tình bật vào ổ' xả để' chiế'c băng nhạc Sony nhò ra. Tôi đi xuố'ng đường qua cái cửa hẹp, *cái lỗ' tự vệ' thành Thăng Long ngày xưa đã đực ra giữ gìn từng mét đấ't Hà Nội*. Trong túi có cái băng nhạc vừa xin được. Chú Long bảo, ừ, cháu lắ'y đi, ở nhà này chả ai nghe thứ á'y! Nghe nói, cô Huyề'n út út của bà Hương loà vừa lắ'y chồ'ng. Cô lắ'y một ông Tây nào đó trong công ty X phi chính phủ, nghiên cứu giúp ta về' phòng chồ'ng HIV. Dù sao cũng hơn thân phận hai cô Diệp và Hà "*é' xung é' xia*", thoát cảnh phải ngủ trên những tá'm ván nhét vào hai kẽ tường chỉ hình thành vào đêm, trong gian phòng chật thắ'p của vợ chồ'ng chú Long. Nhưng cô Huyề'n có buồ'n không, khi phải ở tận Úc một mình? Chắ'c là buồ'n! Là càng nhớ tới phố phường Hà Nội, cho dù chưa bao giờ tráng lệ như Mel của cô.

Tới cửa, ánh sáng bừng ra chói loà cả mắ't, y như thể vừa chui ra khỏi đường hắ'm thì gặp thắ'ng Tâm oắ't ngày nào. "Hê, Hương, mà'y lặn đâu mà lâu lắ'm tao mới trông thấ'y?" Thắ'ng Tâm oắ't hắ't đầ'u hỏi. Nó đã lớn, trông già hơn tuổi mười sáu. Nghe nói, nó

bỏ học, đứng trông gian *hàng khô* cho mẹ nó trong chợ Đông Xuân. Tôi cười, không nói, lướt qua mặt nó. Nó mặc chiếc quần Jeans, áo phông có con đại bàng xoè cánh. Cái đầu phun đấm keo ướt nhợt, vài sợi vàng hoe như râu ngô. Bye! Nó chừa ngượng, đuổi theo tôi bằng một lời chào! Tôi có cảm giác khi đi qua nó, vẫn cái mùi âm ỉm do nhà cụ cậu đứng vẫn bên cạnh hồ xí chung! Cô Tuyết vợ chú Long, khi nãy bảo: "Hơn xưa rồi! Đỡ đi nhiều, bớt cảnh vò giầy, ho giục giã hồ i nào, cháu ạ!" Vâng, tôi hiểu, người ta đã xây hai hồ xí tự hoại cho ngôi nhà và bốn hộ đã tự xây chỗ vệ sinh riêng.

Tôi rẽ sang phố Hàng Trống định thăm mẹ con Vân thì chợt nhớ việc nhờ thầy Vương chủ nhiệm Mười hai B chúng tôi. Nhà thầy ở phố Hàng Bông! Căn hộ nằm trên một tiệm bán mũ. Tôi bước lên cầu thang và thầy thầy đang tưới chậu hoa mộc. Máy chậu hoa dành dành làm không khí ngọt ngào, thơm mát. "Em chào thầy!" "Lên đây Hương! Thầy đã mượn cho em tất cả tài liệu ôn thi, các đề thi mới nhất rồi!" Tôi bước vào gian nhà mười sáu mét vuông của người đàn ông độc thân. Thầy Vương năm nay đã hơn bốn chục tuổi. Nhà thầy đúng là *gia truyền dạy học*, chứ không phải gia truyền kèm học sinh ôn thi đại học hay tốt nghiệp. Tôi đã ba lần bước lên ngôi nhà này. Lần thứ nhất trong *Ngày nhà giáo*, lần thứ hai là ngày sinh nhật thầy. Hôm nay, lần thứ ba! Thú thực, đây là người duy nhất trong trường, học sinh trung học chúng tôi tin cậy và yêu quý. Thầy dạy văn kiêm giáo viên chủ nhiệm lớp. Sự tin cậy người đời của mẹ, nhất là của cha tôi, nhiều khi bắt nguồn từ những điều vớ vẩn cảm tính. Sự tin cậy người đời của lũ chúng tôi hôm nay không hẳn như vậy. Thầy là người duy nhất nhắc lũ chúng tôi mang ba cân táo Mỹ biếu thầy là bất hợp lý trong dịp *Ngày nhà giáo*. Lại cười độ lượng, sau khi nhận bó hoa tươi thắm của lũ con gái *nhất quý nhì ma*, chia cho mỗi đứa một đoá hoa phẳng đỏ ắm mà thầy giới thiệu: "Hoa này của một người lính tận hải đảo vừa về thăm thầy". Thầy dạy hay. Rất đề tiếp thu và

hấp dẫn (theo tôi, việc gì trên đời cũng cần hấp dẫn. "Hấp dẫn đẩy công việc đến nghề nghiệp, tới nghệ thuật". Ai đã nói vậy nhỉ?) Chính do vậy, tôi hiểu rằng, người mặc áo dài màu nâu có bộ râu dài kia là ông thầy; người mang bộ com-lê trắng là thân sinh ra thầy và kẻ bên là ảnh thờ mẹ thầy, một người có khuôn mặt rất đẹp, phúc hậu, giống hệt bà nội tôi. Họ bên nhau trên ban thờ, yên lặng bao lâu rồi trong mùi trầm? Trên tường không hề có chúng chỉ *Nhà giáo Ưu tú* như nhà các thầy cô khác, mà sự tin tưởng của học trò chúng tôi vẫn ăm ắp vì máy duyên có cụ thể đại loại như vậy. Có thể vì thế tôi tự tin lên nhà thầy? Hay nữa, thầy là người duy nhất tin tưởng và động viên tôi, tự tôi, *vượt cạn* ở kỳ thi tốt nghiệp vừa qua và kỳ thi đại học này? Việc này lại có liên quan tới cha mẹ tôi. Khi mẹ tôi nói, Hương ơi, con đã là người lớn rồi đấy, nhưng mẹ tôi vẫn luôn lo sợ mỗi khi tôi tự mình làm việc gì. Với cha, ông rõ ràng coi tôi vẫn là trẻ ranh nứt mắt. Chính vì thế, tôi biết, cha mẹ tôi vẫn cho tiền để học thêm như mọi đứa, nếu tôi vùi. Nhưng sau những sự kiện xảy ra ở tuổi mười sáu và khi biết mẹ tôi còn gánh nợ những hai trăm triệu khi bán gian phòng ở phố cũ để mua nhà ngoại ô, thì tôi quyết tự học để vào đại học. Nhưng cả cha và mẹ không tin vào sự quyết tâm của tôi. "Cả thiên hạ học kèm và học thi còn trượt oanh oạch ra đấy, con ạ!" - "Cứ chủ quan. Cha không cần tiết kiệm!" Những lời như vậy thì thoảng vang lên, còn tôi thì cam chịu là đứa con búng bình. Đứa trẻ búng bình, không muốn tự mình hoen ố và lấy những giọt mồ hôi của chính mẹ làm hồ xây nấc thang học vắn cho mình!

Mùa ôn thi năm ấy trôi đi căng thẳng hết chỗ nói. Tôi học bò trên sàn đá hoa nhom nhóp mồ hôi. Tôi cần phải chứng tỏ bản thân mình hơn là tránh đi cái nhìn ngờ vực của cha khi thấy tôi thi thoảng tự lự. Sự vật lộn có thể thái quá hay con áp thấp nhiệt đới số bảy ủa tới bất ngờ làm tôi lăn ra ốm mất đúng một tuần. Con Vân, tuần trước còn cười ngặt nghẽo mấy lần, khi chớp nhoáng tới chơi, thầy

tôi nằ m bò trên sàn đá viế t viế t, chếp chếp, thì tuầ n này mắ t hút. Tôi ó m ngày thứ ba mới biế t nguyên do nó không tới. Mẹ nó đang há p hó i trong bệnh viện. Ngày thứ bô n, mẹ nó mắ t. Anh nó báo qua điệ n thoại.

Mẹ Vân mắ t ư? Tôi ó m, số t hơn ba chín độ, không tới đưa bà như đã đưa tang bà Hương loà. Nghĩa tử là nghĩa tận! Cha tôi thay mặt gia đình tới phúng mẹ Vân. Sau này tôi được nghe kể lại, rằ ng đám tang mẹ Vân vắ ng. Nhiề u người bạn bè bà đã ra đi trước đó. Dân phố gố c Hàng Trố ng cũng thừa dầ n, nhường chỗ cho đám người từ đầ u, mới giàu lên, nên không má y ai biế t bà. "Tới chia buồ n thì đông, nhưng đưa đám thì lèo tèo, ba chục người gì đó." Tôi vẫn hằ m há p số t. Tôi nằ m mà thương cho Vân. Nó giờ này chắ c buồ n vô tận, vì từ ngày cha nó mắ t, mẹ nó chính là nơi dựa dẫ m duy nhắ t của nó về mọi mặt. Từ nay, nó số ng với ông Chương quyế t chí ham giàu á y, không biế t sẽ ra sao? Tô i. Tôi thiế p đi sau khi uố ng thuố c, sau khi mẹ bắ t xông trong cái chần trùm kín và bị ép uố ng ngay một cô c nước lá cực nóng, đắ ng trào nước mắ t. Tô i đó, ngủ êm nhưng gầ n sáng lại mơ một giấ c mơ thực lạ. Tôi mơ thấ y tôi đi trong đám tang của mẹ Vân. Đám tang rồ ng rắ n lượn từ Hàng Trố ng ra Bờ Hồ như *đám rướ c lầ n* rằ m tháng tám. Đám tang không kèn trố ng, lại có nhã nhạc tung bùng như điệ u ca trù bà Hương loà hay hát. Và, không thể tin là trong mơ, vì sao tôi toàn thấ y những con thú theo sau đám quan tài mẹ Vân. Cạnh tôi và Vân, một đoàn chuột câ m lọng và chú mèo đi nghênh ngang, vịn vào quan tài. Một đàn gà trố ng đông vô kể, đuôi cong sắc sỡ và nhiề u chú lợn có những khoanh vòng xoắ n... tá t cả đề u là súc vật, trừ bảy người khiêng quan tài lại là những đầ u trẻ đống khố v và để tóc trái đầ u. Chúng bồ ng bê nh đi sau mẹ Vân làm tôi sợ hãi rú lên để tỉnh lại. Tới sáng, tôi nhớ lại, cái đám tang rõ ràng bước ra từ đám ván tranh gổ khắ c âm bản của tổ tiên Vân để lại. Đám ván khắ c *không nói*, chế t lặ ng bá y nay ở xưở ng sau nhà, những buổi tô i khi tôi và

Vân mới mười sáu tuổi, thấ y chúng chậ p chòn, kì ảo trong những đêm mấ t điệ n, bên những câ y nề n thấ p lung linh.

Hôm sau, tôi dứt đầu đầ u và tới thấ p hương cho mẹ Vân. Thực bấ t ngờ, gian phòng mặt tiề n nhà Vân đã sơn sửa trắ ng lố p tự khi nào, làm ngôi nhà lạ lẫm sáng bừng lên, sau tá m kính thay cửa lớn trong suố t như pha-lê. Tôi bước vào, ngỡ ngàng khi thấ y hơn một trăm bức ván cũ, những tá m khắ c in tranh âm bản xưa phủ đầ y bụi giờ được lau chùi và hình như còn quang một lớp đầ u mỏng. Chúng được bày biện khắ p nơi một cách kỳ khu. Những người lạ tíu tí ra vào và anh Vân đi đi, lại lại, chắ p tay sau đít mô `m ngậ m thuố c xì-gà Mor dáng đẳ m chiề u. "Vân đầ u, anh?" Anh Vân không thề m nhìn, hấ t hàm chỉ vào nhà sau. Tôi xuố ng nhà, qua cái sân gạch Bát Trầ ng đã được lau kỹ, sáng màu nâu óng. Nhiề u chậ u câ y khuân về từ đầ u tạo thành vẻ lịch lẫm hế t nói. Chái xưở ng sau cũng hồ ng lên bởi nước sơn ngoạ i. Con Vân đẳ ng đứ ng trước gương và cạnh nó một đồ ng áo dài, vá y đầ m. "Sao thế , mà y?" Tôi hỏi, tay khư khư bó hương và buộc hoa huệ, loại hoa mà tôi biế t, mẹ Vân thường mua cắ m trên ban thờ cha Vân. "Có sao đầ u. Ngày mai anh tao mở triển lãm, Marketing toàn bộ đẳ m gỗ mục kia!" Con Vân vẫn chẳ m chú nhìn vào gương không chớp mắ t. Nó thực lộn g lẫ y trong chiế c vá y phó t tím như ngày hội hoá trang. Nó là nàng Jenny! "Mây thấ y thề nào?" - "Thấ y thề nào. Bàn thờ mẹ đầ u?" - "Dướ i bê p á y. Anh tao vừa dọn tạm xuố ng đố !".

Tôi xuố ng bê p. Bàn thờ cha và mẹ Vân kê trên chiế c tủ cũ chen giữa đẳ m xoong, nô i, chảo và vài thứ đồ cũ linh kinh la liệt. Đẳ m tường, mô ` hóng và nước ẩ m mô `c bao nhiêu năm như một bức tranh siề u thực, giờ đầ y tạm làm phồ ng cho hai chiế c ảnh như đẳ ng quở mắ ng trong ánh mắ t nhìn thẳng vào tôi của cha, mẹ Vân. Tôi thấ p hương. Nhắ m mắ t. Lầ m rầ m khắ n. Mô `m khắ n, nhưng trong óc lại lầ m thầ m vọt ra ý nghĩ: Ta phải đố , ta phải học thực giỏi. Ta

phải kiệ́m thực nhiệ̀u tiệ̀n! Xin rộ̀i mà tâm tôi khi ấy chặ́p yên lành chút nào. Tự nhiên như vặ́ng vặ́ng đậ̀u, như từ tiệ̀m thức xa vọ̀i của tôi:

*...Mới ngày nào chặ́ng biệ́t cái chi chi...(3)*

*Tom... Tom... Tom.....*

Tôi lên nhà: "Tao không hiểu cái gì cả!" - "Hừ, tao chán ngặ́p cái cảnh lại cãi nhau với anh tao, như mẹ với ông Chương hợ̀i nào. Mà biệ́t đậ̀y, để ông ấy bán quách đi cho rộ̀i. Bọn hoạ sĩ bè bạn anh tao bảo, những gặ́n năm chục ngàn đô đậ̀y. Hic! Thôi, để tao yên. Đặ́ng nào tao chặ́p thi trượt! Mà có đỗ thì cũng vệ̀ nhà buôn bán thôi. Tao không có kiên nhẫn để đi xin việc khặ́p nơi và quy lự̣c trước các tân ông chủ nhà nước hay tư nhân như đám tỉnh lẻ cam chịu."

Vân đi ra sân. Tôi theo nó. Đám khách lạ ùa ra và một gã râu ria lọ̀m xộ̀m, đậ̀u lại trọc lộ̀c như bọn phát-xít mới từ đâu ra xoặ́n lặ́p Vân. Tạ́t nhiên hặ́n có liệ̀c xéo sang tôi.

Tôi vệ̀. Rẽ qua nhà thặ́y Vương. Hừ, trong đậ̀u tôi khi ấy cứ vang lên lời anh Vân nói:

*- Cô tưởng là những tạ́m gỗ này tộ̀n tại mãi trong nghèo nàn ư? Cô tưởng là chỉ mình cô yêu những mảnh ván mục ạ́p ư? Nghệ thuật tộ̀n tại và phát triển nhờ tiệ̀n. Nghệ thuật muộ́n tiệ̉n lên phải dựa vào bọn giàu có như tôi nay mai. Cô xem những bức tranh của Pi-cát-xô, La Ganh, Van Gộc đang trong tay ai, cho cả nhân loại còn mà thưởng thức mãi mãi. Những thứ đó rơi vào tay cô nhỉ? Ba ngày thì xông mọ́i cả. Bộ sưu tập độ̀ cổ, lớn nhặ́t nước, hôm nay có đượ̣c, trong tay ai, cô biệ́t không? Nẹ́u lăn lóc bảo tộ̀n ở mạ́y nhà ông bà nông dân, liệu có còn cái quai bình vôi sứt không? Cô chán bỏ mẹ! Cũng ngu độ̀t như bọn nào đó thôi. Tôi không gìn giữ đượ̣c di vật tổ tiên. Tôi lại cần xe mới. Tôi nhờ mạ́y thặ́ng nhà*

*giàu giữ hộ. Tôi có tiề`n! Cả hai bên đê`u có lợi! Cô hiểu chưa? Xin cô! Lạy thánh mớ bái!*

Ô! Anh Vân có lý. Tôi bại. Nhưng tôi vẫn áy náy và cảm thấ`y bấ`t nhẫn thê` nào. Vậy lỗi tại ai?

Tôi lên thang gác nhà thầ`y Vương. Ra xuân, đám hoa mợc toả hương tinh khiế`t thoang thoảng bay, dâng lên không gian quanh nó một sự cao quý không sao tả nổi. Thầ`y đang ngồ`i đọc sách và đứng lên lấ`y ghê` : "Thầ`y trò mình ngồ`i đây cho dễ thờ. Em học đê`n đâu rô`i? Có khó khăn gì không?" - "Dạ thưa thầ`y, không ạ!" - "Có việc gì không em?" Thầ`y ân câ`n.

Tôi im lặng. Lòng chợt bật lên câu hỏi, tại sao những khi tôi buồ`n, tôi lại muố`n lên đây? Tới bên thầ`y và dường như sau đấ`y, bao giờ cũng vui đi cái gì đó nă`ng nặng và thầ`y thơ thới? Hôm nay tôi buồ`n. "Thưa thầ`y! Tình yêu là gì?" Thầ`y Vương đặt tách trà còn nghi ngút khói xuồ`ng bàn, tỏ rõ vẻ ngạc nhiên trong ánh mắ`t hiề`n diệu trước câu hỏi của tôi. "Em yêu rô`i phải không?" Thầ`y nghiêm túc và lo lắ`ng. Không, thưa thầ`y! Tôi đáp, không cười. Thầ`y có vẻ ái ngại. Thầ`y ơi, thầ`y là chỗ dựa lớn lao của em bấ`y nay. Thầ`y là người duy nhấ`t tin em có thể vượt qua tá`t cả. Vậy mà thầ`y vẫn luôn coi em còn bé. Tôi muố`n nói với thầ`y Vương rằ`ng, tôi đã lớn. Rằ`ng, em đã là một thiế`u nữ và có quyề`n như bấ`t kỳ người lớn nào mà luật pháp đã ghi trong văn bản thầ`y đã dạy. Nhưng thú thực, sao tôi có thể khi nào cũng dững cảm nói lên tá`t cả những gì suy nghĩ. Nhấ`t là trước tôi, thầ`y Vương như một cái bóng lớn. Một tá`m gương lớn về` lòng nhân ái...

Yên tĩnh lạ thường. Dường như khi â`y tôi cảm giác người ta nói đúng, mắ`t con trai, tai con gái. Tôi mười tám tuổi! Nghe thầ`y cả tiề`ng lá roi nhẹ đụng xuồ`ng thề`m xi-măng và tiề`ng gió nao nao thổi dọc hành lang. Thầ`y Vương trầ`m ngâm một lát, rô`i nghiêm



túc: "Tình yêu là một trạng thái tình cảm của muôn loài. Nhưng chỉ ở loài người, tình yêu mới biểu hiện là một bộ phận của văn hoá. Tuy theo lịch sử, không gian, tiến trình tình yêu nam nữ, trai gái, vợ chồng ..." Tai tôi ù ù như có con ong đập cánh và tôi không biết, không biết thầy Vương nói gì nữa.

Tôi đi xuống phố. Đây là lần đầu tiên tôi lại thấy buồn, thấy bất an, khi rời khỏi nhà thầy.

Tôi đã mười tám tuổi. Nhưng dưới con mắt của người lớn thì đa phần chúng tôi vẫn là lũ trẻ ranh. Một lũ trẻ ranh chỉ biết làm những điều rồ dại. Tháo phanh chạy như điên trên đường bằng những thứ xe ga bốc nhát. Một lũ trẻ ranh không thể tự tìm ra những con đường của mình, rất dễ trượt ngã. Một lũ trẻ ranh biết gì mà yêu với đương trong thế giới đầy cạm bẫy, sẵn sàng sụp xuống những con mồi ngu ngơ, thơ ngây như thỏ.

Tôi đi trong ngõ cũ. Những cửa hiệu sáng choang làm cái ngõ như rộng và sáng thêm. Nhưng thực ra, tôi đo vẫn chỉ ba bước chân chiều ngang. Tôi vòng qua Hàng Bông và leo lên tháp Cá Mập ngó một mình. Tôi không hề khóc như ngày mười sáu tuổi. Tôi đã lớn. Chỉ còn ba ngày nữa là kỳ thi đại học bắt đầu và người ta sẽ dứt khoát phải trình trọng ghi danh *Nguyễn Thị Kỳ Hương* vào một trường đại học nào đó. Tôi sẽ học thực giỏi và yêu say đắm một người con trai đang hoàng tương xứng về suy nghĩ và tâm hồn để dẫn tới nhà thầy Vương. Xa tấp nơi kia, Tháp Bút vẫn như cái bút bi rất mode chọc lên nền trời xanh. Hà Nội mấy năm nay đã rộng ra, nên lấm con đường mới, khu ở mới, cả những hàng cây mới. Và, Hà Nội *Mode* thay đổi xoành xoạch cũng là một cái mới. Đến như cha mẹ tôi cũng vác về hai cái chảo chống dính thay cho những cái chảo nhôm cũ kỹ. Những chị trẻ đẹp liên tục môi giới, *marketing*, đưa tin về điện thoại cầm tay hay trăm ngàn mặt hàng để sẵn sàng thay thế hàng hoá đã cũ. Ô-tô, xe máy, quần áo và nếu cần, vợ chồng sẵn sàng

*thay thế* đổi mới! Nhưng tại sao, chúng tôi đã lớn, mà ai cũng nhìn chúng tôi như ngày hôm qua, tháng qua và năm qua?

Hà Nội mở rộng, từ tháp Cá Mập nhìn ra, thực quả là mệnh mông trong đêm biết bao ngã đổi thay dẫn ra bốn hướng, những con đường ba mươi sáu phố phường mới hơn dáng bề ngoài, nhưng vẫn giữ đường nét cơ bản, vẫn như xưa và vẫn là trung tâm thủ đô Hà Nội. Càng về khuya, thành phố lấp lánh trăm ngàn ánh điện lung linh lạ thường, quen thuộc. Phố cũ. Ngõ cũ. Những ngôi nhà mới! Đó là hai cảm giác của tôi bất chợt tới cùng một lúc và chưa thể cắt nghĩa rõ ràng.

Tôi suy nghĩ miên man.

Thầy Vương đã lớn tuổi mà chưa có gia đình. Với nghề nghiệp, thầy là một người thầy mẫu mực như tấm gương chưa vắng trong con mắt học trò trường tôi. Thầy là một con người tình cảm. Sự hiếm hoi còn sót lại ở nền kinh tế hôm nay thương mại hoá trong từng tiết học dạy thêm lũ chúng tôi. Có bữa bàn về Kiều, thầy say mê giảng, làm khò i đĩa từ trước coi tiết vẫn là tiết tra tấn, há hốc mồm nghe mà quên cả tiếng chuông hết giờ. *Thế mới tài chứ, thế mới tình chứ!* Hôm nào khi nói về hai câu thơ: *Vùng trăng ai xẻ làm đôi/ Nửa in gò i chiếu nửa soi dặm trường...* Vậy mà thầy không lầy vợ?" Lầy vợ, đâu chỉ là sinh con đẻ cái, nô i dài cái thân xác của con người? Đâu chỉ là nương tựa khi trái gió trở trời, kẻ ốm, người đau?" Hôm nào thầy nói vậy. Vậy còn cái gì sau sự kết gập ấy, tạo thêm giá trị gì cho tâm hồn con người? Sự an bả ng mỗi khi tới bên thầy, dẫn cho là trước đó ăm ấ p nổi buồ n, có phải là một khía cạnh của tình yêu hay không? Hay là tôi yêu người đàn ông lớn tuổi gầ n bả ng tuổi cha tôi. Như thế nào là *"tình yêu là một bộ phận của văn hoá?"* Tình yêu của loài người nguyên thủy có văn hoá không? Những rào cản của hiện tại liệu có kết tội tôi là phi đạo đức không, khi tôi có thể yêu một người lớn tuổi kia? Né u như cha tôi và

mẹ tôi biết, rằng tôi có một tình cảm như vậy thì câu chuyện sẽ như thế nào? Tôi cười. Không ai có thể hiểu tôi cười vì sao, bởi chính tôi cũng không hiểu được nụ cười của tôi cơ mà. Còn tình yêu của cha mẹ tôi. Trong bố i cảnh năm nào chật chội trên Hàng Đào. Tình yêu của bà Hương với những băng ca trù. Tình yêu của cha mẹ Vân với những tấm khố âm bản tranh dân gian... Tất cả được sinh sôi và phát triển, chế t đi dưới ánh sáng nào? Hay nó bị vô sinh như vợ chú Long, cô Tuyế t, trong một hoàn cảnh và thời điểm nào đó?

Tháng bảy. Tôi có tin đỗ thẳng vào hai trường đại học. Tôi chọn Trường đại học Luật. Cha mẹ tôi làm một mâm cơm cúng tổ tiên và mời họ hàng tới dự đông đúc. Tôi báo tin cho thầy Vương, tỏ lòng biết ơn thầy bằng một lá thiếp. Nhưng tôi quyết định không lên căn gác ấy nữa, ít ra là trong dịp này. Tôi không biết việc làm ấy đúng hay sai, thầy Vương sẽ vui hay buồn, nếu tôi không tới. Còn tôi, dù như vậy, tôi vẫn buồn. Có lẽ nỗi buồn của tôi không ai hiểu nổi, vì tôi tự biết chính tôi cũng không thể cắt nghĩa gầy gọn mình.

Vâng. Cuộc sống không giản đơn cắt nghĩa gầy gọn mọi sự việc, con người. Bởi vì năm nay tôi đã tròn mười tám tuổi.

*Xuân 2003 - Hà Nội*

# Nhà ba hộ

**N**gôi nhà không số. Con đường không tên. Nguyên xưa là đất vật bùn ven hồ của một xưởng than quả bàng, sau bỏ hoang, đầy bụi gai, cỏ, rác, phân, xác súc vật thối. Con đường lồi lõm hiện ra từ các vệt bánh ô-tô chở hải sản sơ tán đến cái nhà kho tạm một thời. Người quanh vùng lần theo, đi bộ tắt sang khu bên kia hồ, nơi có đường lớn gập hơn vào trung tâm thành phố.

Lồi nhỏ luôn lép nhép bùn. Nước đọng. Những đám cỏ bánh chè. Đôi khi lác đác mấy con cuốc mỏ hồng, chân đỏ, thân đen, ăn lẫn với đám gà nhà. Đường cong như cánh tay ôm dải cúc tà sát cái hồ. Hồ cũng không tên, ba mẫu. Bên cù chỏ cánh tay là khu tập thể của công ty thủy sản: tám ngôi nhà hai tầng. Xuân và đông nõm, nom như tám con tàu cũ rề sương, khói bếp mù mịt. Dải cúc tà lắ m dây tơ hồng, mùa xuân nhả mớ tóc vàng óng phủ trên màu xanh đông đã già.

Ngôi nhà quay lưng vào đầ u hồ i một nhà tâ ng, mặt ngoảnh đón gió hồ. Nhà rộng bảy chục mét vuông, lợp lá gồ i, xưa là kho tạm chứa cá khô, nước mắ m từ ga Giáp Bát về. Hết chiế n tranh, kho không câ n tới. Cỏ dại mọc xoá vệt ô-tô, chỉ còn vệt đi bộ. Rồ i người quay lại Hà Nội như kiế n, công ty nhớ tới cái kho bỏ quên hai năm, cải tạo lại, lợp tâ m phi-brô-xi-mắ ng, quét vôi vàng, ngăn thành ba phầ n không đầ u cho ba hộ.

Thật bắ t ngờ, ba chủ dọn đầ n đầ u là vợ chồ ng mới cưới. Một tuầ n, đám phụ nữ đã tương gầ n hết lý lịch của nhau. Tôi, thương binh phục viên, cán sự ba, phòng bảo vệ công ty, ở gian giữa. Vợ chồ ng anh Phan bán lòng lợn tiế t canh, cô vợ tên Xuân, con gái lớn của bà phó phòng tổ chức ở chái hữu. Vợ chồ ng anh Thủ, chị

Huyề`n, cán bộ kiểm nghiệm công ty ở chái tá. Hộ chị Huyề`n rộng gắ`p rưởi hộ của tôi và Phạn. Lý do giản đơn là nó có sẵn bức ngăn gỗ, xưa là nơi thủ kho làm việc.

Được *chia nhà* là diễm phúc rô`i. Mè nheo hơn kém vài thước vuông làm gì!

Sự giố`ng nhau của ba hộ là ba cái cửa vào đê`u loại gỗ tạp, bản lê` sắ`t luôn kin kít và hở hoác trên, dưới, đón gió hô` lô`ng lộng thổi. Không có gió hô` thì thật không thể nắ`m trong cái nhà trầ`n thắ`p lợp xi-măng tắ`m bắ`t nhiệt như hun ấ`y. Lại mùa đông, khi gió heo may về`, những ô`ng tre hu hú đón gió và bụi đắ`t lá tả bay từ vách tre trộn bùn rom ngăn giữa hộ tôi và hộ Phạn. Trời nô`m, tường sau và trước nhiễm mặn cá khô, từa nước đọng thành hột, toả mùi khắ`m khắ`m, khó thở. Trầ`n bung bắ`ng cát, kín mà hở. Mùi của ba nhà, tiế`ng động cứ thông thô`ng từ hộ này sang hộ kia.

Chủ nhật, vợ chồ`ng tôi hì hục dán giấ`y báo lên *biên giới* phía trái để che bụi. Phía phải vang lên tiế`ng đống đình cô`ng cọc, chan chát. Tôi đoán, anh chàng rể của công ty mới đi Tây về` sắm chiề`u qua, da trắ`ng, nhể nhẩi phá hòm gỗ, sớm nay chắ`c làm xong gác xép, thừa gỗ gia cô` biên giới giữa hộ tôi và anh cho vưỡn chắ`c.

Buổi sáng tuầ`n thứ hai đi xế`p hàng lắ`y nước máy ở đầ`u nhà A3, gặp ngay Phạn. Hắ`n đang rửa cái thùng to còn dính cáu mỡ lòng và tiế`t lợn.

- Chào ông bác! Gó`m làm gì mà chèn chắ`n ghê thế`. Để hông ra một tẹo cho thoáng. Đã bí rì rì các bớ` lại thi nhau bung thêm. Đứa đê`ch nào nghe tiế`ng phì phò! Em cũng như bác, lúc mắ`i cái ấ`y thì đê`y đê`n ai.

Phạn bán tiế`t canh lòng lợn chọ` cóc<sup>(1)</sup>. Gã vừa nói vừa đổ oà thùng nước đầ`y bọt màu hô`ng lênh láng khắ`p mặt đắ`t. Mắ`t

nháy với tôi nom vừa trái vừa bả t cầ n.

- Ấ y, mình che chắ n gì đầu. Bụi quá!

- Nói là nói thề thôi, chứ ông bác có đồ tường xi-măng em cũng kệ. Phía em căng cái ni-lon xanh vừa dậu, vừa cách âm hế t sảy! Ông bác đi tây hôm qua mới lắ y hòm về . Bớ n năm cái Kịch<sup>(2)</sup>, một đồ ng hàng như núi. Tiên sư! Các bác sướng thật! Chả đầ u tắ t mặt tồ i như cánh em!

Tôi không dám trả lời câu chửi đồng bả t ngờ ấ y, tùm tùm cười và lắ y thùng nước quắ nhanh về : "Tớ cũng như ông thôi!" Phạn có thể nhìn dáng cầ nhắ c của tôi mà đoán ra điề u gì, chắ c thề , ái ngại mời với: "Em nói cái bác Thủ thôi! Bác xá cho! Chủ nhật này rồi, tồ i, ông anh sang em làm chầ u tiế t canh nhé. Đừ ng khách khí ông bác ạ. Trước lạ sau quen!"

Điề u mà Phạn vạch ra trầ n trụi ấ y là có thực, nhưng mà không đáng lo. Bởi vớ n hay e thẹn, nên vợ tôi nhắ t quyế t bả t động vào cái thời điể m mắ y nhà mới đi nắ m. Chúng tôi thường rón rén yêu nhau lúc gầ n sáng. Khi ấ y chỉ có tiế ng chuộ t chạy, tiế ng gió đầ u đầ u sáo trên các lỗ tre, tiế ng thờ, ngắ y đầ u đầ u của bớ n đầ u người ở hai hộ bên.

Sau ba tuầ n chúng tôi đã thuộc lầu lịch ăn uớ ng, khẩu vị từng bữa, sinh hoạt, yêu nhau - tóm lại, là mọi hoạt động của nhau. Tắ t cả như một mùi hỗn tạp, song vẫn phân biệt đầ u, nhắ t là mỗi chiề u chủ nhật, ba nhà cùng nỏ lửa. Mùi tỏi xào thịt bò của anh Thủ, mùi rau muớ ng xào tóp mỡ của vợ tôi hoà trong mùi rượu đế thòm nức với tiế ng mỡ sôi lép bép, béo tanh khi nhà Phạn rán cá.

Mùa hè năm ấ y, gió quậ t từ hồ đầ m theo cả mùi ngai ngái và hơi tanh của bèo tây và bọt khí lòng hồ . Tôi thường đọc sách tới khuya

bên vách đá t. Vợ tôi đã lăn ra ngủ, thở đều, đôi chân trắng nõn của nàng gác lên bức ngăn gỗ.

Tất cả quen dần như vậy. Nó cũng giống như ta thở hít thứ không khí làng quê. Hương làng sóng ăn đời ở kiếp bao đời với đa số người Việt Nam, nhưng chẳng ai để ý. Khi ra thành phố, vẫn nhớ một cái gì đó, thiếu thiếu cái gì đó, xưa ảu giấu trong vô thức, nay có dịp, hong hanh nhớ ra, gọi về cái làng xa kia mà chẳng nhớ rõ mùi gì.

Tuần thứ tư từ khi lấy nhau, vợ tôi ghi một dấu thập to vật trên tờ lịch. Mới chín giờ tối, mà hai nhà bên đã tắt đèn. Tôi đành tắt đèn trần và bật cái đèn ắc-quy vẫn dùng khi mất điện.

- Trời nhiều mây, gió nhẹ, nhiệt độ từ 18 tới 25 độ. - Tôi tắt vội đài.

- Tiên sư mấy con phò bán trứng<sup>(3)</sup>. Bao mấy lần rồi mà nó cứ chèn ngang vào đầu hàng nhà mình.

- Ngày mai anh sẽ bảo nó. Thôi, lại đây! Anh chúa ghét cái thứ khuy cài. Mai anh lên Hàng Đào mua cho em cái loại mới về của Thái! Mềm và đẹp lắm. Sờ vào, mát cả tay!

- Rõ dơ! Tay gì như hòn than thế!

- Gớm... - có tiếng khúc khích, rồi yên một lát.

Tôi cố tập trung cúi xuống đọc tiếp giáo trình thương phẩm để khỏi mang tiếng là nghe trộm.

- Anh yêu em như thế nào? - Có tiếng rất nhẹ từ chái phải vọng sang. Tiếng Huyền!

Tôi bị tai lại. Đầu ong ong mà vẫn nghe tiếng rinh rích của bà y chuột đùa chơi trên trần nhà. Bị tai mới được mười phút phải bỏ hai ngón tay ra. Khó chịu quá!

- Mùa đông bên kia lạnh lắm. Tuyệt trắng xoá. Anh ở nhà một mình, ngồì nghĩ tới em!

- Nói dơ i!

- Thật đấ y, đoá hồ ng của anh!

- Ai tin ma ăn cỗ?

- Nhìn trăng kia kìa. Có nó chứng giám cho anh!

- Bây giờ của anh rô i, *ván đã đóng thuyê n*. Còn yêu thế không?

- Hơn chứ, cung ơi! Anh yêu em bằ ng cả trái tim chỉ dành cho em!

Tôi chợt nhận ra, trăng lên thật. Tia sáng loang loáng như lưỡi kiế m màu vàng chém xéo qua khe cửa xuô ng vạt chiế u vợ tôi nằ m.

Có tiế ng gì chun chút như tiế ng mở cái giác chữa cảm khô da thịt, như tiế ng mút bóng từ miế ng bóng bay vỡ, vọng từ chái phải. Lại nghe:

- Anh thích trai hay gái?

- Trai gái đê u được tuồ t! Gì cũng thích.

- Em thích con trai!

- Anh cũng thích con trai!

- Em thích con gái!



- Thôi, gái trai như vậy cả. Đấy! Con gái nhé! - Có tiếng thờ. Tiếng cựa mình. Rồi tất cả chìm trong im lặng như tuyết đổ. Một lát lại nghe tiếng sột soạt của áo quần. - Ngày mai anh còn đi lên viện, có cuộc họp rất quan trọng! Thôi, ngủ đi, cung!

Gió đêm nổi lên. Đập vào chỗ trần nào kẹt không kỹ, đập lên đập xuống. Hình như có tiếng thỏn thục. Hay là gió?

Buổi sớm hôm sau tôi ra chợ. Đám hàng rong bán rau và trứng bày lán ra hết cả lối đi. Mới sớm mà trời oi lả. Những người ở ngoài thành kéo ra bán rau tự sản từ tinh mơ, những người buôn từ chợ rau Mơ cũng đã qua nhà tôi rình rịch từ khi trời còn tối. Cái chợ bé mà chẳng thiếu gì. Tôm cá từ mạn Đuôi Cá tươi đành đạch trong các thúng sơn hay trên mẹt. Rau, dưa, hành, thơm, đủ cả. Quay bán tiệt canh lòng lợn ngay đầu chợ. Họ không trông thấy tôi. Tôi nhìn thấy Phan thoăn thoắt thái lòng cho vợ anh xếp lên đĩa. Mùi cháo răm hành phả ra thơm ngậy. Tôi nín thở. Tôi quay mặt đi vòng nhanh, trốn chạy cái mùi hấp dẫn. Còn cào! Tới chỗ bán đậu phụ còn nghe tiếng Xuân lạnh lạnh: "Nhà em hãm tiệt bảo đảm, nước luộc lòng sôi trăm phần trăm. Các bác có chén tới ễnh bụng cũng vô tư đi!"

"Này con kia! Ông đã bảo không quang thúng chèn ễnh chỗ đấy cơ mà. Đổ xe của khách, ông bảo." Tôi quay mặt đi. Giọng Phan! Có tiếng cười nô ng khùng khục của ai đó. Tiếng ai: "Em đi đây, em đi đây!"

\*\*\*

Tháng sau, phòng quản trị công ty cho người tới chuẩn bị nước cho ba hộ chúng tôi. Người ta đo đạc sau nhà và quyết định đào phía sau một cái hồ, xây bể nước. Công việc chẳng cần sự có mặt của tôi, nên tôi về mới biết công trình ngày mai khởi công. Phan chạy

sang nhà Huyề`n, rô`i quay sang nhà tôi: "Anh em ta mỗi người bỏ ra năm đò`ng bô`i dưỡng thợ. Chúng em tính giá lòng mua, đắ`t là hai lít chính hiệu *Con Nai Vàng*<sup>(4)</sup> nế`p lui. Thôi thì cho bọn nó nhìn mép một tí, không mai bẻ nước lại rò`ri thì ché`t cả nút." Vợ tôi lấ`y tiề`n đưa Phạn. Gã câ`m tiề`n xia vè`o vè`o. Xong! Phạn cười, mùi rượu phả vào tôi: "Giàu mà kiế`t, anh ạ. Nó tưởng em lợi dụng chém nó, hỏi đi hỏi lại má`y đò`ng bọ, như thanh tra không bắ`ng. Em câ`n đé`ch gì má`y cắ`c đầu<sup>(5)</sup> của nó".

Nửa tháng sau bẻ nước xong. Cái bữa xả nước hồ`i hộp như đào vàng. Dòng nước trong vắ`t lừ đừ dâng lên trong bể. Cô Xuân, cô Huyề`n chồ`c chồ`c lại ra ngó xuô`ng. Phạn và tôi xúc đắ`t, than xi làm một cái nề`n quanh bể. Từ nay chúng tôi đờ` chen chúc tranh nước quanh cái vòi công cộng. Cám ơn công ty. Công ty muôn năm! Phạn tự nhiên hô to như vậy, gã nắ`m lẩn ra đắ`t, sau khi giội ào ào liề`n má`y xô nước lên cái thân hình khi nào cũng ám mùi lòng lợn và mùi rượu.

Vợ tôi dọn một mâm cơm đậu phụ và đĩa thịt vịt ra chiế`c chõng kê ngay đầ`u hồ`i nhà Phạn. Dù đã mời gia đình cô Huyề`n trước, nhưng cô Huyề`n cười cười từ chồ`i: "Các bác cứ tự nhiên xơi, chứ nhà em hôm nay có hội nghị đã ăn cơm rô`i". "Cán bộ có khác, suố`t ngày đi họp, lại đờ` cơm nhà!" - Xuân nói.

- Góm ! Người đẹp vì lụa, lúa tô`t vì cút. Ấ`y, em xin lỗi bác! - Phạn nhìn theo cặp mông căng lẳn của cô Huyề`n, tá`m tá`c cái quầ`n hồ`ng cô đang mặc để nhận một cái véo rút thịt của vợ.

Đêm ấy thực là dễ chịu hiế`m có. Gió phe phẩy, nhiệt độ chỉ 18 độ. Tôi nắ`m xuô`ng cứ thao thức mãi, có thể vì quá chén chắ`ng? Trăng mười bảy và ánh sáng của muôn ngàn tinh tú loang loáng qua các khe hở phía trước nhà. Tiế`ng đò`ng hồ` rí rách, chậm và thong thả thề`!

- Lâ`n này thì *trúng* thật rô`i, anh ạ!

- Nói thật chứ?

- Tiên sư đũa nào lừa anh!

Tôi giật mình nghe tiế`ng ré lên nghệt trong họng của Phan sau đó. Tôi giả vờ ho đánh tiế`ng. Có tiế`ng đấ`m bùm bụp vào da thịt chấ`c nịch. Yên ấ`ng một lúc, lại nghe :

- Anh yêu em không?

- Yêu!

- Yêu thê` nào?

- Yêu đéo chịu được!

- Thật không?

- Đ. mẹ đũa nào nói dô`i!

Tôi thiế`p đi sau tiế`ng rúc rích, tiế`ng chân chuột vẫn chạy trên tâ`m trầ`n cát.

Tôi không hê` biế`t rằ`ng, gầ`n sáng hôm đó vợ tôi cũng *trúng*, bắ`t đầ`u có trong người một mầ`m sinh linh. Sự kiện phải hai tháng sau mới xác định được. Ba tháng sau, vợ cho biế`t tin ấ`y, tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì mình sẽ có con. Lo vì cuộc số`ng thê` này, hai miệng ăn với lương lậu chỉ đủ chi hà tiện, nay mai thêm trẻ, nuôi nấ`ng ra sao? Tôi không dám nói điề`u bắ`n khoản ấ`y cho vợ biế`t. Còn vợ tôi thì hớn hở khi thấ`y nụ cười của tôi trong đêm. Chưa gì nàng đã dự kiế`n tương lai của cái hoa mới vừa hong noãn. Nào là đi học Trường Y, Trường Nhạc, nào là sẽ may cho nó đầ` màu xanh; nào là đi học Bách khoa hay trở thành nhạc sĩ? Đàn bà trẻ bao giờ cũng

lãng mạn như bọn thi sĩ ấy, còn khi đã có con, trăm công ngàn việc, họ có còn vậy không? Tôi không dám cười, lặng kéo vợ vào lòng, nhìn nước mắt vợ cũng lặng ứa và chợt nhớ bao nhiêu mộng ước trước chiêng tranh tôi từng có.

Câu chuyện của chúng tôi nói nhỏ thế mà sớm ấy Phan nghe thầy. Phan chả hay dậy sớm uống trà, rồi đi lấy lòng và tiệt từ ba giờ. Vài tháng sau, khi thau bể nước vì con chuột ngu ngo sến chân, chết nổi lên bê nh, Phan khoe: "Vợ em cũng có rồi. Ba tháng! Mẹ em sờ bụng, xem tóc gáy bảo: con trai! Vợ chồng anh thì mong cháu đi học này, học nọ, chứ con em chả cần học gì hết. Chỉ cần biết đếm là đủ! Đếm không nhậm là đủ. Con trai cho học hết lớp năm, biết đọc báo. Con gái thì ở nhà giúp mẹ thái lòng, đếm tiền! Hết!"

Phan nhoèn miệng cười, rồi vỗ vai tôi. Nụ cười của gã ngoác tận tai, nom vô tư và rất thiện cảm. Nụ cười ấy xóa hết những nét rất sắc cạnh ở khuôn mặt phong trần của gã. Người ta, khi cười rõ hình thiện và ác, có phải thế chẳng mà tôi quên đi hết nét mặt vốn dĩ chòn chợn của gã, giữ lại nụ cười ấy suốt bao nhiêu năm phiêu lạc sau này của mình. Bàn tay gã nặng và ấm đặt lên vai tôi. Tôi nghĩ, Phan không đùa.

Mùa thu năm ấy đến sớm hơn mọi năm. Không gian trước nhà chúng tôi như rộng ra khi gió trở mình đùn hết bèo từ mặt hồ bên này sang bờ bên kia. Vợ chồng tôi cuối đất, dọn bụi trồng rau ven hồ từ đầu hè. Thu tới, rau muống vừa cần thì cải lên xanh. Nom rất mát mắt. Thầy vậy, vợ chồng Phan cũng xí một khoanh. Cô Huệ cũng xí một manh, chạy dọc tới năm chục mét, rào kỹ mà chẳng trồng xối. Vợ chồng Phan không mát tay, rau cải của họ chưa kín luống đã vàng. Bù lại, mớ hàng ớt của họ rất tốt. Xanh muốt và cho trái ngay. Phan bảo, gã búng cả gốc từ nhà bạn, nên nhờ lạ

đá t và lắ m phân gà mà như vậy, chứ chả giỏi giang quái gì! Con người em như ớ t á y, càng lạ càng tồ t, nhiề u phân rác càng hay! Là cái gì nhi? Tôi chẳng biế t gã muố n nói gì. Hắ n lại bảo, hơn ba chục tuổi mới biế t cái sở trường của hắ n là chọc tiế t và hãm tiế t! Ông anh biế t không, thọc con dao vào cái cổ mồm mĩm trắ ng toát để máu phun ra chói loà á y mà, chuyện á y đâu có giản đơn. Phải biế t! Phải xử chính xác lưỡi dao. Không run tay, chệch hướng. Chọc một cái, đứt màng trên. Gí cái thứ hai, trúng tim. Tiế t chảy hế t, không đở màu tím, không còn một tiế ng kêu. Đắ y là nghề ! Nghe gã nói mà rờn người.

Những khi rau rộ, chúng tôi tĩa vài cây tươi roi rói chia cho hai nhà. Đúng là chúng tôi bắ t đầ u già trước tuổi, hay là khó khăn mà thắ y vui vui bên luố ng rau. Những câu chuyện bên cái vườn á y lan man đủ thứ. Tôi biế t thêm việc Phạn cũng từng ở lính. "Ông đừng nhìn tôi bây giờ mà đánh giá nhé! Tôi từng là học sinh giỏi, chẳng khi nào chịu tổng kế t các môn tự nhiên dưới điểm 9 đâu!" Phạn mở màn với câu như vậy.

Phạn vào Bình Trị Thiên hai năm, đánh dẫm trận rồ i bị thương, ra Bắ c điề u dưỡng. Cả năm, anh đi xin việc khắ p nơi mà không có công sở nào nhận. Sau nhờ bạn đồ ng ngũ, làm ở lò mổ dạy cho nghề tiế t canh lòng lợn, lại tìm cả mớ i bỏ hàng. Phạn kể: "Gia đình tôi gồ c ở Nam Hà. Hai đời các cụ ky đề u đỗ đạt, làm quan cho triề u Nguyễn. Đời ông cũng bắ ng Tây, chữ ta đủ cả. Tới đời bố t thì ruộng nương cũng chẳng còn mà cái sở học, tiế ng Tây, những sự biế t của ông về Hắ c Sơn, Man, Chu Chi, Hê Min Uê<sup>(6)</sup>, đại loại như vậy, trở nên thừa thấ i. Chẳng kiế m đủ com ở Hà Nội, bố mẹ tôi lên Tuyên Quang khai hoang, rồ i lại xuôi Hà Nội. Xoay đủ thứ, sau chuyển làm hộp giấ y gia công, rang xay cà-phê. Khi sinh tôi, mẹ tôi chỉ muố n tôi sau này đủ ăn, nên đặt tên tôi là Phạn. Phạn là com. Mẹ tôi nói vậy. Người ta đỏi thì câ n com. Cha mẹ tôi trong loạn lạc triề n

miên, nên giản đơn mong tôi có ăn là đủ. Các anh chị tôi tên đẹp lắm, nào Hùng, nào Lan, Ngọc. Chuyện tôi lấy vợ là duyên số. Tôi quen cô ấy trong một lần đi xem phim ở Tháng Tám. Gặp người ta gây gổ với nó. Tôi can thiệp. Sau đó nên vợ nên chồng. Vợ tôi như miếng mỡ gà, ngu hơn tôi một chút. Cô học chỉ hết cấp hai. Cái thời sơ tán, đạn bom, đi theo mẹ lang thang suốt trên những chuyến giao hàng. Nó ì lạch úp vung lạch, méo úp méo. Chúng tôi hợp nhau. Trời cho lộc thì chả mấy chốc tay dao tay thớt mà có của ăn của để!"

Đêm ấy, tôi nằm nghĩ lại chuyện Phạn. Cái tên là lạ của anh ấy cũng có cả một lịch sử đáng đặc của mấy đời. Đời phúc tạp quá hay con người ta trót mơ mộng nhiều, nên khi vỡ mộng thì quay lại thực tế với những điều giản đơn nhất? Là thật, có còn xú nào cái tên cũng công theo thân phận, ước mơ của một kiếp đời không?

Vài lần, khi cả bọn đang *làm vườn*, tôi thoáng trông thấy bóng anh Thủ nhìn chúng tôi qua cửa sổ. Cái nhìn rất khó hiểu, gật đầu chào nhau mà tôi vẫn thấy có gì đó không cắt nghĩa được. Sao anh ấy không trông hái gì nhỉ? Tôi tự hỏi, khi cô Xuân và vợ tôi vừa nhỏ cỏ vừa thì thào. Họ thương: cùng kiếp đàn bà mà sao chị Huyền vợ Thủ chưa có gì.

Tôi bước vào năm cuối cùng tại chức nên rất bận. Tuy nhiên vẫn phải chuẩn bị vật chất cho đứa con sắp chào đời. Tôi đi làm thợ hồ, thợ chụp ảnh đám tang, đám cưới, làm điện trong tất cả các ngày chủ nhật, cả ngày lễ, tết. Vợ tôi năng lên bà ngoại lấy tốp mỡ, dưa, thịt kho, cá kho. Vợ chồng Phạn thì xoay ra mua lợn tự mổ, bán kèm thịt. Có hôm, không mổ ở nhà chủ lợn, Phạn đèo lợn bằng xe đạp về chợ tiệt ngay đầu hồ. Hấn làm thế nào mà không có một tiếng kêu. Sáng ra, thấy vết máu mới biết đêm qua hấn làm lợn ở

đó. Tôi bảo, ông khéo thế! Gã hiểu ý tôi, cười: "Sợ làng xóm má t ngủ thôi, còn má y ông bác thuê vụ, có phàn cả rô i!"

Vợ chông anh Thủ vẫn đề u đề u đi làm. Mỗi sớm, anh dắt xe máy qua cửa nhà, thấy tôi, gạt đầu chào. Bây giờ anh để bộ ria đen nhầy, cặp kính râm vừa khuôn mặt màu xám nom rất hợp. Mắt luôn nhìn thẳng như chưa bao giờ trông thấy chúng tôi. Tôi nghĩ, mỗi người có một cá tính và số ng bên Tây rô i, nên như thế. Nhưng Phan thì phản ứng ra mặt. Một lần đụng nhau ở chỗ bể nước, Thủ vụng về để rơi thùng mức nước xuống mà không sao lấy lên. Phan nhỏ nước bọt ra dáng khinh bỉ, đu xuống lấy hai chân khều cái dây lập lòe lên. Thủ không nói gì, mặt hơi tái, xách xô nước đi về nhà không ra nữa. Cô Huyề n ra kín nước thay chông. Phan mức nước giúp Huyề n, lại xách cả hai thùng về để ở đầu hồ i nhà Thủ. Không hiểu sao Phan hay ác cảm với Thủ như vậy?

Sau tết, qua xuân, sang hè, cái bụng vợ tôi cao lên bao nhiêu thì công việc chuyề n sang tôi bấ y nhiều. Vợ tôi yếu, người vàng nhợt. Cô ấy chẳng chịu ăn, hơi trở trời là kêu mỏi, đau. Vợ Phan thì không như vậy. Cô quầ n quật từ sáng tới tối i mịt như chưa từng có chữa. Cái bụng ưỡn ra phía trước, bước chân khuyề n khoảng, nhưng vẫn thoăn thoắ t đi trước gánh lòng, thật chông gánh. Đúng là trời sinh ra mỗi người một phận. Chúng tôi thường an ủi nhau, rằng có con thì hạnh phúc phải trả giá, thêm vấ t vả, neo bấ n. Cô Xuân đôi khi e ngại nhìn vợ tôi, rô i lại bảo: "Sướng chán, nom con Huyề n kia kìa, có cái đéo gì để sướng như tụi mình đâu!" Lờ i thì thế, nhưng mặt ngó không có ý ác. Vợ tôi nhăn nhó cười.

Tháng tám, vợ Phan sinh trước. Một thắ ng con trai rõ to khoẻ, bớ n cân hai, chân tay mồm mĩm, má t đen nhìn lơ láo, miệng đỏ tươi như múi quýt hồ ng. Tôi hỏi Phan, đặt tên con là gì? Phan bảo: "Tiề n! Tiề n lên, ông ạ!"

Hồ`i á`y, Hà Nội chưa chơi *Tá lá*, mới có trò *Tiê`n lên*. Giá có *Tá lá* thì chắ`c Phạn đã đặt tên con là Tá.

Vợ tôi vật vã hai ngày hai đêm trong Bệnh viện Bà mẹ Trẻ em. Mụn gái chưa đầ`y ký rườì, ủ trong lò`ng kính, chân tay đầ`y lông như con chuột con, nom rắ`t thương. Phạn chắ`c cũng như tôi chỉ mong mọi việc xong là về` nhà với con. Khuôn mặt người ta có hạnh phúc là biế`t ngay, lúc nào Phạn cũng ton ton. Không biế`t nom mặt tôi có thể` không?

Sự thật là như vậy! Nhưng bên niê`m vui dễ cảm nhận á`y thì Phạn rắ`t vắ`t vắ` trong mỗi phiên chợ mà chỉ có mình anh. Tôi thì khỏi phải kể. Ai đã từng có con ở cái thời bắ`y giờ, cái thời mà mua một hộp sữa, một lạng sườn nắ`u cháo cho trẻ cũng phải cân nắ`c, đắ`n đo mắì, phải nhin ăn, nhin tắ`t cả mọi sở cầ`u vật chắ`t, tinh thầ`n của người lớn như thịt tươi, xi-nê. Sự á`y, cho tận tới khi con gái tôi biế`t đi, biế`t chạy và đế`n lúc bảy tám tuổi, chúng tôi chưa hế`t vắ`t vắ` vì cháu luôn đau ó`m. Tim dị tật bẩm sinh, phản ứng rắ`t nhạy với đủ mọi thời tiế`t. Sau, do tiêm gì đó động huyết, chân cứng nắ`c, đại tiện đứng rắ`t tội! Không khí trong nhà luôn căng thẳng, nắ`t là những ngày nóng bức mà con khóc ngặ`t nghêo, mê`m lắ` trong tay vợ tôi.

Có thể tắ`t cả những điề`u á`y đã làm cho một thắ`ng tôi, một người quen với cuộc số`ng 12 năm ở lính, chỉ quen chắ`p hành mệnh lệnh, nay trở nên một người hế`t sức lúng túng chắ`ng? Đi bộ xuyên rừng tắ`t, kiế`m rau rừng tắ`t, kinh nghiệm tìm nơi ẩn giá`u, giữ cái mạng mình tắ`t, nhưng chắ` biế`t gì ở cuộc số`ng một cặp vợ chồ`ng phải mê`m mại giải quyế`t những khó khăn khi rơi vào hoàn cảnh mà tôi kể trên. Tôi trở nên thường xuyên cẩu bắ`n vô có. Vợ tôi cũng hế`t cả sự dịu dàng của cô kỹ sư trẻ vừa ra trường. Cả hai kẻ chắ`ng đứ`a nào xắ`u, nhưng ngô nghê trước cuộc số`ng gia đình vô`n chắ` giản đơn. Sau này nghĩ lại, tôi vừa xa xót vừa ân hận. Nhắ`t là nghĩ tới vợ tôi,



người suốt cả thời gian ấy phải chịu đựng quá nhiều, việc cơ quan, việc nhà, việc con cái ốm đau. Song thường là, người ta có gục xuống, thì mới nhận ra điều đã mất. Đã mất đi thì cái gì chứ tình cảm như con chim sổ lồng đã vụt bay mất rồi.

Chúng tôi cãi nhau về những điều rất lặt vặt trong đêm. Từ chuyện tôi hút thuốc nhiều; chuyện đi hôm về tôi chẳng buồn nhắn một câu; chuyện sao nhà bữa bộn bề, đến cái đâu tôi luôn hôi, bốc mùi trong căn buồng hẹp! Tất tần tật! Mọi sự cứ sinh sôi, chắt chắt đầy, lèn chặt trong cái hộp vốn hẹp tí của chúng tôi. Tháng, năm, những giọt nước mắt khô đi để lại khuôn mặt lầm lì và nặng trĩu của vợ, cả mỗi khi cơm nước dọn ra; có khi bất ngờ không duyên cớ, những tiếng bát vỡ tan tôi ném vào cái cửa đầy những khe hở. Trong khi đó, cuộc sống của vợ chồng Phan, Xuân vẫn hùng hục như ngày nào, vất vả hơn, nhưng thực là thứ cây hoang đã bất chấp mọi thời khí, để những khi Phan dậy muộn, chúng tôi phải nghe một câu chửi rất chói tai của Xuân:

- Trời ơi, đéo mẹ nó chứ, bánh mất rồi, mà bóc con nó còn ôm nhau ngủ như chó thế kia?

\*\*\*

Khi đưa trẻ đâu mới chấp chững biết đi thì vợ Phan lại chửa. Công việc đòi hỏi cần có người giúp đỡ. Lúc sinh con đâu lòng, mẹ Xuân tới, hai tháng quàn quặt giặt tã đỡ đần Phan. Lần này, Phan dứt khoát không muốn mẹ vợ vất vả. Sáng xuống nhà, chiều ngược vào phố. Bà ngoại già rồi, phải ngồi chút xíu chứ! Phan bảo vậy.

Một cô gái thôn Linh Cầm, đang tuổi xuân thì, em họ Xuân, tên Phượng. Tóc dài mượt đến ngang lưng. Hai tháng trời ra Hà Nội ở

nhà trông cháu, không mưa đờng, gió bãi, trắ ng ra, mắ t luôn lắ p lánh, đôi má mơn mớn như rắ c phắ n.

Có người giúp việc, quán xuyế n, tháo vát từ trông cháu tới com nước, vợ chồ ng Phan rảnh rang đan tay làm ăn. Mà đúng khi ấy, Hà Nội đang rộ cao trào nhà nhà nuôi lợn, nên công việc giế t mổ, tiế t canh rắ t thuận. Phan bận bịu lắ m, quầ n quật suố t tháng, suố t năm, nhưng vẫn phỏn ra hơn cả hò i mới lập gia đình, lại bót say ngắ t ngư. Một bữa Phan sang tôi bảo, sao vợ chồ ng tôi không thêm một nhau. Cho có lúra! Cho chó có đàn! Tre á m bụi! Như cách nói của Phan. Gã cười hoác cái miệng khi ghé tai tôi: "Hay má y ông anh tịt rồ i?"

Phan thừa sức biế t gia đình tôi khó khăn ra sao, nhưng điề u gã không thể biế t là tôi đã rắ t nhiề u lâ n phải tự giày vò với mình khi công ty mở chiế n dịch giải toả hàng, điề u cán bộ bảo vệ đi áp tải. Chỉ câ n phắ tay một cái, trút ngay vài can nước mắ m là có mắ y tháng lương. Sự hao hụt vài chục lít nước mắ m sẽ được bù trừ dễ dàng bằ ng nước ruộ ng. Nhưng tôi không sao làm được cái điề u giản đơn ấy. Can nước mắ m trở nên nặng như buộ c đá mỗi khi định xách nó xuố ng xe dọc đường. Hay, vì công việc chuyên môn, những lâ n lập biên bản, giáo dục những người ăn cá p hàng hoá níu tay tôi lại; hay từ điề u xa xôi nào, ẩn tàng một cái nhìn như quỏ trách con người thực tại của tôi khi ấy. Ai nhìn tôi? Mắ t vô hình! ở đâu, từ đâu nhi? Tôi cũng không tự lý giải ngọn ngành, mà chắ c Phan càng không biế t. Hay là gã biế t mà không thêm nói, vì có lâ n thắ y tôi dắ m chiêu, gã bảo: "Các ông là hay phức tạp lắ m. Đòi rắ c rồ i quá rồ i, cứ để nó *thiên nhiên*!"<sup>(7)</sup> Nghĩ nhiề u là tổn thọ!"

Vợ chồ ng Thủ, Huyề n vẫn chưa có con. Tôi ngửi thắ y mùi thuố c bắ c đủ loại thom phức bay sang nhà tôi. Tôi luôn nhìn thắ y khuôn mặt đã buồ n buồ n lại buồ n hơn theo năm tháng của Huyề n. Anh Thủ vẫn qua cửa nhà tôi mỗi sớm. Cái Mô-kích đã thay

bằng chiếc xe Hon-đa đầu bằng máy cộc, long lanh giọt lệ<sup>(8)</sup>, nhưng khuôn mặt thì chẳng đổi, vẫn là cái gặt chào rất lịch sự, bộ ria nhăn nhui và kính nâu nhạt.

Năm ấy hay mất điện. Mất điện thì ngày cũng như đêm. Ngôi nhà của chúng tôi biến thành lò thiêu. Riêng chái nhà Thủ ở hướng Nam, lại có bóng cây lớn phủ lên và Thủ trở thêm cửa rộng đáng hơn, nên rất mát. Buổi chiều, bên hồ ấy, trẻ con hai nhà hay làm sân chơi. Phượng cũng bế cháu ra đó cho uống sữa, ăn bột, hóng gió.

Tháng bảy, Cô Huyền đi dưỡng bệnh trên Tam Đảo một tháng theo tiêu chuẩn công đoàn. Chả ở nhà buồn, chiều nào anh Thủ cũng ra chơi với trẻ con. Nom người vậy mà đồ trẻ còn tài hơn cô Phượng. Anh bế con Phan rung rinh trên tay, cười nắc nẻ. Tôi nhìn ra chợt thấy thương anh. Căn hộ chật ních tiện nghi, lương lậu đủ chi, lại thấy anh luôn có khách tới mua bán đồ phim giầy, chả kiếm ăn được. Thế mà anh chưa có một đứa trẻ! Nom đôi mắt và cái miệng có ria xanh kia nựng trẻ tươi rón rón, chả cũng thêm một mụn con?

Cuối tháng bảy, trời chợt đổ cơn mưa chiều bất ngờ. Cô Xuân từ chợ đội mưa về lấy thêm nước mắm, thấy dây quần áo chưa kịp rút, ướt sũng trên dây phơi. Xuân ngó vào nhà chẳng thấy cô em đâu. Linh tính thế nào, cô đập mưa, chạy xô cửa nhà Thủ. "Con em tớ còn ôm cháu. Mặt gục xuống. Thằng khốn nạn đã cởi hết khuy áo của con bé đại dột. Thên lên vú về, hêu hêu cả rồi. Tớ điên hết cả người, chả kịp nói gì, lao vào giật con và tát ngay một cái lệch mặt thằng khốn nạn." Hai tuần sau Xuân vẫn kể hết như vậy với vợ tôi.

Đêm ấy, tôi tưởng tượng lại câu chuyện qua lời thuật của vợ. Tôi thấy Thủ mặt tái với vệt tát đỏ, cúi mặt xuống. Thấy tiên nữ làng quê của tôi hốt hải ôm áo đội mưa chạy về nhà. Thấy Xuân chạy

ngược ra chợ báo tin dữ, Phan mặt tím lại, nhưng vẫn bình thản thái thịch xếp lòng. Tôi nghĩ Phan sẽ vác dao xông vào băm cho Thủ mấ'y nhất. Nhậ't là vợ anh cứ sắ'n sỏ quát: "Bỏ dao thớt đấ'y cho tôi, về cho nó biế't thế nào là mỡ chài với mỡ khô!"

Vậy mà im như thóc. Tô' i á'y, Phan vẫn sang tôi uớ'ng trà, nhưng lâ'm lì, không hé răng về` chuyện đã xảy ra.

Mưa chiề'u làm nhẹ không khí cho vợ chồ'ng tôi ngủ thiế'p từ chín giờ. Có lẽ hai giờ sáng, tôi chợt tỉnh vì tiế'ng thì thào từ nhà Phan vọng sang: " Tôi nói như thế đủ rồ'i. Đàn bà như cô biế't đéo gì!"

Có tiế'ng thút thít. Không biế't Xuân khóc hay cô Phượng khóc. Lại nghe.

- Em cô vú về nòn nồn như thế', làm đế'ch gì không có đũa thích. Nó chưa tụt quầ'n em cô là may rồ'i. Xử như cô chả ra sao, lại tan nát hế't! Lỗi ở con mà mẹ kia nữa. Con gái phải biế't giữ mình. Các bà, cái gì chả đổ tội dâm ô truy lục cho đàn ông! Đàn ông, đàn bà đề'u là đàn. Còn thắ'ng Thủ, tôi có cách của tôi. Sao cho nó sợ mà lại biế't rõ bộ mặt nó, cho nó biế't rõ cái mặt mình. Khóc gì nữa. Ngủ đi, mai còn chợ. Con Phượng muớ'n lên thành phố thì thiế'u gì chổ. Bạn bè tôi, dân giang hồ', tứ chiế'ng, đủ cả! Không thiế'u thắ'ng chồ'ng ra chồ'ng. Các bà thời này cứ tưởng, mới một tí là tru lên như chó, khóc thảm như thiên hạ khóc Kiề'u á'y! Bà biế't Kiề'u không? Hay đế'ch biế't nô't? Cũng như cô em cô thôi. Đẹp mà, thời nào chả chế't! Không đẹp thì chó nó dòm, một quan cũng chả đấ't, tiề'n đâu chuộc ông via. Nín ngay cho tôi nhờ! Thế' đấ'y! Chán quá! Đòi ơi là đòi! Lý thuyế't lắ'ng nhắ'ng với cô chán bỏ mẹ. Ngủ đi cho nhanh, để mai còn chợ búa!

Tôi bàng hoàng. Thì tôi cũng là thứ chẳng ra gì. Tay đây, vai đây, sức vóc đây mà như bị vòng kim cô thít chặt. Xoay xoả như thế nào, kiểu nào cho vợ con mát mặt? Tôi nín thở, cắn răng để khỏi đâm mạnh xuống giường.

Buổi chiều hôm sau. Biết Thủ có nhà, Phan rủ tôi sang. Tôi từ chối. Nhưng Phan quyết kéo tôi đi. Anh không lo! Phan này chả dẫn ai vào thế cùng đâu, gã nói vậy và kéo tôi xenh xệch ra cửa.

Cái bàn gỗ lát có tấm kính và bộ uống trà men sứ tây long lạnh trước khuôn mặt tái nhợt của Thủ. Tay anh run run, nhưng còn chút bản lĩnh để mở cửa, lịch sự mời chúng tôi vào nhà. Đôi mắt Thủ vô hồn, giò đây nhót nhát, khó tả quá. Tôi ngoảnh mặt đi chỗ khác, nín thở. Không khí căng, im như khi tôi lên dây mí đàn ghi-ta.

Phan vào đề ngay. Tiếng anh nhỏ, nhưng gằn:

- Nói cho ông biết! Vuốt mặt phải nể mũi! Đánh đĩ thiêu u đeo gì nơi. Nó là em tôi! Chúng tôi không phải là chó! Cho ông một nhát thì dễ hơn chọc con lợn. Nhưng như thế thì tiết cái thứ giềng tôi xóm gùng. Ông định lợi dụng nó thì phải dứt khoát sang xin lỗi vợ tôi, xin lỗi con Phượng. Còn muốn có con vì vợ thiêu u trứng, hoặc yêu thực nó thì báo vợ. Có gan! Tôi cho ông quan hệ thoải mái. Đ...mẹ! Đừng có lập lờ! Hẹn cho ông ba ngày! Nếu không làm thì nói một câu cho nhanh! Nhắc lại, chúng tôi quyết không phải giông chó! Nhưng...!

Phan chợt dừng nói. Anh đứng phắt dậy. Tôi giật thột người.

- Thôi! Đủ rồi! - Phan kéo tôi đứng dậy, đi luôn.

Suốt vài hôm, tôi không thấy bóng Thủ. Hấn biệt đi hai hôm, lại về. Tôi không rõ việc Thủ có gặp Phan không và nếu gặp thì gặp ở đâu, nhưng thấy Phan trở lại vẻ tơn tòn xưa. Thậm chí còn tỉnh bơ huyết sáo như chưa hề có chuyện gì. Mãi nửa năm sau, Phan mới bảo,

nó thực hèn, đạo đức giả, cô làm sang, tách ra khỏi hàng xóm láng giềng. Đi mẹ đâu cho khuất, chứ còn ở gầm trời này, phải thở khói bụi này! Nhưng may là nó còn biết thương vợ một chút. Còn không thì em bảo, Phan này không thích đùa dai.

Chuyện chỉ biết đến vậy. Mắt gã khi ấy kinh thật! Quắc sáng như điện, chớp lạnh cả sống lưng tôi.

\*\*\*

Hết đợt nghỉ, Huyền về và sự việc Thủ với Phượng chìm trong lãng quên. Cũng còn do sau đó hai tháng Phượng về quê, thế chỗ là một chị cứng tuổi, cũng em Xuân. Đùng một cái có tin vợ Thủ có mang. Một năm sau, sinh một cháu gái rất kháu khỉnh. Con Thủ đầy tháng, cô Huyền tổ chức đầy tháng cho con, xe pháo chạt cả dãy bên hồ.

Chúng tôi, hàng xóm láng giềng cũng sang mừng vợ chồng Thủ. Vợ tôi và Xuân bàn nhau đi mua quà mừng. Họ mang về một cân đường, hai chục trứng gà, một bộ quần áo lọt lòng rất đẹp trên Hàng Đào làm quà mừng đầy tháng. Từ nhà Thủ, xong việc, Phan vào tôi uống nước. Hết tuần trà thứ hai, gã ghé vào tai tôi nói: "Ông có thấy con bé giống ai không?" Tôi trừng mắt lên ngạc nhiên. Phan cười bảo: "Nó chẳng giống ai cả. Thụ tinh nhân tạo đấy! Như lợn ấy mà. Ông không biết chuyện này đâu. Nhưng tôi thì biết rõ!" Tôi có cảm giác bất nhẫn, nhưng chợt nhớ lại việc gặp vợ chồng Thủ ở viện bữa nào mà họ cứ né mặt. Có thể như vậy thật. Trầm ngâm một lúc, Phan lại nói: "Cái hôm nó gặp tôi để nói chuyện con Phượng, có lúc điên tiết, tôi đã tính thí cho một nhát, đập mẹ nó xuống hồ. Đến lúc nó cúi mặt xuống, kể chuyện rằng vợ chồng phải thụ tinh nhân tạo thì mình lại thấy con giận dữ, căm thù cái bộ mặt đều giả của nó biến đi đâu hết cả."

Từ ngày có con, Thủ chẳng thay đổi gì, vẫn khuôn mặt như hôm nào, nô máy xe nhè nhẹ qua cửa nhà tôi.

Gia đình Phan cũng thêm đứa nữa là ba mớ ng, hai trai một gái. Vợ chồ ng tôi vẫn ở với nhau. Chúng tôi hoàn toàn tan vỡ về mặt tình cảm, nhưng bệnh tật của đứa con gái vẫn níu chân nhau lại. Có bận, tôi bỏ nhà một đêm, sau lầ n tôi thư từ với một bạn gái cũ tận Huế, bị vợ nghi ngờ trai gái, vặn vẹo, rô i ném thẳng vào mặt một câu nói khinh bỉ: "Anh là đứa phản bội. Từ bộ đội về, thực khô rách áo ôm! Bây giờ no xôi chán chè lại định mèo mả gà đồ ng, hả? Muố n bỏ mẹ con tôi thì nói cho rõ ràng rô i chia tay!"

Tôi không muố n thanh minh cho sự hèn hạ và kém trải đời của tôi khi ấy. Tôi không đủ sức chịu đựng và hiểu ra nguồ n cội câu nói nặng nề của vợ. Tôi cảm thấ y bị xúc phạm nặng nề. Tình cảm của cả hai như con chim sẻ già bị bẫy vào lồ ng, càng cô vùng vẫy càng xơ xác. Chỉ còn nước chim tự cắ n lưỡi chề t hay vụt bay đi khi cửa lồ ng vô ý hé mở. Như thế, vợ tôi và tôi là hai bóng ma buộc vào đứa con tật nguyề n.

Năm 1988, con gái tôi đã hơn mười tuổi. Cơ quan có đợt đi Đức. Tôi quyề t định ra đi mong: "Có tiề n mà tay vẫn sạch". "Cũng nên biề t ở xứ khác, người ta số ng thế nào", vợ tôi nói vậy. Chúng tôi quyề t định, nế u tôi đi thì bán căn hộ ấy để vợ tôi có cái mà chi tiêu chữa chạy cho con. Vợ tôi cũng muố n đi chỗ khác. Cô ấy bảo, đấ t ấy xúi quá, nên con cái không ra gì. Nế u bán căn hộ ấy, tính cả đấ t chúng tôi chiề m được trước, sau nhà làm vườn, chái bê p công ty mới làm cho ba hộ sau nhà, vị chi khoảng hai cây rưỡi. Tôi hoa hò ng một phòng nhỏ ở khu tập thể gầ n nhà mẹ vợ bên Trương Mai, còn dư ra vài chi. Thế là quyề t!

Vợ tôi đánh tiề ng cho cô Huyề n vì biề t cô giống tiề ng mua nhà. Dây dưa hai tuầ n, ông Thủ dứt khoát chỉ trả cây tám. Chuyện

bán chác nhà tập thể khi ấy chẳng phải che giấu như xưa, nên đến tai Phan. Tôi chủ nhật, Phan sang hỏi giá và không bớt một cắc, hẹn tuần sau chôn đủ hai cây rưỡi. Vợ tôi mừng rỡ, sớm sau vay tiền mẹ đặt cọc cái phòng nhỏ nói trên. Đùng một cái, tôi thứ hai vợ tôi lại nhận tiền đặt cọc của cô Huệ. Ba cây! Căn hộ này ba cây! Vợ tôi báo với tôi giọng mãn nguyện.

Tôi không biết xử lý ra sao. Trời ơi, nửa cây với chúng tôi là cả gia tài lớn. Bảo vợ giữ lời với Phan thì mất toi nửa cây. Tôi trằn trọc tới nửa đêm, nhưng không sang nói lại với Thủ hoặc là thưa lại chuyện với Phan. Đêm tôi, tôi quay về nhà Phan làm râm: "Phan ơi, tha thứ cho vợ chôn tôi!"

Ngày giờ tôi đi Đức được quyết định chính xác. Ngày giờ chúng tôi chuyển đi, bút khởi nơi chúng tôi sinh sống, chung đụng mười hai năm trời trong cái nhà ba hộ, đã xác định. Vợ chôn tôi vào đêm trước ngày chuyển nhà không sao ngủ được. Con gái đã ngủ, chúng tôi ngò i yên lặng nhìn nhau không nói một lời. Cô ấy đang nghĩ gì nhỉ? Bao lâu tôi tự hỏi.

Phải hai ba tiếng sau đó, cô ấy phá tan sự im lặng, buột hỏi: "Anh có yêu em không?"

Tôi im lặng. Tôi cảm thấy thời gian nặng và chậm tới như ngàn khối i bực phá ở đâu đây. Mãi sau mới nói: "Anh thương em!" Vợ tôi cắn môi, nhìn tôi không chớp đến một phút và lặng lẽ đi tới bên cửa.

Đêm ấy, tôi linh cảm thấy cuộc đi của tôi là cuộc chạy trốn vô vọng hay cô ấy cũng cảm thấy điều ấy mà mọi sự nói chuyện phút chia tay đều trở nên vô nghĩa và dỗi trá?



Cuộc dọn nhà diễn ra trước khi tôi đi Đức hai ngày, rất nhanh và không kèn trống. Tôi và vợ sang chào Phan. Vợ Phan vẫn cười chúc chúng tôi may mắn. Phan thì chẳng nói nửa lời. Mắt gã lơ lơ nhìn đi đâu. Mỗi lúc ra cửa gã mới hạ một lời gọn lỏn: "Thôi, ông đi!"

Gã giận là phải! Tôi nghĩ.

Tôi ngoái lại mảnh đất. Con đường. Cái hồ. Ba căn hộ!

Khi ấy bất chợt xuất hiện bảy sắc huyền ảo của chiếc cầu vồng dẫn từ bên bờ bên này sang bờ bên kia hồ. Tôi dụi mắt. Không! Cầu vồng! Cái hồ nửa nắng, nửa mưa tạo thành cầu vồng, bắt đầu từ cái dải đất bên này vấp sang bờ bên kia.

\*\*\*

Thực ra câu chuyện chỉ nên kể đến vậy. Nhưng thật bất công, nếu quên nhắc tới việc vợ tôi đã hết sức kiên trì theo đuổi chữa bệnh cho con gái tôi. Qua bàn tay của giáo sư X, với hai lần phẫu, mổ tim và mổ chữa xơ cứng cơ tứ đầu đùi, con tôi đi lại hoàn toàn bình thường. Tất nhiên cũng phải tốn kém. Con gái chúng tôi học xong đại học và ra trường, nay công tác tại một viện khoa học. Nửa năm, sau khi nó khỏi bệnh, tôi nhận được thư và đơn ly hôn của vợ tôi gửi sang. Thư khá dài, nhắc lại thêm đau buồn. Nhưng không bao giờ tôi quên được đoạn thư sau: "Em biết, anh không yêu em. Sự cầu mong một gia đình, sau lần anh cãi nhau với chị dâu anh, dẫn đến việc chúng ta đột ngột quyết định từ mới quen biết thành vợ thành chồng. Đó là giây phút, cả em và anh đều ngộ nhận. Tuy mỗi người ngộ nhận một dạng khác biệt. Chia tay, em cầu mong cho anh sẽ chẳng khi nào mắc lại khuyết điểm ấy. Không thể có một gia đình thiếu một tình yêu đích thực..."

Tôi về phép. Chúng tôi ly dị. Tôi thèm chẳng bao giờ quay lại nhà ba hộ. Nó không có tội gì, nhưng tôi không muốn nhìn lại quá khứ,

kỷ niệm một thời chạt chội! Vì thế, mấy năm liền, dù vẫn về Việt Nam ăn tết với anh chị tôi, nhưng không khi nào tôi ghé qua nơi đó.

Sự đòi chằng giản đơn giữ một câu thơ.

Tết vừa rồi, tôi lại về thì gặp con cả của Phan đi cùng chuyên, ngồi cạnh ghế. Vô tình hỏi chuyện, mới nhận ra cậu bé mũi xanh lét, ngày nào cha cậu định quyết số phận cậu chỉ học hết lớp Năm, biết đề m là đủ. Thằng mũi xanh ấy, vừa tốt nghiệp Đại học Kiến trúc tại Đức với số điểm cao tuyệt đối và được ở lại để làm tiếp bằng tiến sĩ. Vậy là tôi quay lại nhà ba hộ với sự háo hức qua những lời kể của con Phan: "Bố mẹ cháu vẫn nhắc tới bác. Mẹ cháu vẫn hay tới thăm vợ bác. Mà sao cả hai bác không đi bước nữa, hở bác? Chú Thủ sinh thêm con gái nữa. Vẫn ở đây, nhưng bây giờ nổi tiếng lắm. Chú ấy lên ti-vi, viết cả thơ, mới đỗ tiến sĩ mỹ học gì đó! Cô Huyền lên Hồ Tây xây một biệt thự, số ng hản trên đó với con. Bố mẹ cháu dạo này bỏ bán lòng lợn tiết canh, chuyên sang mở hai cửa hàng bia hơi. Người làm thuê bây giờ ở quê ra đây, nên bố mẹ cháu không phải đâu tắ t mặt tôi như trước nữa."

Tôi bàng hoàng không nhận ra con đường cũ. Một dãy phố dù lộn nhón nhưng đúng là phố, hiện ra bên hồ không tên xưa. Mặt hồ vẫn nhieu bèo tây và tôi cảm thấy hẹp lại. Tôi chẳng còn trẻ để xúc động, dù nhận ra cái mùi tanh tanh của nước hồ ngày nào. Ngôi nhà của Thủ và Huyền rộng tới hơn bảy chục mét, cao vót lên với cái tháp tròn Ba Tư. Tháp muón nghiêng trùm lên ngôi nhà ba tầng của Phan. Được báo trước, Xuân ăn mặc rõ nuốt nà, còn Phan thì nghiêm chỉnh trong bộ com-lê màu xám rá t điệu. Họ đã bố n cháu, nom cũng khác trước, đẩy ra và tóc đều đồ muói tiêu cả lượt.

Chẳng đũa nào chịu chỉ biết đề m cả! Gã cười toác tận mang tai khi tôi nhắc chuyện cũ và chỉ sang nhà bên: "Xem kìa! Ông tiến sĩ mỹ học xây cái nhà nửa tây, nửa ta cứ chục nuốt tôi. Tôi thu xếp

xong cửa hàng bia hơi nữa cho ổn, sẽ bán nhà này, nhường khu này cho lão và chuyên hẳn đi, anh ạ. Con cái đề`u muô`n vậy. Chúng nó bảo, bố` mẹ lưu luyê`n gì đây? Sau này người ta sẽ chẳng phá tấ`t đi để xây lại hê`t cho mà xem! Bây giờ chả đũa nào nó nghe mình, nên mình khéo phải theo chúng lên khu mới làm nhà mới, cho đời chúng chuyển hẳn sang cái đấ`t khác đi. Ông anh và tôi cô` số`ng chờ xem bọn trẻ chúng nó có cơm cháo gì không, rô`i nhấ`m mắ`t. Mà đề`ch ai biế`t được con tạo nó vậ`n thế` nào, ông anh nhỉ?"

Phạn đặt tay lên vai tôi. Mắ`t â`y, môi â`y, hơi rượu thơm nức phả vào tôi để` tôi nhận ra gã đã rũ sạch nỗi bực xưa.

Mưa xuân lắ`c rắ`c lẫn trong nắ`ng nhạt. Bụi cúc tầ`n sót bên kia đường mới nhả đám tơ hồ`ng vươn lên chũa chũa những sợi lụa rua vàng óng, cô` bút lên, trong ảo huyê`n mưa nắ`ng, khỏi màu xanh đông già, cũ.

*Nước Đức - 2001*

# Làng bên sông

Cách có con sông, bên kia làng tôi là thành phố. Tôi đã nhiều lần sang bờ bên kia bằng đò ngang, ấy vậy mà rất lạ là cứ mỗi lần bước chân xuống đò đi tới giữa sông, tôi có cảm giác như chính nơi đó có bức tường vô hình ngăn cách, chia đôi toàn bộ không gian và dường như cả thời gian. Tất nhiên, nhìn vào thành phố đêm đêm, tôi thấy đẹp và yên tĩnh hơn, nhất là vào những buổi chiều, tôi với mẹ ra bãi làm cỏ ngô về muộn. Gió rì rào, rì rào thổi... không khí chùng xuống, nắng nhạt đi, ngai ngái hoa cỏ, khô cong, thơm dễ chịu. Bạn hãy tưởng tượng đi, về tới ven làng tôi thì tối. Từ mặt đê, cái làng chìm xuống một màu đen, còn bên kia, tôi ngoảnh sang, lấp la lấp lánh như trăm ngàn ngôi sao tỏa sáng. Khi ấy, tôi được sống trong một vùng đất mà thơ ấu thơ, khi những ước mơ khát khao, chưa bị tuổi đời, sự nếm trải làm rạn nứt thì mọi thứ đều thanh bình và êm ả.

Có buổi, dạo ấy tôi mới chín tuổi, theo cha tôi đi bắt ếch chằm mà, ngờ ỉ chờ cha tôi dùng thuốc, móc, tìm và tận diệt, tóm từng chú ếch vàng ươm định ngủ đông, tôi chợt nghe thấy tiếng ỉ oàm rất lạ như có một con thú gì rất lớn kêu oàm oàm bên sông vọng lên. Tôi hoảng sợ, gọi thất thanh bố tôi và chỉ ra bờ sông. Có gì đâu, đó là tiếng sóng vỗ mạnh vào đầu một con phà đang neo. Đêm vắng quá, lặng quá, tiếng vỗ dội vào không gian một âm thanh ma quái. Chuyện ấy gây ấn tượng với tôi mãi.

Nếu tôi không nhớ lầm thì mùa hè năm ấy nắng rõ nắng. Nóng tới hơn 40 độ ngoài nắng. Tôi nhìn rõ những con cóc cụ, miệng đớp đớp trong bóng râm ở bụi tre gai. Dưới gốc gạo chỗ quanh ra bãi, cạnh lò gạch thì phải, còn thấy bốn con chuồn chuồn đuôi bấu vào nhau miệng hớp nắng. Tôi ở nắng bãi. Những hàng ngô

khi ấy xanh và thẳng căng. Bẹ xanh và ức vươn ra rõ óng, bóng. Đòng phoi phoi ứa nhựa. Tôi nhìn thấy chú châu chấu ngô to. Tôi hò lũ trẻ đuổi theo và tóm được nó. Hai cái còng choanh chách cõ đập. Nó gãy giữa hòng thoát khỏi ngón cái kẹp trong ngón trỏ của bàn tay búp hồng. Tôi bóp nó trong tay. Này, Lý ơi! Tôi gọi đứa em gái, tới mà xem lớp phấn hồng trong bộ cánh mỏng. Những hai lớp cánh cõ đập, đập, như múa như vờn. Bãi sông gió từ sớm tới tận khuya. Tôi chạy giữa hai luống ngô. Đất bãi mịn và ướt, lổ i đi đây cỏ xước mọc chơi và đám gai xâu hổ chạy xô ra đâm nát gót chân tôi, cỏ may vương đây hai ổng quăn. Tôi vướng sương về muộn. Tóc bết sương như mưa, nước đọng trên đây lá ngô rớt xuống. Tôi bị cảm.

Đêm đó, tôi sốt hằm hấp và không ai biết. Mẹ tôi cũng không hay rằng sốt như thế là nguy hiểm. Tôi co giật động kinh. Tôi toát mồ hôi hột, tới sáng thì đỡ. Từ đó, cứ một tháng tôi bị co giật một lần. Nhưng tôi vẫn ảo mộng với những điều chỉ tôi biết về con sông, đất bãi, cánh đồng với bờ gió quen thuộc và tiếng ì oàm mỗi khi gió cuộn lên, vỗ sóng vào cái hồ c đây con phà đang neo ngoài bến đậu.

Bãi giữa sông những đêm mưa lớn, nước duềnh lên tận đây bãi và đưa ngầu bọt vào tận chân đê. Bọt cũng hồng hồng khi ấy. Từng dòng cuốn, quặn lên là phù sa đỏ ngầu, tôi vớt nước vào lòng tay, cát li ti vẩy chói lên lấp lánh. Tôi khi ấy mơ hồ và cả tin. Chúng tôi nghe tiếng mưa, rào rào đổ, lộp bộp gõ tâu lá chuôi tơ tướp. Bà tôi già lắm, lưng gập xuống, bà nhai trầu thuốc, giã vò, nát toét trong cái cõ i nhỏ với cái xiên ba chạc chìa ra như ba cái răng. Cõ i bằng bạc. Ghi chú là vườn nhà tôi trồng sắ n dây cho bà lắ y nhai thêm độn trầu thuốc. Vị ngọt, lành. Bà tôi già quá rồi, nên cả ngày chỉ từ nhà ra vườn và từ vườn vào nhà với đủ việc lật vạt. Cũng phải thôi, vì mắt bà kém rồi, chân tay chậm chạp. Thế nhưng

mỗi đêm, khi bà kể những câu chuyện cũ, bà linh hoạt hẳn lên. Những câu chuyện thời bà con gái và cả những câu chuyện huyền hoặc không ai có thể bịa tạc ra.

Câu chuyện đêm bà kể rõ khuya làm bọn tôi rùng mình. Bên bãi đất kia là con nước chảy. Những mô đất nhoét ra, tiếng lợi bì bõm. Hàng tre bên bờ sông phát phơ run rẩy. Bà tôi thì thào: "Tổ cha chúng mày! Có mắ t mà không thắ y. Bên bãi đất ấy có hai con ế ch vàng. Cứ khi mưa, chúng ra. Đứa nào trông thắ y, đi theo, không cho chúng nó biế t, tìm thắ y được một nắ p hằ m, dưới đó có vàng. Vàng giá trị lắ m, biế n nghèo thành giàu, biế n đất thành ruộng, thành ao cá, nhà to cửa rộng." Tôi nằ m nghe. Tiế ng bà tôi giàu âm vực. Thắ p tha thắ p thỏ m gọi dậy từ bờ vực trí nhớ mỏng manh của tôi về một miề n xa lắ c, nơi ấy không phải là làng tôi.

Tiên sư cha cái mả cao ấy. Bô tôi chừi vọng. Ông đi suồ t đêm mà ông không tóm được chú ế ch nào. Mưa suồ t, nặng hạt lắ m và con sông rộng ra nữa. Nhìn trong đêm không biế t đâu là bê n là bờ. Ông lại kể khác đi, lâu rô i, xưa lắ m, nơi chỗ ấy là cái gò hôm nay ấy, có một đứa ăn mày chề t rụi chề t rập. Ai đi qua cũng ném xuồ ng đó một nắ m đất. Đất y là mả Ông Đô ng. Thiêng vì người ta chề t bờ chề t bụi, chề t bắ t đắ c kỳ tử. Đào lên là thắ y xương chừ cóc khô gì. Ừ lâu rô i, mưa có xói vào đó thực và thắ y nhô ra một khúc xương trắ ng. Tôi nhật về, bà tôi thì thào: xương trâu, xương chó đất y, vút quách đi. Nhưng ở chính chỗ có khúc xương trắ ng ấy, tôi còn nhìn thắ y tòi ra chiế c lưỡi lê gi hoen nữa. Tôi không sao phân biệt được các loại xương. Sao lại có lưỡi lê ở đó? Có người đôn, năm đôi, cũng dài cả trăm năm và xưa lắ m rô i, Tây nó cứ giế t người là quắ ng xác xuồ ng, tiện tay thắ ng Tây quắ ng luôn lưỡi lê ngập máu.

Tháng tư rô i tháng năm, tới tháng tám nước sông trong vắ t lại. Tháng bảy người hai bên vớt cá bột. Những cái lưới ngâm trong dòng

xiết. Cá li ti bả`ng đầ`u tằm thê` mà dân làm cá biế`t đực và cái, cá chép và cá mè. Đòng đong cân cắ`n thì là loại không ai nuôi.

Năm ấy, tôi không nhớ là tháng má`y. Tiế`ng súng ầ`m ì xa tắ`p vọng về`. Những chiế`c máy bay lạ, màu trắ`ng, bay vắ`t qua đám mây xám và thả xuố`ng tí`t tận bờ biển những tờ truyề`n đơn của người Mỹ.

Bố` tôi đi trận lầ`n thứ hai. Tháng tề`t. Mẹ` tôi ra đầ`u ngô, tay cắ`m gói bánh ướt nhũn. Mưa vẫn rào rào gõ trên những tầ`u lá chuồ`i. Bắ`y giờ hàng đuồ`i cạnh má` Ông Đồ`ng bắ`t đầ`u khoe ra quả vàng vàng cho chúng tôi hái ăn. Có đũa làng bên đọa, trên cây đuồ`i có rắ`n. Đũa nào ăn phải quả có vế`t cắ`n, nọc độc ngắ`m vào là chề`t. Tôi không sợ rắ`n. Nhưng hãi nọc rắ`n, vì thề` khi tới gầ`n cây đuồ`i, tôi thường hát, hay nói thực to. Quả thực là nghe tiế`ng độn`g rắ`n sẽ bỏ đi, có lầ`n tôi trông thắ`y có con rắ`n hổ` bò ngang.

Tôi lớn phỏ`ng không ngờ. Tôi biế`n thành người chèo đò ngang. Con sông từ khi ấ`y dường như thu nhỏ lại. Chừ`ng hai trăm sải là sang bờ bên kia. Đêm đêm tiế`ng gọi đò ứa đầ`y mặt sông, không cho tôi ngủ yên. Đò oi! Oi đò! Tiế`ng gọi tha thiế`t, vắ`ng vắ`ng như có người nhại lại. Còn tiế`ng mưa gào trên mặt sông bị gió ném ngược con đò chèo ngang thì tôi nghe rõ vắ`ng sang.

Tôi không biế`t mẹ` tôi má`t khi nào. Bắ`y giờ là mùa nóng. Mẹ` tôi trong buồ`ng tắ`m. Tắ`m xong đầ`u chưa khô, ướt nhoẹt, bà` bước không qua nổi` bậc lên xuố`ng nơi cửa nhà tắ`m. Mẹ` tôi đói lả mà đi tắ`m. Bà` gục xuố`ng cắ`m khắ`u ngay. Xác bà` đượ`c đũa cháu con chị tôi kéo ra. Khi đó` là năm 1968. Hà Nội không có ai. Chiế`n tranh loang ra và sơ` tán như đền cù, khi chạy nơi này, lúc chạy chỗ` kia, rô`i lại quay về` làng. Chị` tôi kể lại, mẹ` chia gạo ra ba hũ, phầ`n nuôi con, phầ`n gửi cho bố`, cho tiế`t kiế`m mặt trận, phầ`n sa sắ`y, roi vắ`i. Nhà nọ` nầ`n, bởi nuôi chúng tôi ba phương bố`n hướ`ng sồ`ng, nên bà` là

con nợ, vay giựt gạo khắp làng. Sau đám tang, nhiều người cho vay tới đòi nợ. Tôi ra mặt sông. Sông vắng quá. Chẳng có ai gọi dò mà qua kiếm ít bạc lẻ chạy chợ cho bà tôi đỡ bữa. Khốn nạn, bà tôi hu hu khóc. Bón miệng ăn dở thì vay nợ là phải. Tứ tung thất tán. Tôi viết thư cho cha tôi. Ông ân hận lắm, viết thư về dạy áy. Ông nói, ông chủ quan, nào biết nuôi người tốn bao nhiêu. Mẹ tôi ngậm cầm chín suốt. Bà bắt đả c kỳ tử trong buồng tá m, nên cái sọ bị nhà thương cưa đôi. Họ nghi ngờ cái chết không xác định. Mãi gần đây, sau này, khi anh tôi rời cốt bà từ Bật Bạt lên nghĩa trang Thanh Tước, anh tôi reo lên, bà đây rồi, cái sọ bỏ đôi! Khốn nạn, năm trước, đưa hài cốt bà lên Bật Bạt, xe phải đưa chung hơn chục bộ cốt nữa. Anh tôi sợ bọn nhà táng phân phó đưa nhậm cốt mẹ tôi.

Tôi không biết được là khi áy bố tôi đang lội trong con suốt chảy màn màn giữa một cánh rừng đại ngàn. *Nước xâm xấp. Dưới lòng suốt, lá rụng chàn chạt một nửa thước chứ chả chơi. Vực mặt xuống uổng thứ nước đen quánh. Hàng vạn con nòng nọc cung quăng bơi toả ra.* Tôi từ mặt sông nhìn thây, ở trong đó, ông khuê nh khoảng bước. Bàn tay thực xuống khoả nước. Bàn chân ông giẫm phải cái gì cứng cứng. Ông lôi lên. Cái quai ba-lô, nhấc lên theo cả rong rêu. Nhấc cao tay nữa, xương trắ ng lả tả rơi xuống. Những đoạn xương ó ng vàng xám. Cái mảnh áo mực. Ông thọc tay vào cái túi cóc, trong đó có nhét cái bật lửa Zippo. Bố tôi thử bật. Cái xác bị bắ n hạ chìm lâu rồi giữa lòng suốt, mực mẹ hế t cả thịt, ruồng hế t da, tới vải bạt lính cũng từa ra thê mà cái nắ p bật lửa còn kín lắ m và ngọn lửa Zippo bùng cháy. Lửa vàng sáng trắ ng cả góc rừng. Bố tôi gìn giữ nó, chiế c bật lửa áy như một báu vật. Ông cho nó vào túi áo, khâu giữa hai làn vải Tô Châu. ở chiế n trường, cha tôi bảo, có được ngọn lửa là quý và hiế m. Một tiểu đội giờ có thêm một cái bật lửa làm ông cao hứng đọc một câu như thơ: trời xanh bỏ giữa rừng ông có lửa. Quả thực, về sau cũng



phải sống trong cảnh ngủ rừng tôi mới thám thía vì sao ông quý cái bật lửa thép. Lửa cho ông bớt lạnh, bớt cô quạnh trong rừng già. Khôn nạn. Ngọn lửa màu vàng ệch. Khi bậy giờ ngọn lửa không có khói. Năm sau về nhà ông tra vào thứ xăng lầy từ xe máy Simson. Lửa lên mà khói muội bay đen.

Lại còn kể, đêm ấy vượt qua ngọn núi, xuống thung lũng là bản. Đi chậm hai giờ mới tới chỗ có nước. Bọn anh nuôi múc nước ấy nấu cho lính toàn đại đội ăn uống. Bọt ngàu lên khi nô đùa nước sôi. Bọt dày đúng nửa gang tay. Sớm hôm sau cha tôi ra bãi nước, hơn hai chục người đàn bà Lào đang rửa ráy, họ tát nước đùn lên từ những hồ nước, bao nhiêu cái hồ đào tạm không sâu lắm. Thảo nào, nước bản thép. Không nghi ngờ gì nữa, cha tôi nghĩ vậy, những người đàn bà Lào rửa quần, giặt váy, tát nước lên làm sạch thân thể họ cả khi họ bị kinh nguyệt. Tôi nghe lời kể của cha tôi, ngược lên, ngỡ nhìn thấy con chó ngấn ngấn liếm quần giữa đùi một người đàn bà. Cha tôi bảo, nghe rõ là giọng con người rên rỉ. Tôi lại nghe thấy tiếng chó hú. Tiếng hú của loài chó nhà trong rừng vẫn nào nùng, nhưng là tiếng tru mãn nguyện sung sướng. Tiếng tru dài và ai oán lắm.

Tôi hàng ngày vẫn chèo đò, kiếm đủ mua gạo, mắm, cá khô cho hai chúng tôi. Bà tôi là ba. Cô tôi là bốn, có thu nhập từ đất bãi. Tôi và con Lý tạm đủ ăn và đi học. Thành phố bên kia vẫn ánh đèn đêm đêm và tôi vẫn chờ hai con ếch vàng từng đêm. Tiếng kêu cọt nhả vôi vãi. Đây là giọng kể của bà tôi. Năm sau nữa, bà tôi mất. Không ai nghe được câu chuyện về đôi con ếch vàng ấy nữa.

Năm 1970, bố tôi bị thương trở về. Ông lặng lẽ nghe kể về cái chết của mẹ tôi. Người đi vôi vãi, biệt biệt, công nợ thép mà chưa hết buông tha cái nỗi nhục của một người đàn ông. Mang về ít tiền, mua cái quạt trần, suy nghĩ một đêm, cha tôi gán nợ, tám chục bạc là giá bên kia phố. Cha tôi gọi người làng tới, bán quạt trừ hết

nợ. Sớm sau, cha tôi bảo, thế là xong, tới lượt thây, thây nhất quyết không để các con lo mãi.

Dưới bờ đê con sông là bờ sâu. Rồi bãi cát và đê bờ, lại sông và bãi giữa. Có ai đo hết lòng sông? Tháng ấy phà qua lại nhiều. Có con phà neo ở bãi giữa đêm đêm vọng về tiếng ì oàm. Tôi dọa bọn trẻ mới lớn. Ma đây... thủy quái đây. Nhiều đứa tin lắm, ra mặt sông trôn trôn nhìn sóng, chúng có nghe thấy gì đâu. Chỉ tôi nghe thấy. Tôi nhìn thấy trên bãi giữa có ánh lửa bập bùng. Hình như mẹ tôi đang còn sống ngoài đây. Cô tôi soi gì ngoài đây và tháng bảy cha tôi quyết thay vì trồng rau là khai phá đất bãi mà trồng cà. Cà tím hẵn hoi.

Thời bây giờ người ta bắt đầu bắt con cá u nôi qua sông. Cá u phao, ghép bằng những cái phà, xích, và những tấm ván. Một đêm, buổi sớm thì đúng hơn, bên làng tôi có cái xưởng chợp sản xuất nước mắm. Chị là bác sĩ của trạm y tế coi sóc tình trạng sức khỏe hơn ba trăm nông dân gánh chuyển nước mắm. Hai mẹ con đêm ấy không đi đò của tôi, lên theo cá u phao, dưới ánh điện nhấp nhোang. Bọn công nhân cá u đói ăn, quá ầu, chúng dòn cá u lại mà chừa ra một cái hồ lúc về ăn tối. Đứa con gái mới mười ba tuổi. Chị tên là Nam. Con ơi, cái hồ ấy sâu quá, giữa cá u phao biết đâu mà tìm? Sóng. Bóng đêm nuốt chửng đứa trẻ. Bóng tối sâu thẳm và gió nuốt chửng tiếng gào, theo gió làm tắt tịm. Không, tôi có nghe thấy tiếng kêu của người mẹ ấy khi tôi đang ở giữa sông. Gió xoáy hút ngược tiếng cá u cứu lên cao. Tiếng sóng vỗ vào những phao ngang làm cá u át đi tiếng kêu cứu. Tôi chèo ngược sóng. Tôi nhìn xuống dòng xoáy, gọi ma lam ma làm.

Cha tôi không tin chuyện đó. Thuê ba bốn thợ quăng lưới, thả câu, móc, xiên. Cha tôi làm việc đó không phải nghĩa cử gì đâu. Ai dám gánh chịu cái chết do thói vô trách nhiệm của người khác? Nhưng ông tìm xác cô bé để chứng tỏ ở đây còn có người có trách

nhiệm với khúc sông này. Xác cô bé mười ba tuổi chìm ba ngày. Ngày thứ tư nổi lên phơi bụng trắng phớt, tóc phật phờ. Con gái, nên nổi lên là năm ngựa. Chị Nam khóc lên khóc xuống. Tháng bảy nước con sông ngả u bọt. Màu tươi nâu. Phù sa đầy. Tôi ngó xuống, nhìn tận đáy là nước sông tháng tám, tháng chín mùa cỏ hoa vàng.

Thực ra chỉ còn tôi và bà tôi, ở trong cái ngôi nhà nhỏ bé. Khi mẹ tôi chết ấy mà. Còn khi cha tôi về, thì con Lý đã đi B được ba năm. Em tôi bỏ dở lớp 10 vào miền Nam. Nó đi. Tôi đưa qua bãi giữa. Nó bảo đi khi nào thông nhất thì về. Con Lý có giọng hát tuyệt vời. Nó vào đội quân xướng ca của Tổng cục Chính trị.

Tôi từ đó hàng ngày chờ nó về. Tháng bảy năm ấy, nước sông Hồ ng lên cao lắm. Cha tôi gầy mõi, ông đêm làm bảo vệ canh chợp, ngày vẫn xuống đồng bãi. Phù sa đỏ quạch bám vào ống chân của ông, những sợi lông chuyển sang màu gạch. Ông bước trên mặt đất. Đất bãi in hình bàn chân đất. Tôi chưa xốt nhìn. Mùa hạ, thi thoảng tôi vẫn lên kinh giặt. Và vẫn đợi về tiếng ì oàm từ cái vực xoáy neo một con phà.

Năm 1971 thì phải, con Lý viết thư từ Tây Nguyên ra, nó bảo số t rét, bị ra. *Ôm tha già thái*. Nó đi hết hai tám ngày đường thì tới Quảng Bình.

Tôi thường thức khuya nhận thư, đọc thư Lý. Bây giờ tôi đã lớn rồi. Tôi bắt đầu mọc ria mép. Nhìn khuôn mặt tôi, thấy cũng ra dáng đàn ông. Đàn ông phải ra trận. Nhưng nhà tôi đã có con Lý ra trận, anh tôi đi thanh niên xung phong, tức là nhà có người ra trận. Nhưng tôi nhất quyết bảo, mày phải lên huyện khám. Tôi đi khám sức khỏe loại A3 vì răng lệch lạc hai hàm, lại quá nhẹ cân. Ai biết tôi giờ chứng động kinh mỗi tháng? Thế là tôi vào đội quân dự bị. Đóng ở xã nhà, chèo đò và đêm đêm vác gậy đi tuần. Tuần từ điếm tới

bờ sông thì dừng lại và đi ngược về làng. Cứ thế, tôi đi hết một ngàn phiên tuần tra thì bắt tôi về, con Lý về.

Tôi kể tiếp về những lá thư kì lạ của em tôi. Thư con Lý nó viết.

Thư nó lem nhem viết dưới mưa thì phải. Nó kể hát trong rừng ra sao, mưa thế nào, những cánh rừng đen thẫm. Thư nó viết, trong Trường Sơn lắm người quen quá. Qua rừng nào cũng gặp không người làng, người xã, thì người bãi giữa, người huyện. Gọi nhau ơi ới. Nó đi qua mười sáu trạm. Người quen gặp ở trạm, đứa nào cũng giấu đồ đồng đội, thương nó đàn bà, con gái, dúi cho nó một lon thịt, lương khô, cá sậy phơi. Thế là đầy sức khoẻ. Vì mắng hết, nó thấy rau gì cũng hái nhét vào bụng, cho có sức mà xanh lướt vẫn hát, đi, bươn ra khỏi cánh rừng. Tổ nó, bắt đứa con gái thì phải, muối ớt tẩm vào, sốt phù thũng. Gan cứng ra. Gan chính là ổ chứa vi trùng, xác của vi trùng thải qua máu vì sốt rét, lách sa xuống quá rớt! Nó kể, đi ngoài cũng sợ muối cắn đít. Trời ơi, nó xuống vo ve, vo ve, lấy lá chùi đít lại ngờ lá han, ngứa quá. Đi vào rừng tấp, phải lên đầu núi. Năm ấy con Lý và hai đứa nữa lên đầu núi tấp, quần áo để trên bờ. Một tổ lính *B quay*, hai thằng đực đi theo. Rình bọn nó tấp dưới suối. Con Lý bảo, có ăn nếm gì đâu. Nhưng lên bờ thấy mất hết quần áo và một trong ba cô có mang. Cái thai ra tới Bắc thì sỏ. Bây giờ tôi vẫn chưa hiểu hết cái thảm hại của đám quân đàn bà ra trận mà dính phải tai họa là bụng to vượt mặt mà xuyên rừng, qua trạm.

Riêng cái Lý nhà tôi thì có duyên. Nó gặp một thằng cha cùng huyện. Thằng đó bây giờ là em rể tôi, hàm đại tá. Té t ròi, hai đứa vênh vang mũ áo về làng. Con Lý cười. Thám thoắt đã hai mươi năm năm chả ít.

Thế mà con Lý không gặp được thằng người yêu nó trên đường từ binh trạm cùng đi ra. Thằng ấy tên là Ý, cũng dân bãi. Nó ở làng

trên, chỗ khúc đê có cái bụng máy bay uốn xuống xuống đập mình vào con đê. Thằng cha ấy đi sau nó một trạm đường. Trên Boloven, nó đập phải mình cháy phốt-pho, khi nhìn rõ giữa hàng rào dây thép bùng bùng có quả bí đỏ. Nó đã nhìn trước nhìn sau, bàn chân nhón nhén đi giữa chỗ trống thế mà đứng, cái râu mình chôn khéo quá, cái râu mình phốt-pho. Lửa trùm lên. Cháy lem nhem từ bẹn tới nửa mặt. Chỗ nó bị thương núi cao lắm, thằng người yêu con Lý sau kể: Cả tiểu đội cáng nó thay nhau uống nước cho đầy để đá vào thân mình nó. Nước đá có chất làm phốt-pho tắt. Gay go lắm, thằng ý nói, khói trắng bốc lên khắp nơi, nơi nào đá vào là tắt. Chỗ bẹn kín, khói lên nhiều, phải đá vào đó nhiều nhất. Nó điều trị trong bệnh trạm tám tháng thì ra Bắc an dưỡng. Khi ra Bắc, người nó toàn sẹo, sẹo to nhất ở bẹn. Nó cười, không cắt của quý là may. Tôi bảo, mày đuổi kịp em tao thì nước mẹ gì? Đúng rồi. Nước mẹ gì mà vẫn hy vọng. Vẫn đuổi kì cùng. Về sau hai đứa về làng, thằng đây sẹo ấy dạy học ở Bách khoa bên lên cười chữa gương. Lý ơi, thời đó cách nhau một ngày đường mà sao khó theo thế.

Tôi hình dung thấy đường Trường Sơn quanh co kỳ cục. Nước ở sông Sêpôn mùa khô trong vắt. Cha tôi bảo, năm ấy ông cũng ở vùng đó. Dịch đánh, đơn vị ông bật sang tận đây. Cha tôi đóng kho, ở lẫn với dân Lào. Thuyền độc mộc đánh cá dưới sông, tóc dài ngang vai, người đen như củ súng. Thế mà hai cha con không gặp nhau.

Lại tổng động viên. Tất cả đi vào làm trận đánh cuối cùng. Lại chuyện tôi đi bộ đội. Đây là khi con Lý về. Tôi đâu quân đợt chót. Cha tôi tiễn tôi qua bãi giữa. Ông nhét vào túi tôi cái bật lửa Zippo, dặn, nhớ giữ lấy nó! Tôi khâu nó vào hảnh túi trái. Làm vật bất li thân. Khi ở nhà làm thằng chờ đờ, bọn nhân sự bệnh trạm, tiểu đoàn xét duyệt cho tôi vào đội quân gửi thư. Gửi thư là một công việc hết sức nặng nhọc. Phải đeo nặng, leo dốc, cắt rừng bất kể thời tiết hay máy bay, thám báo thế nào. (Có thể vì thế mà tôi học được

nhieu điểu hay, cái mới ở làng quê tôi không hề biết, để sau này cứ nhớ lại thời ấy, tôi cứ ngỡ vượt qua tất cả nỗi nhọc nhằn của một thời bao cấp. Tất nhiên, tôi cũng học cách văng tục khi nặng nhọc. Văng tục lúc bực bội ở rừng khi ấy, dường như còn góp phần xả hơi, nhất là trước cái chết một tích tấc). Tôi ở tổ chuyên vận chuyển thương bệnh binh ra Bắc. Cao điểm bốn lẻ tám. Họ chỉ tôi cái gùi có cái đu nhô lên. Đúng phải tay thương binh cùng huyện, ở xã trên. Tôi phải đi mười hai giờ vượt trạm. Đi một lát, cái đu trên gùi tỉnh dậy nheo nhéo hỏi, nói. Hấn hỏi, cậu có thích thơ không? Tôi bảo, có. Thế là hấn đọc *tràng giang đại hải*, lắm bài thơ tôi cũng chả biết của ai. Bình thường, khi đơn vị nghỉ ngơi, liên hoan, hay lúc rỗi, đọc thơ cũng thích. Nhưng khi leo dốc, lên lên xuống xuống, thở gấp như chó, gùi thon thót đập đau cả lưng, giọng hấn lại the thé, lúc nào cũng léo nhéo ở gáy, thực là khó chịu. Tới gần đỉnh, dốc đá tai mèo đâm ngược. Mưa cứ lộp lộp đổ mờ trên những vệt đi. Hấn thề thốt: "*Em ơi, cô lên là qua trạm. Cao điểm này, anh qua hồ i xưa có bốn giờ. Cảnh thận không trượt chân.*" Tôi nghĩ, đ. mẹ, ông tương một cái thì mày xuống vực. Lúc vượt sông, tôi bảo, qua sông ông anh đừng có quặc cựa gì nhé. Nhưng bụng nghĩ, bây giờ cho hấn ra, bọc trong túi ni-lon làm phao cho nổi, cứ léo nhéo điếc đít, ông thả cho mày trôi một nhát, biết thế nào là lễ độ với cái thằng Utiti bấn đạn khói trên đu.

Cúi sát xuống thấy mùi thum thum. *Mùi dẻo gì mà thối thối. Cứt hay sao? Mày ia cả trong gùi à?* Tôi cắt cái sậy con, đục, vắn làm cái ống thông khí cho hấn. Bế hấn ra khỏi gùi để làm cái bao cho hấn qua sông. Trời ơi! Chỉ là cái đu xanh ngọc ngậy trên cái thân mình trơn lông lóc. Thảo nào hấn nhẹ thế! Cả cứt lẫn đá hơn hai chục cân. Tứ chi cụt hết. Cái mùi khắm, thối ở nơi chân chưa hàn mồi. Nước vàng rỉ rỉ ra cả ngoài bông băng. Tôi trân trân nhìn, rôi bất chợt muồn quỳ xuống mà lạy. Tỉnh trí, lấy cái ni-lon trùm nhẹ lên, còn trông thấy hấn cười, hàm răng trắng ớn. Chúng

tôi lặng lẽ qua sông. Bình thường chỗ này cạn, lội qua được, bây giờ lũ về bất ngờ, nên phải trôi xuôi tới ba trăm mét mới sang bên kia bờ. Cứ bồng bềnh trên mặt sông. Mưa vẫn dăng màn màn. Hấn lại nheo nhéo ngâm:

*Xuân Dục, Đồi Đông hai cánh lúa*

*Bữa thì em tới, bữa anh sang...*

Tới giữa sông, mưa to lắm. Giọng hấn cao hơn:

*Anh đi bộ đội sao trên mũ*

*Mãi mãi là sao sáng dẫn đường.*

Khi ấy nước từ tóc trôi xuống, mưa tấp chéo mặt, trộn ứa đầy nước cả hai hốc mắt của tôi.

Ướt nhột một ngày với hấn, tới chỗ nghỉ, con người ta thêm một vùng khô rang. Tôi ước ao đặt hấn, Anh, Người Lính ấy lên một vùng đất thật cao, thực khô, phơi phới gió, đựng đầy hương thơm của trời đất, rừng cỏ núi hoa. Không hiểu sao khi đó tôi lại nghĩ vậy. Rồi nhớ quận ngã bãi, bước chân thênh thang chạy dọc triền nước, trong mùi nắng, mùi nước, mùi đồng chiêm... có cỏ mần trầu êm lắm, mọc rộ hai bờ đi ra bãi giữa. Mẹ tôi bảo, sau tháng qua xuân rau khúc mọc.

Năm 1978, tôi gặp lại cái đầu biết nói ấy bên trạm an dưỡng huyện. Bây giờ anh có hai chân giả, hai tay giả. Riêng cái giọng vẫn thế. Giọng thật. Tôi im lặng nghe lời anh kể, những câu chuyện của anh, không ai tin được là *Người Lính* ấy cụt hết tứ chi mà vẫn dai dẳng sống. Anh còn cười nói, muốn về làm giáo viên cấp một ở thôn xưa. Đây là ước mơ trước chiến tranh. Nhưng ai cho anh làm

việc nữa? Ai lại bắt một người như thế đi dạy học, nhất là bây giờ giáo viên đâu ứ hự còn chưa có trường. Anh tới nhà tôi vài bận, cứ tới là lũ trẻ nhỏ bầu tới. Nghe kể về những trận đánh, rừng, thú, sông, rạch miền Nam. Người ta chả ai dám nói gì. Thông cảm với mọi câu chuyện của anh, nhưng không một ai có thể chia sẻ hết về một con người thân xác chỉ còn cái đầu ngọ nguậy vẫn ứ tràn những câu chuyện thực. Chuyện thời nay khó mà tin được! Riêng tôi biết, lời của cái đầu Anh *Người Lính* ấy không bịa tạc tí nào. Một trăm phần trăm sự thật. Những câu chuyện có thực không bao giờ cần có tư tưởng gì hết. Tự nó, tự sự thực làm nên tư tưởng. Đã là sự thực tức là tư tưởng, những câu chuyện của cái miệng ấy là từ sự không có tư tưởng.

Chiến tranh chấm dứt. Tôi về tới làng lại làm bãi, kiêm thả ãng đưa ðò ngang. Cha mày xưa đưa ðò ngang, làm vườn làm bãi. Tới ðời mày vẫn thế. Thế thì sao?

Đêm ðêm, bao nhiêu năm mà tôi ra tới giữa con sông vẫn có cảm giác ở giữa dòng có một dải phân cách. Như sông có bên ðục bên trong. Bờ có bên bờ ì và bên lở. Nhìn sang bên kia bờ, một chòm sao? Không, ðó là ngàn ðây ðiện dài lấp la lấp lánh ngày càng nõ ði dài thêm. Yên tĩnh thế mà sao tôi không thấy bên bờ phía làng tôi ðẹp như thời xưa. Một màu ðen xanh thui thui. Rõ tẽ.

Cha tôi số ãng hết giai ðoạn bao cấp thì ông mất. Ông có ðủ thời gian ðóng góp cho công việc nhà nước, nên có tiền hưu. Biết bao nhiêu công nợ ông trả cho hết. Lại gãm tiền khắ p nơi mới chết chứ. Ông ốm tới tháng sau tẽ t mới ði: *Cho ðỡ khổ, con cái ðược ăn tẽ t*. Tôi nghe ông kể lẽ, rã ãng ðêm qua cha ãm nghe mưa buõn thế. ừ! Mưa mùa ðông buõn lắ m! Tôi ãm nghe tiếng mưa lộp bộp gõ lên lá chuõ ði ngoài nhà. Lại nghe tiếng ði oàm vọng về. Năm ấy là năm ðầu tiên trên Hồ Gươm bắ n pháo hoa. Trên phố nó bắ n pháo hoa! Ông nhỏ nhỏ. Tiếng pháo chiến thả ãng



nghe âm hơn, nhiều màu hơn pháo bắn mù mịt ở chiến trường. Tôi cười, khóc rõ to như thằn lằn điên sau khi ông đi, vì lục lợi khắp nơi được hơn mười triệu. Đúng là ông giữ lời hứa với con cháu, không để bọn tôi phải lo nợ nần, tang lễ. Anh em nhà tôi đắp mộ ông, to như t làng. Chôn nơi cao, lại có hai dây hoa bó như cái nĩa. Ông chế t thực nhẹ. Tôi chăm ông tới phút chót và viết cho ông cái điếu văn kể rõ công tích. Đoạn đầu ghi: *Cha tôi là lái đò. Năm... giặc Pháp chiếm Hà Nội, ông đi làm thứ nhất...*

Có lẽ cứ như thế thì chả có gì nói nữa. Bất chợt thời thế thay đổi. Sự đổi thay như tiên định mà không bao giờ hẹn trước.

Con sông thì vẫn chảy như thế. Có đổi dòng gì đâu. Muốn đổi dòng phải ba trăm năm. Nhưng rồi hết thời bao cấp, người đi buôn, đi công việc qua sông tập nập hơn. Tôi vất vả, nhưng còn có dịp kiếm thêm bát cơm, manh áo.

Chuyện đời thực kỳ cục quá. Nhiều người ở làng giàu lên. Xây nhà hộp như bên Hà Nội. Nhưng khi tới giữa sông, nhìn lại thì mấy ngôi nhà có điện le lói như sao hôm, sao mai. Tôi lại nhớ chuyện kể của bà tôi về đôi ếch vàng. Tôi năm nghe tiếng mưa, nghe ếch kêu và cứ nghĩ, tưởng con ếch này gọi con ếch kia, gọi tôi đến một nấp hầm. Nó kêu: ộp, ộp! Đi theo tôi, đi theo tôi! Tôi bảo, đi đâu, già rồi. Hơn bốn mươi năm tuổi chứ còn trẻ trai gì?

Rồi lắm sự bất ngờ thực. Có tin đồn đất làng tôi cắt vào thành phố. Lên phường.

Đất lên hương. Người ta bán ruộng công, tư để phố hiện ra. Bất đầu từ bến phà, đầu cầu phao, sau lan mãi lan mãi, ngược dòng phố chạy tuốt, vượt qua một cái ao rộng dài, xoá nhòa chân đê. Tôi không bao giờ ngờ được là chỉ trong có vài năm mà biết bao thay đổi.

Tôi đi ngược ra đầu cầu phao. Nơi con gái chị Nam mất. Nhớ sống suốt chứng cái thân bé mới mười ba tuổi. Nhớ con bé khi ấy, chết mà da dẻ vẫn nõn nung, da bụng có hơi trương lên, nhưng không sao, vì tuy quần nó có rách toác ra, vẫn thấy chỗ ấy màu trinh trắng và đôi môi tím. Chôn ấy, xưa là quán nước Cả Ngãi. Nghe đồn, Cả Ngãi đi bộ đội, mãi tận tới sau chiến tranh với Campuchia thì về làng. Nhà hắn ở tận xóm thượng, cấm liên một gian ra gần đầu phà, đua làm dân tứ chiếng chơi với giang hồ thảo khấu. Nhà nuôi con chó béc-giê khôn lắm. Cả Ngãi từng đi chiến trận, sau về bán rượu lậu, bún lòng, dắt điếm cho bọn lái xe đậu chờ phà. Tuy thế, trong làng ai quá nghèo khó, túng đói có vay giật gì, Ngãi đều giúp, thậm chí có khi hứng lên cho không vài lon gạo. Thế mà tay *anh hùng* ấy chết vì thằng bé bôc vác có mười bảy tuổi. Thằng bé vừa đi tù một năm về, chẳng biết Ngãi từng tuốt guom, mã thượng có tiếng anh hùng nơi đầu sóng ngọn gió với đời. Hai người cãi nhau vì mấy đồng nợ. Thằng bé kia cấm sổ, cứ ám ó chưa chịu thanh toán. Nó vòng ra sau bếp nấu nhà Ngãi. Con chó trăn trăn nhìn. Nó vớ cái bom, bất ngờ giáng một cái vào đỉnh sọ Cả Ngãi. Ngãi gục xuống bát cháo ăn dở. Hộc một tiếng, máu toé lên, bắn vọt tận đỉnh ngọn tre. Tại đây có vết máu đen chảy mãi, chảy mãi lan qua vũng cát. Nước lũ năm ấy đỏ quạch. Dân làng bảo điếm gỡ. Chỗ Cả Ngãi chết, sau vụ nước, đất hồng lên, có đào mãi xuống cũng vẫn một màu còn nạc thắm hơn thế. Dân gọi đó là bãi máu Cả Ngãi.

Nơi bên cô gái chết tươi vì chân bước lầm vào chỗ xoáy của cầu phao năm ấy có tin đồn là gái trinh hiến non cho lão Bá đoạn sông Hồng này. Tôi chợt nghe năm ấy không còn tiếng ì oàm nơi đầu con phà vẫn chết neo ở bên đĩ. Nhưng nơi nào cũng thấy dấu vết của người làng tôi. Từng thước đất một.

Những câu chuyện bất ngờ về đất ruộng ở làng thì nhiều lắm. Người mạnh tay bán, người thì mua. Vài người làng sợ mất đình, nên nhiều người hào làng không lên phố. Trong số ấy có con Lý và thằng chông nó ở Hà Nội về cứ nhắn nhe bảo tôi đừng bán chác đất đai gì cả, vì mồ mã, ông cha, tổ tiên. Tôi bảo, lũ chúng mày ở Hà Nội, nếu còn hơi hướng nông dân về đây làm ruộng cho biết. Tôi vẫn đau người mỗi khi trở gió. Có bạn ra tới giữa sông nhưc hết cả xương.

Cây gạo mùa ấy, tháng ba tháng tư tháng năm gì đó, ở ngã ba ra bãi, bỗng nở ra rồi nhiều hoa đỏ, rồi sau vài bông trắng xoá, vài màu tơ bay dọc huyện. Nếu bà tôi sống lại, nhất quyết bà sẽ bảo đó là điềm tốt. Vàng, điềm tốt. Gốc gạo người ta băm nát, tróc lấy vỏ, nạo bằng được vỏ, về già với nước giải trẻ con để đắp vào những chỗ đau đớn của kiếp người. Ở chỗ gốc gạo ấy nhựa ứ ra sung phù. Tôi cũng ra đó nạo một đoạn vỏ, đắp ba ngày chưa khỏi nhưc.

Quả thật có quy hoạch làng tôi vào thành phố thật. Xã cho họp cả làng. Phổ biến chỗ này quy hoạch, chỗ kia đền bù. Làng nháo nhào, sôi động như vỡ đê. Nhiều ý kiến và người đông đúc tới dự hôm đó. Cái anh cụt hết tứ chi, giờ như lên lão, cũng thùng thảng với xe lăn tới. Gặp tôi, lão nói, quy hoạch, tiến lên là tốt, đừng biến làng này thành đất của người hàng tổng là được. Chúng mình là những người lính, phải ủng hộ những cái làm cho xã hội tiến lên. Còn cái chỗ canh đê ấy thì không được biến thành hàng quán, để lấy chỗ cho tởn hóng mát với lại khi có lũ lụt, thiên tai, trái gió trở trời, còn có nơi mà tập hợp thanh niên. Chả ai hỏi ý kiến của tôi cả. Mà có hỏi thì cũng ai biết tâm hồn người ta thế nào giữa dòng sông. Phải cả đời làm bãi và chèo đò như cha tôi và tôi, ở giữa dòng phân cách mới hiểu cho hết, khi ấy nó thui thui thế nào.

Đã u năm, tôi gọi em tôi về, bán đứt một nửa vườn nhà. Tôi vẫn chèo đò cũng được, nhưng tôi muốn nhà tôi là một thành viên của dân thành phố, muốn không còn dải phân cách giữa con sông nữa. Làng lên thành phố, xã thành khu rồi. Sao riêng nhà tôi cưỡng lại sự đổi thay của dòng nước? Cũng như có ai có thể ngăn nỗi khao khát, tới tuyệt vọng của tôi - bằng bất cứ giá nào cũng phải phá tan cái dải phân cách sừng sững như bức tường giữa sông kia.

Tất nhiên tôi vẫn chưa bao giờ quên biết bao câu chuyện của làng tôi. Tôi ghi lòng tạc dạ, toàn bộ những gì đã xảy ra. Tôi chớ bỏ ý kiến của con Lý, khi nó ở Hà Nội về nhất quyết bảo là cô mà giữ lấy làng. Nó biết quái gì. Cái làng tôi này, không thể để nó lẻ loi tồn tại, khi mà công ăn việc làm số ng đở chết đở. Phải số ng khác đi thôi, cho là dân làng tôi quyết định giữ gìn mà Ông Đông, cái điếm canh đê, hai ngôi đê trong và ngoài bãi, để còn có cái linh thiêng tới tận thế.

Đêm ấy, tôi lấy chiếu bạt lửa trên ban thờ bỏ tôi ra ngắm nghĩa. Tôi đốt đèn. Tôi lấy giấy bút ra ghi. Giấy trắng muốt, ghi lại, kể hết hình thế của làng, câu chuyện của cả nhà tôi, những bà, mẹ, con Lý, thặng ý, những đứa dân làng tôi và bên sông. Viết tới đâu, để mực không bao giờ bay màu, tôi phun nước hành giã, trộn vài giọt chanh lên tới đó<sup>(1)</sup>. Tôi vừa viết vừa như bay lên qua bãi giữa. Tới giữa sông thì không thấy ranh giới ngày xưa nữa. Thành phố vươn mãi ra, nhấn chìm ranh giới làng tôi. Tôi bay lên nữa thì không thấy đâu là thành phố. Cứ lên cao đi, nhìn xem, cả thành phố là một làng lớn, cao nữa thấy cả nước tôi là một làng lớn, như thời gian vượt qua biết bao lam lũ và biết bao số phận trong cái làng của chúng tôi.

Bây giờ là năm 2009. Toàn bộ giấy tờ của tôi viết dài chín năm trang được cho vào trong một cái chai đậy kín. Tôi tới mà Ông Đông. Chôn chín thước. Tôi *chôn xuống cho ngày mai* mọi sự

chuyện của làng tôi. Câu chuyện làng không hề có trong lịch sử huyề n thoại về một chỗ n bây giờ là nơi nổi tiế ng. Tôi đã chứng tỏ cho thiên hạ biế t, nơi đây, tại chỗ này đây xưa có một cuộc số ng, một làng với biế t bao nhiêu đau đớn, hạnh phúc, có cha, mẹ, bà, con Lý, mộ i tình của chính nó với thắ ng không bao giờ là em rể của tôi... Thế mà những đứ năm mươi năm mới hã i hùng chứ.

# Trong bão tuyết

**B**ây giờ là tháng 12. Sau Noel, tất cả, cả thời gian, dường như đóng đông lại bởi nhiệt độ ngày lễ và nguyên nhân chính là thời tiết quá tồi tệ. Băng như pha-lê bọc lấy cây cối, treo như thạch nhũ, rủ dưới đường thoát nước ngang mái nhà. Mặt sông, hồ đóng cứng một lớp băng trong suốt. Và, gió xoáy thổi ào ào những hạt trắng rả rã cứng như cát, suốt từ sáng qua đêm, ngày lại ngày. Mọi năm ấm hơn, thời điểm này hoa Forsythia<sup>(1)</sup> đã bắt đầu xé vỡ băng giá, xé toạc lớp vỏ khô rộp vì bóng lạnh, khoe những mầm tơ để ít bữa rực hoa rộm vàng như nắng hạ. Năm nay, Forsythia khi cành trơ khấc lá, chao đảo thảm hại trong bão gió, cố lay lắt sống qua cái buốt cứng hàm của mùa đông.

Trước đó ba tháng, tại vùng hẻm ở có đứa bạn bị những người đồ tể hương đột vòm<sup>(2)</sup>. Bọn chó hoang tha đi của gia chủ, bạn gái vợ chôn hẻm 15 ngàn Euro tiền hàng. Lại cách đây không lâu, tám nhà nữa bị cạy tung cửa. Chúng khuân đi cả đồ vật cũ. Tin ấy như một đợt gió hoang mang ập vào nhiệt độ gia đình Việt lương thiện. Vợ hẻm sợ hãi, nhưng cô tin ở kinh nghiệm và bao sự từng trải của chồng.

Hẻm bình tĩnh dặn thẳng con riêng của vợ: "Tao ở nhà thì không nói gì. Nhưng đi vắng, bọn trộm có lọt vào, cứ cho nó lục. Đừng sợ, đừng chống cự. Chẳng thằng nào trên đời này đẩy cửa là bấn luôn, hay chém phăng đầu chủ nhà. Còn nếu nó đông mà tao ở nhà, con chỉ có trách nhiệm gọi điện thoại cho cảnh sát. Còn lại là việc của tao". Đứa trẻ vừa mười tám tuổi, đứng trước hẻm, bậy lắm! Nếu ai hơi tinh đời, nhận ngay ra nó như một chú dê tơ vừa nhu nhú mầm sừng và đốm điện là con sói già. Nó nhìn bố dượng không chớp và "ạ"

nhẹ. Thực ra, thằng bé cũng từng *nếm trái*. Năm còn ở Hà Tây với ông cậu, cũng từng lang thang trốn nhà *đi bụi* mấy tháng. Còn khi bà ngoại và ông cậu trốn nó ra khỏi nhà, chút xíu nữa nó đã trở thành bụi đời chuyên nghiệp trên sân ga Hàng Cỏ. Nhưng quả thực, nó chưa thấy ai như "lão già" này. Cái gì cũng không lọt khỏi mắt lão, dù một lời nói dõng dạc vừa lổ kim.

Tuy nhiên, ở đời không thể chủ quan được! Đừng khi nào để mình rơi vào cảnh huống bị động! Hấn nghĩ vậy và tìm cách giấu tiền. Tổng số 25 ngàn Euro. Hấn để hai lần số tiền trước khi niêm phong chiếc phong bì chống ẩm, lại viết số tiền lên mặt phong bì, cẩn thận ghi ngày tháng. Hấn để tiền trên hộc tủ ngoài hành lang, nơi có *hộp công tác*<sup>(3)</sup> lổm vào. Hấn nghĩ, giấu chỗ này, tưởng sơ sài nhưng sẽ gây bất ngờ. Hấn chặn hai cuốn địa chỉ điện thoại nặng trĩu lên cái gói tiền. Tại đó có cái hộc nhỏ, nếu ai kéo cuốn điện thoại, túi tiền sẽ rơi xuống đó mà chạy xuống đường sau chiếc tủ cao nặng đã bị phích bằng hai bộ ốc vào tường. Việc giấu tiền sau ngày bạn hấn bị *đột vỡ*. Ba tháng rồi!

\*\*\*

Hôm ấy là chúa nhật. Gió thổi khô cằn hơn. Lạnh tới mức hấn và vợ nghỉ hai buổi chợ. Thời gian ngày nghỉ như dài ra, trôi chậm lại. Hai buổi chợ mất đứt hai trăm Euro là ít! Đúng vào tuần lương của Đức. Đúng ngày sát Noel! Vợ hấn cứ đi ra lại đi vào. Luôn chép miệng và ngó ra ngoài trời.

- Năm nay việc buôn bán thực quá tồi tệ. Mình đã ăn lẹm vào *vỏ cái*. Bù vào tiền ăn của nhà ta, chi nước thải, nước nóng trôi ra, và điện, chi chữa xe, tiền bảo hiểm sức khỏe, từ năm thêm thằng con em, bảo hiểm ép tăng nữa. Tất cả hơn tám ngàn. - Hấn nói với vợ.

- Vâng, em biết. Từ khi đổi tiền mới, cái gì chẳng tăng giá. Tôi kém! - Người vợ đang nhặt nhanh mấy túi ni-lon bao bì gấp xếp cẩn thận, để dùng cho bao việc lật nhặt trong nhà, mà nhẽ ra phải chi mấy chục sent từng tháng.

- Đòng USD lại tụt rồi! - Hấn nhả khói thuốc lên trần nhà. Tách một cái, mẫu thuốc bay lên lọt đúng vào cái gạt tàn để cách hấn hai tằm với. Màn hình nhoang nhoáng chuyển từ tin tài chính sang tin Mỹ mang lính đi chuẩn bị choảng nhau. Khuôn mặt hấn bị ánh sáng hắt ra, nhợt nhạt, hơi lạnh. Cái đi-văng cũ, da mềm màu huyệt dụ, vừa là chỗ ngủ của hấn vừa là nơi tiếp khách, phát ra tiếng kêu ọt ọt.

- Ông xem thế nào. Kỳ phép này của ông, mang USD về mà chi. Em tính, để Euro lại, sau này có giá đả y - Tiếng người vợ nói vọng vào.

-Ừ, sẽ mang tiền USD về. Cô ở lại, khi tuyết gió quá đừng tham mà ra chợ. Bây giờ hai đứa đã có tuổi. Có giàu thì giàu rồi. Ngộ nhớ, cô ốm lẫn ra thì chả bố. Tôi thu xếp xong mọi việc ở Hà Nội sẽ sang ngay với ba mẹ con. - Hấn nhả nha.

Cái câu *có giàu thì giàu rồi* mỗi lần gã nói làm người đàn bà đau thót tim. Chị vẫn thế. Số tiền hơn bảy chục ngàn USD gửi mẹ đẻ của chị ở Hà Tây đã tiêu tan trong một năm. Mẹ chị đã dùng tiền ấy đầu tư cho cô em bà ở Sài Gòn. Bà dì chị phá sản, tiền tan như khói. Chị đau xót căn mồi mỗi khi nghĩ lại. Không tin mẹ thì tin ai? Dầu khi ấy hấn đã can, chị biết gửi ai giữ tiền hơn mẹ chị. Hai đứa chưa lấ y nhau, chia tiền sòng phẳng xong, phải gửi về nhà. Hấn, nam giới, *chôn* tiền ở đâu chả được. Chị, nữ nhi, chắc nhất là gửi mẹ. Thôi thì cơ sự đã như vậy, chả nhẽ con lại căn xé, ăn thịt mẹ trở lại. Chị chỉ trách mẹ một điều, vì tham lãi to mà tự động sử dụng số tiền ấy. Võ lờ rồi cũng không dám nhận lỗi về mình, lại chửi chị,



thành người mang tiếng. "Con cái gì, nó là hạng chỉ nghĩ đến tiền, mà quên tình mẹ con!" Cấn rằng mà nuốt nước mắt với họ đương. Chị chỉ biết khóc. Phải rồi, ở quê, ai cũng nghĩ chị giàu có, tiền như nước. Về phép, cả họ có quà. Có ai biết cái nổi tha hương, mặt gục vào tuyết giá, nhìn ăn nhìn tiêu, nhìn cả tình cảm. Hừ, cái đau nhứt là sau đó để hấn, chông chị, có thể khinh rẻ. Trong khi tiền hấn *chôn* ở anh em, bè bạn hấn cứ nguyên vẹn, lại sinh sôi ra. Đau lắm. Đau quá. Giá như chết được! Khi ấy, chị đã nghĩ, chết mà hai thằng con, đưa khỏi nghiện, đưa không bỏ học thì dám chết. Chết cho nhẹ mình mình, để con cái vợ vất sống như con chị, người ta còn đào mả lên mà nguyên rửa! Sự ấy diễn ra lâu rồi. Thế mà nhớ lại, đau thứt! Nước mắt cố kìm lại vẫn lăn chã. Khó quá, chị biết mẹ tiêu dùng thế nào, vặn hỏi cho rõ từng khoản, lập tức đưa con chị bị đuổi khỏi nhà! "Chị nhiều tiền, nuôi lấy nó, kéo mang tiếng tôi là ở nhà trông cây vào tiền ở nước ngoài. Tôi là con ở nuôi anh em chị. Bây giờ lại là vú già nuôi con chị ư?" Trời ơi, người chứ có phải là cục đá mà gói mang con đi ngay được. Vậy mà thằng bé thóc tháo ra khỏi nhà. Anh ấy nghe tin, khăn cấp bay về. "Gia đình tôi sẽ nuôi nó!" Chị vẫn biết ơn chông khi hấn đón thằng bé về nhà bố đẻ, rồi lại tìm cách đưa được sang với chị. Nghĩ đi tính lại, chị thường đổ cho số kiếp. Kiếp người đàn bà mang chữ Quý, ngày nào ông giáo già ở làng đã bảo số con lận đận, mãi tới già mới được lộc của con cái! Cái ngày ấy chị như nụ hoa tằm xuân vừa hé. Nỗn nường nhứt huyện. Tin sao được! Càng lớn lên chị càng tự biết mình đẹp. Không đẹp, sao thời ấy bao họa sĩ về làng, tới tận nhà xin vẽ chân dung chị. Tưởng là lấy cái người họa sĩ ấy, thế mà trời không cho, anh đi bộ đội chưa đầy hai năm thì mẹ chị dứt khoát bắt chị lấy người bạn của ông cậu chị. Rồi tan. Tan là phải. Chị có yêu chông đâu. Hai năm đi Đức, chắt chiu được đồng nào, chông cũ tiêu hết, hai đứa trẻ trốn học không biết, về phép lần đầu tưởng cấn rằng mà sum họp, lại hóa ra chuyện về chỉ cãi nhau về tiền. Chửi tục, cật vắn, lục soát, thậm chí hít ngửi cả cái bờ áo chị

mỗi khi ra phố về. Trăm cái giả định hư đốn đập vào đầu chị. Năm sau ra tòa. "Ngôi nhà này mà đừng bao giờ quay về nhé". Khôn nạn, nào chị cần gì của cái, mặc cho cái ngôi nhà ấy tuy của cơ quan phân cho anh ta, nhưng ai đã tu sửa, nâng tâng, ai đã nuôi con cả mười năm bao cấp, mà gã thì suốt năm tháng lênh đênh tứ xứ với cái nghề đo đường và cái máu *xoè bài!* Tưởng sau cái đau chông con sẽ hết hạn má hồng, ai dè lại tới hạn chính mẹ đẻ chị gây nên. Thằng lớn ở với chông và dì ghẻ chán đời nghiện ngập. Dỗ nó cai nghiện, ngon ngọt bao ngày về phép, vừa bước chân chưa hết hơi chần hai mẹ con, đã nghe tin nó lại đầu vào đây. Đôi khi chị không hiểu được thời cuộc bây giờ. Người chông cũ không nói làm gì. Gã coi chị là kẻ thù là nhẽ thường tình, có thể hiểu được. Còn mẹ chị? Tại sao lại như vậy? Cứ nghĩ tới mẹ là như có một cục cứng chông từ đâu chẹn cứng lên ngực. Nào chị có phải kẻ bất hiếu. Chị nhớ bao nhiêu là bao nhiêu những ngày còn nhỏ. Những ngày bao cấp về nhà, cha mẹ bòn vón cho gia đình chị. Chị cũng chu toàn tất cả mọi sự với mẹ khi có đồng ăn, đồng để. Thế mà đừng một cái, cả thiên hạ làm giàu, mẹ dốc chúng làm giàu, lỗ mang cả số tiền lớn như thế đánh bạc với đời, để tới cơ sự này? Hay là bởi chị cứ rộng rãi quá, làm ai trong nhà cũng nghĩ, sang Đức này có thể xúc vàng ngoài hè phố, hái đâu cũng ra tiền. Khổ quá, giá như người ngoài thì đã đành. Chính là con người chị tin tưởng nhất ở cõi đời sau những tan nát của chị. Cũng tưởng đi nước ngoài kiếm tiền thì an ủi cho cái phận mình. Thế mà chính cuộc đi kiếm tiền này, lại là cuộc li loạn có bao nhiêu điều, mà một người đàn bà như chị chẳng bao giờ muốn mang tiền ra đánh đổi! Trong bao đau đớn khi chia tay với chông cũ, chị nhận được sẻ chia từ người đàn ông bây giờ là chông chị. Vừa về ăn ở với nhau nơi đất khách, mâm cơm cúng tổ tiên cũng là mâm cơm cưới với hơn mười kẻ cùng cảnh chưa hết mùi rượu duyên rồ rá cập lại, thì mọi tai họa cứ sồn sồn kéo tới từ sau nỗi đau thứ hai. Khổ quá, tệ nhất là trong số tiền mà mẹ phá đi cũng có cả tiền của anh ấy. "Anh cứ đưa tiền, rồi ở đây em gửi mẹ

mua lấ y mảnh đấ t mà dung thân về` già của hai đứ a mình". Cuộc đời luôn chên vên thế` nào. Chị thờ hấ t ra nghĩ tới hơn hai chục năm qua, từ ngày đi lấ y chồ ng, như trời phạt chị. Bây giờ, điề u an ủi duy nhấ t là thắ ng thứ hai qua đứ c bên này. Chị trút đứ c mớ i lo nặng nề` bấ y nay. Thắ ng bé lại biế t sợ bớ dưỡ ng. Cũng may là chưa khi nào nó ăn cấ p của ông â y. Nghĩ tới con, chị lại trào nước mắ t. Hình ảnh thắ ng cả bị bớ nó xích vào chân giường như lưỡi dao đâm ngập vào tim chị...

\*\*\*

Hấ n chợt bật dậy. Thế` là chị còn hơn tuầ n nữa hấ n lại đứ c trở về` Hà Nội. Đứ c nhìn thấ y những ngôi nhà, đườ ng phố, nơi hấ n lớn lên. Gặp bè bạn và tha hồ` bớ c phét với chúng trên *đê chồ*. Nghĩ mà khoái. Có lẽ phải tính toán lại số` tiề n mang về` chị cho việc bớ c xây mộ song thân, lại cho việc xây nhà sắ p tới trên mảnh đấ t năm chục mét mà ngày xưa hấ n kịp mua, trước khi giá đấ t cứ vùn vụt nhao lên.

Hấ n đi ra hành lang. Chợt nhìn lên nóc tủ nơi hấ n giấ u tiề n. Cuố n sách hơi lòi ra ngoài. Hấ n chợt dạ. Nhảy phấ t lên, luồ n tay vào.

Có đườ ng lạnh chạy dọc số` ng lưng. Hấ n giật tung hai cuố n sách nặng. Cái hồ` c trờ trọi. Một con nhện hoả ng hồ` t chạy từ nóc trầ n sát đó và những sợi tơ màu khói chắ ng ra cả tay hấ n.

- Mẹ nó câ` m tiề n ở đây à? - Hấ n giật giọng hỏi.

Người vợ từ bê` p chạy ra.

- Tiề n nào?

- Tiề n tôi giấ u ở đây này. Đâu?

Người vợ hoảng hốt, mặt tái xám, đứng như trời trồng giữa hành lang căn hộ.

Gần hai chục phút sau, cái tủ bị tháo vít khênh ra. Nhìn rõ đăm con gián nhỏ xíu chạy hốt hoảng.

\*\*\*

Cả nhà bị lật, rũ tung từng thước thảm. Những cuốn sách và toàn bộ giường tủ, quần áo. Những chậu cây, máy ti-vi và cả đống sau những bức tranh.

Đã bốn tháng nay hấn có ngó ngàng gì tới số tiền đâu. Công việc làm ăn quá hời thúc hàng ngày cũng chẳng để hấn và vợ thở nữa là ngó vào cái thứ coi là nguồn vốn dự trữ kia. Trời ơi, đây là toàn bộ số tiền sau hơn mười lăm năm còn lại từ bàn tay chai cứng như thép của hấn. Có thể đùa được đâu! Mười lăm năm xa quê, lang thang ba bốn nước, bao nhiêu chuyện xảy ra. Bao người thân yêu nhất mất đi mà hấn chẳng thể có mặt để dẫu là chỉ khóc. Gia đình cũ tan nát. Gặp người đàn bà cũng có sự đau đớn tương tự, gấn bó. Tưởng xây dựng được tổ ấm mới. Tiền đã mất hơn bảy mươi ngàn rồi. Còn lại khoản cuối này, khoản từ ngày cha hấn mất, hấn *tổng động viên* tiền quay lại Đức.

Hấn đi đi lại lại không nói. Nhưng thực ra trong hấn còn lên biết bao câu hỏi. Ai? Ai đã lấy số tiền này?

Hấn cố gắng bình tâm. Cách đây hơn hai tháng, lần ấy hai nhà Việt Nam nữa ở liền khu hấn sống, bị bọn trộm cùng một lúc, chờ gia chủ ra khỏi nhà, đã cạy cửa tự nhiên khuôn đi tất cả những gì có giá trị. Hấn có bàn với vợ di chuyển số tiền xuống hầm. Rồi sau đó vì công việc, hình như không làm việc ấy. Nói chính xác hơn là vợ chông có bàn, rồi sự làm ăn tui bụi của vụ Noel làm cả hai không kịp tiến hành thay nơi cất tiền xuống hầm nhà. Hay là vợ

hắ n? Hắ n hỏi lại vợ lâ n nữa. Người vợ yên lặng một lát, rô i ngắ ng lên nhìn vào đứ a con gái đầ ng đứng nép bên cá nh cửa: "Không, em hoàn toàn không tự đố ng làm việ c ấy."

Họ vẫn kiên nhẫn lục lại lâ n nữa khắ p các phòng. Họ lục tung cả thùng rác, lục cả vào đố ng sách vở của đứ a con gái còn nhỏ. Lại xuố ng tận tâ ng hầ m, nơi vợ và hắ n dự tí nh chuyể n tiề n xuố ng đố , dưới nhữ ng tâ m gỗ đẹ p mà hắ n nhậ t nhanh đễ địn g đố ng một giá sách cho thắ ng con riề ng của vợ. Không, nhữ ng thanh gỗ đầ y bụi. Không một vệt tay!

Đứ a con gái sáu tuổ i đứng tựa vào cá nh cửa, giò buớc tới ngã vào lòng mẹ. Nó không hiể u việ c gì đầ xảy ra. Nó thắ y khuôn mặt rắ t Boese<sup>(4)</sup> của cha nó. Nó thắ y bộ mặt sợ hãi tái nhó t của anh nó. Nhắ t là khuôn mặt mẹ nó khi nào cũ ng xắ m xắ p nước ở mắ t! Tù ng ấy với nó, một đứ a bé sinh ra ở Đứ c, là một sự ghê gó m quá rô i. Nó khó c.

Hắ n lòi tuộ t đứ a trẻ vào phòng ngủ của hai mẹ con, ấy n xuố ng giườ ng. Ngủ đi! Bô sẽ tìm thắ y tiề n, ông già Noel sẽ tới gửi nhiề u quà Noel cho. Hắ n dỗ con. Con bé sợ hãi nhìn cha nó. Ôm cổ cha nó mà hôn rô i rít. Bình thườ ng chắ mắ y khi nó làm vậy. Nhưng hôm nay nó sợ. Sự sợ hãi vô n là bản năng của con người ta? Cũng chắ ng thể hiể u ai đầ dạy loài người điề u đố ngay từ khi chậ p chũ ng vào đờ i, hay là cuộc số ng luôn bắ t trắ c đầ ngắ m từ máu cha mẹ vào tận nhau thai? Hắ n cắ n môi, nhế ch mép hé gườ ng cười, nói với con: "Con đừ ng sợ. Ngủ đi." Hắ n hôn vào má con bé như cắ n.

Đêm, không ai chọ p mắ t tới sáng. Hắ n đi đi lại lại, hế t bật nhạ c lại xem ti-vi. Rô i yên lặng, rô i hét lên. Chỉ có câu hỏi duy nhắ t miế t xoáy lên trầ n chạy vắ ng cả ba phòng trong căn hộ: "Tiề n! Tiề n ấy ai lâ y? Trộm? Đứ a nào? Ai? Sao nhà không có vế t cắ y

của? Sao chúng không khuân cái đĩa DVD thu phát modern, nhẹ tênh, có bán lại ở chợ Việt Nam cũng được cả ngàn? Ai?"

Họ không tìm ra câu trả lời. Suốt ba tháng qua, không có khách ngủ lại. Có ngủ lại cũng là ngủ với hã n hay với vợ, sao có thể biết tiêng ở đâu mà ban đêm mò ra lầy rô i chuôn? Vô lý, vô lý! Chỉ có tao và mẹ mày biết. Mày có biết không? Nó ở đâu?

Cứ như thế tới khi mặt trời soi rõ những con gió vẫn quạt mạnh ném tuyết ngập tới nửa mét trên thị xã, trên cánh đồng.

Bữa ăn nguội buổi sớm thực yên lặng. Nghe rõ tiếng bánh mì khi bẻ ra thả vào sữa. Tiếng nuốt sữa của đứa trẻ. Một lát, hã n nói chậm, nhưng gằn:

- Một mât mười giờ. Bây giờ chỉ có ba người. Không ai ngoài chúng ta. Tao? Mẹ mày, hay mày? Chẳng lẽ tao lại ăn cắp tiêng của tao? Mẹ mày thì không rô i. Mẹ mày không thể phản bội lại tao. Điêu á y mày chắ c hiểu.

Hã n nuốt một ngụm Netcafe rô i nhìn vào mặt thắ ng bé.

- Mày nghĩ kỹ đi. Tao không khẳng định mày lầy. Nhưng tao hỏi, mày có vô tình thắ y nó mà giắ u đi không? Hay là mày tưởng số tiêng á y của khách rơi ra? Mày biết tính tao đắ y. Tao cảm thù nhắ t trên đời tính ăn cắp. Nhật được của cái, không phải của mình làm ra cũng là sự ăn cắp. Là phản bội, nhắ t là bây giờ mày biết số tiêng á y là của tao, của mẹ mày, của chính cả mày và em mày. Nhưng tao thề có tổ tiên tao, nếu mày thú nhận, xin lỗi mẹ và em, tao sẽ tha thứ. Tao chỉ van mày từ nay nên thành thực. Đừng nói dó i và giắ u tao điếu gì. Đừng trách tao nghi mày. Nghĩ kỹ đi. Mày thiế u trung thực với tao, dẫu là khi mới bước chân sang đây tao đã nói cả trăm lầ n về điếu á y. Mày luôn trồ n học đi chơi. Mày bỏ đi cả tuầ n kì tắ t năm trước sang nhà chú Tâm khi tao và mẹ mày về Việt

Nam. Bao nhiêu cái lật vặt nữa, chúng nào tật ấy. Vậy sao tao có thể tin mày? Mày hứa với tao học chăm chỉ, học lý thuyết lái xe. Tất cả chỉ là hứa suông. Mày thích chơi điện tử, vào nét hơn là rèn luyện để trở thành người đàn ông đủ tài mà chống chọi với cuộc sống!

Người vợ ngò i né mặt, với nhìn sang đứa con gái nhỏ. Thằng bé thì cúi gằm mặt xuống. Tất cả những điều ấy không sai với nó.

- Nhưng con không lậy và không biết số tiền ấy. Con thê !

- Thê ! Tao thê được như mày. Vậy ai đã lậy tiền? - Hấn chau mày. Giọng nhỏ, danh sắc và cặp mắt sáng tóa lửa như mũi mác phóng vào mắt thằng nhỏ.

- Con thực không biết! - Thằng bé lé mắt lên yếu ớt nhìn dượng nó. Nó hiểu, con người này đã đối xử với nó rất tốt. Tốt hơn cả cha nó. Chẳng thế nó từng nói với bà giáo Hega trong kỳ nghỉ đông vừa qua: "Dượng em rất được, ông ta biết em ốm. Biết em bất kỳ ở đâu, còn cha để em không bao giờ biết em đang ở đâu từng ngày. Chỉ tội dượng em tính nóng hơn lửa. Ông ta rất thương mẹ con em. Bà hiểu không?" Nó lí nhí: - Quả thực con mãi chơi. Con từng ăn cắp ở nhà. Nhưng từ ngày sang đây con không ăn cắp. Con biết bố rất ghét và con đã thê với bố về điều ấy rồi! Con có lỗi là còn hay nói dối. Con sợ bố mẹ mà nói dối, chứ con không muốn nói dối!

- Mày sợ. Mày sợ, nên để con chim mà mày luôn mô m kêu yêu nó, chế t rét trong lòng, khi mày chạy đi chơi suốt cả tuần lúc tao và mẹ mày vắng nhà. Mặc kệ băng giá hành hạ con vật. Vậy ai tin mày? Nếu mày là con đẻ tao, tao sẽ đập chế t, hiểu chưa?

- Bố ơi ! Con xin bố tha cho anh! - Đứa bé gái cất tiếng, nó sấp khóc. Nó chạy từ lòng mẹ nó tới bên anh. Tự nhiên người đàn bà nước mắt chảy lã chã. Thằng bé cũng âm thầm khóc.

Yên lặng.

Hắ n dịu giọng:

- Mà nghỉ kỹ đi. Ai cho mà ngày hôm nay? Tao đã quỳ xuô ng van nài bô tao, chị tao nuôi tạm mà khi mà đói gâ y trên sân ga trở về với mẹ mà. Tao lại chạy ngang chạy dọc đưa mà sang đây cho mà hết cái cảnh có mẹ mà như không. Tao sắ m cho mà từ cái áo tới cái quầ n. Tự tay tao. Tao cũng từng như van mà, hết ngọt tới xắ n rằ ng là đàn ông thì phải kiêu ngạo mà tự tay mình làm ra tiề n. Mà nghỉ lại đi, con. Tao với mà chả ruột thịt gì. Sao tao lại cắ n rằ ng nhớ thương con tao ở quê hương để chăm cái đứa chẳng máu mủ như mà? Bởi vì mẹ mà đắ y, hiểu chưa con. Mà thắ y nó rơi ra mà nhặt được thì đưa cho mẹ mà. Tao thề , hai thắ ng đàn ông, thề có hương hờ n cha mẹ tao, rằ ng tao sẽ không trừng phạt...

Hắ n nghẹn lại vì xúc cảm thực sự. Không khóc, nhưng giữa ngực hắ n có một dòng chày nóng giắ y bò ngoắ n ngoèo trong từng đường gân mạch máu. Hắ n cố giữ mặt lạnh:

- Thôi, tao nói vậy là đủ. Cho mà suy nghĩ từ giờ tới tồ i. Nế u mà chứng minh được tiề n này người ngoài vào lắ y. Hay là vợ tao, mẹ mà, lắ y tiề n của chính chúng tao? - Hắ n cười gắ n. - Mà nói đi! Sự thật ! Tao không cắ n nói tới nó nữa. Tao sẽ lại làm lại từ đầ u. Tuy là mà biế t đắ y, cơ hội kiế m tiề n chẳng bao giờ như ngày hôm qua. Tao già rồ i. Nhưng tao sẽ không sợ. Tao yêu thương tất cả, nhưng tao că m thù sự phản bội và không sợ bất cứ khó khăn nào, nhắ t là nó tới từ kẻ thù của tao ở đời. Tao chồ ng cự đế n cùng! Mắ t hắ n đột nhiên toé sáng.

\*\*\*

Bóng tồ i bắ t đầ u trù m lên thị xã. Ngoài kia, tuyế t vẫn trùng trùng rơi. Chỉ còn một ngày nữa là Noel. Những ngọn nế n điện,



những đèn hoa nháy nhấp nháy sáng chói trên các khung cửa muôn nhà, nhập nhòa vào từng đợt tuyết trắng như sữa trên mặt kính, làm khung cảnh đêm huyền kỳ thêm.

Con bé bám tay vào thành cửa sổ. Nó nhìn sang dãy nhà bên kia đường. Tại đó có mấy người đi lại thoáng trong gió. Ở nhà nó đang xảy ra điều gì? Bây giờ này mà vẫn chưa thấy ông Noel tới. Mọi năm ông già ấy với cái áo đỏ tươi và chiếc mũ cũng đỏ tươi đã tới phát quà cho nó. Chắc năm nay ông ấy giận gia đình nó mà không tới. Muốn ông già Noel tới, phải học giỏi và không được cáu kỉnh. Bố nó nói vậy. Nó thì học tốt rồi, vậy thì chỉ tại bố mẹ nó đang cáu kỉnh mà ông già Noel không tới thôi. Quay lại nơi hai bố mẹ nó đang ngồi bên nhau nói chuyện rất nhỏ, nó hỏi: Tại sao bây giờ ông già Noel chưa tới, papa? Mẹ nó nhìn đứa con cố nói nốt một câu với chồng: "Em nhọc lắm rồi. Đã hỏi nó rất kỹ rồi. Em van anh đừng trách nó về Việt Nam. Cho nó tới Muenchen đi vật lông gà vậy. Nó về nhà chắc nghiện như thằng anh nó. Thế thì em tự vẫn!"

Hấn ôm con gái vào lòng, vuốt tóc đứa con gái. Mọi năm giờ này hẳn đã đóng bộ ông già tuyết từ hầm đi lên giả giọng ồm ồm, xì xồ tiếng Đức, phát quà cho con hẳn. Bây giờ thì bụng dạ nào mà làm việc ấy. Hấn nói dõng: "Con à, năm nay bão, xe hươu của ông ấy hỏng bánh rồi, ông ấy cũng già hơn cả ông nội con, không tới được đâu!" - "Thực không, papa? Ai nói cho papa biết xe ông ấy bị hỏng?" Hấn ôm đứa nhỏ vào lòng: "Bố gọi điện hỏi rồi mà. Nhưng thế nào ông ấy chả gửi quà cho con. Để sớm mai bố ra mở hộp thư. Chắc có quà, con ạ. Ông già Noel tốt lắm. Bây giờ ngủ đi!"

Tuyết vẫn ù ù đập vào cửa cho tới sáng. Phòng thằng lớn vẫn lom dom cái đèn học. Ánh sáng chiếu qua khe cửa hở một vệt như mũi lao đâm sang nơi hẳn ngồi hút thuốc suốt đêm. Hấn ôm mặt muốn khóc mà chẳng thể.

Hắ n nhớ lại cả cuộc đời hắ n. Khuôn mặt luôn khó đăm đăm của người vợ cũ. Ngôi nhà nhỏ của tổ tiên mà khi chia tay, hắ n cắt phăng như cắt một khúc ruột, cho đứt con người nguyên rủa kia chỉ vì đưa con gái bệnh tật. Những ngày trôi dạt bên Nga. Cái phòng nhỏ khói a-xít lơ lửng, dày đặc quyền che kín cả trầ n nhà. Cuộc di dời đầ y mạo hiểm qua nhiề u biên giới. Hắ n chưa khi nào thua ai cả. Vậy mà tại đây hắ n mấ t mát bao nhiêu mà cuô i cùng lại bị phản bội. Trời ơi! Giá mà hắ n biế t rõ ai lầ y sô tiề n này! Hắ n sẽ đâm ngáp dao vào giữa tim kẻ nào ăn *cróp cạn* của hắ n. Hoặc bắ n nát đầ u mà ném vào rừng cho chó sói cắ n đi từng mảnh. Sự nghi ngờ bao giờ chả là nghi ngờ! Hắ n không phải là loại người làm điề u không có bắ ng có. Cuộc sô ng của hắ n cũng bao lầ n chịu oan uổng ở quân ngũ, ở cơ quan, ở đời, nên hắ n thận trọng. Còn chính xác thắ ng chó á y lầ y tiề n nhi! Hắ n đau đớn chừng nào bởi như vậy không chỉ là mấ t tiề n! Hắ n nhớ tới ngày xin gia đình hắ n đón thắ ng nhỏ về nhà, cha hắ n là con người của ngày xưa thủng thắ ng: "Đây bầ u đeo lầ y quả bầ u. Thề gia tộc hai đầ ng của nó đâu?" Hắ n quỳ xuô ng: "Đây là con của người đã chia sẻ bầ y nay với con ở bên đó. Con không thể bỏ rơi bè bạn khi hoạn nạn. Con sẽ lầ y cô á y làm vợ. Thắ ng bé không phải con của con. Nhưng nó là người. Cha hãy vì con mà thương nó!" Thề mà bây giờ thắ ng á y dám phản bội lại hắ n. Hắ n giận dữ miề t tay xuô ng cạnh bàn. Ngón tay cái hắ n ứa máu. Hắ n chả thắ y đau. Thản nhiên liề m.

Hắ n đau khổ tới cùng cực.

Thực ra, con người như hắ n thật đáng thương. Khuôn mặt hắ n có vế t sẹo dài trên trán. Đầ y là vế t thương của chiế n tranh, ngày hắ n đánh vào giải phóng thị xã Tuy Hoà. Còn cái vế t sẹo to như con giun ngoẫ n ngèo chạy từ bả vai tới xuô ng tận cổ tay trái là nhát dao kỷ niệm của đắ m thợ hoàn kim tại Nga, vừa là ân nhân vừa tí nữa là kẻ thù của hắ n. Ân nhân vì khi nước Nga sụp đổ, hắ n mấ t hế t cả

tiền sau chuyên đi tận Kavkaz đồ bột nghệ bị đám cướp lạ chí sùng vào đầu mà lột sạch. Đang lang thang ngoài ga, đối tượng chết thì gặp họ lôi về nhà cho ăn, cho mặc và cho cả chân giúp việc tách vàng trong cái phòng ngọt ngọt. Tí nữa là kẻ thù, vì bữa tiệc cuối năm, say, cả lũ say mèm vì hơn mười chai Vodka. Thỏi vàng vừa cô lại trong túi quần hậu của tay nhóm trưởng không cánh mà bay sau giắc ngủ trên thảm, giữa đám vỏ chai và thức ăn bữa bãi. Thế là chúng kéo hẳn, cái thừng vô gia cư bị nghi ngờ nhất vừa mới quen chưa đầy ba tuần lên, với sợi dây dù trói ngược cánh tay, treo lơ lửng trong phòng bếp. Hẳn có *chôm* đâu mà khai? Con dao bếp Nga sắc đã lướt nhẹ từ vai tới cổ tay để máu rỏ lổng vổng như cứt tiết gà xuống nền bếp. Người ta lại lập tức hạ hẳn xuống cấp cứu và theo luật giang hồ hẳn được tặng lại nhát dao ấy cho kẻ cửa hẳn, khi thừng mất vàng tìm thấy thỏi vàng nửa kí rớt ra sau bồn cầu toa-lét hôm đêm trong trạng thái say xỉn. Có thể sự oan uổng ấy làm hẳn thận trọng hơn với thừng bé trong vụ này. Thận trọng thôi, chứ khả năng nó *chôm* là nhiều. Bởi hai trường hợp khác nhau. Hẳn hư đốn giang hồ, nhưng không có tiền sử trộm vặt. Hẳn giang hồ cũng vì biết bao điều của cuộc đời, chứ thực ra hẳn sẽ giữ được bộ mặt không tới nỗi nào, nếu được sống trong ăn học tử tế và đừng đối nghèo. Vâng, đúng như vậy. Hẳn bất giác sờ tay lên đôi má sọp lại. Giá đầy đặn hơn. Giá xóa đi nét phong trần, con mắt sáng và cái mũi thẳng, đôi môi trái tim hồng lại, phải là một khuôn mặt đẹp của đàn ông!

Tiền đồ ng hồng vẫn tích tã từng giây đủ cho cả ba con người trong ba phòng nghe rõ. Chỉ có đứa con gái nhỏ là ngủ. Nó mê gì? Môi son hé cười và đôi tay hồng năm lầy búp-bê cô Công Chúa Tuyết.

\*\*\*

- Tôi đồng ý. Ngay sau tết Tây, tháng con bà sẽ đi xuống phía Tây chỗ bọn tháng Tuấn *Tanh* nhổ lông gà. Nó không được ở đây nữa. Để cho tháng Tuấn *Tanh* trị nó, cho nó biết thế nào là lễ độ. Không học hành gì nữa. Mà cũng còn đâu tiền cho nó ăn học tiếp. Mười tám rồi. Ở Đức này, mười tám là phải tự lập. Các bà mẹ như cô không học ra điều gì khi xem phim tài liệu về đại bàng sao? Đại bàng mẹ lấy cánh đùn con xuống vách đá, khi con chim nhỏ vừa đủ lông. Con chim non chấp chới, sợ hãi đập cánh và nó nhào vào luồng khí bay lên! Muốn con bà thành đại bàng hay mãi mãi như con gà nhép nép vào cánh mẹ? Và lại khi hai tháng đàn ông phản bội nhau, không tin nhau, thì sống cạnh nhau tất có ngày xảy ra hậu họa. Tôi không sợ nó, nhưng tôi sợ chính tôi! Tôi hy vọng cái ưu điểm của con bà là chăm chỉ lao động, được rèn giữa bây nay sẽ giúp nó nên người. Còn ở lại với tôi - không thể được! Tôi cũng nhắc lại với bà là nếu tôi phát hiện chính xác, nó đã lấy tiền của tôi, thì bà liệu tìm nó và bắt nó phải quỳ xuống trước em nó. Tôi sẽ biết, trước và sau sẽ biết. Sống tiền ấy không thể là cái kim mà giấu được. Nó phải tiêu. Phải gửi về cho bố để nó. Phải mua xe mới chẳng hạn...! - Hấn và vợ bỗng đồng loạt thở. Không phải thở dài. Tiếng thở hắt ra, nhưng ở hai người đều có ý nghĩa khác nhau tới đôi nghịch.

Bên ngoài có tiếng chuông.

Tháng bé ra mở cửa. Đó là bạn gái của vợ chồng hấn. Một người đàn bà tứ tũn, quần áo queo như trái quéo héo.

- Em nghe tin hai bác có việc không may! Có mỗi mình em ngủ lại đêm ấy. Anh chị ơi, em cũng bị đập hộp, mất tiền, sao mà nữ lòng nào nhất được tiền của hai bác!

Chưa đặt đít đã đặt mồm - Hấn nghĩ - Ai bảo cô nhất tiền?

Người đàn bà sà tới bên tháng nhỏ:

- Cô mong cháu lên làm, mà nhà có việc, không đi làm, sao không báo cô? Cô không gọi điện cho mẹ cháu thì sao cô tìm ngay người khác thuê chân cháu. Khổ quá, anh ạ. Quán ế cả năm, bây giờ tụi nó mới đi mua sắm. Em bỗng rộp hết cả tay vì dẫu đây mà vẫn phải lặn vào. Thôi, cháu còn nghỉ đông có hai tuần. Việc xảy ra đã rồi. Để cháu lên làm tiếp với em xem sự thể ra sao. Gớm, khổ anh chị quá. Nhà em mất tiền còn cái quán nó đỡ, chứ anh chị thì... ày, hay năm nay chị cũng sao Thái Bạch chiểu như em nhỉ?

Người đàn bà kéo đưa con trai và vợ hấn vào phòng nhỏ. Từ đó vọng ra tiếng rì rầm. Hấn yên lặng hút thuốc tại phòng khách và nửa tiếng sau, lòng hấn đau thắt, rồi bời khi nghe rõ tiếng thét của thặng con vợ trong phòng:

- Con sẽ tự tử, con sẽ chết để chứng minh cho cô và dượng là con không biết gì!

Dẫu sao, hấn vẫn là tên giang hồ những có gốc gác một gia đình tử tế. Hấn nhảy bổ như cắt bay vào phòng thặng nhỏ. Hấn nhìn rõ, thặng bé nước mắt lưng tròng. Người đàn bà đang ôm lấy đứa trẻ và vợ hấn lại ôm lấy vai người đàn bà.

Hấn quay ra ngoài. Ôm lấy dẫu gục xuống mặt đệm sa-lông. Lấy cái gối úp lấy mặt.

Nửa tiếng sau. Hấn ra chốt cửa, sau khi người đàn bà và thặng bé lí nhí chào hấn. Từ hành lang vọng lên tiếng bàn bạc rì rào. Tiếng nhỏ nhưng bay lên, đập vào trần, rót xuống đôi tai tinh như tai chó sói của hấn:

- Hay là cô và cháu ra ngân hàng vay tiền nói là sửa chữa quán để bù tiền mất của cha mẹ cháu?

Có tiếng thặng bé, không rõ lắm:

- Cô muố n gì cháu cũng làm...

Tiế ng xe nổ máy êm êm. Hắ n hình dung ra chiế c xe của họ bò loã ã ng ngoã ã ng trượt trên con đường còn nhậ y nhục giá băng. Trời lại sắ p tồ i rồ i và tuyế t vẫn không ngừng rơi.

\*\*\*

Mười một giờ đêm. Chỉ còn tiế ng nữa là hế t sang ngày Noel.

Con bé đã ngủ. Người vợ hắ n giấ u mặt xuố ng gồ i, nhưng thực ra không ngủ. Thê là đã ba đêm hắ n không ngủ. Hắ n rấ t mệt. Hắ n tới bên bàn thờ thắ p một nén hương cho cha mẹ hắ n và bật nhạc. Tiế ng nhạc giao hưởng làm thậ n kinh hắ n dịu lại. Hắ n uố ng một cốc vita tổng hợp và dựa lưng vào đi-văng.

*Bóng người mở cửa rón rén vào hành lang. Bóng đen tới cửa nhìn hắ n. Hắ n nín thở vẫn giả vờ ngủ. Bóng đen tới bên chỗ hắ n giấ u tiề n và trèo lên bậc gờ tủ. Hắ n bật ra nhanh như tia chớp giật tóc bóng đen và tung đầ u gồ i lên. Hắ n dang tay chém như máy vào gáy đồ i thủ cho tới khi chỉ còn là cái xác mê m nhữ n. Hắ n cười. Rút con dao bắ m á n nút và cửa mạnh, đứ t rời bàn tay thắ ng chó ả n trộm gọn như vế t đạ n cắ t mà hắ n nhìn thậ y ở đầ u. Sợi gân giật giật làm hắ n tồ i mắ t. Cái mặt bị lật ngửa và hắ n nhận ra khuôn mặt quen thuộc của đầ u con vợ. Hắ n thét lên, không thể như vậy!*

Tiế ng thét làm người vợ choàng tỉnh. Chị chạy ra, chồ ng chị vẫn đang vật vã trên đi-văng và nói gì ú ó.

- Anh! Tỉnh dậy, tỉnh dậy!

Hắ n choàng tỉnh. Ngơ ngác gồ i dậy. Mô ã hoi đầ m đầ trên khuôn mặt phong trầ n của hắ n.

Đèn bật sáng trung. Mười hai giờ kém bốn phút. Bây giờ là sáu p sang ngày 25 tháng cuối cùng của năm.

Hấn để vợ quay lại với con. Ra vô c nước lạnh vỗ vào mặt. Tự nhiên sau giấc ngủ, hấn thấy nhẹ lòng, đầu buồn tê tái. Hấn tới bên con trong phòng ngủ. Tự nhiên hấn nhìn vào cái tủ đựng đồ chơi của con. Những ngăn kéo xếp nhiều đôi tất xinh xinh và những con giông xinh xinh. Như có một ma lực xui khiến, hấn mở ngăn kéo sát đất, mò tay vào cái hộp bé dưới thanh gỗ vừa rộng đúng bàn tay dài sáu chục phân.

Bàn tay hấn đặt vào hai tập giấy. Cái sức nóng ở tiêng hay cảm giác của máu sôi làm hấn giật thột.

Đây rồi!

Hấn giật ra, ánh điện chiếu sáng hai gói tiêng. Mà tại sao hai gói tiêng?

Cái gói của hấn, dày hơn, bên trong. Giấy còn nguyên niêm phong và dòng chữ hấn ghi. Cái gói mỏng hơn, bên ngoài. Tung ra một sấp tiêng Mỹ và Euro. Không hiểu sao hấn bình tĩnh đến thế. Hấn quay người lại giờ hai tập tiêng lên:

- Ai giấu tiêng vào đây? Lại cả tập tiêng này nữa?

Người vợ lật sấp người lại, nhao lên:

- Trời ơi! Tiêng à? Thấy rồi à? Trời ơi, con ơi! - Chị lú cả lười.

Hấn lạnh lùng:

- Hãy giải thích ngay lập tức vì sao bà phản tôi. Tiêng này ở đâu ra? - Hấn quẳng tập tiêng mỏng một cách khinh bỉ xuống đất!

Người vợ oà khóc.

Chị quý xuông thăm.

\*\*\*

- Hãy cho em nói. Anh hãy giết em đi, nhưng cho em nói lời cuối! Đây là tiền em ăn cắp của hai chúng ta giấu riêng. Nó là hai ngàn bảy trăm USD và hai trăm rưỡi Euro. Hôm qua, chính hôm qua em sợ quá giấu vào đó. Vâng, mỗi ngày em lấy ra năm ba chục và cất riêng. Còn em không biết tại sao số tiền kia ở đây. Anh và em cũng có lần bảo giấu nó vào đây, nhưng có ai làm đâu nhỉ? – Chị suy nghĩ một lát, rồi trở nên bình tĩnh. - Sau đó anh bảo mang xuông hầm! Hãy giết em đi! Chỉ từng kia tiền ăn cắp, em đủ tội chết vì phản bội anh. Vâng, em đã phản bội. Từ ba năm nay, anh luôn cầu mỗi khi em gửi tiền về cho con trai em. Vâng, nó ngoan, nó láo với anh, nó khôn nạn, nhưng nó là con em.- Tự nhiên giọng người vợ rất chậm và rành rọt. Chậm cùng với những giọt nước mắt chậm đổ xuông mặt thăm. - Nhưng em hy vọng nó sẽ hết ngoan. Anh đã thù nó tới xương tuỷ khi nó chửi anh. Anh đã nuôi thả ng em nó và dạy nên người. Nhưng chắc anh sẽ chẳng bao giờ cho nó một đồng sau này, nếu nó có vợ và con. Anh là đàn ông, anh tinh táo hơn và chỉ ra biết bao điều em làm lỡ, nhưng anh ơi, anh không biết trái tim của em đau đớn cực khổ ra sao, khi nghĩ, dù thoáng qua thôi, tới hòn máu của em, dẫu nó là hòn máu khôn nạn. Vì thế em quyết định chuẩn bị một chút thôi cho nó... Hãy giết em đi! Em ích kỷ, phản bội anh, con gái và... Nhưng bốn năm nay không làm ăn ra tiền, em sợ, sợ tới ngày nào đó chúng ta sẽ không còn một đồng dự trữ. Chúng ta còn có xã hội ở đây. Không sợ rét và đói. Thằng bé em nó sẽ lớn lên, đi làm và không lo gì. Còn thằng kia. Giọt máu của em?



Người đàn bà bò lê t tới chân hắ n. Nước mắ t ngập đầ y hồ c  
đôi mắ t mà bao lâ n hắ n đã thương xót hôn vào...

Ngay khi đó, con bé gái thức giấ c. Nó bật ngay ra lao vào mẹ nó  
và ôm ghì lâ y cổ mẹ. "Mẹ, Ma ma, Ma mi!" - Nó rô i rít gọi.

Hắ n đứng như trời trồ ñg.

Khi â y, từ đâu như có trăm ngàn mũi mác cắ m sâu và ngoáy  
mũi, tàn nhẫn, vào con tim hắ n. Khuôn mặt cảm lạnh. Nhưng thái  
duy hắ n, sợi máu giầ n giật vì biế t bao điề u, chớp mắ t phanh  
phui, đan nhau: chà đạp, hành hạ, coi phá những điề u trong u tô i,  
vói cả sự hoan lạc tới điể m cuô i của kẻ biế t đượ bí mật của sự thật.

Không hiểu sao, dẫu là còn mong manh tơ vò điề u chưa tỏ, hắ n  
chợt nhớ tới khuôn mặt đầ m máu của thắ ñg con vợ trong mơ. Hắ n  
ngắ t lời vợ:

- Thôi, cảm đi! Gọi ngay điệ n cho con. Nó là người đầ u tiên phải  
biế t rắ ñg chúng ta đã tìm thắ y tiề n. Điề u â y quan trọng nhấ t.  
Còn tôi và bà sắ p chề t cả rô i. Hiểu chưa? Đồ ... - Hắ n nghẹt lại.

Nói rô i, hắ n quay phắ t ra phòng khách. Ngồ i xuố ñg ghề .  
Lầ n đầ u tiên sau hơn 15 năm lưu lạc, hắ n khóc. Lòng hắ n có một  
điề u mệnh mang rắ t buồ n mà hắ n, và chỉ hắ n, biế t lí do của  
nó.

Người vợ chạy từ phòng sang. Đứa con gái lon ton sau mẹ.

- Gọi eng gọi eng về ! - Nó nói tiề ñg Việt thực ngọng nghịu dễ  
thương.

- Con nó về ñ từ hơn một tiề ñg rô i! Cửa hàng đã đóng cửa.

Hắ n nhíu lông mày. Đầ u hắ n vọt ra câu hỏi. Hơn một tiế ng sao chưa về tới nhà? Hay là? Hay là không có xe Bus? Hay là nó còn đang lê trong đường tuyế t, đường rừng từ bê n Bus về nhà?

Hắ n vợ vội áo lông dày, vọt xuô ng câ u thang, không nói với vợ nửa lời. Hắ n chạy ra ô-tô. Nổ máy. Trời lạnh, tiế ng kin kít của máy đê mãi mới nổ được càng làm cho hắ n số t ruột. Đùng, đùng, mọi sự đùng xấ u nhé! Hắ n nhắ n ga cho xe chồ m rẽ tuyế t và lao hết như viên đạn bay xé gió tuyế t về con đường rừng vắ ng tanh. Hắ n bật đèn pha cháy rực cả con đường trắ ng xoá.

Tới mười phút sau không chính xác, chiế c xe quay một vòng bên bìa rừng cạnh một bóng nhỏ ngô ì im như tạc bằ ng đá trên một thân cây gỗ nằ m ngã xuô ng bìa rừng từ đầ u con bão tuyế t vụ đông năm ấy.

Hắ n hô i hả mở cửa xe, hô i hả lao như con sói vào đứ a con non của sói.

Hắ n nhìn thấ y khuôn mặt thắ ng bé. Đôi mắ t vẫn nhắ m. Trên vai áo khoác dạ, những bông tuyế t trắ ng muố t, tinh khiế t, sáng rực dưới ánh đèn pha ô-tô. Hắ n ôm choàng đứ a con. Thọc tay vào ngực đứ a trẻ, xoa lắ y xoa để....

Nửa giờ sau. Hắ n và người vợ ngô ì bên đứ a trẻ được xoa tuyế t toàn thân, rô ì ủ chắ n ấm đã tỉnh dậy. Nó ngo ngắ c nhìn.

Hắ n cười. Nụ cười sau bớ n ngày chề t nay lại hô ì sinh. Nụ cười làm khuôn mặt hắ n đẹp lạ lù ng. Cái đẹp của người đàn ông giang hồ từng trải và đau khổ khi được cười hạnh phúc.

- Con ơi, thấ y tiề n rô ì!

Thắ ng bé nhỏ m dậy. Nó ngo ngắ c và, chọt hiểu. Nó cười.

Ba con người, đúng hơn là bốn con người ôm chầm lấy nhau và họ đều im lặng để nước mắt người này quyện với nước mắt người kia.

\*\*\*

Những ngày sau đó, không ai lục vắn số tiên lớn kia, hấn hay vợ hấn, hay con hấn, đã cất. Bốn ai mà nhớ ra trong mấy ngày tuyết gió có bao nhiêu trận tuyết? Và lại, mọi điều quan trọng nhất đã sáng tỏ. Đây là hấn nghĩ vậy.

Cũng thực kì lạ, cái lão trời già lắm chuyện. Gió như thế, bão như thế mà thoát một cái, băng lại tan và mặt đất hiện ra. Mặt đất đen tuyền, nhưng không lạnh.

Ven đường, cạnh chỗ thẳm bé ngoèi hơn một giờ trong đêm, có bụi hoa Forsythia, cành chua chua vươn mãi. Mới ấm một tẹo thôi mà đã chi chít mầm vàng chói. Màu non ấy, ai nhìn kỹ đều cho là nắng sớm đọng vào đó báo hiệu xuân sẽ về...

*24/12/2002 - Nước Đức*

# Thật là giản đơn

**H**oàng tới New York vào đầu mùa hạ. Cha mẹ cậu tới Mỹ với nhiệm kỳ công tác nhiều năm, nên họ quyết định mang cậu theo. Tất nhiên là tốn kém, và cậu bé không thể quen ngay được với đất nước mới toanh này. Thật đáng là vô cùng lạ với thành phố New York, bởi ngay tuần đầu, tại nơi ở mới cậu đã kiếm được tới ba mươi nhăm con tem có chữ New in trên hình những đứa trẻ ba màu da khác nhau khuôn mặt rất thân thiện.

Việc học tập tất nhiên có khó khăn một chút, nhất là năm đầu tiên để tập nói và tập viết, nhưng rồi sẽ đâu vào đấy, như lời bà giáo Rebecca, đã nói với mẹ cậu. Nếu ai hỏi rằng, cậu có thích thú tới Mỹ không, cậu sẽ ngay tắp lự trả lời: thích chứ. Còn gì sung sướng hơn là được ở với cha mẹ, hàng ngày không phải lo lắng vì bất cứ điều gì, ví như đi học, ở đây đúng là một trò giải trí. Việc ăn uống như ở Việt Nam là chán nhất, bởi vì sống với bà nội được chiều, nên cậu lười cả khi ăn. Khi được mẹ phân công giúp bà thu dọn bát đĩa, cậu thấy thà đi làm việc nào đó nặng nhọc còn hơn, như chỉ củi giúp bà chẻ hạn. Còn ở đây, cậu chỉ có trách nhiệm ăn đồ trong các bọc ni-lon hay giấy màu và tống vò vào thùng rác.

Tất cả đều hài lòng! Việc không hài lòng Hoàng phải giấu nhẹm đi, ví dụ không hề có bạn như hồi ở Việt Nam; lại nữa, phải học tụt xuống hai lớp. Đôi khi cũng chợt nhớ một bầu trời mênh mông và cánh đồng xanh luôn rì rào gió thổi. Một thoáng nào đó thôi, đấy là thời cậu ở với bà ở ngoại thành Hà Nội. Bố mẹ thường xuyên đi nước ngoài, ông thì mất lâu rồi. Cậu chỉ còn biết ông qua tấm ảnh thờ. Ông là liệt sĩ. Bà thường hay kể về ông rằng, ông hy sinh ở chiến trường và chưa tìm thấy hài cốt. Những tấm huân chương của ông để lại và khuôn mặt với nụ cười của ông rất

hiền. Cậu thích hơn cả là khi bà kể về những con vật nơi quê hương. Những con vật trong các câu chuyện cổ tích và cả những con vật hoang dại nhỏ bé có mặt khắp trên cánh đồng mà bà lại rất tường tận và cậu cũng thường cùng bọn trẻ trong xóm hay săn đuổi.

Chính điều đó trở thành lợi thế của Hoàng, khi cậu nói với một thằng bạn mới quen để khoe, có chuyện mà kể về nơi cậu từng sống, một xứ sở thật nhiên là xa lạ với đứa bạn ở nước Mỹ. Thật là chán khi ai đó chả có cái gì mà kể! Đúng là không nên để ai coi thường mình, cha cậu dặn vậy, dẫu chưa có ai coi thường cậu ra mặt, nhưng khi cậu như con chim chích bay trong thành phố sôi động này thì nên thận trọng là hơn. New York, đúng là một thành phố vĩ đại, nhưng không nên nghĩ nó quan trọng quá, hơn cái bản quán gỗ gác mà chính cậu tự biết là nghèo lắm. Đó là tâm trạng hiện tại của cậu.

Mãi tới gần nửa năm đầu tiên ở Mỹ, học lại từ lớp năm, một hôm, trên đường đi học về, cậu mới phát hiện ra cùng khu nhà có thằng Jac. Chúng làm quen với nhau lúc cùng bước vào cầu thang máy. Câu chuyện quen biết giản đơn, nên bè nên bạn, khi Jac đã giúp cậu rất tự nhiên, nhật hộ cậu chôn sách vở đổ tung ra, lại khuôn hộ tới tận cửa. Không ai hiểu vì sao, khi Hoàng mang chôn sách nặng bước vào thang máy chúng xô tung ra trên sàn cầu thang bữa ấy.

Jac năm nay 11 tuổi, ở tít trên tầng lầu 52. "Trên đó rất nhiều gió. Mà có lên đây với tao không?" Chúng rủ nhau như vậy vào chiều thứ sáu đầu của mùa hè năm nay. "Thật nhiên. Thế mà không sợ cha mẹ mắng à?" Không! Jac nói. Cha mẹ tao đi cả ngày. Nhà chỉ có tao. Ba giờ kém hai phút thì có thằng Vandam. Vandam là ai? Nó là em tao. Mà có biết tại sao nó tên là Vandam không? Không à? Vandam chính là tên tao đặt cho nó đây. Vandam vô địch! Thằng Jac giờ nắm tay dứ dứ vào không khí. Thì ra nó rất mê gã Vandam. "Thế mà đến từ đâu?" - "Việt Nam!" Hoàng bảo.

"Việt Nam, nó ở đâu?" Jac nhìn mặt ra vẻ suy nghĩ như cha nó vẫn làm. Xa lắm! Hoàng cũng chỉ biết trả lời vậy. Cậu khoát tay chỉ về một phía mà bản thân cũng chẳng hiểu nổi là có thể đi từ phía ấy để tới Việt Nam hay không? Câu chuyện chỉ tới vậy, bởi cửa thang máy tầng số 17 đã mở để Jac đi tiếp. Lúc cửa thang máy sập lại, cậu kịp nhìn thấy thằng Jac còn cười rất tươi và tiếng chào của đứa bạn cùng nhà mới quen kịp vọt ra: Bye! Bye!

Chúng gặp nhau liên tục vào các bữa ăn trưa sau đó. Đây là căng-tin, ở sân sau của trường học. Hoàng nhận ra Jac là đứa mau miệng và rất hay hỏi: Có cần giúp gì không? Thằng bạn Mỹ kéo ghế ngồi cạnh Hoàng chủ động. Hoàng tỏ ra lịch sự hơn khi múc súp đưa lên miệng. Cậu cảm thấy nên cẩn thận vì mẹ đã dặn: "Ngay tới cả khi ăn, cũng đừng để người ta nhận ra là chúng ta có *cách ăn khác vì xuất phát từ kiểu đánh chén khác.*" Tiếng thìa chạm nhẹ vào đĩa súp. Hoàng hơi xấu hổ, ngược mắt nhìn đứa bạn Mỹ. Thế nào? Có chuyện gì mới không? Jac lên tiếng. Thực ra, Hoàng chỉ thấp hơn nó thôi, chứ tự cảm thấy mình hơn thằng Jac bắt đầu từ buổi hôm nay về độ khôn nhạy của một kẻ biết là thằng bạn mới tuy học cùng hệ lớp năm, nhưng kém tuổi mình. "Tao muốn nói với mày là thành phố này rộng lớn như vậy, nhưng chúng mày không hề có thú vật như ở quê tao." - "Thế à?" Jac thực sự tỏ ra muốn nghe chuyện. "Ừ! Mày có biết con cuốc không?" Hoàng bắt đầu và đẩy cái đĩa kem ra khỏi cái khay: "Mày ăn đi, tao không muốn ăn cái của nợ này, cái này cho bé bi." Mày nói gì? Jac hỏi. Con gì cơ? Sao mà thành phố lại có thể có thú vật? Không xạo đây chứ? Thằng Jac nhận đĩa kem của Hoàng. Nó vẫn thích món tráng miệng bằng chuỗi tiêu rán tươi kem hơn, nếu phải trả tiền. Nhưng tội gì, đây tuy không có chuỗi tiêu rán, nhưng là của biếu. Trong khi đó Hoàng tròn mắt, giải thích: "Không phải đi đâu cả, ở ngay cạnh nhà tao, bên nhà là cánh đồng. Người ta trồng lúa gạo. Mày biết không?" Thằng Jac lắc đầu. Lúa gạo thì nó biết, cũng chỉ trên

phim ảnh, nước Mỹ trồng lúa gạo nhiều như lúa mì, nhưng ngay ở thành phố mà trồng lúa gạo thì lạ. Lại có thú nữa!? Nó nghĩ, Hà Nội chắc giống như châu Phi, nơi mà nó đã nhìn thấy thế giới động vật trong nhiều thước phim chiếu ở chương trình du lịch. "Mày không hiểu tao rồi! Chỗ tao có những con cuốc thân đen, chân hồng và sống chung với gà". "Mày nuôi nó à?" Jac hỏi. "Không, đó là thú hoang dã, mày biết không?" Thằng Jac nhăn mũi: "Mày nói gì? Con đó tên là gì?"

Hoàng không thể nói con cuốc là gì vì thực chất nó không tìm ra cái tên tương đương. Hoàng đáp ngay: "Tất nhiên là thú hoang, không ai nuôi nó cả, nhưng tao vẫn cho nó ăn chung với bầy gà nhà của bà tao?" - "Thế hả, thế là gà hoang. Được rồi. Mày viết tên con vật đó vào đây." Jac đưa cho Hoàng quyển vở. Jac tính, tôi nay về bật máy lên, ấn một cái, sau khi đề tên, và sẽ in ra cái ảnh con vật có tên là cuốc. Nó đúng là một loại gà hoang mà ở những bìa rừng, trống cỏ trên thảo nguyên không thiếu. Jac cười, nó sẽ làm điều đó, để chứng minh cho thằng Hoàng biết là không ai có thể bịp nó bất kỳ điều gì cả. Nước Mỹ sẽ có tất và biết hết. "Năm mươi cent nhé, mai tao sẽ cho mày biết thế nào là con cuốc của mày." - "Sao? Cược hả?" - "Ừ!" Hoàng rướn đôi lông mày lên, cậu có trong túi những năm USD, chứ năm mươi cent thì bỏ bèn gì. Hoàng vốn là đứa hào phóng từ trong bụng mẹ, tỏ ra phớt tỉnh cái lời thách thức của đứa bạn: "Tao trả cho mày một đô". Chúng tạm biệt nhau sau bữa ăn trưa ở căng-tin nhà trường và vỗ tay vào nhau, hệt như trên phim, khi người ta như đã thân quen nhau từ lâu rồi.

*Đúng ra là Hoàng đã hưng lên mà kể như thế, chứ cậu chưa hề nhìn thấy cuốc. Bởi chính cậu chỉ biết về con cuốc thân đen, chân hồng, mở đồ qua lời bà tả. Còn thực tế thì đã rất nhiều lần nhìn rập trên cánh đồng, nhưng cậu chưa bao giờ nhìn rõ ràng một chú cuốc. "Khó lắm, cháu ạ, nó lúi nhanh lắm!" Bà cậu nói thế*

lại càng làm Hoàng tò mò và bỏ ra mắ y buổi chiề u để rình ở thừa ruộng nước nghe nói có nhiề u hang cuố c. Suố t cả tháng chẳng thắ y gì cả! Một chiề u sắ m, ven con đầ m, thắ y thoắ t cái bóng con chim đen đen lủ nhanh qua những bụi niễng. Cậu có cảm giác, đó là con vật cậu đang săn tìm. Đuổi qua đám sắ y thắ y mắ t hút. Chờ mãi đầ n tận khi trăng lên, từ mặt đầ m hơi sương lơ phờ bồ ãg bê ãh trào dâng tựa khói lượ t, chỉ nghe tiế ng ê ch, tiế ng giun đầ ran ran. Hoàng xuyt, giậm chân. Và cậu giậ t thó t mình. Con vật thoắ t vút khỏi đám sắ y, niễng, chấp chờn đập đôi cánh, khi thoắ ng khi hiện, chơi vui mắ t hút trong màn sương. Hoàng về , cậu mang cả vào giắ c mơ đêm â y tiế ng đập phầ n phạt cánh bay sắ c màu tía và xám. Đắ y là con vẹt trời, hoặc một coi bói cá! Một thắ ãg bạn cậu nghe kể đã nói vậy. Cậu cãi, rõ là con vật â y từ đó bay lên và không hề thắ y gì nữa. Chắ nhẽ con cuố c có thể biể n ngay thành con vẹt trời nhanh tới vậy?!

Một đêm trăng nũa, chợt nghe thắ y tiế ng kêu lạ cạnh bờ ruộng nước rắ t gầ n nhà. Tiể ng kêu thon thó t giữa đêm thanh vắ ãg. Thũng thoắ ng, hoang đại, khắ c khoắ i như tiế ng âm hồ ãn trong những câu chuyện của bà: cuố c... cuố c... "Con cuố c, bà ơi!" Nó thắ m thì. "Đúng nó đầ y!" Bà nghiêng tai nghe. Hoàng lao khỏi bàn học như tên bắ ãn, chạy ra ngoài đầ ãg. Đêm rắ t lặ ng và trăng soi vắ ãg vặ c, trôi ngang là những áng mây tơ. Cậu chạy một hơi trên những bờ cỏ đã ướt đầ m sương. Tiể ng kêu bỗng nhiên bật tắ t. Cậu suýt phát khóc, vì chỉ thắ y những con cào cào ma thi thoắ ng tanh tách bay ào lên và trăm ngàn đố m xanh lét, lập loề trên bờ đầ m đen bí hiểm. Cậu đã nắ m nín thở, bò, căng mắ t trong đêm, cô đợi một lát, rồ i bỗng thắ y chờn chờn, chạy thồ c tháo về với bà.

Hề nũa, â y là dịp bồ mẹ đi công tác biể n biệt ở nước ngoài trở về , cậu chợt lại nghe tiế ng cuố c khi họ đang thì thào bàn việc tìm



kiếm hài cốt của ông cậu đã bao năm. Cậu không thể ngủ được, nghĩ miên man tới câu chuyện bà kể về sự tích con cuốc. Có thật như lời bà, con cuốc chính là linh hồn những người nhớ nước, vì nước tới chết đã hoá thân thành không? Tại sao có tiếng kêu mà chẳng bao giờ thấy nó? Hay con cuốc trên cánh đồng của cậu cũng không có thực, chỉ là những linh hồn mà Tiếng Kêu kia chính là linh hồn con người có thật, còn con cuốc thì hoàn toàn không có. Nếu thế thì đáng sợ quá. Hay là linh hồn ông của cậu đã biến thành cuốc về kêu trên cánh đồng làng, cho nên bố mẹ và bà đã tốn rất nhiều thời gian mà họ chẳng bao giờ tìm thấy xương cốt của ông. Như vậy thì tội cho ông quá. Cứ suốt đêm lang thang và kêu mãi...!

\*\*\*

Buổi tối hôm đó, thằng Jac chợt nhớ tới Hoàng. Đây là lúc cha nó, một chuyên gia tin học đang dán mắt vào tivi theo dõi tình hình chiến tranh ở đâu đó. Nó rướn cặp mắt xanh biếc hỏi mẹ: "Việt Nam ở đâu?" - "Sao con lại hỏi thế?" Mẹ nó giật mình quay lại nhìn Jac. "Có một thằng Việt Nam mới tới đây. Nó kể về những con cuốc!" - "Nó ở đâu?" Người mẹ Jac đưa cái tờ giấy lau nơi mép bàn của Jac vừa rót xuống máy giặt sữa. "Nó ở tầng 17." - "Tầng 17? Con không được chơi với nó nhé?" - "Tại sao, hả mẹ!" - "Không tại sao gì cả. Nói chung, người Châu Á và người Ả Rập là một bọn nguy hiểm." Thằng bé cúi mặt xuống uống nốt ly sữa và tiếp tục đuổi theo ý nghĩ về đứa bạn mập hơn nó tới năm phân... Trong khi đó, mẹ nó bắt đầu băn khoăn trước câu hỏi của đứa con cưng. Có thực nó là Việt Nam? Bà gặng và lo âu khi Jac bảo: "Thật!"

Người mẹ Jac cũng chưa khi nào tới Việt Nam, và bà không biết một tí gì về cái xứ sở ấy cả, nhưng những câu chuyện của cha bà về những năm tháng chiến tranh ở đó thực hãi hùng. Bà chợt nhớ tới chiếc chân giả và dáng đi chùng chình của ông với vết sẹo

*gô`m nhiê`u bươu thit phô`ng lên nơi đầ`u gô`i cụt. Bà thấ`y chúng mỗi lâ`n cha bà tháo chiế`c chân giả bằ`ng nhựa ra, gác đùi lên một cái ghê` bên cạnh. Chiế`c chân giả đó của hãng Đại Bàng, nó giồ`ng hệt chân thật, từ màu da tới sự cử` động rấ`t nhẹ nhàng, bởi nó đượ`c chế` tạo tại nước Mỹ, bằ`ng công nghệ tiên tiên nhấ`t, dành cho những sản phẩm thuộc thể` ki 21.*

Chính vì lẽ đó, bà mẹ Jac khi tắt` đèn phòng ngủ của hai đứa trẻ, Vandam và Jac, vẫn trắ`n trọc mãi. Bà có cảm giác hình như có điê`u nguy hiểm mơ` hồ` từ đâu đang đe dọa con bà, mà chính bà không rõ. Bà vừa nhắ`m mắ`t thiu thiu lại choàng tỉnh vì thấ`y hiện lên một người da vàng, đôi mũ vải và cằ`m khẩu súng liên thanh bước vào thang máy với con bà. Bà quay lại phía chồ`ng: "Anh có biế`t ở ngôi nhà này có một gia đình Việt Nam không?" Người chồ`ng nghe tiế`ng vợ, chột quắ`n lưng, quay sang trái, nhưng đôi mắ`t vẫn nhắ`m tịt: "Em nói gì thế`? Việt Nam? Đâu ra? Điê`u đó anh chưa khi nào nhìn thấ`y. Đấ`y là đôi vợ chồ`ng người Nhật chứ. Bọn họ để xe vào hằ`m ở ngay trước xe nhà ta. Thôi, ngủ đi. Ngày mai anh sẽ hỏi đầ`n cảnh sát." - "Không! Việt Nam mà. Em không an tâm tí nào cả. Họ ở tâ`ng 17. Jac nó nói vậy"

Ngày mai không có chuyện cha Jac tới đầ`n cảnh sát. Cả nhà đi nghỉ cuô`i tuầ`n ở trang trại của họ, cách khu nhà gằ`n trăm dặm Anh. Tại đó, thắ`ng Jac đi câu và ăn bánh mỳ quệt mứt trên ghê` xích-đu mà cha nó làm bằ`ng những đoạn bằ`ng cứng. Thắ`ng Vandam thì suô`t cả ngày ở trong ngôi nhà gỗ với mẹ nó và chơi bài trên màn hình trực tuyế`n cùng thắ`ng bạn ảo. Jac giắt đượ`c con cá, nó lắ`y thước ra đo và thả con cá xuô`ng nước khi thấ`y chú chưa đủ độ lớn quy định. Đúng lúc nó thả con cá nhỏ xuô`ng nước thì nó nghe thấ`y tiế`ng súng ở cánh rừng bên trái vọng lên.

Đoành đoành! Lại hai phát đạn nữa lên tiế`ng. Jac bỏ cằ`n câu, chạy về` phía á`y. Jac đứng lại, nó thấ`y cha từ ven rừng bước ra, đi

ùng, ông cầm trên tay hai con chim dính đạn. Jac chột hiệu và không biết vì sao nó nhớ tới câu chuyện của Hoàng. Nó chạy nhanh tới bên người cha và hét lên: "Cha làm cái gì thế? Tại sao cha lại bắn chúng?" Thằng Jac bật ra câu hỏi nghiêm chỉnh. Người cha nhún vai. Chính bản thân ông cũng biết là ông không cần thịt chim đến mức phải nổ súng để hạ sát hai con gà hoang này. Nhưng đó là "một thói quen của một sự vui chơi bị lãng quên vốn đã ngấm vào máu con người từ thời cổ, khi con người phải giết thú hoang để lấy thịt." Đây là sau đó hơn một tuần, bà giáo của Jac đã giải thích như vậy. "Điều này, chỉ có những nhà nhân chủng học mới lý giải nổi, còn hiện tại, người Mỹ thừa thịt mà đa số vẫn thấy cần phải nổ súng để tìm kiếm chiến thắng. Chiến thắng, đó là một khoái cảm đáng lưu ý của thời đại chúng ta, chí ít là cho nước Mỹ giàu có, thừa thãi vật chất.", "Vì ít ra hai phát đạn giết hai con chim nhỏ thực sự mang lại khoảnh khắc khoái cảm về chiến thắng, chứ không phải thảm sát để lấy lợi từ hai trăm gam thịt." Những kiểu lý luận như thế của người lớn rõ ràng là khó chấp nhận với một đứa như Jac. Nó khó hiểu, khi những người lớn có nhiều cách lý giải về một hành vi của họ. "Cũng thế, cho nên nước Mỹ của chúng ta có rất nhiều đảng phái" Bà giáo nói rõ thêm với Jac, nhưng nó thấy mọi lời nói này đều chả có ý nghĩa gì với khu rừng và con suối của nó cả. Người ta thích giết nhau, tàn sát tất cả không chỉ bằng súng săn! Sau vụ tháp đôi, nó đã nghe người ta kháo nhau như vậy...

Họ đi vào nhà. Thằng Jac không muốn câu nữa. Nó chán nản gõ vào bàn một cách bực bội ra mặt. "Sao thế?" Mẹ nó hỏi. "Cha đã bắn bọn gà hoang, mẹ ạ. Không chừng đó chính là *con cuốc* của thằng Hoàng!" - "*Con cuốc* nào?" Bà mẹ hỏi hoảng nghe đứa con nói. "Mẹ nhìn kia, tay cha có máu." Thằng Jac lại nói. Bây giờ cậu em, Vandam mới rời ghế và hỏi hoảng níu lấy áo mẹ. Quả thực, trên ống tay áo người cha khi ấy có một vết máu còn tươi lắm.

\*\*\*

Bọn chúng ngó i trên thành lan can của đường tàu điện ngắ m ngay sát công trường. Jac móc trong cặp ra tá m ảnh mà Vandam, em nó chụp con chim cha nó bắ n hạ trong via rừng. Vandam in từ máy lade của nó theo yêu câ u của ông anh. Tá m ảnh rắ t nét. "Đây có phải là *con cuố c* của mày không?" Jac hỏi. Hoàng ngó vào tá m ảnh. Con vật trong ảnh rắ t thảm hại, ngoẹo đầ u, vế t máu đỏ rắ t rõ còn bế t trên vòng cườm của nó. "Không! Không phải *con cuố c*! Trả tao 50 cent đây!" Hoàng cười. "Tao đã bảo, lông nó đen, chân hờ ng và không có vòng cườm ở cổ như con này".

Thắ ng Jac móc túi lắ y ra đờ ng xu, sòng phẳng dúi vào tay Hoàng. "Tao nhắ t quyế t đòi lại trong một dịp gắ n đây!" Nó nói với Hoàng. "Mày sẽ hờ i hận đắ y!" Nước Mỹ không có gì là không có, không thắ y. Có điề u, có thể chúng đã bị bắ n ráo cả trước khi chúng tao biế t là câ n phải vui vẻ với súc vật. Cái câu này là câu của bà giáo hôm qua nói. Jac hơi ngượng khi muố n nói lại câu không phải của nó, nhưng nó không thú nhận điề u ấy, mặt chỉ hơi xịu xuố ng. Hoàng ngắ n ngừ một lát, rờ i trả lại Jac tá m ảnh và bước xuố ng mặt đường. "Đi về nhà thôi. Tao trả mày tiề n. Chúng ta còn cơ hội." Đắ y là lầ n đầ u tiên ở thành phố xa lạ này, Hoàng hành xử như người lớn, khước từ một món đượ cuộc chưa rõ ràng, chưa có kế t cục cuố i cùng. Hoàng do dự nhận thắ y cả hai đứ a đầ u không biế t con vật đó là con gì. Nhờ là *con cuố c* thật thì bắ t nhắ n quá. Cậu không dám lừa đờ i một đứ a bạn như Jac, nhưng thâm tâm vẫn cố gắ ng không tin đó là con cuố c. Không thể có con cuố c thực, nhắ t là ở đây là nước Mỹ. Cậu chợt nhớ tới những việc liên quan tới con vật ấy ở quê nhà.

Chúng lên tàu đi về nhà. Trên đường về , Hoàng kể cho Jac về mùa lúa chín trên cánh đờ ng và nhiề u trò chơi của mình. Hoàng nói, trong gió ă m ấ p mùi thơm! Jac hỏi, thơm như mùi gì. Hoàng

nói bừa là mùi lúa thơm rất giống mùi cốm. "Mùi cốm là mùi gì?" Jac lại hỏi. Thằng Hoàng không có từ cốm của tiếng Mỹ. Cậu nói bừa: "Đó là mùi giống như mùi bánh chín, táo chín, hay đại loại cái gì thơm hơn cả cái đang chín." Thế là con đoi xông xộc kéo tới với Jac, vì nó vốn luôn háu đói. Hoàng còn kể cả việc nướng những con vật có cánh cứng trong bếp lửa mà nhai làm Jac rùng mình. Thì cũng kinh thật! Jac hình dung ra hình ảnh của những người da đỏ trong các bộ phim chiếu miễn phí ở trung tâm giáo dục thanh thiếu nhi. Hoàng bảo Jac, không việc gì phải sợ. "Đấy là những con châu chấu hay tương tự như vậy, bụng có mùi thơm vô cùng. Nó tên là gì nhỉ?" Hoàng vỗ tay vào trán hai lần: "Phải rồi, đó là con cà cuống!" Lại một cái tên mới lạ hoắc với Jac. Thế thì Hoàng đúng là một tay chơi da đỏ thực sự.

- Nhưng mày có tin là bọn tao bây giờ cũng đang căm việc giết thú vật một cách bừa bãi không? - Hoàng chợt hỏi thằng bạn. - Có một nhà văn già lắm ở quê tao viết hẳn một cuốn sách về con dê. Con dê, mày biết không? Chúng tao chỉ bắn chim và giết gà, chó, bò, ngựa khi đói thôi. - Hoàng nói hoàn toàn theo bản năng, hay là lời nói ấy giống như sự giải thích của cô giáo vừa nói với Jac chiếu hôm qua?

Bố ai hiểu được. Jac nghĩ. Nhưng rõ ràng là mọi am hiểu của thằng bạn Việt Nam về cuộc sống cũng làm cho Jac thấy thích thú. - Tao không hề lừa dối mày đâu, Jac ạ. Chúng tao có một cánh đồng đầy cả cuốc và rấn. Nhưng ở quê tao, người ta chưa thừa thãi thịt và vì có người còn thích thưởng thức chúng, thành ra bây giờ quê tao còn có cả quán thú rừng nữa." Đấy là sự thực mà Hoàng muốn chia sẻ với người bạn của mình trên đường về, sau khi chúng vò nát tấm ảnh chụp hai chú chim lạ bị giết và ném vào thùng rác công cộng.

Quả thật, khi đó Hoàng thoảng buôn khi cô gắ ng diễn tả mọi điề u cho đũa bạn biế t về quê hương mình. Tự nhiên, cậu kể miên man sang chuyện ông cậu bị giế t trong chiế n tranh, bởi cậu tự lý giải qua suy luận của mình về cái chế t của ông, khi nó có thể liên quan tới những *con cuố c*. Nhưng chuyện này thắ ng Jac lại nghi ngờ, câu chuyện đē n là trùu tượng! Sao một loài vật lại biế n hoá từ những linh hồn con người? "Đấ y là một câu chuyện phịa, hế t sức vớ vẩn mà mà y tự nghĩ ra!" Lầ n đầ u tiên Jac phản ứng mạnh như thế và tí nữa chúng cãi nhau to, nế u Hoàng không tự kiề m chế , vì bấ y nay Hoàng biế t thắ ng Jac rấ t tồ t và thực sự thân thiện với cậu.

*Chúng ta, bạn đợc hãy cùng tôi ý thức rõ hơn là, nước Mỹ hiện nay đứng đầ u thế giới về nhiề u sức mạnh. Chính vì thế , bọn trẻ không thể bịa tạc gì hơn những điề u mà tâm hồn của chúng chứa đựng, cá t giấ u, hay những sự việc như vậy đã xảy ra trên thế gian này; với chúng, mọi việc phải là hiện thực hiển nhiên, phải rõ ràng như ban ngày, có thể ve vuố t hay hít ngửi, sờ mó đợc.*

Thắ ng Jac vẫn hậm hực. Có thể là câu chuyện giữa chúng sẽ làm nổ ra một trận đoi co mới. Nhưng điề u bấ t ngờ đã xảy ra trong chớp má t. Khi chúng bước ra khỏi xe điện ngầ m, thì New York lâm vào tình trạng mấ t điện; sự cô đố đã chấ m dứt cuộc cãi vã trên. Chúng lập tức quên ngay những câu chuyện vừa trao đoi, khi thấ y trước má t bao cảnh tượng khác thường. Nhạy cảm hơn, Hoàng phát hiện ra điề u đó, khi thấ y mọi sự nháo nhào ngay trên cửa đi vào ngôi nhà chúng ở. Người ta từ trong những lỗ hầ m túa ra đờng phồ và thấ t thanh kêu. *Mấ t điện! Mấ t điện! Khủng bố !... Chúa ơi, hãy cứu chúng con!* Đại loại là chúng nghe vô khối tiế ng kêu hỗn loạn tương tự như vậy.

Ngay lập tức, thắ ng Jac móc túi lấ y điện thoại hỏi về trung tâm tư vấ n cho thanh thiế u niên để mong lời giải đắ p. Thừa rắ ng chỉ có

tiếng tút tút mà không thấy một ai có thể hỏi chuyện bọn trẻ. Riêng Hoàng của chúng ta thì chẳng biết sợ là gì. Cậu dường như không hề có ý thức cầu viện một ai, kể cả việc cái *thế điện từ* của cậu khi lướt trên phím ở cửa ra vào nhà không tác dụng nữa. "Chạy lên nhà tớ, trèo qua cửa sổ phòng tắm, Jac ơi!" Cậu hét lên thích thú, vì trong khoảnh khắc này, cậu bỗng cảm thấy đây là lúc cậu là người lớn, thủ lĩnh hơn hẳn bạn Mỹ kia.

Đó là thời điểm mới bắt đầu sự hoảng loạn trong ngôi nhà chúng ở. Ngôi nhà cao hơn cả những đám mây mùa hạ nặng trĩu hơi nước, việc lên xuống của thang máy hoàn toàn bị đứt nghẹn. Chẳng Jac chạy theo Hoàng như một cái máy và vượt lên trên Hoàng như nhiều lần. Chúng phải nghỉ lấy sức tới sáu bảy lần gì đó và, ngay nơi nghỉ ở tầng 15, Jac chợt nghe rõ tiếng gọi rất quen thuộc của thằng Vandam, em trai nó. May mà nơi đó có nhiều ánh sáng do người ta lắp tại đây những tấm kính lớn. Jac tìm ngay thấy cánh cửa đang khép kín, nơi vọng ra tiếng của thằng em đang thốt thanh dấm cửa và gọi mẹ, gọi anh. Cầu thang máy ngay kế đó chứ đâu xa. Jac hét lên: "Tao đây! Đừng sợ và la lên như thế!"

Nói vậy, nhưng Jac rất lo lắng khi đưa bàn tay nhỏ bé của nó ấn liên tục vào nút mở mà cánh cửa cầu thang vẫn khép chặt. Nó ra sức dấm một cách vô vọng vào tấm gỗ màu hơi ngà rất cứng.

"Vâng... em... Anh cứu em với!" Tiếng thằng Vandam càng thôi thúc, lọt qua khe hở vọt ra cũng làm cho Hoàng thấy cô n cào, cậu giậm chân liên tục: phải chờ có điện. Hoặc là tìm cách nào lọt vào đứng cạnh Vandam thôi. Cậu nghĩ vậy. Nhưng làm sao có thể lọt vào thang máy được. Hoàng chạy lảng xăng, cậu bắt đầu bồn chồn. Tiếng thằng Vandam chợt lịm dần và hai mươi phút trôi qua, bọn trẻ hơi sợ, khi không còn nghe thấy tiếng khóc của thằng em chúng nữa.

Gọi lính cứu hoả ngay! Thằng Hoàng chợt nhớ ra lời giảng tại lớp mà bất cứ đứa trẻ nào sống ở xã hội văn minh này phải biết. Chúng đóng loạt móc điện thoại di động, nhưng không hề có ai đáp lời chúng, hết như tình cảnh khi hai toà nhà cao nhất của thành phố bị tấn công năm nào. Thằng Jac thực sự muốn khóc, nhưng nó không thể tỏ ra yếu đuối trước mặt Hoàng.

Phải nói là thời gian chỉ mới hơn tiếng trôi đi, nhưng thực sự là cơn thảm họa đổ ập với thành phố hiện đại tới mức con người đã trở thành nô lệ cho phương tiện kỹ thuật mà chính họ đã sản sinh ra. Cũng bởi như thế, nên cả hơn chục người lớn đều tỏ ra rất lúng túng, khi phát hiện có một đứa trẻ cần thoát khỏi thang máy, nhưng họ không có một phương án có khả năng giải cứu cho cậu bé kia. Bây giờ chính người mẹ của Jac tìm thấy chúng, bà là nguyên nhân làm cho hành lang nơi có cửa cửa thang máy dồn ứ, chật chội và ồn ào hơn, khi bà cứ dẫm vào cửa thang máy một cách bất lực với đôi bàn tay thanh mảnh. Phải gọi lính cứu hoả tới. Đã nhiều lần vài người đàn ông bình tĩnh hơn kêu lên, nhưng không ai liên lạc được với trung tâm để gọi lính cứu hoả, khi chính nơi đó cũng mất điện. *Không nạn. Cái gì cũng dùng điện? Ai đó kêu lên!*

"Con tôi sẽ chết mất!" Bà mẹ Jac vẫn rên rỉ khi bà vừa được người long não của một viên bác sĩ nào đó từ tầng 19 mang tới. Họ bất lực đứng trước cửa thang máy giờ đây có thằng bé bị nhốt đã im lặng đáng sợ. Người ta lại lộn xộn một hồi nữa khi mẹ thằng Jac than thở, rằng Vandam, thằng bé con bà có thể lên con hen bất kỳ. "Em tôi bị giam trong đó sẽ chết!" Thằng Jac bỗng gào lên như một con chó và chưa khi nào cuộc sống như vậy.

Suốt mấy tiếng đồng hồ trôi qua Hoàng vẫn bám sát Jac. Cậu không làm gì hơn được là cố tìm cách bậy cửa, nhưng đó thực là một hành động vô nghĩa, khi những người lớn và khoẻ hơn chúng nhiều lần đã bó tay. Không hiểu sao khi ấy cậu lại đại dột tới bên



người mẹ của Vandam và đặt một cánh tay lên vai bà, hệt như những phim cậu nhìn thấy khi người lớn muốn thân thiện hay chia sẻ. Hành vi ấy của cậu ban đầu làm người mẹ thấy chờn chợn. Bà khẽ rùng mình. Nhưng Hoàng không nhận ra điều đó, cậu lại tự nhiên nắm lấy một bên tay bà mẹ, khi thấy Jac đưa hai tay nắm lấy tay trái của bà. Lập tức mẹ Jac cảm thấy bàn tay cậu bé Việt Nam ấy cũng bình thường như bàn tay của Jac, thậm chí ấm nóng hơn, nhất là trong lúc này.

\*\*\*

Thế rồi cảnh sát cũng tới. Thành phố đã quá nhiều tai nạn khắp mọi nơi và lực lượng cứu hỏa không gằn bảng đèn cảnh sát, tuy vậy, sự có mặt của cảnh sát làm bà mẹ Jac tức điên lên vì cho rằng họ đã quá lè mê. Cảnh sát không quen với lối cạy cửa bảng tay, họ cứ lèn sờ tá m cửa một cách vụng về, làm bà mẹ Jac và một vài người đã tức điên, nói ngay là *trò mèo thô bỉ*. Một viên cảnh sát xin mọi người hãy kiên nhẫn và bỏ đi, hẹn vài phút quay lại. Thực ra là hơn nửa tiếng, rồi họ cũng khuôn lên một cái máy đẩy nhả m kéo banh cửa ra. Nhưng khi máy sắp vận hành thì ai nấy mới ngó ra là chiếc máy này hoạt động bảng điện! Tiếng mắ ng nặng nề văng tràn ứ hành lang làm hai tay cảnh sát mặt đỏ lựng mà không thể nhận ra, ai đã thoá mạ họ trong hành lang tối i, chậ và bí? Cậ n phải có điện! Họ phân bua với đám người bắ t đầ u có vẻ sẵn sàng làm nổ tung cả toà nhà. Chính khi ấy, Hoàng chợt kéo thố c thắ ng Jac chạy nhanh như ma đuổi theo cậ u thang bộ xuố ng dưới đường.

Chúng lao qua đường rộng mà không gặp trở ngại của xe cộ, bởi khi ấy nhiều người tràn ra đường làm nghẽn cả con lộ rộng. Hoàng nhớ ra cái cửa hiệu có bày bán những cái cưa, rìu và dao... Chúng gõ rồ i rít vào cửa tiệm. Người bán hàng thận trọng nhìn chúng qua cửa kính thắ p sáng bên trong toàn nề n là nề n và chúng trông thấy một nòng súng gắ n run rẩy trong tay người bán hàng. "Chúng tôi

cả n một cái cửa máy!" Thắ ng Jac là đũa hét lên đầ u tiên khi nhìn thắ y cả hơn chục cái cửa máy. "Mở cửa ra!" Hoàng hét to hơn. Tiế ng hét của chúng lọt qua cái khe thả thư. "Không bán chác gì cả. Mà y không thắ y là không nơi nào có điện à?" - "Không! Em tôi đang kẹt trong câ u thang máy. Nó sắ p chề t." Cái cửa hé mở một cách phân vân, đủ cho hai đũa trẻ lách qua, lọt vào trong tiệm. Thắ ng Jac móc ra dăm tờ đô-la nhàu nát, nó tóm lắ y chiế c máy cửa đã cũ: "Chúng tôi chỉ mượn tạm nó!" Người chủ tiệm ngó ra như đứng trước hai kẻ cướp hung hãn, không có sự phản kháng nào, lại còn kéo cửa giúp Jac khi chiế c đòn tay của máy cửa vướng vào cánh cửa. Chiế c máy thực ra rắ t nặng. Nhưng khi á y một con người đang đầ y hung hăng thì có đủ sức câ m lắ y chiế c máy cửa nhắ c cao lên. "Bỏ xuố ng!" Thắ ng Hoàng bảo. "Mà y không thắ y là nó chạy bắ ng xăng à?" - "Tìm ra đâu xăng bây giờ?" - "Tới trạm xăng!" - "Không có điện thì ai bơm xăng cho chúng ta!" Hoàng nói và lắ y một chiế c rìu. ánh nế n lung linh làm lưỡi rìu phản chiế u tia sáng như chớp. Tắ t nhiên là người chủ quán lắ y bắ ng đượ ba đô-la, đúng giá ghi trên cán rìu. Chúng băng qua đườ ng và leo lên toà nhà nhanh tới phi thường.

Những người lớn, ngạc nhiên tới muố n nỏ con mắ t, dạt ra khi thắ y hai đũa trẻ lao tới cạnh cửa câ u thang máy. Hoàng bỏ cái thứ nhắ t vào cánh cửa. Lưỡi thép sắ c cắ m ngập tới nửa phân và ngoan cố đứng chề t lại. Cái sức mạnh đầ u tiên mà Hoàng thể hiện đã phản bội lại đôi tay chắ mắ y sức mạnh của cậu. Lập tức Jac lao vào, mắ m môi mắ m lợi ra sức kéo, song cái rìu vẫn như mút chặt thêm vào cánh cửa. Bắ y giờ, trông bà mẹ Jac thực đáng thương, bà gầ n như quy xuố ng rên rỉ: "Các người đâu, hãy giúp chúng!" Người ta hiểu ra và lao tới, thi nhau bỏ rìu vào cánh cửa. Chúng ta không nghe thắ y gì hơn ngoài tiế ng rìu phắ m phắ m chém vào cửa thang máy làm bắ ng gỗ rắ t chắ c của hãng *Nea*, khoá điện của hãng *Boss* và những con lăn với viề n thép bọc cửa đầ rõ to chữ *National in Germany*. Cả New York khi á y tưởng chỉ rề n vang tiế ng rìu phát

ra từ hành lang của toà nhà. Sau khoảng hai mươi phút gì đó, người ta kéo cậu bé Vandam mặt mũi tím tái, cậu còn đang co rúm, dán chặt mình vào góc cùng của thang máy, mặt dính đầy vụn gỗ.

\*\*\*

Người viết lại câu chuyện này không hề cường điệu thêm một điều gì to tát hơn mọi việc đã xảy ra. Chỉ biết sau đó tất cả đám người lớn công kênh hai đứa trẻ và chiếc rìu được Jac đưa cao trên tay chúng.

Dường như ở khu nhà ấy, chẳng khi nào có cảnh mọi người cùng một lúc ồa xuống cái sảnh ngoài ngôi nhà làm chỗ trò chuyện, nếu không có sự cố mất điện. Người ta thấy cậu Hoàng bây giờ đã thối mệ, lão đảo chạy lại với cha mẹ khi nhận ra họ cũng đang nhón nhác đi tìm cậu. Khi đó, dưới đường đèn ánh sáng, bà mẹ Vandam lúc này đã bình tĩnh lại, nhất là cha Vandam cũng vừa về. Bà chợt nhìn rõ cái chân trái của Hoàng cũng xỏ chiếc giày thuộc hàng chân giả, giống hệt chiếc giày người cha bà vẫn đi, bên chân bị mất ở cuộc chiến Việt Nam. Bà giật thót, thốt lại gần thẫn ng Jac và cúi xuống, hỏi rất nhanh: "Jac! Con có biết thẫn ng bạn của con có cái chân giả không?" - "Biết chứ!" Jac cười thản nhiên: "Phải tôn trọng những người tật nguyền và không được để cho họ biết là mình quá chú ý tới tật nguyền họ phải gánh chịu cơ mà! Ông ngoại vẫn thường nói vậy!" - "Đúng, đúng! Nhưng cái chân ấy là cái do hăng mà ông con đã làm. Gần đây, nó chỉ cung cấp thiện nguyện cho những người bị thương trong cuộc chiến ở Việt Nam. Làm sao Hoàng có nó?" Thẫn ng Jac sững ra một lát, rồi chạy thẳng tới chỗ Hoàng: "Này! Mẹ tớ muốn biết, vì sao cậu bị thương ở Việt Nam?"

*Hoàng thực sự bất ngờ vì câu hỏi ấy. Bởi câu hỏi ấy đã đụng vào nhiều vấn đề còn liên quan tới cái chết của hai người bạn thân nhất ở Việt Nam mà bây giờ Hoàng không muốn nhớ và*

tiết lộ cho bất kỳ ai. Vâng, buổi chiều đó! Trong đêm cậu bỗng hiện ra khỏi lửa màu da cam của quả bom bi mà máy cày đã xới tung lên khi bọn trẻ đuổi theo con vật mà chúng định ninh rằng đó là con cuốc. Nó không muốn nhấc tới cái chân của nó bị giập nát, tước ra những sợi gân trắng ớn, để nó nhiều năm không được chạy trên đồng làng, dù rằng nó chưa bao giờ trả lời được nhiều câu hỏi còn lửng lơ trong đêm....

Nhưng một người như Jac thì không nên giấu làm gì. Hoàng chợt quay lại thực tế và cười rất vô tư: "Có gì đâu. Đơn giản thôi mà. Lâu rồi. Tôi đuổi theo một chú cuốc và một quả bom bi đã phát nổ" - "Đơn giản! Đơn giản? Có thật là đơn giản!? Sao cánh đồng lại có bom?" Thằng Jac hỏi giật. "Cũng chả biết nữa! Đơn giản là khi tôi lớn lên, vẫn thấy trên cánh đồng làng, thì thoảng lại có bom bi nổ!"

Thú thực khi đó Hoàng cười giòn lấm, dấu là Jac với Hoàng không thể nào hiểu được vì sao trên thế gian đã lấm việc xảy ra đến như vậy. Do đó, Hoàng chỉ kể đơn giản như thế. Nhưng khi lắng nghe rõ cuộc nói chuyện của bọn trẻ, thì người mẹ của Jac chợt sững người. Bà thoáng rùng mình. Bà muốn nói một lời gì đó với Hoàng mà cổ họng cứ nghẹn lại. Yên lặng. Có nói gì thì khi ấy Hoàng cũng chẳng nghe được, bọn trẻ lại thản nhiên quay về với câu chuyện con cuốc của chúng. "Này, Jac này - Hoàng nói: - Mà phải nhớ là trong tất cả các cánh đồng ở Việt Nam có rất nhiều cuốc và răn dầy nhé..."

Chính lúc ấy hai viên cảnh sát tiến tới kính cẩn đưa cho cha mẹ tờ biên bản và họ cũng mời ngay hai đứa trẻ tới làm chúng dứt ngang câu chuyện. Viên cảnh sát đọc to lời ghi để ba nhân chứng cùng cha mẹ của hai đứa trẻ cùng ký vào đó: "Việc phá cửa thực hiện bằng một cái rìu."

Vâng! Đơn giản thế mà không biết. Nó là chiếc rìu chỉ để chặt cây. Nhưng tổ tiên chúng ta ngày xưa không chỉ để chặt cây... Đúng ra là chúng ta đã hay quên những sự việc tưởng là giản đơn lắm!... Có ai đó kêu lên và giọng đứt đoạn, chìm ngập trong tiếng cười nói oà ra trên hè đường New York đang ùn ùn dòng người tràn ra tránh nóng từ khắp mọi ngôi nhà cùng đêm xuống.

Xin nhắc lại là chưa bao giờ ở toà nhà ấy người ta có dịp tìm hiểu nhau và thân mến với nhau trên đường phố như vào cái ngày đơn giản là mất điện, một ngày lịch sử của mùa hè New York 2003, cái ngày xảy ra câu chuyện mà tôi ghi lại trên đây.

# Thất Huyền Cầm

Chúng tôi phải qua rất nhiều thủ tục mới được tay trưởng phòng kỹ thuật Viện Khoa học hình sự cho sử dụng chiếc máy đọc văn bản kín. Bạn tôi, nhà sử học Dương Trung Nam thận trọng trao chiếc hộp cho viên trung tá còn trẻ, đeo kính gọng Titan rất *mode*. "Xin anh hãy cẩn thận cho. Cuốn sách trong này nằm dưới lòng đất nhiều năm. Động mạnh sẽ tan vỡ!" - "Vô tư đi! Tôi biết, tôi biết." Viên cảnh sát cười. Dường như mọi sự nguy hiểm với cảnh sát đều là trò đùa! Anh ta đặt chiếc hộp đựng sách vào băng chuyền nhỏ, bấm nút; y như hải quan kiểm tra hành lý trên các cửa khẩu sân bay.

Đúng là thời đại công nghệ tin học! Chúng tôi hô i hộp theo dõi. Trên màn hình hiện ra lò mờ hình ảnh cuốn sách. Chỉ sau vài thao tác gõ gõ, bấm bấm bàn phím, màn hình xuất hiện rất nhiều đường thẳng cắt ngang, bỏ dọc, xiên chéo và, như có phép thần, trước mắt chúng tôi hiện lên ảnh nổi một pho sách vuông vức. Những trang sách trong hình ảo lật như chớp để không đầy hơn hai mươi giây công việc đã kết thúc.

Theo lời viên cảnh sát, tia *laser* đã quét lên cuốn sách, đo đạc, chụp lại tất cả các dấu vết và dựng lại nó trong không gian ba chiều. Phần mềm của máy tính đã kiểm soát, phân loại tất cả các vết tích và bóc tách, sắp xếp từng mặt của mỗi trang sách. "Sự đo đạc, chụp các mặt cắt chính xác tới phần triệu milidem!" Anh ta giải thích.

Việc dịch cuốn sách ngay sau đó cũng thực hiện bằng một cú nhấn phím. "Program này do một tay rất trẻ viết. Sự chuyên đổi ngôn ngữ tuyệt vời tới độ có thể bắt chước hết giọng văn của *Sử ký Tư*

*Mã Thiên* hay đại loại một giọng cổ văn như thế!" Viên trung tá tiếp tục nói nghiêm túc: "Bây giờ, nếu các anh muốn, chỉ cần gõ lệnh: *truyện ngắn hiện thực phê phán, giọng Nam Cao*. Máy sẽ viết ngay một truyện ngắn, y hệt như văn phong Nam Cao. Kể cả loại văn chương gần đây có tên rất kêu là *Hậu hiện đại!* Tha hồ *logic* hay *phi logic*, *phi lý* hay *ẩn dụ*, *đa tuyến*... Có điều, máy viết chứ không phải người viết, nên vẫn chỉ là sự lặp lại. Lắm mẹo vặt, rất kỹ thuật, nhưng không có chi tiết sáng tạo, thiếu không khí đời sống vốn sinh động, vắng hồn người, gọi là *văn bản lập trình*, y như những trang văn của bọn đưa ra ý kiến: *viết văn không cần cảm xúc, không cần vốn sống*.

Tất nhiên, cái chỗ mà Dương Trung Nam trót đụng ngón tay, hôm mới tìm thấy cuốn sách cổ ở giếng Hoàng Thành, đã tan ra thành khói thì không máy nào đọc được. Chính vì thế mà bản dịch nhiều chỗ mất chữ, đành phải thêm vào văn bản vài từ mới cho rõ nghĩa; vì thế xin các nhà phê bình văn học tôn kính chiếu cố, kéo lại bảo chúng tôi bắt chước tội văn của người xưa, giả mạo văn bản cổ.

Để bạn đọc tham khảo văn bản này, tôi xin chép cả ra sau đây.

\*\*\*

... (Mất chữ - ghi chú của Dương Trung Nam)

Năm Mậu Thân, Tôn Sĩ Nghị chia quân làm bốn đạo tiến vào nước Nam. Để công việc được suôn sẻ, trước đó, Nghị sai Thống ngà m cho tâm phúc luôn về nước.

Một tối, có kẻ tới Tây Hồ, vào đền Quán Thánh, lén lút dán bùa yểm sau lưng thần Trấn Vũ.

Qua đêm tới sáng, bên sông Hồ`ng, quãng bờ tả Bô`Đê`bồng tự đầu dạt về`đoạn trúc bám vào đấ`t, rô`i nảy ra độc một đọt măng. Măng vun vút lớn, thoả`t thành cây trúc sắ`c vàng tươi, thẳng tắ`p chọc thẳng lên trời, nom xa như tia chớp.

Khúc sông á`y có hai cha con người đánh cá, cha tên Nguyễn, con tên Thanh. Thanh mô`côi mẹ từ khi nhỏ, nên rá`t yêu cha, không rời nửa bước. Một đêm người cha nắ`m mộng, thấ`y có người tới lay mình dậy. Nói, ngày á`y, tháng á`y, năm á`y, cho con trai bỏ nghề` sông nước, lên bờ hành khắ`t. Tỉnh giắ`c, thấ`y trăng tròn ngang đầ`u, trong sương mù bàng bạc như có ai vừa đi trên mặt nước, rẽ sóng trắ`ng xóa ra xa, rô`i mắ`t hút.

Mùa đông Đinh Mùi. Cha con cả ngày không đánh được con cá nào. Đế`n chiề`u tàn, đang loay hoay quắ`ng chài bên bờ tả, chợt nghe bên bờ hữu có tiế`ng ai gọi đờ` rá`t gắ`p. Thanh động lòng, nói cha chèo sang. Mùa đông, gió bắ`c hun hút, mưa phùn buố`t thấ`u xương, trên bờ không một bóng người. Lại đói và mệt, cha con cắ`m thuyề`n vào đúng nơi cây trúc mọc. Thanh lên bờ kiế`m củi nắ`u cháo. Thấ`y cây trúc đẹp, câ`m dao muố`n chặt. Vừa vin vào, trúc tự gãy ra đoạn đẹp nhắ`t, dài nửa thước, có bảy lỗ kiế`n đục, đầ`u nhau như người khoét. Lên thuyề`n lắ`y dao tiện sơ` đã thành cái tiêu. Lúc chờ` cháo chín, buồ`n, đặt tiêu lên môi. Từ xưa, Thanh chưa khi nào thổi tiêu. Bắ`y giờ môi người gắ`p trúc, trúc tự ngân lên, chứ không phải người thổi. Âm thanh phát ra rá`t huyề`n cảm, hân hoan khôn xiế`t. Đúng lúc, có bắ`y cá lớn từ đâu tới mừng giỡn, đua nhau tự nhảy vào lòng thuyề`n.

Người cha thấ`y vậy, bắ`m đố`t tay thấ`y đúng ngày á`y, tháng á`y, năm á`y. Nhớ giắ`c mơ xưa. Lắ`y cá đổi đủ gạo, gà, rau, hương nhang, làm mâm cúng linh thầ`n, tổ tiên. Hai cha con hạ lễ ăn uố`ng. Nguyễn để con ngủ say liề`n cõng lên bờ, rô`i phóng hoả` đố`t thuyề`n, nhảy vào trong vòng lửa mà hoá.



Tự đấ y Thanh không còn phương tiện, buộc phải lên bờ làm hành khấ t và thổi độc một điệu. Thổi mãi, thổi mãi, tiế ng tiêu càng nhuầ n nhuyễn, điệu luyện. Sau này có kẻ nhớ, chép lại khúc tiêu ngày â y, đặt tên là khúc "Gọi đoi". Đấ y là tiế ng tiêu trầ m, buồ n, khắ c khoái, day dứt không yên; nhưng quyế n rũ, lay động, làm nhiề u người roi lệ, động lòng mà tặng Thanh cơm áo qua ngày.

Lại ở Đàng Trong, có gia đình đào nương, vợ tên Hương, trước sinh hạ một đứ a gái, tên Huyề n Câ m. Đứ a bé khi chào đời trong nhà đấ y hương xạ. Câ m vừa sinh, tóc mê m tuyề n đen đã dài đế n gót chân. Vợ chồ ng yêu con lắ m, nhưng vẫn thờ ngắ n than dài vì tới mười lăm tuổi, đứ a trẻ vẫn không nói, muồ n gì ra điệu. Lại chẳng khi nào cười, nhưng mỗi bận mẹ hát, cha đàn, mặt nàng tươi như hoa cỏ tiế t xuân. Thấ y thế , cha Câ m bày cho con các ngón sờ trường. Câ m thông minh khác người. Ba ngày vững nhịp, bảy ngày nắ m hế t âm luật, chín ngày tự nghĩ ra những khúc điệu nghệ thường. Ai đượ nghe, thấ y đầ u kinh ngạc, cho là kì nhân.

Một ngày nọ bên Hương Giang, những người chèo đò trên sông thấ y từ đầ u bay về con chim lớn, nhả xuồ ng một hạt cây, rồ i hướng tới nhà Câ m, liệng ba vòng, kêu chín tiế ng. Tại nơi chim nhả hạt, mọc lên một loại cây xanh tô t sum suê, thân gỗ mê m mại. Có kẻ trong thành tự khoe đọ c nhiề u sách thánh hiề n, ra xem gọi tên cây là Ngô đồ ng. Đầ u năm Mậu Thân, chiề u ngang cây đượ nửa thước. Huyề n Câ m ra điệu đòi cha mẹ đắ n cây ngô đồ ng, tự mình vẽ kiể u, nhờ thợ khéo đắ ng một cây đàn. Lại tự cắ t suồ i tóc mê m, óng đen tựa mun, kế t thành bảy sợi dây, mắ c lên đàn. Vừa so cung, hộp đàn rung vang. Huyề n Câ m ôm đàn lướt ngón, buồ ng thứ âm nhạc huyề n điệu; khi êm ái, rì rào như nước chảy, khi cuồ ng nộ như sắ m chuyển đấ t rung. Người cha đế m sợi dây đàn, lắ y tên con ghép vào, đặt tên đàn là Thấ t Huyề n Câ m.

Cuối năm Mậu Thân, Quang Trung tự xưng Hoàng đế, kẻ tội bọ Tôn Sĩ Nghị, chiêu thêm binh mã, chia thành năm đạo, làm lễ tại Phú Xuân, tiến ra Bắc. Cô gái 16 tuổi giả trang, buộc vương lụa đỏ lên mái tóc ngắn, ôm đàn, từ biệt cha mẹ theo Quang Trung.

Viên tiêu tướng coi việc lấy binh, thầy Cầm cầm, mặt mũi non nớt, bèn đuổi về. Cầm không về, tha thiết tỏ ý quyết theo, làm y phải chuyển ý, sai lo việc củi lửa cơm nước.

Quang Trung tiến ra Thanh Hoá. Việc binh như lửa cháy, quân sĩ gặp tiết đông giá rét đi mới vài ngày đã mỏi mệt. Thầy vậy Huyền Cầm mang đàn chơi. Nghe đàn, ai nẩy bưng bưng phấn khích như vừa uống liền ba chung rượu ngon. Đòi đi ngay. Quang Trung thừa thế nước lên, nói chuyện, đốc quân lên chiến, mượn sớm mà đi. Đi một ngày sau bằng ba ngày trước. Chỉ dăm hôm đã tới Tam Điệp, hội binh với bọn Ngô Văn Sở cho quân ăn tết trước. Lại hẹn bảy hôm sau ăn tết lại ở Thăng Long.

Quang Trung có viên sử quan, tên Dật. Dật xưa vốn gốc Chàm, là môn khách của Nhạc. Sau Nhạc yếm thế, bỏ Nhạc theo Quang Trung. Dật vốn xuất thân trong đám giang hồ, học hành chút ít, lại rất có khiếu văn chương, đam mê nhã nhạc. Khi nghỉ ở Tam Điệp, gặp đêm gió bắc mưa phùn, lòng dạ bồn chồn, bèn vời Huyền Cầm mang đàn ra sau núi đánh chơi. Cầm chỗi từ. Dật coi Cầm là đám tiêu tốt, giận lắm, nên không chép kể việc Cầm trong chính sử. Y còn viết truyện kì, đưa cho đám binh lính mang huyền truyện trong dân. Nói, quân năm đạo, chia nhiều cơ, cơ chia nhiều tổ ba người, thay nhau khiêng cồng, nên thần tốc. Văn Dật vốn lỗi lạc. Nhưng lòng kiêu bạc, bụng dạ lại hẹp như lỗ kim, nên văn tuy lạ mà không chính, khéo mà không thanh. Nói theo Cam La đời Tần, ấy là thứ "quỷ văn" sinh trong tâm thức điên loạn. Nhờ tài, có giọng riêng, đầy sức mê hoặc và ám ảnh, nhất là với đám thảo dân thường vốn nhẹ dạ, cả tin, thiếu bản lĩnh. Thiên hạ sau này vẫn có kẻ tựa

vào Dật mà luận! Hối quân trang đã nặng, lại khiêng cáng nhau thì sao đi nhanh bằng tự thân. Thế mới biết sách có loại nguy thư, gôc quý dai dẳng, u ám, rơi rớt tới hôm nay!

Trong quân còn có tên Hiệp, xưa là giám mã cho Quang Trung. Trong trận đại thắng Xiêm có công, được cất nhắc. Hiệp vốn ái. Nay thấy Cầm mày ngài, mắt phượng, ngõ trai tuấn tú, mê lắm. Đêm mò vào. Mang sở đoản, bàn chuyện văn chương nhã nhạc. Cầm im nghe, sắc mặt không giận, không vui. Sau, Hiệp lộ chân tướng. Đầu nắm tay, cuối quỳ xuống van vỉ, rồi hôn hít sờ soạng, đưa tay Cầm vào chỗ kín. Cầm không thuận. Hai bên giằng co va chạm một hồi. Cầm mạnh mẽ yếu ớt vẫn cố thoát hiểm tay võ biền bạo dâm hót giọng văn. Lúc Cầm bị đè ngửa ra đất, Thập Huyệt n Cầm tự nhiên rung lên giận dữ. Hiệp tỉnh ra, sợ chạy. Cầm ôm đàn, hai hàng lệ rơi rơi như ngọc vãi, tự nhiên cất lên lời. Than rằng: "Thậm nguy!"

Hiệp nhờ đêm ấy phát hiện Cầm giả trai. Muốn lấy công, sớm sau phát giác với Quang Trung.

Huyệt n Cầm bị đè cô, mớ tóc ngắn sờ chớm vai chờ chém vì tội dơ ỉ trá. Cố ngửa mặt lên, xin cất lời khẳng khái kể hết việc lai sử. Nữ tướng Bùi Thị Xuân bấy giờ trong quân, đứng ra bên vực Cầm. Quang Trung cảm khái việc lạ. Tha! Lại kể tội trái luân thường đạo lý của Hiệp, thét võ sĩ mang chém. Cầm thưa, đạo lớn bao trùm thiên hạ sinh trước cả muôn loài. Hoàng đế nên tuân theo nó thì bền. Nay Hiệp cơ thể do cha mẹ sinh ra đã vậy, chỉ nên xét tội ức hiếp, không nên lấy ái mà khếp tội. Quang Trung nghe. Khen, biết nhẹ tự nhiên. Hiệp làm hoạn quan từ ấy.

Có người bảo, Quang Trung đã tha lại nghe theo Cầm vì thấy Cầm quá đẹp. Vì Cầm tới nghe đàn, yêu lắm, định sung vào đám hậu nữ. Nửa đêm Quang Trung đang ngủ tính kế đánh Tôn Sĩ

Nghị, bỗng nghe tiếng Thập Huyền Cầm xa vắng lại. Khúc nhạc ban ngày nghe êm ái lạ thường là thế, trong đêm vắng lại như trăm ngàn mũi mác thích vào óc. Sớm sau Quang Trung sai người chu cấp cho Huyền Cầm ba chục lượng vàng, rồi đi. Cầm không van tiếu, lấy vàng, cảm tạ Quang Trung, cứ nhắm hướng Bắc mà đi trước quân sĩ hai ngày.

Bấy giờ ở Thăng Long thành, Tôn Sĩ Nghị biết Quang Trung hành động, vẫn giữ vẻ bình tâm, ngày ngày uống rượu, đánh cờ. Mỗi tối, sai người tới quan sát sắc khí hình tượng thần Trấn Vũ, rồi mới yên trí đi ngủ.

Huyền Cầm đi tới đâu đàn cho đám nông phu nghe tới đó. Lại dùng vàng giúp nhà nào thật đói khổ, nói thác là của Quang Trung. Nhờ thế quân Quang Trung sau đi đến đâu, dân chúng vạn nhà hưởng ứng, đóng thanh, kẻ dâng tiền bạc, người giúp công sức. Tính ra, trai đinh theo thêm mười vạn. Khí thế rất lớn.

Cầm vào tới Thăng Long, bèn lên Tây Hồ đánh đàn. Tiếng đồng, vào lúc chiều tà, sương bạc đang dăng kín cả mặt hồ bỗng tan dần.

Lại nói, người thanh niên thổi tiêu tên Thanh, mấy đêm bên chõn không yên, chẳng ngủ, thường uống rượu thậm say cho quên. Chiều ấy, Thanh nghe tiếng đàn, sực tỉnh, quẳng góc rượu dở, xách áo, cầm tiêu thổi điệu Gọi đôi, lần theo lời Thập Huyền Cầm trong gió mà tới. Giờ Hợi thì Cầm và Thanh gặp nhau.

Bấy giờ không có ai biết rõ thế nào. Có một đoạn phú của Ngô Thì Nhậm sau viết, chẳng hay kể lại việc đó chẳng:

*...Một tiếng ngô đồng/ thom bùng quán vắng/ giữa trông lên trời/ Trúc vàng như nắng/ ánh khói chập chờn/ Người tiên lại chẳng?/ Sóng cầm cuộn cuộn/ Tiếng địch thổi chẳng/ Chim chóc*

*hót lượn/ Người bình giã c chãng/ Cá rô`ng ản hiện/ hồ`n nước lại  
thăng...(1)*

Trai gái gặp nhau, lầy tiếng nhạc thay lời thiế t tha tao nhã. Tiếng tiêu đầy, trâm, kiên quyế t. Tiếng Thấ t Huyề n Câ`m khi sắ c như nước, khi mê`m nhẹ như mây. Cả hai riêng mà thành chung, quấ n quít, run rẩy hoà thanh, tạo thành thứ âm nhạc phi thường, chưa bao giờ đấ t Thăng Long được nghe. Tự đâu có đàn chim lớn, đông không đế m được, kéo về` bay lượn, hót vang cả khúc sông. Ngay khi ấy, vị từ đề`n Trấ n Vũ, trong chậ choạng hương nề n, thấ y bức tượng như chột rùng mình, vươn vai sau giấ c ngũ dài. Sợ, rập mình xuố ng đấ t, vái lạy liên hồ`i, thấ y chớp xanh tự đâu phóng ra, vút tận trời, vỡ thành ngàn vạn ngôi sao nhỏ rơi xuố ng quanh Thăng Long. Trên mặt Tây Hồ`, dân đánh cá còn thấ y nước cuộn lên như sôi. Có kẻ trông thấ y con trâu rục rồ sắ c vàng, nổi lên chỗ nước cuộn, bơi một vòng, kêu một tiếng tha thiế t như gọi ai, rô`i lặn đi đâu không rõ. Mặt hồ` vắng vắng tiếng chuông, tiếng khánh hoà theo tiếng tiêu, tiếng câ`m, tiếng trâu vàng, âm âm vang tới tận Hồ` Gươm. Quân sĩ Tôn Sĩ Nghị đi tuầ n thấ y nổi lên một con rùa đen dài tám thước, ngang năm thước, đầ u to như cái thúng, hai mắ t như hai bó đuồ c, giận dữ trừng trừng nhìn bọn ngoại bang. Chúng hoảng sợ bỏ chạy, câ`p báo chuyện lạ tới Nghị. Nghị đang đánh cờ nghe tin rùng mình, toát mồ` hôi hột, buông rơi cả quân cờ trong tay lúc nào không biế t. Suố t đêm không ngủ, sớm hôm sau Nghị sai người đế`n Quán Thánh, không thấ y lá bùa sau lưng bức tượng thầ n. Từ đề`n sớm ấy quét dọn, vun rác rưởi lẫn vào đám lá rụng. Đố t. Khói hắ c ám bay xám cả một góc đề`n.

*Nghị sai thám tử dò xét khắ p nơi, biế t việc lạ khởi từ cặp trai  
gái kia, đoán là linh khí trời Nam tụ hội, bèn sai lính đi bắ t.  
Huyề n Câ`m và Thanh được tin, chạy ra hướng sông. Quân Nghị  
đuổi gắ p. Tới sông, cả hai dắ t tay nhau toan nhắ y xuố ng sông*

*cho nước cuốn đi. Chợt thấy từ đâu có chiếc thuyền nhỏ lao đến như tên bắn. Người chèo đò tóc râu cước bạc, gõ chèo hát:*

*- Mong người tri kỉ chừ, hai phương trời*

*Lòng ta lòng ta chừ, giờ gặp tri âm*

*Lòng trời lòng ta chừ, đời mệnh mông*

*Nhìn nước nhìn mây chừ, không thẹn thùng*

*Hoà xong một khúc chừ, hết một chung*

*Hết một chung thom chừ, rồi gặp mây*

*Giờ ai việc này chừ, mệnh người yên ổn*

*Mệnh nước yên ổn chừ, đến hẹn lại lên<sup>(2)</sup>*

Lại giục Cầm và Thanh mau xuống thuyền. Đám lính của Nghị bắn tên xuống như mưa bấc. Tên bay tới thuyền đểu lả tả rơi xuống nước. Ra giữa dòng thì neo lại. Bảo Thanh: "Người xong việc rồi!" Rồi nói với Huyền Cầm: "Còn người thì chưa, giờ hãy nhanh theo ta xuống Ngọc Hồ để kịp".

Việc kể đó thuật lại sau này, mỗi người một khác.

Kể nói, dứt lời lão già, một mũi tên lạc bay thẳng xuống thuyền cắm đúng yết hầu Huyền Cầm. Tự đó một dòng huyết đỏ phụt ra chẻ đôi cây tiêu. Nước sông Hồ ng mùa đông trong vắt, sau ngày ấy vẫn giữ sắc phớt hồng. Khi cây tiêu bị chẻ đôi, Thanh ngã ra bất tỉnh. Sau đây, không nhớ việc xưa, cũng chẳng thấy ông già và Huyền Cầm đâu, nhảy xuống nước bơi như cá, đi đâu chả rõ.

Thuyền nhỏ trôi tới Ngọc Hồ i mất c lại. Đây là trùng ngày mông năm tét Kỉ Dậu, Quang Trung đánh Ngọc Hồ i. Ban đầu cả trăm thớt voi xông lên, bị thân công của Hứa Thế Hanh bày trận bắn cản dữ dội, tung vòi giậm chân thành thạch tại chỗ. Bỗng gió đưa về vắng vắng tiếng nhạc từ phía bờ sông. Trăm thớt voi đồng thanh rống vang, chẳng chờ quân tượng thúc búa, cũng nhát loạt ào lên. Người người thấy thế như chẳng biết chết, hợp thành một khối "đông như kiến cỏ, thế lực ạt như triều dâng"<sup>(3)</sup>. Ngọc Hồ i tan, Quang Trung coi như cầm chắc thắng trong lòng tay.

Người khác nói, Cầm trùng tên. Trước khi viên tịch, hét lên một tiếng chẻ cây tiêu làm hai mảnh. Khi Thanh tỉnh lại, không thấy ai, tựa nước trôi về Gián Khẩu theo quân Quang Trung lập công, rồi được cất làm tướng. Đoạn sau nói về trận Ngọc Hồ i như trên.

Còn có lời đồn khác là, Thanh không nhớ việc xưa, nhảy xuống nước theo dòng trôi mãi, sau dạt vào làng Linh Hoa. Nhà họ Phạm, thấy Thanh giỏi đánh cá, khéo việc ruộng, yêu mà gả con gái. Thanh xin ở riêng, sinh con để cái đong đúc, lập thôn Linh Hoa ven sông Thái Bình. Mãi mãi đánh cá, làm ruộng. Thôn này tới nay vẫn còn lệ dịp tết Nguyên Đán, lấy thân chuôi làm hình nhân trôi sông, vớt lên đem về miếu thành hoàng làng làm lễ nhập hồn. Dân thôn Linh Hoa tới ngày nay khi nông nhàn vẫn khoét tiêu, sáo rât tài, mà không ai biết thổi cho ra hồn tiêu. Có đứa trẻ nghịch cất ngấn, mất vào diều bay lên, tự cất tiếng vi vu, nào nùng luyện tiếng xa xôi, suốt đêm ngày không mỏi, bay xa trăm dặm. Nhiều làng khác bắt chước diều sáo, nhưng tiếng kêu không nơi nào vang xa như diều sáo Linh Hoa.

Tại khúc Chương Dương, hơn chục năm sau có người tên Du họ Nguyễn, tự xưng là khách thơ, một đêm có việc đi qua, nghe trong tiếng nước trôi vắng vắng khúc tiêu, điệu cầm đàn hòa, vọng từ mặt sông vắng lên. Du tự đó hứng khởi lạ kì, nôn nao tâm dạ, mãi sau yên

được khi đã đặt bút viết hết Truyện Kiều. Sau, không làm được khúc nào hay hơn. Có lẽ, Kiều của Du thắm *Huyền khúc cầm tiêu* đêm ấy, gói được hết cái tình ý bách khoa người Nam, nhờ thế sống mãi.

Tất cả là vậy, chép cả ra đây. Con cháu đời sau biết *câu chuyện Cầm Tiêu* mà hiểu vì sao ta không coi châu báu ra gì....

Năm...

*Thăng Long.*



# Miếu Ông Bồi

**T**ết qua, có dịp về một làng gòn Hà Nội, thăm lại một người bạn đã lâu không gặp. Tại đó phát hiện có ngôi miếu nhỏ rắt cổ kính rêu phong. Bên ngoài miếu đặt một con hổ đá, chứ không phải chó đá như thường gặp ở các làng Bắc Bộ. Thấy tôi chú ý tới ngôi miếu, bạn tôi mời về một người chưa già, chẳng trẻ. Rượu xuân vui tới nửa đêm, người kia rỉ rả kể thông một mạch mấy chuyện, tôi ghi lại sau. Cũng chả biết hư thực ra sao, nếu ai thấy có sách nào ghi lại việc kể sau, có sai sót gì xin chỉ để hiệu đính sửa chữa.

\*\*\*

Làng này xưa tên gọi là Mỗ Tương. Trải qua nhiều thăng trầm, thay tên mới, nay tên cũ không ai nhắc tới.

Thời Tây Sơn, không nhớ năm nào, trong làng có Nguyễn Bồi nổi tiếng ham học, thấy ai hơn mình đều tìm đến thụ huấn, kết giao. Khi quân Thanh kéo vào xâm chiếm nước ta, Bồi bỏ bút, cầm gươm vào Đàng Trong theo vua Quang Trung.

Sinh ra không phải để cầm gươm múa giáo, nên với các ban võ nghệ giữa đám sĩ tốt, ông đều bị xếp thứ bét, bù lại biết kể chuyện cười dân gian, đọc thơ vui, làm quân sĩ thường quên cả nặng nhọc. Có người mách việc ấy với Quang Trung. Quang Trung cho gọi lên, hỏi: "Nhà ngươi biết làm cho quân sĩ vui. Có biết làm cho ta vui không?" Bồi ngay thẳng hỏi lại: "Đàng quân vương thấy binh sĩ vui, lòng có vui không?" Quang Trung khó chịu, vẫn trả lời: "Vui!" Bồi bèn nói tiếp: "Thói thường, vua chúa hay tìm vui chốn cung nữ, khuê đài, nhã nhạc... Nay bệ hạ ra trận, như các vương giả đời xưa, nên lấy

chiến thắng làm nguôn vui lớn. Thân xin có kế nhỏ dâng lên bệ hạ làm nguôn vui nhỏ!" Quang Trung là bậc anh hùng kiệt kiệt, trăm trận trăm thắng, lần này đối địch với quân Thanh, biết phải thận trọng, đang bày mưu kế chưa xong, nay thấy giữa đám tối đen có đũa nói cứng, nghi ngờ lắm, hỏi gấp, kế gì? Bôi vẫn nhún nhả, hỏi lại: "Quân Thanh có nhiều hơn quân ta không?" Quang Trung chau mày: "Quân Thanh hơn hai chục vạn". Bôi hỏi tiếp: "Quân Thanh có tinh nhuệ không?" Quang Trung trừng mắt! Bôi cúi đầu, mỉm cười: "Bệ hạ đừng vội nóng giận." Quang Trung nghiêm sắc mặt: "Dân Bắc Hà ăn nói vòng vo quá. Quân sắp ra trận. Thành bại của tướng là sống chết cả vạn người. Đâu phải chuyện để đùa vui. Nói ngay, đúng ta thưởng, hô hô, chém làm lễ tế thần linh, an lòng binh sĩ". Bôi vẫn bình tĩnh, không tỏ ra run sợ, biết là lúc Quang Trung lắng nghe mình, bèn nói một hơi không nghỉ:

- Nói về thế, quân Thanh trong đồn lũy, một người có thể chơi năm, địch mười. Bệ hạ tiến binh ra đất mà đa phần sĩ phu ham vui, nhu nhược, dân chúng vốn rất tham lợi nhỏ, danh hào... chỉ khi bị nhục thì lập tức bất cần, trở nên khí phách, can trường, mạng sống chết coi như rơm rác. Xin bệ hạ hãy làm cho nhà nhà biết cái nhục người Nam, khi quân giặc lấy Thăng Long như đi vào chỗ không người, coi người Nam ta như chó ngựa... Lại đem cái lợi sau khi chiến thắng mà tuyên truyền, hẳn muôn người ở Bắc Hà này sẽ liều chết theo bệ hạ. Được vậy, hai chục vạn quân Thanh chắc không đông bằng dân cả nước Nam. Quân Thanh đã tinh nhuệ, so với tiên quân bên bệ hạ chẳng thua kém gì, lại trong đồn lũy, là thế mèo nã m đợi chuột. Ta tiến vào Thăng Long, thế nào cũng qua Ngọc Hồ i. Xin bệ hạ, chọn một ngàn tay đao ngấn, voi trăm thớt. Thân xin có mẹo nhỏ biến họ thành dũng sĩ, không sợ súng to đạn lớn, đồn cao lũy dày của Hứa Thế Hanh.

Quang Trung nghe. Sắ c mặt chuyển từ căng thẳng sang bình thường. Thắ y Bồi dừng lại, bèn giục, nói tiế p, nói tiế p. Nguyễn Bồi bèn tiế n sát Quang Trung ghé tai nói thắ m chỉ hai người nghe thắ y. Ké t bắ ng câu: "Cứ thắ ! Cứ thắ !"

Quang Trung nghe xong, cười lớn, nói, đượ lắ m, hợp ý ta!

Từ bữa đó, Quang Trung giữ Bồi ở bên mình.

Bên Quang Trung, Bồi tỏ ra người lắ m cơ mưu, lại biế t lựa lời nói với dân chúng, nên quân sĩ dọc đường ra bắ c theo Quang Trung rắ t đông. Trần Ngọc Hồ ì, Bồi sai lính kiế m rắ t thứ sẵn ở nơi thôn dã, chặt tre pheo làm xương, lắ y rơm rạ, ké t bùn ao đắ p lên, làm tá m mộc lớn cho quân sĩ; lại kêu gọi dân chúng quanh vùng, bắ t kẻ ai, miễn có lòng, trong đêm tồ i đố t lửa, gõ mõ, thanh la, chiêng, trồ ng. Quân Thanh trong đờ n tưởng quân ta có ức vạn. Hứa Thế Hanh tuy là danh tướng, có đạn to, súng lớn, lại ở trong Ngọc Hồ ì hào sâu, lũy cao, nhưng vào trận, trong tiế ng động dậy đắ t, thắ y quân ta cứ ào ạt xông lên, nên lòng người hoảng loạn, dũng khí tan biế n. Ngọc Hồ ì nửa đêm bị san phẳng. Ngọc Hồ ì má t, Thăng Long như ngôi nhà không cửa. Quang Trung đánh má y trận nữa, toàn thắ ng.

Sau khi quét sạch quân Thanh, một đêm Bồi dẫn quân sĩ đi tuầ n, tới đoạn Chương Dương. Bề n vắ ng, sông sâu. Chợt thắ y mặt nước vắng lên tiế ng đàn thồ ng thiế t như mời gọi. Lắ ng nghe, tâm dạ chao động, bồ n chồ n. Bèn sai lính chèo thuyề n ra, tịnh không thắ y bóng người. Bên bờ có một thuyề n câu, bắ t lái thuyề n lại hỏi, mới hay trước khi đại phá quân Thanh, đây là chỗ có người con gái tên Huyề n Câ m vì nước xả thân, rô i hoá ở khúc sông này<sup>(1)</sup>. Thắ t kinh, đêm ấy Bồi sai quân sĩ sắ m lễ, tự mình dâng hương, rô i cắ m thuyề n nghỉ tại đó. Nửa đêm vừa chợp má t, bỗng nghe trong tiế ng nước chảy có tiế ng đàn Thắ t Huyề n Câ m như đưa

đẩy con thuyền. Nhóm dậy, thấy trong sương bay khói nước có người con gái, tóc mây mượt mà, làn da, khuôn mặt toả sáng, tươi tốt như hoa cỏ mùa xuân, ôm đàn tằm tím cười. Bồi hỏi, người từ đâu tới? Cô gái cất tiếng, đây t này của người Nam, sông này của nước Nam, hỏi vậy có vô duyên không? Bồi bói rồi, tỏ vẻ biết lỗi, lại xin mỹ nhân đàn nữa. Mỹ nhân nâng đàn, tay mềm lả lướt, ngón ngọc nhân nháy cung phím, rung vang trên mặt nước, theo gió bay khắp thú âm nhạc Bồi chưa khi nào từng nghe; cung bỗng như tia nắng ban mai, cung trầm như sóng biển thì thâm vỗ, xuyên thẳng tâm can, thấm sâu cả vào lục phủ ngũ tạng Bồi. Cảm động, muốn nắm tay mỹ nhân. Nhưng cứ đưa tay ra là cô gái biết mất, lẩn vào sương khói. Với mãi, lở chân rơi xuống. Không thấy sông đâu, chỉ thấy vực sâu thăm thẳm. Hoảng sợ cố vùng vẫy, chợt tỉnh giấc mà không rõ hư hay thực. Cảm rõ tiếng đàn lưu luyến ở tâm thức, hương xạ mỹ nhân còn vương vấn đâu đây.

Sau đêm ấy, Bồi thấy bời bời, chợt nổi nhớ quê dưng đây, da diết. Thân xác như nhẹ không, mọi ham muốn đều thấy tầm thường. Vài ngày sau, Bồi từ chối việc ban thưởng của Quang Trung dành cho, nằng nặc xin lui về làng cũ, lại làm thứ dân.

Sau này có người hỏi: "Ông khó nhọc với nhà Tây Sơn, được yêu thế, là lúc hưởng phú quý, sao lại về?" Bồi đáp: "Sinh ra ở Mỗ Trương, gốc là nông dân. Người ta, gốc gác nông phu, trong li loạn, đa phần thường là liêu chệt hạng nhát, song thời bình nếu có quyền chức, dù to hay nhỏ, đều tìm cái vui thú, hưởng lạc làm đâu. Tìm mọi sự thoả mãn tới cùng cực mọi dục vọng khiếm không chỉ riêng mình đứng bên vực thẳm, mà còn dẫn quốc gia tới bại vong, đổ nát. Từ khi ta nghe tiếng đàn bên sông, tự giác ngộ, thấy trên đời này, điều khó nhát, không phải là khám phá, chinh phục thiên hạ, khó nhát, cần thiết nhát là tự khám phá bản thân. Biết được vậy, tất bao lo lắng, ưu phiền tự tan biến mà vui sống. Việc quan

trường vô n cầ n nhiề u sở đoản, thủ đoản, luôn phải đớ i phó, ham hồ nó, tức tự chuồ c lấ y bất an. Người ta ở đời cầ n vui số ng và bình an. Việc lớn nhấ t, nặng nhọc nhấ t của một đời người, ta đã trả xong rồ i, vinh hoa phú quý vô n là phù vân, lại tựa vào kẻ khác, ấ t như loài tâ m gửi. Tựa người khác mà số ng, muố n là mình cũng khó được là mình. Rồ t ráo, cây đổ thì loài số ng nhờ tâ t chề t."

Quả thực, Bồi số ng như đã định. Vải chọn thứ mộc, ăn thường dùng thức quê mùa, gặp việc gì, dẫu buồ n vui thế nào cũng bình thản ứng xử, nên khuôn mặt khi nào cũng tươi mới.

Về làng ông mở lớp dạy học. Cũng không nhiề u trò. Có điề u là, ai tới xin học đề u xem tướng rồ i mới nhận. Có người tò mò lại hỏi vì sao, Nguyễn Bồi nói: "ác thiện đề u hiện ra bản mặt, người thiện đọc mười cuố n sách may sáng thêm ra một điề u; kẻ ác đọc một cuố n sách làm thêm mười điề u xấ u". Khách hỏi: "Sách vở không thay đổi được số phận ư?" Đáp: "Không! Người vô duyên, chữ nghĩa đầ y mình càng thâm hiểm sâu ác. Có duyên, tự giác ngộ. Hình tướng sẽ thay đổi, nên nói tướng cao hơn số !" "

Bồi về già vẫn ham trau dò i kiế n thức. Ông không chỉ ham đọc mà còn thăm thú nhiề u nơi, học nhiề u điề u hay ở thiên hạ về khuyế n dụ cho dân làng. Mỗi Tương biế t nghệ làm giấ y, nay thêm nghệ thêu, khám, nên nhiề u người no đủ.

Việc dạy trò, cuố i đời ông có thuật dùng tay sờ bài của trò mà biế t hay hoặc dở. Có khách, xưa nay vẫn mê n mộ ông tới, thấ c mắ c, hỏi, đọc bằ ng mắ t, sao lại dùng tay sờ? Nguyễn Bồi đáp: "Văn người ta, hay dở là từ khí chấ t nội tâm. Khí tạo độ đậm nhạt của dòng chữ trên mặt giấ y. Kẻ tiêu khí, nông cạn, khi viế t không làm chủ được mình, buồ n vui bất thường, chữ nghĩa lên xuố ng, gợn cả trong ngón tay ta."

Lại hỏi, thế nào là hay dở?

Bồi vuốt râu, thản nhiên:

- Văn chương, đọc mãi, viết mãi cũng thành tron tru. Đấy mới chỉ như vỏ cây, nước sơn bên ngoài.

Khách lại hỏi: "Có trước thì có sau?" Bồi tiên sinh rót đầy chén rượu cho khách, khen biế t vấ n đấ p. Nói tiế p: "Viế t văn giố ng đố ng thuyề n. Đố ng thuyề n phải nổi trên nước, chớ đượ c mới là thuyề n. Vậy trước hế t câ n đấ t! Thuyề n cũng có đấ m bảy loại. Thứ chỉ để chuyên chở vật nặng, thứ chở người, loại chở trâu bò, chó, ngựa... lại phải theo thế nước, lòng sông, nên dài ngắn, to nhỏ tất đê u khác nhau. Thợ giỏi là kẻ đố ng đượ c nhiề u loại thuyề n. Loại ấy hiế m. Đa phầ n thiên hạ chỉ giỏi sơn phế t, văn thơ tràng giang cũng chỉ một bài, khác chi đố ng thuyề n một kiể u thì không thể đi cùng khắ p sông nước". Khách cãi: "Thăng Long có nữ sĩ dòng *Tân kì nhân* nức tiế ng làm thơ chỉ vài người hiểu. Cao lương mĩ vị đâu có cho kẻ tâ m thường?" Bồi cười: "Nguy văn thường lộng ngôn. Thứ văn *xảo ngôn lộng ngữ* cũng là dạng quê mùa biế n tướng. Cũng là loại "dĩ cùng tá c biế n" mà thôi. Bây giờ khô i kẻ ở Thăng Long tự nhận là *Cây Văn* nhưng má y kẻ biế t, *Cây Văn* hình dáng ra sao? Người làm ra văn khác chi người làm ra thóc, gạo, rau cỏ... Văn chương nên lấ y gồ c vì người, rễ bám vào đấ t, nước tá t có hồ n cô t phong hoá; cành lá sum suê, tán rộng, bao đượ c nhiề u tâ ng lớp."

Khách hỏi: "Xin nói rõ hơn đường văn thế nào?" Bồi đáp: "Đường văn như đường cày trên mặt ruộng. Nông phu làm ra thóc gạo, nuôi dưỡng con người. Người văn là người dùng chữ mà lay động, dung dưỡng tâm hồ n kẻ khác. Đấy là hay. Muố n thế phải biế t đầ u nỗi đầ u của đời, vui với hạnh phúc của người, giải bày ngay thẳng tá m lòng *tôi* mà hợp với *ta*, san sẻ đượ c với *ta*. Chữ nghĩa muố n người tin, nên bình nhiên, êm ả chảy. Uố n éo tưởng kỳ khu dụng công là

hông. Xảo ngôn, mưu mẹo chỉ như anh thợ khéo. Lạm dụng đại ngôn là cái thùng rỗng. Văn chương suy cho cùng, không phải là bao nhiêu chữ, biể t bao nhiêu việc. Có khi kiệm lời, nói hế t được tâm ý của vài người, vài việc đã là tài. Hay phải như gió lớn, sóng cả: lay động, dung dưỡng, an ủi, khích động... được tâm hồ n người. Văn bậc thượng thừa cô, kim đề u làm hế t thấy mọi tâ ng lớp cảm động!" Lại nói, văn chương có ba loại, loại *nói tới mà không tới* là vấ t, loại *nói tới mà tới* là đạt, loại *không nói tới mà tới* là siêu thặng, tuyệt chiêu trong thiên hạ. Đấ y không phải là lời ta.

Khách lại hỏi, sách thiên hạ vô kể, tiên sinh học thê nào? Nguyễn Bồi bảo: "Khách có cuố n gì không?" Khách đưa ra cuố n sách mới mang từ Trung Hoa về . Nguyễn tiên sinh điề m nhiên đô t, hoà tro vào rượu đầ u be uố ng cạn. Xong, vuố t bụng ba cái, rô i lựa bút viế t ngay một bài thơ, khách thấ y toàn là đầ u chữ của mỗi chương sách mình viế t. Đọc, thấ y rõ lời lẽ dung dị, tao nhã thầ n tiên, ý tứ gói gọn cả bộ sách vạn chữ nói trên mà không thấ y bóng dáng của người ở đầ u nữa.

Khách phục lấ m. Lui ngay. Không hỏi nữa.

Học trò theo ông tới khi ông mấ t cộng lại chỉ chưa đầ y trăm người. Ông thường tùy theo tính khí từng người mà khuyên nhủ sự tiế n thân. Có người học dăm năm đi thi, nghe ông ra làm quan, có kẻ nghe ông về cày ruộng, có kẻ vâng lời về đánh xe ngựa. Tuy chức phận khác nhau, nhưng ai ai cũng đủ ăn. Và, quan trọng hơn là tâ t cả, tự họ đề u thấ y vui số ng và bình an.

Sau Bồi mấ t. Không đau đớn gì. Một tô i vào nă m rô i đi như ngủ. Có người bảo, gầ n sáng có tiế ng đàn như xa như gầ n. Quả thực trong nhà sớm á y tràn ngập mùi hương hoa tinh sạch. Yên tĩnh lấ m. Mộ rô i cũng chẳng xây đấ p to cao gì. Một đêm mộ i đùn thành gò cao. Thiêng! Ai có việc gì khó khăn tới câ u, ông cũng ứng

mộng, chỉ lối thoát. Trong làng, khách văn dâ`n quên ông, nhưng những phường thợ vẫn nhớ, đóng tiề`n cửa, lập miế`u thờ, gọi nô`m na là Miế`u Ông Bồi. Hàng năm, các phường giấ`y, thêu, khám đê`u có lễ. Lễ to hay nhỏ tùy thời, nhưng bao giờ cũng không thiế`u sách mới của thiên hạ để dâng. Những bộ sách được dâng, nế`u thực hay, sau lễ hội đê`u đổ sắ`c thắ`m vàng như qua lửa. Sách dở, ba ngày tự mục, mủn, tan vụn thành cát bụi.

*Làng Ngọc Hà - Bính Tuấ`t*



# Nuốt sách

**B**ây giờ Nguyễn Ánh vừa tiêu diệt được nhà Tây Sơn, đóng đô tại Phú Xuân. Đất nước liền bờ cõi, không còn chiến tranh triền miên như trước, nhưng tại Bắc Hà, đám sĩ phu kẻ nhớ nhà Lê, người tiếc nhà Tây Sơn, kẻ thờ vua mới là Nguyễn Ánh. Vì thế có người bảo: "*Đất nước yên bình, nhưng tâm thức bất yên.*"

Mỗ Tương, thời xa xôi trước đó, đám tùy tướng của vua ta, sau khi đánh tan giặc xâm lăng ngoại tộc ra quá y phá kinh thành, đã được đức vua ban thưởng theo công tích. Ngoài việc được thăng phẩm trật, và thưởng chiến lợi phẩm, họ còn được mang về xóm Vạc hơn chục tù nhân dòng tộc hậu duệ của giặc Chê. Trong số đó, có kì nữ gó c gác hoàng tộc. Dung nhan mặn mà, đàn hay múa giỏi, nhưng khuôn mặt khi nào cũng ủ dột sâu u não. Làng có ba họ lớn Trịnh, Nguyễn và Hoàng.

Năm nọ, có con trâu điên lờng trên cánh đồng, suýt húc chết người họ Trịnh. Một gã nông phu họ Nguyễn dũng cảm, liều thân vác cày đón đầu, quật bừa mảy cái, hạ thủ trâu. Để trả ơn, nhà họ Trịnh bèn cho không gã lực điền nữ nhân kia. Ba năm sau, sinh được một bé trai. Đặt tên Huy, đệm là Phất. Họ Nguyễn trong làng Mỗ vốn không có thanh thế, muốn con có chữ, bèn sắm lễ, tới miếu Nguyễn Bồi, cầu xin rá t khẩn thiết. Canh năm, mộng, thầy có người lay dậy, chỉ mặt nói: "Ông sinh con tinh hồ. Môi dày. Quàng mắt thâm. Bản ngã, thông minh, sau có danh tiếng, nhưng là danh tiếng của loài cầm thú". Cha Phất Huy nghe vậy, sau đó buồn lắ m, nhưng vẫn cố cho Huy lên Thăng Long ăn học.

Phất Huy tới tam thập vẫn chưa làm được trò trò ng gì. Nhiều khi phải phiêu dạt. Được cái, chịu khó, chẳng từ nan việc nào, miễn có

tiền để sống. Thậm chí có lúc sa cơ, nhập bọn lũ thảo khấu, liêu thân buôn lậu qua biên giới. Có lúc lại thay lột, dạy trẻ trâu kiếm ăn qua ngày. Tới bốn chục tuổi, Huy vẫn là thường dân. Không biết vận chưa tới, Phất Huy lòng đầy oán khí, âm ức tiết cả ra mặt. Vì vậy khuôn mặt y vốn thô kệch, quê mùa, tù hãm, nay lại thêm hai quầng mắt xám, nom càng nặng nề, âm u.

Bây giờ, chính sách của Nguyễn Ánh chú ý tới Đảng Trong nên đòi sống dân Bắc Hà, sau nhiều cuộc chiến miền rứt thảm hại, kể cả đám quân sĩ từng có công đánh dẹp nhà Tây Sơn.

Phất Huy tìm về Thăng Long, thân cô thế cô, y muốn giao du với đám văn sĩ mà chưa có dịp. Bây giờ, ở nam Thăng Long bọn văn sỹ Ngọc Chung Tử, Đặng Ân, Thụ Nguyễn, Thụy Vũ, Thị Anh... thường hay tụ họp đàm đạo văn thơ, vui vẻ lắm. Có dịp quen với Đặng, Phất Huy ngỏ lời muốn nhập bọn. Biết y là kẻ mới lập bập về Thăng Long, lạ nước lạ cái, Đặng vốn nhân từ, vui vẻ nhận lời tiến dẫn. Vốn một thời lam lũ, đa phần bè bạn là đám giang hồ, Phất Huy không tường luật lệ giao du nơi đô hội, y hỏi, thưa Đặng tiên sinh, em ra mắt mang gì tới? Đặng nghĩ Huy nghèo, bảo, bọn này đủ rượu nhạt, đến với nhau là đủ. Về nhà, Phất Huy nãm nghĩ, cho rằng, thời thóc cao gạo kém, chắc bọn họ cũng đói, bọn sĩ phu khách khí hay nói vậy, chắc thử rộng hẹp lòng mình. Nhóm phất dậy, giắt má y tiến vào rạp quàn, ra chợ. Y tính, sáu người, thể nào có kẻ cũng mang rượu thịt tới, ngày đâu mình cũng không nên bủn xỉn. Mua một chân giò lớn, nặng tới ba cân, đem về vườn nhà thui đen, cẩn thận bọc lá chuối.

Đúng hẹn, Huy đến. Thấy cả bọn đã tới từ trước, đang uống rượu bình thơ. Phất Huy rút phất chân giò thui từ túi vải nhàu nhĩ, quệt mồ hôi hột, đặt xuống chiếu. Đám văn sĩ nói trên vốn là người tứ xứ, nhưng về Thăng Long đã lâu, dẫu có đói cũng chẳng ai nghĩ, sự ra mắt của Huy quá thực tế tới tầm thường là vậy, đều

trợn mắt, lè lưỡi. Để tỏ lịch thiệp, Đặng mời Huy an tọa, khen chân giò béo. Vô n nhạy cảm, Huy hiểu ánh mắt của mọi người. Nghĩ, mình bị chê mọi rợ quê mùa, ngượng lắ m. Bụng tức giận vẫn cố cười. Từ đó, y nuôi thêm mô i cảm hờn phải nén.

Số ng ở Thăng Long vài năm, giao du với đủ hạng văn nhân, lại ngâm hờn bá y nay, y suy nghĩ nhiê u đêm, lao tâm khổ tứ, mọi sự dò n kê t vào đúng tê t Nguyễn Đán năm ấy, Huy phát tiế t làm thông chín khúc luận nhiê u việc ở thiên hạ.

Văn Huy có giọng riêng, mang sắc lạ, chẳng giố ng ai bá y nay trong đám văn nhân Bắc Hà. Những chuyện y bàn ở chín khúc, mang sự suy ngẫm, nung nấu rấ t riêng về nhân tình thế thái, đặc biệt là cái hư hỏng của người đời. Sĩ phu Thăng Long bá y nay khiế p nhục trước sự trả thù của nhà Nguyễn với bá y tôi của Nguyễn Huệ, giờ có người nói hộ lòng mình, nên văn Huy được truyề n tụng. Cũng có người xét nét nói, văn Phấ t Huy kiêu bạc, lạnh lùng, thiế u cái bao dung, nhân ái của văn nhân. Quả vậy, văn y hô n vía sắc nhọn, toát lạnh, bàn tới người mà như con hổ bình thân đang rau rầu nhai xương, nuố t thịt, con rắ n cạp nia trợn mắt nuố t gọn con vật lớn trong rừng. Đôi khi, thấ y như y cười man dại, sò nắ n, vạch, bóp, ỉa đái, v.v... tự nhiên chẳng kiêng kị những dung tục tâ m thường, đặt cả lên giấ y trắng, gây bàn ra tán vào. Thiên hạ đa sự, Phấ t Huy nổi tiế ng khắ p Thăng Long bá y giờ.

Từ vô danh tới hữu danh chỉ là khoảnh khắ c ngắ n, Huy thoắ t thấ y mình như *đệ nhấ t thiên hạ*, thêm kiêu ngạo, dầ n chả coi ai ra gì. Ngay đố i với bạn bè thừa hàn vi, các danh sĩ Thăng Long như thi sĩ Ngọc Chung Tử, văn gia Ngô Bội, là hai kẻ từng quảng bá văn Huy, giúp y giao du trong đám văn chương khắ p Thăng Long, cũng bị y gọi là đũa, là thắ ng; vắ ng mặt tỏ lời khinh bỉ, xáp mặt thì lạnh lùng như người chưa từng gặp gỡ.

Sau chín khúc â y, Phất Huy có viết thêm dăm cuốn sách nữa, không tự biết bút lực đã cạn. Những sở đoản của y hay dùng như đồ i thoải, ngôn từ sắc gọn, ẩn dụ khéo léo, hàm ý sâu sắc, giờ mang nhai lại, không được như xưa. Văn y, rất sự khéo chữ xéo thiên hạ, mà sự cay độc vốn là sở đoản, có lúc được coi là tuyệt kĩ, giờ dùng nữa, thiên hạ nghe nhiều thấy y tầm thường. Thói thường, ngay ở chợ, chữ mãi, lại thiếu cái ý vị, thâm sâu, thừa tục tĩu... thiên hạ nghe nhiều thành nhàm chán, nhạt nhẽo.

Biết vậy, Phất Huy trở bút, bàn đủ thứ trên đời. Không nản thay, trời chỉ cho y chín khúc, nay ham muốn nặng sâu, càng viết càng phô bày kiến văn nông cạn, kiến thức hẹp hòi. Các chiêu thức, xảo thuật mù mờ, lập lò, hai mặt, vốn dung đoạ được đám ít đọc, giờ đây chỉ gây chút bực mình cho kẻ chẳng muốn rắc tai. Có người ôm bụng cười khi thấy rõ y tham vọng không cùng, lại hay lạm bàn tới Phật đạo, v.v...

Biết mình cô độc trong đám văn nhân, Huy cố tập hợp vài kẻ quanh mình, chẳng kể bọn giang hồ, lưu manh, cả lũ chuyên vay nặng lãi, gây thanh thế. Có kẻ bày y làm quán *Tửu hoa văn đài* vừa kiếm tiền, vừa thu nạp đệ tử. Quán mở ra được ba bốn năm, cũng nhiều kẻ hiếu kì mò tới. Trong quán, các món chó, gà, dê, lợn đều sẵn; đôi khi có món lẩu thập cẩm đặc biệt, gọi là *khẩu tục nhục bản năng*, bán đắt giá gấp ba bốn lần giá thường, nên khách khứa cũng thưa thớt dần, hết kẻ tò mò, chẳng còn ai lui tới nữa. *Tửu hoa văn đài* hoang phế, thành nơi chó ỉa, mèo đái.

Năm nọ, Thăng Long có hội thả diều thơ ở Vân Các. Phất Huy vốn chẳng biết làm thơ, như cũng mò tới. Thú chơi thơ vốn là thú chơi tao nhã được người Bắc Hà rất trọng. Thơ thiên hạ nhiều cung bậc, có cao và thấp. Tới hội, Phất Huy lớn tiếng luận về thơ phú, một mặt đem thơ đám tay chân, thân tín ca ngợi hết lời, một mặt vợ đưa cả năm đám thi nhân, không kể cao thấp, xa gần, già

trẻ, lớn tiếng chê bai, coi họ như cỏ rác. Nhiều người biết y có tài châm chọc, lời lẽ đanh ác, đề u tránh. Phất Huy trợ trợ trong đám hội, muốn sự chú ý của người đời, tỏ ra chẳng sợ ai, như tự nhập đồ ng vào các nhân vật y đã phóng tác, giả say, gạt đổ các bình hoa Thủy tiên các bậc trưởng lão thường bày cho thanh tao trong lễ hội xuông đất, rồi vạch quàn đất tồ tồ vào đồ ng hoa giữa thanh thiên bạch nhật.

Trong đám tới thả thơ năm ấy, có người dáng đậm, kiêu què mùa, thầy nghịch cảnh, bèn tới bên chỉ mặt, cất lời mắ ng Huy. Điều bộ nhả nha, nhưng lời lẽ tao nhã, ý lý rạch ròi, phân minh, phê phán toàn bộ văn chương lẫn hành vi bá y nay của Huy. Y ngưỡng lắ m, vì từ xưa chưa có ai luận hạch về y rành mạch, đen trắng tới vậy. Y tím tái, uấ t kếp như có cục đá chặn ngang cổ. Đám tay chân của Huy muốn bênh, kẻ nắ m tay, đưa phùng mang trợn mắ t toan xông lại. Từ trong đám đông thảo dân có người xung là khách thơ, tự nhiên đề n đứng bên gã nhà quê, trùng mắ t lửa. Huy thầy vậy, bô i rớ i, đám tay chân cũng chùn tay. Trong đám văn nhân, có lão già đã rụng hế t răng, họ Hoàng, xưa vô n được nhiều người tôn trọng, nay vừa được y mời chén rượu lạt ở đầ u hội, chẳng nghe, không biết đầ u đuôi sự việc ra sao, thầy cả bọn Huy lúng túng liề n bênh vớt, nói bừa một câu: "Thôi, về đi. Chấ p gì bọn lợn cỏ bản thiu".

Bị lên án giữa thanh thiên bạch nhật, kẻ phê lại chính danh, xưng rõ họ tên, tuổi tác, quê quán, nên Huy căm lắ m. Về nhà, cả tháng trầ n trọc không ngủ, viế t một đoạn văn mắ y ngàn chữ, đố i đáp lại việc ở sân thả thơ. Biết tài mình không thể át được lí lẽ của người kia, Huy một mặt khen vờ mắ y dòng, mặt khác trở trò vu cáo, bịa đặt nhân thân hai người trên, lắ y hình hài của người mà chê bai, bĩ thừ, lại bôi bác, đặt vài hư chuyện. Xong, y cho người phát tán khắ p nơi. Việc tới tai nhiều người, có kẻ nói, thương thay cho Phất Huy, mơ ước làm đại nhân mà xử sự như đứa chơi bi đánh đáo.

Năm Phất Huy đã luống tuổi, thường làm nhảm nhiều câu vô nghĩa một mình. Tự cảm thấy cô độc. Có người mách nên về làng năm mộng bên miếu Ông Bối sẽ biết lành dữ. Vôn chẳng tin ai, nhưng tính toán thấy cũng không tốn kém lắm, về làng, tắm gội, bỏ ít bạc lẻ mua dăm bộ sách mới, vắc chiếu tới miếu Ông Bối chờ mộng. Năm hai đêm chưa thấy linh ứng; tới đêm thứ ba, về khuya, đã mệt mỏi, vừa thêm thiệp ngoài thềm, thấy có người tới lay dậy, dẫn vào trong miếu. Chợt sinh nhạc vang lừng. Từng chông sách người đời dang cúng đang cháy đượm trong lò hoá. Có tiểu nữ từ hậu cung ra, bung bê rượu, đổ tro sách lắ c đều, đoạn rót rượu ra mâm chén lớn. Ba bôn vị trên toạ tự nhiên cạn uống, rồi đàm luận từng câu từng lời trong sách của thiên hạ tiến mà không sai một chữ.

Thầy thế, Huy sợ lắm, nhưng vẫn khá p khởi, trộm nghĩ, bây nay, mình bị chê là kiến thức lỗ mỗ. Giá biết thuật này? Thăm đoán, chắc họ dùng loại rượu đặc biệt, bèn rập đầu lay, xin một chén rượu. Ba bôn vị trên điện thầy thế cười lớn, rồi cũng sai thị nữ ban cho y một chén. Y đón chén rượu, uống. Miệng chén chưa rời môi đã thấy bụng đau quặn. Kịp chạy vội ra ngoài miếu nôn thốc tháo. Ba người trên cao cười ha ha. Người râu dài ngồi giữa, như bức ảnh truyền thần Nguyễn Bối treo chính giữa ban thờ, bây giờ cất lời:

- Duyên trời cho bọn ta gặp người chôn này. Phép ấy chỉ dùng cho bậc thượng thừa, chính nhân, không chỉ đọc vạn sách mà phải có chân tu, trải đủ, thấu mọi kiếp khổ nạn, biết cái đau của thiên hạ, biết nỗi vui của trăm nhà... nhận đủ uy khí trời đất nước Nam này. Người tinh hồ, cậy có chút tài mọn trời cho mà không tự biết mình, chỉ gằm ghè cắn người, bắt kể cả bạn cũ, kẻ ân nghĩa với người tới khi sắp chết cũng bị người bỉ báng, coi họ như ruồi muỗi nặng xỉ... Mà tật ấy chỉ của loài cầm thú, không bao giờ có bạn bè đồng loại. Thấy người phê phán mình thì chơi trò vu khống bịa tạc. Đây y

đâu là quân tử chính nhân? Thích nói tới Phật mà không thấ u lời Phật dạy, trước không tự hiểu mình, sau là càn rỡ, rặt lời bệnh hoạn ma quỷ, vậy là chỉ đọc mà không học. Như loài vẹt kia, có ăn cao lương mỹ vị, đào tiên vườn Vương Mẫu cũng chỉ ỉa ra cứt xanh. Tâm khí sinh từ lục phủ ngũ tạng. Lòng dạ người hiểm ác, tâm tở i, tức lục phủ ngũ tạng hỏng hế t, sao có thể tiêu được tro sách như bọn ta. Thôi, về !

Dứt lời, tấ t cả biế n hế t.

Huy thấ y mình nắ m tơ hơ trên sàn gạch lạnh. Nhìn ra ngoài, bãi cỏ y vừa nôn ra mật xanh mật vàng đã cháy sém, tấp đen, bớ c mùi tanh hôi không ngửi được. Hoảng sợ, chạy về` nhà ô` m liệt, suố t ngày đêm chỉ uố ng nước mà nắ m nôn ra rớt dãi xanh đen, tanh tươi đế n chó đỏi cũng không dám gầ n, có trót ngửi phải, đề u chạy tứ tán mắ t tằm.

Vài bữa nữa, chấ t nôn ra nhạt dầ n tới lúc sắ c trong lại thì thấ y sáng khoái. Bệnh vài ngày sau tự lui, trở lại bình thường. Càng về` già, y càng cô độc. Thằng có ai tới thăm, tỏ ra bấ t câ n nhưng đêm tở i vẫn ngửa mặt lên trời, than sinh bấ t phùng thời.

Về` già, y lui về` vườn cũ, nơi tổ tông để lại, biế t phạn cầm lời. Từ đó tự thấ y nhàn thân. Nhưng không viế t gì nữa.

Năm cùng tháng tận, Huy không ô` m mà chế t. Người nhà theo lời dặn đem xác thiêu. Lửa khét hai ngày, mùi hôi tanh toả ra ám cả một vùng. Lửa tấ t, thấ y trong đám đấ t dưới giàn thiêu có khô i kế t rắ n như đá, nom tựa hình đầ u hổ nhe răng, trợn mắ t như chực cắ n xé ai. Người nhà cho là điề m xấ u, đem chôn nơi đám đấ t gầ n miế u. Vài ngày có trận mưa lớn, đầ u hổ trồ i lên, chó mèo thảng qua đề u tránh. Dân làng thấ y vậy, bèn rề khô i đá ấ y đặt ngoài cửa miế u thay cho chó đá giữ cửa.

Máy miêng đất xưa nơi Huy nôm xuông, trờng cây gì cũng  
không mọc, nuôi chó mèo nơi ấy đê u chêt. Thảng có ở gâ n thì cả  
chó với người đê u gâ y yê u xác xơ. Nay vẫn vậy.

*Ngọc Hà - Xuân Bính Tuât*



# Vô danh trận mạc

...Chiến tranh là nơi ngọn cỏ

Cao hơn tất cả chúng ta

Những người lính đã bị đốn ngã

Xanh xao hơn mọi hận thù...

Thơ Nguyễn Việt Chiến

**Đ**ó là Lu. Tôi nhặt nó trong một bản nhỏ cháy toang hoang, nham nhở, còn nguyên mùi khét vì đạn cối giã xuống từ chiếc C130 bay tuần đêm. Lúc sắp qua bản, tôi chợt nghe thấy tiếng rít yếu ớt vọng lên từ lòng đất, như là những âm thanh mơ hồ hay gặp trong chiến tranh. Không phải! Khi tôi đá gạt cành cây bị đạn chém rụng xuống mặt đất, lộ ra lòng hồ tôi thẳm và trong nó, một đôi mắt đen, lấp lánh dưới ánh đèn pin. Hoảng hốt vài giây, nắm chặt hơn báng súng, tôi nhìn thấy một xác chết ôm đôi mắt kia trong lòng. Nhìn kỹ nữa, đứa trẻ chừng tám chín tuổi, đầu vỡ toác, gáy dựa vào thành hồ, mắt trắng hoang mang, trần trụi nhìn ngược lên trời. Mảnh đạn dài, nhọn, đầy gai góc đóng đinh trên vai. Máu đã khô, đen thành vệt chảy xuống đầu hai bàn tay đang ôm chặt con chó nhỏ. Con chó cố gắng giữa hông thoát khỏi đôi tay của thằng bé. Khi không nhoi ra được, nó ghè đầu, mắt tha thiết cầu khẩn. Để đưa nó lên, tôi gằn như phải bẻ gãy ngón tay của người đã che chắn cho nó.

Cả tiểu đội dừng lại, vây tròn tôi và chó. Không, nó chưa được gọi là chó. Con dách! Đã bé lại còm nhom. Tóm gáy nhấc lên. Toàn da và xương. Lông vàng xơ xác, tanh tươi. Trên trán có ba đốm rậm

đen. Cái thứ chó, vì đói và khát, tiết mùi tanh hay vì nó bị ủ trong máu, xác đã lên mùi của cậu bé kia, qua những ngày nóng bỏng trên cao nguyên? Nó yếu quá. Hai ba lần thử đặt nó trên mặt đất, Lu cố rướn lên, rồi lại khụy xuống, run lên từng đợt! Giá nó to độ *bốn bát* thôi? Sẽ có ngay cách giải quyết rất lợi của một lũ người luôn đói và khát! Giá nó đủ sức mạnh để chạy được, chắc nó sẽ biến ngay vào rừng để tránh xa *bọn người* lạ hoắc. "Nó chết mất" Thằng Tâm người Hàng Bạc, lính vừa nhập ngũ, cao, gầy khẳng như cái com-pa, cúi xuống, hạ ba-lô, kéo khẩu AK47 báng xếp ra sau lưng, thử gãi nhẹ lên đầu nó.

Chúng tôi gọi tên nó là Lu. Đừng nghĩ đó là một tên Tây. Nó cũng như là Vện, là Lêu, là Êu Êu. Còn khi gọi Lu Lu thì có vẻ Tây rồi! Không phải tại tôi muốn vậy. Ban đầu gọi một từ Lu gọn lỏn, nó chưa nhận ra là gọi nó. Chó mà! Thế là phải gọi hai lần từ Lu, quen miệng thành Lu Lu. Vậy là từ ngày đó, con chó sóng sọt của cái bản đã bị hủy diệt ấy, được coi là thành viên thứ bảy trong tiểu đội Hà Nội. Đây là tôi muốn nói tới sự chia chác khẩu phần ăn của sáu người cho nó, chú ý ớt, còi hoi như nó thì làm được trò trò gì để đỡ đầu cho thằng lính! Chúng tôi nghiền nhỏ com hoà nước thành thứ cháo *hạng nhát* cho nó liếm. Tôm được dằm con cá đuối nhỏ về kho với me rừng, tôi lên tiểu đội, chan cho nó ít nước hiếm hoi. Giá mà có sữa, trứng bột như hòi chuẩn bị đi B dài nhỉ? Thằng Bảo, dân Hàng Thiếc, thốt ra. Mơ ước thần tiên! Hảo huyền! Tôi mắng. Quả thực vậy, muốn cũng thiếu, thêm mặm! Mì chính và muốn được gìn giữ như của báu. Đôi khi nhón trộm vài hột, thả vào lưỡi. Sung sướng quá! Nói gì tới đường sữa cho chó! Thế mà nó qua được. Ba ngày đã nhớn như quanh lán. Năm ngày nhảy tung tung khi chúng tôi từ rẫy hay đi tuần tra về. Nó bắt đầu có da có thịt sau hai ba tuần gì đó. Lông không xác xơ nữa, mỡ dần, rõ sắc vàng điểm chấm đen và, nhanh nhẹn ra hòi chó. Cứ thế, theo ngày tháng, nó biết thêm ra. Chúng tôi cũng dần *quen hoi bện tiêng* với

nó. Những người lính sống âm thầm trong rừng, xa dân, xa bản, một con chó cũng làm cho cái lán vui vui. Một tháng sau, lần đầu tiên nghe nó sủa. Nhách... nhách... nhách... Tiếng kêu của chó, tiếng của sinh linh suýt chết, đầu còn mong manh, va vào núi đá, vọng trượt trên những tàn cây, cũng gọi lên điều gì rất xa xôi trong tôi.

Đám lính Hà Nội, tiểu đội trưởng Hạnh chai sạn, đánh nhau từ Bắc vào Nam; từ tôi, thằng Hoàng, thằng Lư, Bảo... những cựu chiến binh dày dạn bom đạn, biết thế nào là Huế Mậu Thân đầm máu hay chiến dịch Lam Sơn 719 của địch, tới thằng Tâm, thằng Khanh (rất hay bốc phét) vừa nhập ngũ, chưa từng biết *tè sùng quân* khi phải xông lên trước làn đạn, thực ra tâm hồn đều như nhau cả. Bởi tất cả chúng tôi đều là lũ vừa buông sách bút trường lớp phổ thông là khoác áo lính. Kinh nghiệm chiến tranh, không phải là một giá trị vĩnh cửu, chỉ giúp lũ cựu binh tồn tại, chiến đấu. Con người ta, trong đời người, còn phải va chạm thế nào ngoài xã hội, ứng xử ra sao với mọi phức tạp của đời sống *người bình thường* nữa chứ. Chúng tôi chẳng hề biết gì ngoài trận mạc. Đã chẳng biết gì tức là sẽ không bị nhuốm *một vệt đen* nào thường đội ngược trong đời sống. Chúng tôi đều có đôi mắt trong veo như ngọc, trông thây thoáng lũ văn công, lao xao dưới suối, tắm hờ nửa cái lưng có vài giây mà thỏn thức cả tháng... Vậy, chúng tôi nhanh chóng yêu mến Lu là dễ hiểu. Tuy nhiên với Lu, mỗi người nhìn nhận, đùa giỡn, ứng xử với nó một khác. Ví như thằng Tâm, cũng hay cho nó ăn đá y, nhưng mỗi lần cho ăn, thường vỗ vỗ vào đầu nó và nói như hát: "*Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!*... Sáu bát, sáu bát!" Hê hê, tôi biết tổng cái thứ thân thiện kiểu ấy. Nó là thằng gầy nhẳng mà háu đói nhất. Với anh Hạnh thì lại khác. Anh có thể ngồi yên bên nó, gãi đầu và xoa lưng, cù vào ức nó cả giờ. Ngược lại, khi tiểu đội bận, đi vắng cả, nó cũng hàng giờ im lặng, ngúc ngoắc hai tai, để nghe anh kể lể gì đó. Tôi cứ đinh ninh khi ấy, anh đã nói

với Lu như đã từng kể với riêng tôi, về một bà chị bốn mùa đi đội than, quảy nước mắm, gánh củ nâu từ những chiếc thuyền có hai cánh buồm với bao nhiêu miếng vá ngoài bên Phà Đen... Tụi tôi vào lính với hoàn cảnh, nguôn gốc khác nhau. Anh Hạnh sinh ra trong một nhà nghèo. Bốn mẹ mất sớm, phải ở với chị, phải đi bóc vỏ cây, ở những cái bè gỗ trôi từ mạn ngược về. Người như vậy, không thể sống vô tư như đám con cái viên chức cũ, hay con cán bộ kháng chiến. Có thể do từng trải, anh là người cần kiệm, biết nhặt nhạnh từ chút giẻ cũ lau súng tới mẫu sắn gãy ngoài nương cho nô i com bọn tôi thêm một lã n xôi. Thằng Hoàng thì trái lại với anh Hạnh. Nhà nó giàu *nứt đờ đở vách*. Theo lời nó kể, nhà nó toàn bán gạo mậu dịch mua gạo tám xoan về ăn. Giò lụa cấn ngập răng. Thịt gà nhà bả. Có phải vì đói mà nó bóc phét như thằng Khanh không, nhưng tôi biết, mẹ nó quen mẹ tôi, bán vải ở chợ Đông Xuân. Một bà đậm người, cổ thường đeo chuỗi ngọc xanh màu hoa lý. Hoàng rất hay trêu Lu. Đôi khi ngu xuẩn nã m cả đuôi nó kéo ngược. Lu kêu lên thảm thiết, nó giận Hoàng vài hôm. Nhưng Hoàng cũng hào phóng. Có bữa, đang cấn dở miếng thịt nhím béo lã m, thầy Lu trôn trôn nhìn, nó vút ngay lên cao để Lu nhảy lên tộp lã y... Tã t nhiên với tôi, Lu gã n gửi nhã t. Đêm lạnh, nó nhảy lên sạp, chui vào cuối chãn làm ấm hãn đôi bàn chân tôi.

Mùa mưa cao nguyên năm ấy thực đáng sợ. Mưa cứ rơi hết ngày này tới ngày khác, phá hỏng tã t cả các con đường vận chuyên. Xe từ Bắc không thể vào được tới mặt trận. Khẩu phãn gạo tụt xuống, đầu mùa mưa là năm lạng, sau ba lạng và xuống hai lạng một người. Lính gạo về, vừa mở dây buộc, bọ đen nhảy lên tanh tách. Đãi kĩ cho bớt bọ, một thì bột gạo trôi hết theo nước suối, còn tro lại lõi gạo. Đãi không kĩ thì bát cơm đã ng chát. Sắn cũng vừa đen vừa mố c. Cũng may là khi đó chúng tôi không phải đi đánh nhau. Chúng tôi trông kho đạn của tiểu đoàn, làm rẫy và thi thoảng tuãn tra trên những lố i mòn ven sông, bảo vệ vòng ngoài cho căn cứ của sư đoàn.

Thế là sướng lắm rồi! Còn có cái mà *sốt soạt*, tọng cho đầy cái da dày luôn xẹp lép, dù làm rầy cực nhọc lắm. Tại đó, không như hồ i đánh và giữ Boloven, thú như trong chuồng, tha hồ bắt. Những cánh rừng khộp bằ ng phẳng trên cao nguyên chỉ sẵn cú, sóc và chuột. Còn rừng xanh có cheo và các thú khác nhưng *không được nổ súng lộ căn cứ!* Chỉ còn cách đặt bẫy thú, săn bắt cá. Muốn nổ súng phải đi thật xa, cả ngày đường. Bẫy thú thì bọn "*cày đường nhựa*" tụi tôi hoàn toàn ít kinh nghiệm. Chỉ còn cách vớ được bất kì con gì cũng tống vào dạ dày, kể cả loài quạ tanh và dai, bọn vẹt chỉ toàn thây đã u. Tới mùa măng le mọc, đi tìm lỗ *dúi* mà đào tới cùng và truy bắt. Những khi ấy, càng lớn Lu càng đả c dụng. Nó hít thật lực, hai chân trước cào cào, như báo hiệu hướng hang của *dúi*. Thêm chắt tanh, đi đặt câu, nhưng chỉ trong mùa khô, khi các con suôi hẹp lại, cạn đi để cá quả và trê hay cá n mô i. Muốn ăn cá lớn, phải đi xa nữa, tới con sông luôn xiết chảy. Đôi cái vồng đôi Tô Châu mới, nửa cân muôi mỏ, được bộ lưới bén của dân Lào dài chừng hơn hai chục mét. Tìm chỗ nước lặng, hay nơi suôi gặp sông mà thả lưới. Cũng nhiều khi dùng bộc phá đánh cá. Nếu đánh, chỉ với lượng TNT rất ít, cắt ngắn dây cháy chậm sát kíp, tính sao khi nổ đủ độ sâu hai mét, cho người trên bờ chỉ nghe tiếng ục rất nhỏ, trâm và thây nước sôi翻滚 lên là lao ngay xuống vớt cá. Sông cao nguyên, đoạn nào lòng lắm đá, xiết chảy, cá mồm trâu nhiều lắm. Đánh một phát cháy nhanh, cá nổi ịch bụng, trắ ng phớ trôi theo nước xiết. Nhảy ào xuống, bơi theo mà nhặt. Phải nhanh tay, nhanh mắt không cá trôi mất tiêu. Phải có *nghe*, mô m ngâm cá, tay cầm cá và ngón chân cũng kẹp cá. Khi còn nhỏ, Lu cứ chạy ven bờ sửa nhặng, làm tôi rất bực. Lúc xong việc, chúng tôi quây quầ n bên đống lửa nướng cá ăn cho đỡ mệt vì rét và đói. Lu rất có kỷ luật, dù cá thom như thế nào, cu cậu cũng chỉ chồ m hồm ngồ i yên, mắt đăm đăm vào kẹp cá đang thả mỡ rơi xèo xèo xuống giàn lửa. Nó là kẻ biế t chờ đợi, kiên nhẫn chờ má y cái đuôi cá nướng tụi tôi bẻ chia cho. Có lần, tôi bảo: "Ăn thế thôi. Chẳng làm gì lại kêu nhặng lên. Mày là

chó, công cán gì mà ăn như vua! Biế t tội chưa?" Đứng thề . Tôi chưa biế t cá Anh Vũ mạn Việt Trì *tiế n vua*, hình dáng thề nào, nhưng có thầ ng công binh quề ở Việt Trì mách: "Vùng này, cả vùng sông chân Bolôven, *mỗm trầu* nhiề u, thực y như loài cá *Anh Vũ* Việt Trì, chỉ tội cá *mỗm trầu* đen hơn và béo hơn." Lu có thể nhận ra tôi nghiêm túc, nên có vẻ sợ và chắ c hớ i hận. Nhìn mắ t nó thì biế t. Cu cậu chứng tỏ thái độ bắ ng cách thề ngay lưỡ i liế m nịnh vào tay tôi. Tôi tin rằ ng, giồ ng vật hiểu đượ c tiế ng nói con người. Chỉ có điề u nó không nói ra mà thôi. Bắ ng chúng là hai tháng sau, trong một lầ n đánh cá, khi chúng tôi đờ ng loạt nhao xuồ ng dòng nước xiế t, Lu cũng nhào theo và, thoắ t cảm lên bờ một con cá khá lớn, rồ i lại nhao xuồ ng thả trôi tới hơn ba trăm mét để kiế m thêm con nữa. Tá t nhiên, dù tội tôi vì thiế u đỏi mà keo kiệt, vẫn phải để nó xoi nguyên một con cá. Thời gian về một cái hế t mùa mưa. Chúng tôi sắ p thu hoạch rẫ y. Lúa rắ t mắ y và ngô nế p căng sữa chưa từng thắ y. Khi này, Lu đã thực sự trở thành một chàng chó cường tráng và bắ t đầ u đờ đầ n tội tôi. Nó lũng sục suồ t đêm ngày đuổ i lũ chuộ t và sóc, cả những con khi nhanh lại *khôn như chắ y*. Tôi không thể tưởng tượng rằ ng, sao nó bắ t chượ c nhanh tới vậy. Đó là lầ n thắ y tôi bò trườn giữa những cây lúa đang trĩu hạt, tiế p cận, đủ tầ m bắ n, một chú hoắ ng đang giác, lạc vào ven rẫ y, nó cũng *ngậ m tắ m* bò ngay bên cạnh và lao như tên bắ n ngay sau khi khói súng vừa loang trên đầ u nòng. Đó là chiế n công đầ u của Lu. Con hoắ ng bị bắ n sướt đầ u, đạn trượt xuồ ng cổ nên còn sức chạy. Lu đã kìm giữ nó, nhao tới cắ n tới tá p vào chân hoắ ng để tội bớ i tiế p *phát bắ n hành tiế n* một cách hiệu quả. Chúng tôi không hề tìm hiểu nó là giồ ng chó gì mà khôn tới vậy. Nhưng chắ c chắ n nó không phải giồ ng chó ngoại. Bởi tới khi trưởng thành, hơn một năm tuổ i, khi lớn hế t cỡ, nó vẫn nhỏ và có khuôn mặt như bắ t cứ con chó nào tội gặp dưới xuôi. Sau này, nghĩ về nó, nhớ lại, kiểm chứng qua bao nhiêu giồ ng chó ngoại quố c, tội càng tin ở điề u đã nghĩ trên. Nó giản đơn là chó, đã trải qua khát, đỏi, hoặ n nạn, vui buồ n cùng chúng tôi

và bất chấp mọi thời tiết khắc nghiệt trên cao nguyên. Mỗi ngày, nó được chứng kiến thêm, tham gia vào nhiều công việc của thằ ng lính. Nó vừa là bạn vừa là chiế n hữu.

Nói tới danh hiệu này, xin đừng nghĩ rằng những người lính dễ dãi. Người ta, nơi trận mạc, không thể đùa cợt với sinh mạng của chính mình. Phải có thử thách, vượt qua những dấ u mố c, sự kiện nào đó, mới xứng đáng được công nhận *vừa là bạn vừa là chiế n hữu*. Mà phẩm chấ t cao ngạo nhấ t của người lính là dũng cảm và không phản bội. Hai điề u này Lu đã thể hiện. Dũng cảm là đương nhiên rồi, còn trung thành không phản bội thì không chỉ căn cứ vào một thời điể m, nhấ t là khi *thuận chèo mát mái*. Phẩm chấ t trung thành có lẽ là bản chấ t của loài chó, nhưng ở Lu lại thể hiện cả hai điề u nói trên một cách rõ nhấ t trong một chuyện bình thường tại khu rừng mùa mưa năm sau.

Nói về Lu, không phải toàn ưu điể m. Nó cũng có *khuyế t điể m*. Có cái nó sửa chữa. Thành khẩn sửa chữa. Ví dụ như không được sửa, chỉ được rít hay gù gù khi có vật lạ, người lạ; khi hành quân tuầ n tra không ô ã ào bắ ng nhắ ng, thì nó sửa được. Nhưng có cái nó chẳng chịu sửa chữa. Đấ y là từ khi đã tám tháng tuổi, mỗi lâ n chúng tôi họp hành, kiểm điể m vào thứ bảy hàng tuầ n, cu cậu tuy ngô ã im chầ u rìu nhưng lại có hành vi không nghiêm túc chút nào. Mặc ai nói gì thì nói, nó thản nhiên hế ch háng và ngửi hít, liế m láp vô tư *con chim*. Điệ u bộ dâm đấ ng một cách tro tráo. Một lâ n, chúng tôi đang bị chính trị viên xuố ng quạ t cả tiểu đội về vài tội, nó điề m nhiên tái diễn vở như thế , lại để con cu thò ra nhọn hoắ t và đở hỏn. Điệ n tiế t, chờ câ p trên đi rồi, tôi đã bọ p cho hai cái: "Láo, láo quá. Bạn sau đi ra góc rừng khuấ t mà làm trò á y!" Cu cậu chạy biế n. Nhưng lâ n họp sau vẫn chứng nào tật á y.

Còn câu chuyện của mùa mưa năm sau, đơn giản là thế này. Giữa mùa mưa, ngô bắ t đầ u kế t sữa trên rẫy, tiểu đoàn đột ngột điề u

người đi bỏ sung quân số cho một đại đội đang chốt ng lãn chiêm ở vùng giáp ranh. Vì cả đại đội trông vào rẫy để chốt ng đối, nên phải để người ở lại. Anh Hạnh bảo, cậu ở lại với Lu nhé. Trông rẫy tấ t nhiên không có gì nguy hiểm như đi đánh nhau. Nhưng sẽ cô độc, buồn. Tôi muốn đi với anh em. Hạnh vỗ vào vai tôi nói, cậu với Lu hợp nhau, bảo được nó. Thôi, ở lại! Đây là mệnh lệnh! Tôi và Lu tiễn anh em ra Bên Rừng, sang sông.

Bởi còn lại một mình, tôi phải ngủ ngay tại chòi canh rẫy. Ăn ngủ tại đó, rấ t tiện cho công việc, nhưng lại xa nước. Thực chẳng may cho tôi. Tiểu đội vừa đi được ba ngày thì tôi lãn ra số t rét. Số t rét ở đời lính Trường Sơn là lẽ thường. Nhưng lãn đó, không hiểu sao đã uố ng tới hai liê u *Phòng ba*<sup>(1)</sup> mà bệnh không thuyên giảm. Tôi lên con tưng chập, dày hơn mọi lãn và nắ m liệt trên đem cỏ ở cái lán thổ tả ấy. Ăn uố ng thì giản đơn. Vì có ăn được cơm đâu nữa. Cũng chẳng thèm ăn, chỉ khát ngọt. Cô lãn ra rẫy, vặt ngay ngô non, rau cải xanh hay bí ngô non mà nhai tạm. Lu cũng đói đây, nhưng tôi không thể nắ u cho nó. Nó không số t, nó khoẻ, nên chịu được. Hay *nhìn đói* chắ c là sở trường của loài thú. Tới ngày thứ ba, đã cạn sạch hai ổ ng buong dự trữ nước. Tôi rấ t khát. Đêm, con số t làm tôi thiế p đi và mơ rấ t hãi hùng. Tôi thắ y mẹ. Bà vuố t ve tôi và khóc. Tỉnh giắ c, trăng vắ ng vặc chiế u tỏ mọi vật và nhìn lên, đâu cũng thắ y những áng mây sáng màu vàng. Một cánh tay tôi đã rơi khỏi sạp, thố ng xuố ng đấ t. Trong cơn mơ, tôi tự cào xé hế t cái áo lính đã tướp rách và đầ m đũa mồ hôi. Không phải mẹ đâu! Tôi ý thức được điề u gì đang xảy ra. Lu đứng cạnh. Đôi mắ t nó xanh mơ trong ánh trăng, đắ m đắ m lo lắ ng nhìn tôi và cu cậu chậm rãi liế m mồ hôi đang vắ ra trên mặt, trên tay, trên ngực tôi. Tôi vật vắ. Đau đầ u vô cùng. Như thắ u hiểu hế t, Lu dụi má i cái mồm ướt và nóng vào cổ, ấy đầ u tôi cao lên trên cái gố i nhồ i cỏ. Tôi nghĩ tới cái chề t.



Rồi đêm qua đi. Cứ năm đây không chết vì số t cũng chết vì khát. Tôi cố cầm gậy, ra rẫy bẻ vài bắp non hít nước và kéo lên bình-tông xuống tìm con suối nhỏ chân rừng. Thực không may, tới đoạn dốc nơi bìa rừng, tôi bị ngã và cứ thế lăn đi, rơi xuống một cái khe cạn, đầu quật mạnh vào một thân cây và bất tỉnh. Không biết tôi đã nằm tại đó bao nhiêu lâu. Mỗi khi lơ mơ mở mắt, vẫn là Lu bên cạnh. Nó đã cắn rách cả ống quần mà không sao kéo tôi thoát khỏi cái khe nhỏ ấy. Tôi nghĩ, chắc là chết. Nghĩ đến chết, lại chết hieu quạnh, tôi ứa nước mắt. Khi ấy Lu chạy vòng quanh tôi. Nó đứng ngẩn ra một lát và bất ngờ ngهن cổ tru dài. Lần đầu tiên trong đời, tôi nghe một con chó nhà tru như chó sói. Tôi đã từng đọc sách, thấy nói, chó sói tru vào những đêm trăng suông. Tru gọi bạn tình. Bây giờ trăng đã lặn. Lu gọi ai? Tôi muốn nói với Lu lắm mà không sao nói được. Lu cũng muốn nói với tôi thì phải. Nhìn vào mắt nó, tôi cảm thấy điều ấy và biết, có những tình cảm không thể cất lên lời. Mà *cái tình*, cũng không nên nói thành lời. Ở thời khắc hãi hùng ấy, thời khắc ý thức mình sẽ chết, con người ta chợt không thấy sợ nữa. Tôi muốn khép mắt lại. Lu bỗng phóng vọt đi, để mình tôi bất đầu thêm tiếp, chìm tiếp vào cái chết chậm. Tôi thấy mình bay khỏi xác. Tôi dang tay vượt trên những tàn rừng, nhắm hướng Bắc mà bay, bay mãi. Đột nhiên tôi thấy mình bị lắ c kì lạ. Cảm giác ấy về sau chưa bao giờ lặp lại, chỉ tới sau này, khi ra nước ngoài trên chuyến bay lần đầu, tôi mới gặp lại cảm giác này lúc máy bay nhao rơi vào túi khí loãng... Tôi tỉnh. Bừng mắt. Thì ra tôi đang được một tổ p người đưa qua một cái vực rất sâu bằng dây rừng. Họ thả tôi vút qua một cái vực. Ba người Thượng thì phải. Sau này, tôi cũng nhớ ra rằng, chúng tôi đã từng đi tuấn tra tới đây. Đó là dải phân cách tự nhiên giữa hai ngọn núi mà người bình thường rất khó vượt qua. Sang tới bên kia, họ cho tôi uống nước đựng trong một ống vầu. Đây là thứ nước ngọt nhất trên đời tôi chưa từng được uống. Đi tới đâu, nước làm thể xác tôi mát dịu tới đó.

Đây là một gia đình người Thượng sống ở mé trái núi. Họ có ba người. Ông già, một người vợ và cô con gái mười bảy tuổi sống trong một cái nhà sàn nép dưới tàn cây, sâu vào nữa là hang nhỏ. Không, đúng hơn là còn con chó nữa, có cái tên dân tộc rất khó phát âm. Như vậy, Lu đã tới đây tìm người cứu tôi. Thì ra cu cậu trước đây đã tới đây mà tôi không hề biết. Chỉ có chó mới có thể vượt qua được khe áy mà tới tìm đồng loại của nó. Con chó cái đã chữa, bụng căng ra phơi nhiều nùm vú và chúng liếm láp nhau tự nhiên trước tôi. Tôi được uống thứ thuốc lá đắng muồn nôn. Tôi uống nước quả từ tay cô gái con chủ nhà. Được ăn thứ củ, mà khi nấu lên màu trắng ngà như sữa, trộn chút mật ong. Những bắp ngô nếp giã như nấu với thịt. Tôi không biết tiếng họ và họ cũng không hề biết tiếng Kinh. Cũng không rõ, sao họ sống lẻ loi như vậy; vì người Thượng hay người Lá Vàng ít khi sống như thế. Có một bữa, máy bay địch sát qua ngọn núi. Thấy người đàn ông kéo vợ từ trảng rừng trốn cảnh giặc ép nhanh vào bìa đá. Còn cô gái thì chỉ lên trời và làm động tác chùi mắt. Đây là toàn bộ những gì tôi biết về họ. Lại nói tới Lu. Nó và bạn nó được ăn uống rất sang. Người đàn ông tóc dài tới vai, đen cháy, săn chắc như gốc cây khộp đã qua lửa đốt rẫy, đứng bên chái nhà xẻ thịt từ tảng thịt sậy, treo lưng lửng một dây, hào phóng quẳng cho hai con thú. Chỉ đêm ngày sau đó, khi đã khoẻ, tôi đã học được cách cài bẫy của ông rất đơn giản mà hiệu quả, nên hiểu vì sao trong nhà nhiều thịt sậy khô dự trữ như vậy. Ông chỉ cho tôi cách chém lò ô, để lại cật sắc như nước, nhọn hoắt. Lu và con bạn nó giúp chúng tôi tìm thấy vết đi của những con thú khi chúng cọ thân làm bùn, để lại dấu vào các gốc cây trong rừng. Chọn quãng hẹp mà bầy thú buộc phải qua đó, cắm dày đặc lò ô sắc nhọn, đón tầm cao ngang ức con nai. Sau rừng chông áy độ năm sáu mét, căng một sợi dây rừng thực nhỏ, rồi nguy trang. Bầy nai thế nào cũng có con chạm chân vào sợi dây đó và cái lẫy nhỏ tung ra để lập tức hòn đá bị treo rơi nhanh xuống đất, phát ra tiếng động lạ. Cả bầy nai bị bất ngờ bởi tiếng động, sẽ hoảng

hồ n, phi vọt chạy trốn. Thế nào cũng có con rơi vào rừng chông lồ ô căm chờ sẵn. Những ngọn lồ ô sắc, nhọn hoắt, dài tới ba mét căm nghiêng, sẽ xuyên ngập ức nai. Tôi còn được đi lấy trứng kiến với mẹ con cô gái. Chui vào một tàn cây rậm rạp, thấp, treo lủng lẳng những chùm the be chín vàng. Tại quăng cây rừng như vậy có nhiều tổ kiến kết bằng lá cây, xộp, to như chỗ sôi. Chém vào tổ kiến như bóp dưa, rồi rũ trứng xuống lá chuôi. Trứng kiến rất thơm và bùi khi nướng trong bọc lá chuôi. Sau này, tôi được biết thêm, rằng trứng kiến, mỡ và ong non có nhiều chất vi lượng và vitamin quý hiếm mà loài người khó tạo nên. Thảo nào, tôi lại sức rất nhanh. Thảo nào, môi cô gái hồng thế? Cổ tay em trắng và tròn thế!

Sau chuyện này, tôi đánh giá Lu rất cao. Nó biết nơi có thức ăn nhiều hơn. Tại đó lại có một bạn chó, để nó thỏa mãn sự khát dục, vậy mà nó vẫn quay về với chúng tôi. Và nhờ có nó, tôi được cứu sống trong một hoàn cảnh như trên.

Tôi đã khỏe, phải trở về trông rẫy. Chiều cuối cùng ở với gia đình người Thượng, tôi vẽ trên mặt đất đường phố Hà Nội cho cô bé biết là tôi sinh ở đâu. Tôi vẽ cả ô-tô và con Lu chạy trên đường phố... Có thể nói rằng, đó là thời gian bình yên hạnh phúc, rất hiếm hoi của đời tôi. Cho tới sau này, dẫu đã nếm trải nhiều, đi ra khắp thế giới, được và mất, nhưng chưa khi nào tôi có một hơn tuần lễ hạnh phúc như thế, được sống giữa đại ngàn, không buồn phiền, không âu lo, tưởng như không có chiến tranh và những sự bất hạnh của cuộc đời. Cảm giác được chở che, yêu quý. Tôi cũng đã lần đầu biết thế nào là bàn tay mềm mại của một cô gái. Những cảm giác hoàn toàn lành mạnh, nhưng sung sướng mà bất kỳ con người nào cũng khát thèm, trong sự kiềm chế để không thành lạm dụng trong một hoàn cảnh như bây giờ. Nhưng đó là một câu chuyện khác. Dài lắm. Kể cả cảm giác cũng rất khó nói, khi tôi trở về rẫy,

phải nằ m co một mình để tưởng tượng ra hình bóng người phụ nữ đầu tiên của đời tôi. Không, chiến tranh không cho phép người ta đi xa hơn vào những giấc mộng thiên thai, nhất là sau đó trung đội khác tới tiếp nhận rẫy, thu hoạch và tôi trở về tiểu đội chiến đầu, cách nơi đó hơn ba ngày đường.

Hơn một năm nữa qua đi.

1975, trước tết một tuần lễ, tiểu đội chúng tôi được lệnh về hội quân. Lâu rồi chúng tôi mới tập trung toàn tiểu đoàn về cụm gần nhau tới vậy. Tôi gặp lại nhiều bạn hữu. Lu cũng tỏ vẻ mừng rỡ. Gặp bất kì ai, nó cũng hít ngửi, chắc để nhận ra mùi lính. Nó không biết rằng, chúng tôi sắp bước vào một trận đánh lớn. Đánh nhau, điểu u ấy cũng bình thường nhưng không thể vui vẻ nhảy cẫng lên suốt ngày như nó. Chúng tôi lau lại súng, xóc lại lê và mài dao găm. Lính thêm lựu đạn và đạn. Anh Hạnh vác về khẩu B41 còn nguyên lớp mỡ và những viên đạn dài, hình bắp chuối, màu quân dụng.

Sớm ra, có lệnh giết tất cả thú vật, không trừ một ngoại lệ. *"Đây là trận đánh lớn. Có tính quyết định như tổng tấn công. Tuyệt đối giữ bí mật khi áp sát địch"*. Hơn chục con gà, một con lợn của tiểu đội hậu cần, nhanh chóng được đưa xuống anh nuôi để lập tức xả thịt, băm nhỏ, trộn với muối làm lương khô cho chiến dịch. Bọn *thèm chó* mừng rú. Sớm dậy, chưa tỏ mặt người, tay anh nuôi đã tới tiểu đội tôi tóm lấy con Lu khi nó chưa hiểu ra việc gì. Gã buộc vào cổ Lu một sợi dây rừng và định dắt nó đi. Không! Lu giằng ra, lùi bước và nhe bộ răng trắng ớn hăm dọa. Tất nhiên anh Hạnh đã can thiệp. Mệnh lệnh mà. Anh Hạnh bảo thằng Tâm đưa nó xuống bếp. Sao lại là tôi? Tâm nói. Nó đưa mắt nhìn chúng tôi hoang mang. Thôi, cậu đi đi. Tôi quay mặt đi, nói. Tâm và gã anh nuôi xuống bếp, con Lu lững thững theo sau họ. Đi một đoạn, Lu bỗng dừng chân và ngoái đầu nhìn lại. Cái nhìn đầy trách móc như muối nói với tôi: "Đồ phản叛!"

Tôi lên võng, tung tấm đăp trùm kín đầu. Hình ảnh Lu trong bóng tối hiện lên... Tôi bật dậy và chạy đi. Tới đầu lán anh nuôi, gặp Tâm quay lại. Lu bị giết chưa? Tôi hỏi. "Chưa! Tao sợ nhìn nó lắm!" Theo tao. Tôi lại bảo. Chúng tôi vòng ra sau hầm bêp. Lu đang bị cột vào một gốc cây ven suối. Dưới cổ nó một cái nõi nhỏ để sẵn. Lu ngẩng lên nhìn gã anh nuôi đang giơ cao cái chày chuẩn bị giáng xuống đầu. Thế mà nó vẫn vẫy đuôi như mừng rỡ. Mồm héch lên liếm láp cái cổ tay của kẻ sắp giết nó. Tôi nhói đau và bỗng loé lên ý nghĩ khi nhìn thấy chai xăng nhỏ mõi bêp. Tôi ném thẳng chai xăng vào lò Hoàng Cầm. Tích tắc, có tiếng nổ phát ra và lửa khói dâng cao hai mét, trùm kín cả nõi quân dụng đầy nước đang sôi ừng ục. Cháy, cháy. Tâm la lên. Tất nhiên là ba thằng anh nuôi bỏ Lu nhao vào. Chỉ chờ có vậy, tôi vòng ra sau lán, rút nhanh dao găm chém đứt phăng sợi dây rùng đã trói buộc Lu. Chạy! Chạy ngay! Tôi vỗ vào mõng Lu hạ lệnh, khi cái mũi ẩm ướt quen thuộc của nó áp nhanh vào má tôi. Chấn chừ một lát, ngược mắt nhìn tôi lặn cuội, Lu phóng đi.

Chiều tối hôm ấy xe binh trạm tới. Mưa tầm tã. Những trận mưa cuối của mùa mưa, nặng hạt lắm. Đây là lần đầu cánh bộ binh chúng tôi được hành quân cơ giới. Người ta bảo, trận này sẽ diễn ra trong thành phố lớn nhất nhì cao nguyên. Nơi đó cách đây cả trăm cây số. Hành quân gấp. Xe nổ máy tiến vào đêm đen. Tôi kịp phát hiện ra bóng Lu từ đâu nhảy ra và chạy theo xe. Tôi nhòm người lên. Cả Hạnh và Hoàng cũng nhòm lên. Bóng nó chập chờn có phi theo, đôi lúc nước tấp toé trắng ra hai bên chân nó trong ánh chớp sấm nhòang. Thôi, hãy về với gia đình của cô gái, thôi, hãy trở lại rừng... Tôi đứng nhìn cho tới khi bóng nó mất hẳn trong đêm tối.

Chúng tôi được ô-tô mặt trận thả xuống cách thành phố Buôn Mê Thuột vài chục cây. Cứ ngậm tằm mà đi. Mũi chúng tôi chọc thẳng

vào sân bay, nơi có những toán quân thiện chiến của tướng Phú trấn giữ. Tôi không rõ các cánh quân khác đã tràn ngập thành phố thế nào, nhưng đại đội tôi để chiến được giữa sân bay đã tổn thất khá nhiều chiến sĩ vì trận đánh dằng dai hơn ngày trời với toán lính rằn ri tại đây. Địch từ các hầm ngầm, với sự yểm trợ của nhiều toán máy bay A37 từ miền Trung bay lên yểm trợ, trỗi lên bất ngờ và đánh trả quyết liệt khi trời hừng sáng. Phải công nhận rằng chiến tranh cả hai phía đều có những người lính dám xả thân vì đồng đội. Tiểu đội hai người hy sinh. Anh Hạnh cũng bị thương ở chân và tôi dìu anh vào một khu nhà có bức tường thấp ngăn với đoạn cuối đường băng. Chúng tôi không ngờ có toán lính đồng phương đã mật kích sau lưng qua bức tường ấy. Hai tên vừa chạm đất bị anh Hạnh và tôi kịp lia đạn tiêu diệt thì hai đứa khác từ đâu bổ xuống. Gã n quá, tôi phất một tên, dùng nòng súng gạt phất lưới lê của tên thứ hai và tung báng súng. Cú đánh trượt, người lính cao to hơn tôi đã lao cả người đẩy tôi ngã ngựa xuống mặt đất. Chớp mắt, tôi thoáng thấy ánh sáng của mũi lê AR 15 vung lên. Chắc chắn sau tích tắc, tôi sẽ biến thành khối thịt phun bọt máu, đổ sập xuống đất. Không, trời cho tôi sống. Huych! Như có phép thần, hay tôi đang mơ, bóng Lu từ đâu vụt lao tới húc thẳng vào đối thủ, đẩy bật hắn bằng sức mạnh của gia tộc loài chó. Trời ơi. Lu!

Đêm ấy tôi ôm Lu ngủ. Nó thở phì phò và liếm vào mặt, cổ tôi. Không biết bằng cách nào mà nó đã chạy suốt hơn cả trăm cây số để đuổi theo đội hình tiểu đội. Hay là sự huyền hoặc và số phận đã bày đặt ra thử thách nó và cả chúng tôi nữa, những con người bình thường đã gấn bó ở những thời điểm đặc biệt, trở trêu của cuộc sống.

Sớm sau tỉnh dậy đã thấy Lu ngó nghiêng chằm chằm bên cạnh. Nó đang ngấm tôi rất kỹ. Đôi mắt không như mọi khi, trù mẫm. Tôi không thể hiểu được nó nghĩ gì. ánh mắt ấy, nếu là của con

người, chắ c hẳn để phán xét người khác. Nó suy nghĩ gì? Đôi mắ t kia, nhìn tôi đắ m đắ m như muố n nói, muố n hỏi? Hay ánh mắ t ấy, đắ ng thắ y lạ lùng về loài người là chúng tôi, sao không nhớ tới đờ ng cỏ và cánh rừng, chơi với bạn như nó chơi với bạn gái của nó? Sao không thể thân thiện với nhau và yên bình mỗi ngày nắ m xoài bó n chân trong gió, trên cỏ đón lắ y hương rừng...

Ba ngày sau, thành phố cao nguyên, kể cả sân bay, hoàn toàn về tay chúng tôi. Đó là trận đánh có tính then chốt, tạo nên sự sụp đổ quân đội địch như trò chơi Domino. Mở đầ u là cuộc rút chạy hỗn loạn của quân đoàn tướng Phú, để từ đó nhiề u cánh quân của ta mở chiế n dịch thắ n tắ c, tạo nên chiế n thắ ng Hồ Chí Minh lịch sử. Sau trận mở màn ấy, tiểu đội chúng tôi khuyế t đi hai người. Họ bị bắ n gục ngay trong nửa ngày đầ u trận chiế n. Anh Hạnh bị trọng thương phải đi viện. Thắ ng Hoàng lên thay. Nhận thêm ba tân binh từ Bắ c mới vào. Rồ i lại đánh cắ t chéo xuố ng miề n Trung. Không ai xua đuổi Lu nữa. Kể cả tay chính trị viên khó tính. Thế là Lu tham gia hầ u hế t các trận đánh về tận Sài Gòn. Tại Cheo Reo nó lập được chiế n công nữa. Chúng tôi nhờ nó mà tìm được 16 trẻ, tám chín người lớn thoi thóp chờ chế t trong rừng. Họ là đám người chẳng biế t gì cả, chạy trố n chiế n tranh lại đi lẫn vào đội quân rút chạy để rồ i tán loạn, lạc trong rừng cao nguyên. Những tổ p người, Kinh có, Thượng có... nắ m cong queo bên một gố c sắ ng lẻ, đã toác cả môi vì đói và khát.

Tôi cứ đắ nh ninh là Lu sẽ theo tôi về tận Sài Gòn và sẽ ra thăm Hà Nội. Nhưng thực tế không có thể như mong ước. Cửa ngõ Sài Gòn có phòng tuyế n phía Tây. Địch ném bom ngạt bắ y tá n xoá sổ cả một đơn vị. Chúng tôi vẫn tiế n lên, đánh địch giắ ng co từ chiề u tới tận cả ngày sau. Lu luôn luôn bám sát bên tôi. Chúng tôi bị cản lại trước một khoảng trống giữa hai khu nhà. Đạn cày ngang hắ t dọc. Không khí khét lẹt, nung nóng bởi những đám lửa bắ t ngờ bùng lên. Vừa

tạm thời nằ m xuô ng trước một khoảng trớ ng thì từ đâu hiện ra đứa trẻ ba bốn tuổi khóc ré và chạy ra giữa làn đạn của hai bên. Chẳng bên nào dám bắ n cả. Nhưng không thể nằ m chờ chiế n tranh kế t thúc. Tôi bảo Lu tiế n lên, như ngày nào nó ở hậu cứ, trên rẫy, cầm bắ t cứ một vật gì khi tôi ra lệnh. Nó, người bạn trung thành và gan dạ vọt tiế n qua bức tường đố, rô i cắ t chéo đường ngắ n nhắ t tiế p cận ngay đứa trẻ. Đúng khi sắ p hoàn thành nhiệm vụ thì nó gục xuô ng. Nó bị ai đó bắ n hạ. Bình thường, khó bắ n trúng nó lắ m, bởi nó nhanh vô cùng, di chuyển lắ t léo hơn cả đạn. Nhưng lúc ấy, nó phải chậm chạp bò lùi, kéo đứa trẻ xuô ng rãnh sâu bên đường. Lu của tôi giật nảy người lên, rô i nằ m im... Thê là tiế ng súng hai bên lại rộ lên, bùng sáng những đám lửa da cam.

Tôi cùng tiểu đội quay lại nơi Lu nằ m tênh hênh bên cái lạch thoát nước bên đường. Để đứa trẻ có thể số ng, Lu đã chề t. Nó đã chề t. Viên đạn cày trên đường, xuyên vỡ nát bả vai và phá tung lò ng ngực nó. Máu ướ t thấm mặt đường nơi nó nằ m xuô ng. Bốn chân duỗi ra, buông xuôi. Đôi mắ t khép lại như ngủ. Chắ c chắ n, nó không hiểu vì sao con người lại giế t nó và ai đã bắ n nó. Tại sao lại bắ n nó? Đó là sự chủ định của một con người cụ thể hay là viên đạn định mệnh của chiế n tranh dành cho một số phận chó.

Người ta chôn cắ t các chiế n sĩ của đoàn tôi trên một khu đấ t cao. Cạnh đó chúng tôi đưa xác Lu tới và đắ p một ngôi mộ nhỏ. Không ai dám ngăn cản chúng tôi làm việc đó. Bởi đã một tháng nay, câu chuyện của Lu trở thành huyê n thoại trong biế t bao câu chuyện của trung đoàn. Giớ ng như các chiế n sĩ đặc công, những người đã ngã xuô ng đầ u tiên vào đêm đầu tiên mở màn cho chiế n công Ban Mê Thuật; giớ ng như tiểu đội bộ binh truy kích, chạy bộ mắ y chục cây, chặn đứng toán xe đầ u tiên của toàn bộ lực lượng địch *tùy nghi di tản*, giúp Quân đoàn chúng tôi tiêu diệt toàn bộ sinh lực chính của địch trên cao nguyên, tạo nên sự kinh hoàng, rã đám toàn bộ lực



lượng còn rất đông của quân lực Việt Nam Cộng hoà. Chúng tôi cắ m một tá m biển gỗ và trên đó, tự tay tôi dùng bút dạ chiế n lợi phẩm đề` : "Lu. Tiểu đội Ba. Đoàn Bảy Hai. Đã hy sinh ngày 16 tháng 4 năm 1975."

Vĩnh biệt, tôi bắ n một loạt tiểu liên lên trời. Khói súng bay lên từ đầ u nòng và tản ra rô i lũng lờ lên cao. Tự nhiên mắ t tôi nhòa lệ. Có thể vì nhòa lệ hay ảo giác, tôi thấ y hình Lu trong khói súng. Nó đang phi... đúng hơn là phi tít lên trời xanh, hòa vào những đám mây lang thang của bầ u trời thán g tư phía Nam đầ u mùa mưa.

Chúng tôi tiế n vào Sài Gòn không có Lu. Chiế n tranh chấ m dứt.

# Mấy lời cuối sách hay *Độc Nguyễn Văn Thọ*

Trần Đăng Khoa

## I

**B**ạn đang có trong tay tập truyện ngắn *Thất Huyền Cầm* của Nguyễn Văn Thọ. Đây là tập văn xuôi thứ tư, được viết trong giai đoạn sung sức nhất của anh, một ngòi bút đã đến độ chín. Có người bảo: Nguyễn Văn Thọ là một thứ trái cây chín muộn. Tôi không nghĩ thế. Bởi Nguyễn Văn Thọ không có ý định trở thành nhà văn. Ngay cả bây giờ, khi đã là một cây bút có tiếng, được bạn đọc yêu mến, Nguyễn Văn Thọ vẫn không coi văn chương là cái nghề chính của mình. Anh chỉ coi văn chương là một cách nhận biết thế giới.

Trước khi đến với văn chương, Nguyễn Văn Thọ là một người lính thực thụ. Anh nhập ngũ khi vừa tốt nghiệp học sinh phổ thông, tháng 7 năm 1965. Lúc đó, cuộc chiến tranh bằng không quân của Mỹ đã lan rộng ra khắp Miền Bắc. Cả nước thành chiến trường. Hôm tiễn con vào mặt trận, ông Nguyễn Văn Thiệu, một họa sĩ được đào tạo ở Trường Mỹ thuật Đông Dương, chỉ dặn con mấy lời ngắn gọn: “Bố rất tin con. Hãy sống và chiến đấu cho bằng anh bằng em. Con là con trai của bố. Nếu con hy sinh, bố thờ!” Chỉ thế cũng đủ biết là rất nghiêm trọng. Nguyễn Văn Thọ rất hiếu tính bố. Mái tóc bố đã ngả bạc. Bom đạn mù mịt. Chiến trường còn khốc liệt hơn nữa. Nguyễn Văn Thọ không nghĩ mình còn có dịp trở về, còn có dịp gặp lại bố. Hậu như những người lính dũng cảm

nhất đều đã nắm lại hết ở mặt trận. Mình không thể là một kẻ đốn hèn. Với người lính dũng cảm, không hy sinh trận này, tất sẽ hy sinh trong trận khác. Bao nhiêu trận đánh trong đời một người lính! Sự hy sinh là tất nhiên. Nguyễn Văn Thọ đã tự xác định cho mình như thế. Và anh đã làm trọn vẹn công việc của một người lính quả cảm. Mười một năm trong đời lính là mười một năm bám trụ các chiến trường khốc liệt. Trong đó có cả khoảng một thời gian chiến đấu trên chiến trường Lào. Anh đã đánh trên 500 trận<sup>(1)</sup>, tham gia nhiều binh chủng, chiến đấu ở nhiều vị trí, từ lính cao xạ, tới lính bộ binh, gửi thồ vận chuyển. Dường như anh đã trải qua hết mọi vui, buồn, đắng, ngọt của đời lính. Và thật kỳ lạ, không một viên đạn nào của kẻ thù găm được vào anh. Mới hay, chiến tranh khốc liệt cũng ẩn chứa trong nó bao chuyện tương tự như chỉ có trong cổ tích. Nguyễn Văn Thọ là một pho “cổ tích hiện đại”. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau trận đánh cuối cùng, trong lúc đồng đội ào lên đón chiến thắng, Nguyễn Văn Thọ lại thấy thảng thốt, bàng hoàng. Bởi anh bỗng nhận ra, ngay trong tích tắc, bao nhiêu kinh nghiệm của một người lính trận mạc, những cách đào hầm, tránh bom, rồi cách tiêu diệt địch... Nghĩa là những kinh nghiệm đặc địa, giúp cho một người lính có thể tồn tại đằng hoàng trong lửa đạn, bỗng chốc trở nên vô nghĩa, không còn dùng được nữa. Đất nước đã hoà bình rồi. Nguyễn Văn Thọ đã ra khỏi cuộc chiến tranh với hai bàn tay trắng.

## II

Nguyễn Văn Thọ không phải chỉ có hai bàn tay trắng. Anh còn một gia tài khá đê huê. Đó là vốn sống chiến tranh trong những năm anh làm lính trận. Nhưng rồi anh vẫn không viết. Bởi anh không có ý định làm nhà văn. Nhiều lần anh, cựu binh Nguyễn Văn Thọ, đọc những trang văn viết về người lính, thấy nhạt nhẽo quá!



*Thất Huyền Cẩm*, tập truyện mới gồm 12 truyện ngắn của Nguyễn Văn Thọ, vẫn giữ được cái mạch văn ấy. Với tập sách này, có cảm giác ngòi bút anh đã m hơn. Nói như một nhà phê bình: “Cũng là những câu chuyện hậu chiến của người lính, song ở đây, từ *Vô danh trận mạc* tới *Yêu sóng*, người ta nhận ra một Nguyễn Văn Thọ không chỉ từng trải, mà qua những chi tiết gạn lọc của đời sóng hôm qua và hôm nay, sự quan sát và chiêm nghiệm đã đến lúc chắt chiu, đọng lại, nhìn nhận cuộc sống một cách sâu lắng và trầm tĩnh.” Bên cạnh những truyện đề cập đến mảng chiến tranh, vốn đã thành sở trường quen thuộc của anh, Nguyễn Văn Thọ cũng bước đầu thử bút ở mảng truyện dã sử. Vịn vào “*cánh xưa*“, mảng dã sử của anh buộc người đọc phải đặt nhiều câu hỏi và suy ngẫm. Một cố gắng cũng rất đáng ghi nhận của Nguyễn Văn Thọ trong tập sách này là chùm truyện viết về đời thường. Người đọc thật khó quên cô bé Toàn Ly với với tâm hồn trong vắt của bé ở *Gửi ông Đại tá chờ thư*, hay số phận của những con người lam lũ sóng trong *Phố cũ*. Nguyễn Văn Thọ tỏ ra khá am tường đời sống của người dân phố cổ. *Phố cũ* không dừng lại ở những thân phận con người mà cuộc sống còn lam lũ trong ba sáu phố phường nổi tiếng. Thông qua những chi tiết chọn lọc, ấn tượng, để khi xâu chuỗi lại, tác giả hình như muốn đặt một câu hỏi khá nhức nhối về vấn đề bảo tồn văn hóa trong lòng phố cổ, mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, bản chất của *Phố* với *Người*... Chỉ tiếc, phần hai nhạt hơn. Nhờ tài văn, Nguyễn Văn Thọ vẫn níu kéo được người đọc vào với trang viết của mình, mặc dù truyện đã hết ở phần một. Khúc “vĩ thanh” này chỉ là sự vun vén, dọn dẹp của người đầu bếp khéo tay sau bữa tiệc đã tàn. Nhưng “vun vén” được như thế cũng đã là khéo đấy.

Có thể nói, Nguyễn Văn Thọ là một người đi nhiều. Các cụ bảo: *Đi một ngày đàng học một sàng khôn*. Nguyễn Văn Thọ không phải chỉ *đi một ngày đàng*, mà anh đã qua hơn nửa vòng trái đất, đã sống nhiều năm ở nước ngoài. Ta hiểu vì sao trong sáng tác của Nguyễn

Văn Thọ thường có hai mảng đề tài: mảng viết về trong nước và mảng viết về nước ngoài. Dù viết về đất nước, hay viết về nước ngoài thì Nguyễn Văn Thọ vẫn viết với tâm thế của một người trong cuộc, chứ không phải *người cười ngạ ngả m hoa*. Chính sự đi *nhieu* đã cho Nguyễn Văn Thọ cái lợi thế ấy. Anh nhìn người, nhìn cảnh nước ngoài bằng con mắt của người phương Đông. Rồi lại nhìn người, nhìn cảnh nước mình bằng con mắt của một người Việt sống lâu ở nước ngoài. Chính vì thế, anh phát hiện được nhiều vẻ đẹp, nhiều tinh chất mà người nếu chỉ sống ở nước sở tại sẽ không thể thấy được. Đây chính là sức mạnh đã tạo cho anh có được những trang viết sinh động, dù viết về bất cứ con người nào, hay đề tài nào, ở cả các thể loại truyện ngắn và tùy bút, ký sự.

Văn xuôi trong đời sống hôm nay, theo tôi, vẫn là một mảnh đất còn nhiều thách thức với các nhà văn đương đại. Trong tập truyện ngắn mới này, Nguyễn Văn Thọ vẫn chủ trương lối viết dung dị nhưng đa giọng. Đó là một đặc điểm *văn xuôi Nguyễn Văn Thọ* để có thể nhận ra anh. *Thất Huyền Cẩm* là một nỗ lực trên con đường anh khai phá và thử thách chính mình.

Mừng cho anh.

*Hà Nội, những ngày bận rộn 7-5-2006*

T. Đ.K